N° 157 Décembre 1930

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

GIẢI NGHĨA THẾ-GIỚI ĐỜI NAY (1)

Tôi mới đọc một quyển sách có thú-vị như bộ tiểu-thuyết. Ai đã từng biết những sách bìa đỏ trong bộ tùng-thư của bác-sĩ GUSTAVE LE BON đề là «Khoa-học Triết-lý Tùng-thư», nghe nói thế, có lẽ không tin. Vì các sách đó thường là những sách nghiêm-khắc, bàn về những vấn-đề rất khó-khăn về khoa-học cùng triết-học. Quyển tôi mới đọc đây cũng có cái vẻ cao-thượng đứng-đắn như các quyển trước, nhưng lại có một cái giọng-điệu khác thường, một cái lý-thú đặc-biệt vậy.

Không phải là một bộ sách thuyết-lý; không phải là một bài luận cao-kỳ; cũng không phải là một thiên tổng-thuật những cái kết-quả cuối-cùng cùng những sự phát-minh tối-tân của một khoa-học nào. Chỉ là lời tự-thuật của một bậc trí-thức đã từng-trải cả các tư-tưởng, các học-thuyết mà muốn tự minh giải-thuyết về thế-giới vậy. Tác-giả là một người có học-thức, có nhiệt-thành, vừa vụ thực-sự mà lại vừa ham lý-tưởng, muốn thử tự minh giải-quyết các vấn-đề phiền-phức về nhân-sinh cùng tư-tưởng đời nay.

Chính tên sách đề là «Giải nghĩa thế-giới đời nay», mà theo lời nhà làm tựa là ông FERDINAND BRUNOT, danh-dự học-trưởng ban Văn-học trường Đại-học *Paris*, thì tác-giả chính là một nhà chủ công-nghệ lớn, «còn có cái óc mạnh biết siêu-việt ra ngoài chữ-nghĩa những văn-tự hợp-đồng mướn người cùng quảng-cáo, và tuy cũng cần phải biết tính-toán nguyên-giá các đồ-vật cùng công-việc, nhưng không cho việc đó là đủ chiếm cả tâm-hồn tài-trí vậy.»

Muốn giải-thích cho hiểu nghĩa đời nay, còn việc gì hứng-thú bằng nữa!

Tác-giả nói rằng chủ-ý chính là muốn tự gây-dựng lấy «một cái thống-hệ về thế-giới và một cái kỷ-cương cho đời người». Vẫn biết rằng mưu một việc lớn-lao như thế cũng là tự-phụ và cũng là quá-đáng thật. Nhưng lại nói rằng:

«Tôi quả không có cái chí muốn đặt phép-tắc cho vũ-trụ đâu, tôi nói thế tưởng ai cũng có thể tin được. Cái chí của tôi là chỉ muốn tự mình «giải nghĩa» cho mình, giải nghĩa đây tức là bày ra các lẽ, gỡ ra các mối, cho được tỏ-tường.»

Vậy thì như trên kia đã nói, sách này chính là lời tự thuật của một bậc trí-thức đời nay, muốn tự mình giải nghĩa cho mình rõ cái thế giới mình sinh-trưởng là thế nào, cùng tự mình gây dựng lấy cho mình «một cuộc đời có điều-hòa, có nghĩa-lý, có tôn-chỉ, có đạo-đức.»

(1) Phê-bình sách *Interprétation du monde moderne*, của MAURICE SIMART, hiệu FLAMMARION xuất-bản năm 1930. — Xem bài Pháp-văn ở phần «Phụ-trương» dưới.

Cổ-ngữ có câu: Đã làm người thì phàm cái gì quan-hệ đến người ta, không thể điềm-nhiên không thiết đến. Ý tác-giả cũng theo lời cổ-ngữ, nên vấn-đề gì cũng thiết-tha nghiên-cứu, dù là chính-trị hay thuần-lý, đạo-đức hay tôn-giáo, thuộc về thân-phận người ta hay thuộc về nhân-loại tiến-hóa, nói về tương-lai của nghề chớp-bóng hay nói về chủ-nghĩa « học-đường duy-nhất », nói về phép sửa-sang các thành-thị hay nói về sự lợi-hại của máy-móc, nói về chủ-nghĩa nữ-quyền hay nói về học-thuyết của Freud. (1)

Đối với các vấn-đề đó, tác-giả đều bày tỏ những ý-kiến đại-đề có nghĩa hay, có lẽ phải cả, có trí thông-hiểu, có lượng khoan-dung, mà lời văn thì linh-lợi hoạt-bát, lại có một cái giọng hoạt-kê riêng.

Đọc quyển sách này có cái cảm-giác phấn-khởi trong lòng, tin ở sự khôn-ngoan của người đời và tin ở cái vận-mệnh của nhân-loại. Sách đọc vừa ích cho thần-trí, vừa bổ cho tâm-hồn, vì là sách hay, sách « lành », sách thiết-thực, chan-chứa một tấm lòng tín-ngưỡng quảng-đại, thật là một bộ sách chỉ-nam có giá-trị để hướng-đạo cho chúng ta biết đường-lối mà lý-hội các trạng-thái phiền-phức trong cuộc sinh-hoạt đời nay.

Thế-giới ngày nay thật là cái hiện-tượng vĩ-đại thay! Như người nước Nam ta bấy lâu nay sinh-trưởng ở trong một cái xã-hội giản-đơn, tổ-chức theo cái chế-độ gia-trưởng, phàm các thể-cách sinh-hoạt của cá-nhân cùng đoàn-thể đều đặt thành lễ-nghi phép-tắc cả, do một cái luân-lý rất tế-mật chủ-trương hết thảy, không có để một sự gì là sự tình-cờ không dự cả, đối với một dân-tộc bấy lâu đã sống theo cách đó, mà trông thấy cái cảnh sinh-hoạt đời nay ồn-ào rộn-rịp, vạn-trạng thiên-hình, thật cũng lấy làm hãi-hùng thay. Cuộc sinh-hoạt đó nó bức-bách ta khắp cả mọi bề, nó thúc-giục ta một cách cần-cấp, không còn để cho có thì-giờ mà xem xét cho kỹ, thấu hiểu cho tường. Mà cuộc đời ấy, muốn sống cho hoàn-toàn, thì lại cần phải lý-hội cho đúng mới được.

Những sách như sách này, vừa thành-thực, vừa sáng-suốt, thật là có thể giúp cho ta được nhiều để « lý-hội cái thế-giới đời nay ».

Nay thử xét một vài cái ý-kiến của tác-giả thuộc về mấy cái vấn-đề có thể khiến cho ta đặc-biệt chú-ý.

Tỉ như vấn-đề về các giống người trên thế-giới, tác-giả phán-đoán ra thế nào? Loài người có phải là duy-nhất không, hay là có nhiều giống khác nhau, giống hơn giống kém, mà giống nọ giống kia tuyệt không thể thấu-hiểu nhau được chăng?

Tác-giả nói rằng:

« Da đen, da vàng, da trắng, người ta dù có chỗ khác nhau mà quyết là cùng một loại cả, cho nên đối với người bản-dân các xứ phương xa hay các nơi thuộc-địa, không có lẽ gì ta không đãi người ta theo nghĩa bình-đẳng vậy.

« Về khoản này thì người Âu-châu, và thứ nhất là người Pháp có cái tư-tưởng rất chánh-đáng. Chúng ta vẫn biết rằng cứ lấy chủng-tộc mà xét thì có nhiều giống người cách xa nhau lắm, đem giống nọ pha với giống kia không hay gì. Chúng ta lại cũng không

(1) Freud là một nhà tâm-lý-học nước Áo, xướng lên cái thuyết rằng then-chốt trong tâm-lý người ta là ở cái dục-tình nam-nữ cả.

ngu gì mà cho một tên cu-ly nghiện so vai hay một tên hắc-nô ăn-ở chui-rúc trong cái lều cái túp kia, cũng là ngang bằng trình-độ với ta, vì nhiệt-thành về chủ-nghĩa bình-đẳng đâu. Nhưng ta công-nhận cho con người còn kém hèn đó cũng có quyền ngang với ta được sinh-hoạt ở đời và được pháp-luật bảo-hộ. Hễ người ấy tỏ ra đã có khai-hóa, có tri-thức, thì ta cũng hoan-nghênh vào xã-hội ta một cách tự-nhiên, không lấy làm lạ-lùng sửng-sốt chi. Người dị-sắc mà thật có giá-trị, học-tập được cái văn-hóa của ta, thì ta vẫn xin nhường cho cái địa-vị xứng-đáng mà không phàn-nàn gì...

« Ấy người Âu-châu có cái trí khôn-ngoan, có cái lượng rộng-rãi như thế, thử sánh với cách người nước Mĩ kia tự-cao tự-đại mà bạc-đãi người sắc khác, cho người ta hễ phải cái tóc quăn, cái môi dầy, thì không tài học-tri-thức gì là làm cho ngang bằng với mình được, sánh hai cái thái-độ khác nhau như thế thì biết ngay một bên có văn-minh cao-thượng, có cốt-cách tinh-thần, mà một bên thì chỉ là một đám trọc-phú nhiều tiền, một lũ lao-động chuyên-môn mà thôi. »

Tác-giả cũng không ngộ nhận về tâm-lý loài người mà biết rằng giống người vốn lắm tật xấu, nhất là cái căn-tính ích-kỷ khốc-liệt làm cho người ta đối với người ta thường như loài thú dữ. Nhưng tác-giả tin rằng loài người có tiến-bộ, mỗi ngày một hơn lên, và thuộc về sự chiến-tranh là cái tai-hại của các dân-tộc thì có thể đem những nghĩa hòa-bình bác-ái dạy cho người ta mà khiến cho cái nạn chiến-tranh có ngày tiệt được.

Muốn cho được như thế, thì các dân-tộc không nên cứ khu-khu giữ một cái chủ-nghĩa quốc-gia hẹp-hòi mà ác-cảm với người ngoài, phải biết đối với các dân-tộc khác cho công-bằng, phải biết am-hiểu và phải có cảm-tình với người ta. Các dân-tộc Âu-châu là những dân-tộc đã tiến-hóa hơn người phải làm gương cho người theo, và bắt đầu trước thì phàm những người hữu-tâm phải nên gia-công cổ-động cho các nước Âu châu liên-hiệp với nhau, thành một cuộc « Âu-châu hợp-chúng-quốc », rồi sau này mới có ngày cả các nước trong thế-giới liên-hiệp nhau thành một cuộc hợp-chúng quốc lớn trong thiên-hạ vậy. Muốn cho cái chủ-nghĩa đó thực-hiện, thì phải bỏ hẳn cả cái bụng tây-riêng nước này nước nọ, lấy cảm-tình mà đối-đãi với các nước khác, trong cảm-tình ấy có lòng khoan-dung với nhau, lượng xét cho nhau và am-hiểu lẫn nhau vậy.

Tác-giả nói :

« Ta phải đem một cái cảm-tình rộng-rãi mà hòa-hợp cả các dân các nước : như nước Anh thì có tài kỹ-nghệ, làm tị-tổ cho dân-quyền trong thế-giới và hiện có một nền văn-học phong-phú nhất về cận-đại ; nước Mĩ thì con dân tráng-kiện, có tính chất-thực và ham mến thể-thao, một lòng nhiệt-thành đem hàng trăm ngàn triệu quyên-cấp cho các viện tàng-thư cùng các sở thí-nghiệm ; nước Đức vẫn có cái sức mạnh chăm-chỉ cần-cù, thật có thể liệt vào hàng hai ba dân-tộc lớn đã tạo ra khoa-học đời nay, và nếu chịu ruồng bỏ một cái mảnh đời trước ó-nế đi thì vẫn được xứng-đáng cái địa-vị là một dân-tộc lớn trong thế-giới ; nước Ý thì là một đất trang-nghiêm giàu những người hăng-hái, về thế-kỷ thứ 16 đã cảnh-tỉnh cho thế-giới phục-sinh, và tự đó đã gây nên được một quốc-gia cường-thịnh ở trên đống tro tàn đời trước ; nước Tây-ban-nha là một dân-tộc có dạ anh-hùng, biết sinh-hoạt một cách thanh-cao ; nước Nga là một nước lớn-lao mà dân còn ấu-trĩ, không nên nhẫn-tâm mà để cho

sinh-hoạt một mình, thật là tai-hại; nước Tỉ-lợi-thì, là nơi phàm người Âu-châu đều có thể coi là đất nước của mình; nước Thụy-sĩ là một nơi tự mấy thế-kỷ đến giờ vẫn chứng cho ta biết rằng người ta có thể sinh-hoạt tự-do và ăn-ở trong-sạch được...»

Trong các nước Âu-châu, nước Pháp lại là một nước vốn vẫn có cái tư-cách dễ am-hiểu, dễ cảm-tình với người, có thể đương cái chức-vụ làm hướng-đạo, làm cố-vấn trong cuộc liên-bang Âu-châu sau này.

Tác-giả nói:

« Người Pháp vẫn có nhiều tính xấu, nhưng được cái tính tốt như sau, là biết am-hiểu, biết khoan-dung, cho nên trong các nước đi khai thuộc-địa, duy nước Pháp là không bị người bản-dân oán ghét, lại cũng vì thế nên rất có tư cách chủ-trương một cuộc hội-nghị quốc-tế.

« Ở nước Pháp ta, đủ các giống người: nào người *Flamands* trầm-trọng, người *Bretons* mơ-màng, người *Lorrains* gan-góc, với đủ các hạng người Nam-phương lanh-lợi sắc sảo. Trong một nước cây « trảo » (1) có mà cây cam cũng có, cây thông có mà cây gồi cũng có, thì những người chủ-trương trong nước đó bá lại không có tư-cách tham-dự các hội-nghị liên-bang dư?...

« Vả lại nước Pháp nay đã mãn-nguyện rồi. Kẻ ghen-ghét thì nói là ăn đã quá no rồi. Trong một hội-nghị, chắc không bao giờ bởi nước Pháp mà sinh truyện lôi-thôi. Tưởng không nước nào có cái tư-cách bình-tĩnh bằng nước Pháp. »

Trong sách còn nhiều những tư-tưởng rộng rãi, ý kiến khác thường mà có vẻ đĩnh-ngộ, bình-luận hợp lẽ và đích-đáng, quan-sát có thú vị, mà lời văn có lắm câu kỳ, coi cũng đặc-sắc lắm. Nay không thể nào tóm-tắt hoặc trích-lục ra cả được.

Nên chú-ý mấy đoạn, như đoạn bình-phẩm về học-thuyết của FREUD đúng lắm, tác-giả cho cái tôn-chỉ của học-thuyết ấy, lấy sự nam-nữ làm phần trọng-yếu trong đời tâm-lý thì là phải, nhưng đem khuếch-trương mà lạm-dụng ra quá thì không phải; đoạn bàn-giải về vấn-đề học-đường duy-nhất, tác-giả cho cái tên đó là không đúng, bàn nên đổi là « giáo-dục miễn-phí », nghĩa là thiếu-niên trong nước được học không mất tiền, thuộc về vấn-đề đó, có nói một câu rất ý-vị rằng: « Cái bể xã-hội phải vét làm sao cho khắp, cho khỏi bỏ hoài mất một hạt trân-châu nào »; lại còn nhiều đoạn nữa có lắm lời phán-đoán thâm-trầm về tôn-giáo, về đạo-đức, về mĩ-thuật, về chủ-nghĩa thực-nghiệm, về cái thuyết sai-lầm cho kẻ phạm-tội là kẻ có bệnh, không có trách-nhiệm về tội-lỗi mình, vân-vân.

Về tình bè-bạn thời tác-giả nói:

« Tình bè-bạn cho được xứng-đáng cái tên đó, tình bè-bạn mà nhà thi-sĩ khả-ái của ta là ông LA FONTAINE đã cho rằng ở đời này không có mà phải tìm ở những xứ *Monomotapa* nào đó, tình bè-bạn đã kén chọn mà chung-đúc vào một người nào thời cũng hoàn-toàn tuyệt-đối như ái-tình vậy, ngoài người yêu thời không còn biết đến ai nữa. Nói phải nên công-bằng dư? Sự công-bằng là thuộc về phần xã-hội phải thi-hành. Người tôi yêu-mến mà người ta đương chịu khổ, nếu tôi xử với họ cũng chỉ biết lấy công-bằng mà thôi, thì sao tôi đáng là tên người bạn, vì lẽ công-bằng đó người ta có quyền đòi ở kẻ qua đường kia cũng được! »

Nói về tình-dục, tác-giả cho chẳng qua là bởi « cái luồng điện trong

(1) *Houblon*, làm rượu « bia »

thân-thể nó vụt tăng lên quá-độ, làm cho cái máy động-cơ trong người chạy cấp-tốc quá đến nguy-hiểm », còn ái-tình mới thật là « một cái tình-cảm đặc-biệt của loài người, do nhiều chất hỗn-hợp lại mà thành ra, nào là sự phán-đoán của trí tuệ, nào là sự quyết-định của xã-hội, nào là sự cám-dỗ về nhục-thể, nào là sự ham-muốn về sắc-dục ». Tác-giả tóm lại phê-phán mấy câu rất thú-vị như sau này :

« Cái tình-dục trọi, chẳng qua là một cái trạng-thái thuộc về sinh-lý, như cái trạng-thái sung-huyết vậy, rồi sẽ cũng có ngày tiêm một phát thuốc vào trong da là trị khỏi. Cơn động dực, nếu cũng có thể trị được như cơn nhức đầu, cơn sốt rét, thời khỏi cho nhân-loại được lắm nỗi khổ-thống.

« Đừng nói rằng làm như thế thì người ta mất một cái lạc-thú lớn ở đời. Nói thế là lẫn sự giao-cấu với sự ái-tình. Vẫn biết rằng không ai chịu làm quan thị để cho được sướng. Song người nào biết giữ sức mạnh để phụng-sự cho ái-tình, lâm-thời gặp tình-dục nó dao-động thời lấy thuốc mà trị đi, cho khỏi cái đê-tiện gặp đứa dàn bà nhơ bẩn đến đâu cũng bạ-men được, — người nào làm được như thế, thời người ấy giết được con vật ở trong mình mà không giảm giá làm người vậy. »

Lại đoạn bình-luận sau này về cái giá-trị cao-qui của văn-chương, tưởng ai là người đã được cái danh-dự biết cầm ngòi bút cũng không thể không tán-thành :

« Các nhà chuyên-nghiệp văn-chương, nếu dụng-tâm thời có thể giúp cho chóng đến ngày đường bờ-cõi phân các nước sẽ không phải là cái vực sâu rẽ lòng người nữa. Không nên bỏ qua một dịp nào, dù là viết một bài báo nhỏ, hay soạn một bộ sách triết-lý, mà không nhắc cho người đời biết rằng tâm-lý loài người cũng là đại-đồng tiểu-dị cả, có thể mong có ngày cả nhân-loại đều tương-thân tương-ái nhau vậy!

«... Cái thế-lực của lắm nhà văn đối với người đồng-thời thật cũng lớn-lao lắm vậy. Như một bộ tiểu-thuyết thịnh hành có mấy mươi vạn người mua, một tờ báo hằng ngày có bao nhiêu triệu người đọc, trong số đó biết bao nhiêu kẻ tư-tưởng phán-vân mà đọc một đoạn văn hay độ năm chục giòng giấy, có thể chuyển-di được ý kiến ?

« Nhà văn được người đọc chú-ý như thế, phải nên cẩn-thận biết đường nào ! Cái quyền lợi-hại của mình thật cũng lớn-lao thay ! Truyện ngụ-ngôn Esope nói cái lưỡi có hai đầu, nói phải cũng được, mà nói trái cũng được. Ôi ! giòng chữ in nhỏ kia, cái thế-lực của ngươi, lại còn mạnh gấp trăm lần cái lưỡi trong truyện ngụ-ngôn vậy ! »

Nói tóm lại thời sách « Giải nghĩa thế-giới đời nay », mà ta vừa trích-lục nhiều đoạn trên kia, thật là một bộ sách thành-thực thâm-trầm, có bổ-ích cho tâm-trí, có hưng-khởi cho tinh-thần, khiến cho người ta phải suy-xét nghĩ-ngợi, tôi dám khuyên các đồng-bào ta người nào không chịu nuôi óc bằng những thứ văn-chương bã-giả bất-lương nọ, thời nên đọc những sách như sách này.

THƯỢNG-CHI

NGHĨA QUỐC-GIA VÀ LÒNG ÁI-QUỐC

Đứng về phương-diện khách-quan thì tổ-quốc của người An-Nam chỉ là một giải đất từ Nam chí Bắc, có biển rộng chạy dài, có núi cao điểm-suyết, có sông lớn chảy ngang, có sông con đi dọc mà thôi. Nhưng đứng vào địa-vị chủ-quan thì trên cái giải đất đó mỗi người An-Nam đều có gửi-gắm một cái linh-hồn đặc-biệt của mình, nhờ cái linh-hồn đó sáp-nhập vào núi sông mà núi sông mới có nhiều ý-nghĩa.

Tổ-quốc đối với ta khi còn nhỏ trước hết chỉ trong phạm-vi một cái nhà, mà đồng-bào lúc ấy ta chỉ mới biết có cha mẹ, anh em và những thân-gia quyến-thuộc của ta mà thôi.

Ta yêu cái nhà đó thuần chỉ bằng tình-cảm, hễ ai đem đi xa thì ta nhớ mà hễ đem về gần thì ta vui, nhưng tịnh không biết vì đâu mà vui mà nhớ cả. Sau tới khi đã biết chạy nhảy chơi đùa, biết nô rỡn cùng trẻ đồng-hương, biết kết bạn với anh em lối xóm, thì cái bụi tre đầu làng, cái cây đa trước ngõ, đối với ta cũng đã là quen biết, và cũng đã chịu cái cảm-tình của ta. Rồi theo thời-gian mà lớn khôn, nhờ ăn học mà tư-tưởng, thì cái nhỡn-giới của ta cũng càng ngày càng rộng mở, vượt qua được cái bậu cửa trước nhà, cái bờ-cõi làng xóm, mà quan-niệm tới non sông đất nước và âu-yếm tới đồng-bào nòi-giống vậy. Ta lại nhờ có bài học của lịch-sử mà biết tới cái quá-khứ của tổ-quốc ta, cũng nước-non này, cũng phong-cảnh ấy mà ông cha ta đã từng có sinh-hoạt, có tư-tưởng, có khi thái-bình vô-sự mà vịnh nguyệt ngâm phong, có khi xã-tắc nguy-vong mà máu đào dội đất...

Bởi thế cho nên cái tình ta đối với tổ-quốc có thể gồm được hết cả mọi mối thâm-tình khác của ta. Yêu cha mẹ, mến anh em, thương bè-bạn, xót vợ con, v. v., nhất-thiết đều là những bài học dạy cho tâm-hồn ta biết yêu mến thương xót cái giang-sơn tổ-quốc của ta vậy. Nhà sử-học J. Michelet có nói : « Những mối tình của ta đối với cá-nhân chỉ là những bậc thang đầu cho linh-hồn bước qua, mà chèo cao lên mãi để được tự biết mình, tự yêu mình trong một cái linh-hồn thanh-lương cao-khiết vô-lợi vô-tư mà người ta vẫn gọi là tổ-quốc. » (*Nos amitiés individuelles sont comme les premiers degrés où l'âme passe et peu à peu monte pour se connaître et s'aimer dans cette âme meilleure, plus désintéressée, plus haute, qu'on appelle la patrie.*)

Đến khi ta đã biết tới cái ái-tình cao-thượng đó, nghĩa là biết yêu mến giang-sơn đất nước rồi, thì tự ta sẽ thấy phải yêu mến đồng-bào nòi-giống một cách rất thiết-tha đằm-thắm, tự để mình lên trên những mối nhân-dục tư-lợi, mà kẻ sang người hèn, kẻ giàu, người nghèo, bậc vĩ-nhân chí-sĩ, kẻ lao-động cùng-dân, đều vui lòng tay bắt mặt mừng, tự-nhận mình là quốc-dân mà cùng nhau phụng thờ tổ-quốc.

Bởi cái tình ái-quốc có một cái ý-nghĩa về tinh-thần cao-xa như thế, cho nên một nhà triết-học nước Pháp gần đây là ông Ernest Renan đã từng giải nghĩa rằng :

« Tổ-quốc là gì? Là một cái linh-hồn tối-trọng tối-cao, là một cái nguyên-lý về tinh-thần thâm-trầm siêu-việt. Tổ-

quốc không thuộc thể hữu-hình mà là thuộc thể vô-hình, vì chỉ do hai mối thâm-tình dung-hòa với nhau mà dựng nên hồn nước : trước là tình đối với ông cha tiên-tổ, sau là tình đối với đồng-loại đồng-thời, mà suy-tiếp ngay tới hai cái nghĩa-vụ : một là phải bảo-tồn lấy cái tổ-nghiệp về tinh-thần của tiên-nhân, tức là quốc-hoa, quốc túy, quốc-thể, quốc-hồn..., sau là đối với đồng-bào phải có cảm-tình mật-thiết, mà lúc nào cũng sốt-sắng thực-tiễn lấy cái nghĩa tương-thân, tương-ái, tương-trợ, tương-tư, rút lại chỉ là để bảo-tồn lấy cái thanh-giá cho những người đã khuất, bảo-hộ lấy cái danh-dự cho quốc-thể hiện-thời, mưu-toan lấy cái hạnh-phúc cho mọi người hậu-tiến.

« Một cái ký-vãng vẻ-vang của những vĩ-nhân về trước, của những hào-kiệt xưa nay, ấy là cái căn-bản để đặt cái « ý-niệm quốc-gia » vào đó. Tiếp ngay với những sự vẻ-vang quá-khứ, lại phải có cái ý-chí công-cộng hiện-tại, đã gây nên được những sự-nghiệp trọng-đại, lại phải cố theo mãi mà làm, ấy là những cái thể-cách thiết-yếu của một dân-tộc. »

Ông Renan là một nhà sử - học, cho nên ông có một cái quan-cảm rất mật-thiết đối với lịch-sử trọng nghĩa quốc - gia. Ông lại là một nhà lý-tưởng, cho nên ông cho tổ-quốc không thuộc thể hữu-tình mà thuộc thể vô-hình. Mà nghĩ cũng phải. Kia cảnh-sắc của núi sông bờ-cõi, nọ cơ-nghiệp của tiên-tổ ông cha, mà đối với ta nay cũng chỉ như đối với khách qua đường, thì cái quốc-hồn vì đâu mà phát-sinh nẩy-nở ra được? Bởi thế nên ta phải nhân cái tình-cảm của trời phú mà luyện lấy cái ái-tình với nước non, rồi năng đọc lịch-sử nước nhà mà hiểu-thấu lấy cái tinh-thần tổ-quốc. Trong cái giáo-dục này phải giữ tâm cho chính, ý cho thành, yêu là yêu thực, xót là xót thực, rồi ta mới thấy nẩy-nở ra những cái thanh-tình mỹ-cảm, đối với mình đủ gây lấy nhân-cách cho mình, đối với đồng-bào biết tương-thân tương-ái, đối với xã-hội biết tận-tụy hi-sinh, đối với quốc-gia biết làm người công-dân xứng-đáng, đối với nhân-loại biết làm kẻ công-bộc trung-thành.

Ta sẽ thấy ta không phải là của sở-hữu riêng của ta, mà trong tư-tưởng, trong cảm-tình lúc nào ta cũng nhận thấy có một cái địa-vị cao-trọng hơn cái địa-vị thực có của ta. Rồi nhân ở cái địa-vị cao-trọng đó mà ta phải xuất-công tận-lực, cố tự-tác lấy mình nên một người thợ giỏi, thợ hay; hoặc về tinh-thần, hoặc về hình-thức để ta tô-điểm cho non sông mà làm vẻ-vang cho nhân-loại.

Nước ta có cái bản-sắc của nước ta, ta nên giữ, nước ta cũng có những cái hủ-tục dã-man ta nên bỏ, nước ta còn chậm chân trên đường tiến-hóa, ta phải cố theo kịp bằng người, nước ta còn trong buổi bán-khai, ta phải có phương-châm hướng-đạo. Kẻ tu-mi nam-tử, khách liễu-yếu đào tơ, bậc chí-sĩ văn-nhân, kẻ cùng-dân lao-động, ai đã biết có nước là đều phải biết nghĩa-vụ làm dân, mà mỗi người tùy cái tư-cách sở-trường sẽ đảm-đương một chức-vụ.

Nước nhà, nền văn-học còn đương buổi phôi-thai, nghề nông-phố chưa chịu đổi mới, đường kỹ-nghệ còn khuyết-điểm nhiều bề, trên thương-trường còn thiếu tay kiện-tướng, sao nên vội tiêm-nhiễm những chủ-nghĩa cộng-sản quá-khích mà làm trở-lực cho bước đường tiến-hóa của tương-lai? Hỡi ơi! Máu kia chảy há máu người dưng? Thân nọ chết há thân trâu ngựa? Mà sao đồng-bào ta chưa sớm tỉnh-

ngộ, cứ nhắm mắt làm càn, để cho ai luống vì ai đoạn-trường nhiều nỗi ?

Nhà-nước Đại-Pháp sang khai-hóa cho nước ta, đã tự-nguyện đem những tư-tưởng bác-ái nhân-đạo giác-ngộ cho quốc-dân Việt-Nam, mà nay bất-đắc-dĩ phải dùng gươm dài, súng ngắn, tạc-đạn, máy bay mà đối - phó với người Việt-Nam, âu cũng là một điều khổ-tâm vậy.

Dân quê ta bị hà hiếp, bị đói kém, bị khổ-sở lầm-than ư ? Ấy là bởi tại ta không biết tương-thân tương-ái cưu-mang đùm-bọc lấy nhau những khi đói kém mất mùa.

Lại cũng bởi ta không biết nghĩa đoàn-thể đồng-bào, chỉ lo kẻ mạnh ăn hiếp người yếu, kẻ giàu khinh-bỉ người nghèo, gây nên một cái không-khí bất-hòa để cho những kẻ tuyên-truyền lợi-dụng. Sau nữa lại bởi cái quốc-gia-giáo-dục của ta còn chưa được phổ-thông đủ cho quốc-dân có óc xét-đoán mà phân-biệt được những công-việc mình làm.

Rút lại chẳng qua là bởi quốc-dân chưa có lòng ái-quốc mới gây ra cái tình-thế ngày nay, chứ nếu thiệt lòng yêu nước thì sao lại không biết thương mến gia-đình, không biết tương-thân tương-ái, không biết đường lối mình đi đến đâu là mục-đích, không biết công-việc mình làm sẽ kết-quả ra sao ?

Đem cái tình-tình đó ra mà nói là vận-động ái-quốc thì thực là một câu nói vô-lý vậy.

Than ôi ! Chết mà vô ích, sống còn hơn. Huống thân ta sống mà cha mẹ vợ con ta được nhờ, đời ta còn mà quốc-gia xã-hội phải nhờ cậy, thì cái sống đó nào phải là hư-sinh ?

Trong cái xã-hội này không có người dân nào là dân bỏ, mà càng trong cái tình-thế nước ta ngày nay thì cái nghĩa-vụ của quốc-dân lại càng nặng-nề tôn-trọng lắm nữa.

Lòng yêu nước chân-chính càng cần bao nhiêu thì những sự phiến-động gần đây lại càng mong cho tuyệt rễ.

Nếu biết yêu nước theo cái nghĩa chính-đáng đó thì nước Pháp không những không cấm ta mà lại còn mong khuyến-khích cho ta để có thể trợ-lực cùng ta mà khai-thác cho xứ này.

Duy phải nhắc lại : Trong tình ái-quốc, cần nhất có chữ « thành » và trong sự giúp nước phải nên biết đường lối.

Quốc-dân ta nghĩ sao ?

Hồn tổ-quốc nếu có còn phảng-phất với núi sông tưởng cũng nên đi về cùng anh em chúng ta mà cảnh-tỉnh !

THIẾU-SƠN
(Gia-định)

ĐỜI ĐẠO-LÝ (1)

VIII

TU-LUYỆN VỀ THÂN-THỂ

Phải ăn ở cho thanh-khiết và hợp với sinh lý. — Phải tập thể-thao. — Lại phải chăm-chút cho thân-thể được mạnh-khỏe. — Một điều cốt-yếu trong tư-tưởng của PYTHAGORE là chăm-chút cho con người ta phát-siển được hoàn-toàn. Ông rất là am-hiểu cái cơ-thể của người ta có ba phần : một là thần-trí, hai là sinh lực, ba là thể-chất ; nên ông biết rằng muốn cho cá-nhân được thực-lực tinh-tiến, thì cả ba phần trong nhân-cách đó đều phải đồng thời phát-đạt.

Xem tự trên kia thì biết rằng muốn cho thần-trí được kiện-toàn, phải biết tuân theo các luật-phép về tinh-thần chi-phối cho sự tăng-tiến của tư-tưởng, cho sự đào-tạo ra trí-tuệ, cho sự huấn luyện về ý-chí.

Muốn cho thân-thể được kiện-toàn thì khí-huyết phải trong - sạch và điều-hòa, ăn-uống phải sạch-sẽ và tiết-độ, vận-động phải đều-đặn và thích-nghi, vệ-sinh phải cho hợp với lẽ thiên-nhiên vậy.

Cái sức mạnh sinh-hoạt của cơ-thể là ở sự hấp-thụ lấy những cái sinh lực tinh-túy ở trong các chất ăn uống mà ra, cũng là ở ngoại-cảnh đem vào, do cách sinh-hoạt ở nơi không-khoáng, khiến cho thân - thể được hoàn-toàn hưởng-thụ cái khí sống bàng-bạc trong trời đất, trong cỏ cây sông núi vậy.

Sự tinh-tiến, sự hạnh-phúc, tất-nhiên là ở cách khéo điều-hòa chi-phối những sức mạnh về tinh-thần, về sinh-hoạt cùng về vật-chất vậy. Vì người ta mà được đặc-biệt hơn người, chỉ là bởi ba cái nguyên-tố làm thành ra cơ-thể được tinh-mật hơn người, và kẻ có tư-cách lỗi-lạc là kẻ không những cơ-thể phát-đạt nhiều, mà lại được điều-hòa thích-hợp.

Phép giáo-dục mà bỏ không chăm-chút hoặc về thân-thể, hoặc về thần-trí, hoặc về sinh-lực, thời kết-quả thành ra chênh-lệch, phát-đạt không được đều-đặn, tất đến rối-loạn trong thần-trí, trong sinh-hoạt, hoặc trong thân-thể vậy. Tỉ như có người năng lực về tinh-thần rất mạnh-mẽ mà rồi đến yểu-vong trụy-lạc, vì không chăm-chút đến thân-thể, thành ra không thể phát-siển được hết năng-lực của mình. Lại thiên-trọng về thể-dục quá thời trí-dục đến khiếm-khuyết, cũng thành ra trụy-lạc sớm, ngăn-trở cho sự tiến-hóa của cá-nhân. Làm hư hại thân-thể mình thời tư-tưởng không sao cho ngay-thẳng được, mà tư-tưởng sai lầm-thời cũng không sao sinh-hoạt cho cường-kiện được.

Cái đạo tuyệt-đối là phải sao dung-hợp được cả những phép tắc cốt-yếu của Khoa-học cùng của Tôn-giáo. Nhà đạo lý chân-chính phải vừa là ông giáo-sĩ cho tinh-thần, vừa là ông y-sĩ cho thân-thể. Bởi thế nên trong học-viện PYTHAGORE vừa dạy cả nghề làm thuốc, vừa dạy cả phép tập-luyện tinh-thần. Vì đó mà PYTHAGORE cùng các đệ-tử vừa trứ-danh là nhà giáo-dục, vừa trứ-danh là nhà y-sĩ nữa.

(1) Xem tiếp Nam-Phong số 156.

Y-học thật đã nhờ PYTHAGORE mà tấn-tới được hai bước lớn. Trước ông nghề thuốc chỉ bí-truyền trong các đạo-viện, tự ông mới thành một cái nghệ-thuật công-dồng. Lại chính ông đã phát-minh và truyền-bá cái thuyết số-mục có quan-hệ đến trình-độ tiến-thoái của các bệnh (như bệnh tiến theo tuần bảy ngày, cùng bệnh kịch cũng tùy số ngày). Ông chính là người đã mở lối cho nhà y-học đại-tài là HIPPOCRATE về sau.

Đồ ăn, đồ uống, cách tập-luyện cần-dùng phải nên cho có điều-độ. — Người ta phải bằng-cứ ở cái bản-năng chân-chính và phải lấy trí sáng-suốt mà suy-xét, để cung-cấp cho thân-thể những đồ ăn đồ uống cần-dùng. Trong cái vấn-đề bồ-dưỡng cho thân-thể có hai điều nên chú-ý. PYTHAGORE đã lần-lượt kể ra như sau : một là tiết-độ, hai là tinh-khiết. Ông khuyên dạy rằng cái *lượng* thì phải cho tiết, mà cái *phẩm* thì phải cho tinh,

Ăn-uống có tiết-độ là biết hạn-chế sự ăn-uống cho điều-độ. Đó là một cái bổn-phận của người ta, vì thuộc về cái luật chung của loài người phải biết khắc-kỷ và phải biết thiện-hành. Trong phép vệ-sinh về ăn-uống cũng như trong phép vệ-sinh về tinh thần, lại cũng cần không nên để cho cái vật-dục nó lấn mình, cũng không nên yêu-hãnh những sự quá sức mình. Tham-vọng quá hay tham ăn quá cũng là hại cả, vì hễ quá cái sức tiêu-hóa của trí-tuệ hay của thân-thể, thời việc làm không được chu-tất nữa rồi, kết-quả chỉ đến kiệt-lực và hư-tổn cả thân-thể cùng tinh-thần vậy.

Ăn - uống quá-độ, chính là một cái tai-hại cho loài người. Ăn không đủ vẫn là có hại đã đành. Thiếu ăn có thể sinh biến trong thân-thể, mà gây ra tật-bệnh. Nhưng ăn nhiều quá, uống nhiều quá lại là cái tật phổ-thông của nhiều người, mà lại còn hại hơn, vì là bởi cái tính tham-lam và cái tính tự-phụ mà ra. Bởi người ta quá chiều cái nhục-thể mình, cầu cho hình-dáng được đẹp-đẽ, mạnh-mẽ, tinh-thần được khoái-hoạt linh-lợi, nên thành ra ăn quá, muốn lấy no-nê, hăng-hái, mạnh-khoẻ. Vì ăn nhiều thời thân-thể thần-trí cũng hoạt-động khác thường. Nhất - thời như có cái sức sinh-hoạt dồi-dào, thấy trong mình khí-huyết sung-mãn, sức khoẻ bội-thường. Đương khi mơ - tưởng là cương-cường tráng-kiện, thời tinh-lực đã thấy tiêu-hao từ đấy, cho đến ngày thể-thân đã bị kích-thích quá, không thể ăn-uống sô-bồ được nữa, vì các cơ-thể tiêu-hóa đã hư-hỏng cả và cái kho sinh-khí cũng hao-mòn vậy. Sức mạnh của cơ-thể muốn dùng cách cấp-tốc như vậy cho được tăng-tiến, thật không phải là ở những đồ ăn, đồ uống, chất độc nuốt vào mình mà thành ra đâu, người ta thô-thiển thường tưởng lầm như vậy, nhưng thực là ở cái kho tinh-lực tiên-thiên của mình, bởi thân-thể bị kích-thích mà phản-động lại vậy. Bởi thế nên tinh-lực của mỗi người mà phát-hành ra nhiều quá tất kết-quả đến hao-mòn đi rất mau, và muốn trác-tăng tinh-lực không gì bằng kích-động lên quá - đáng vậy. Rút lại thời ăn càng nhiều, uống càng nhiều, càng hao-tổn mất khí-lực, không tích-trữ được nhiều vậy. Vả lại, mỗi chuyến kích-thích cái sức sinh - hoạt lên mạnh, thời xong rồi lại cứ phải kích-thích thế mãi, mới giữ được cái dịp cho đều, thành ra phủ - tạng hư, sức đề-kháng của cơ-thể kém, cứu-cánh đến sinh ra các bệnh nội-hư cùng các bệnh truyền-nhiễm vậy.

Thiên-hạ hay thèm muốn được béo-tốt phương-phi, nhưng giá biết nhiều khi sinh ra tật-khổ thế nào, thì tất không thèm làm gì nữa. Ngồi bàn ăn cho khoái miệng một lúc, rồi sau gây ra biết bao nhiêu sự đau-đớn cho thân-thể, biết bao nhiêu sự phiền-não

cho tinh-thần. Một người cả đời chỉ ăn nhiều, ăn luôn, mà còn phàn-nàn rằng không biết đói, phàn-nàn rằng thân-thể tinh-thần không được khoan-khoái, thì phỏng đã cực-khổ chưa! Vậy thời những kẻ lấy sự ăn uống vô-độ làm một cái khoái-lạc ở đời, là đáng thương chứ không đáng thèm làm gì.

Nhất là rượu-chè mà quá-độ thì tệ-hại vô-cùng. Cái tật rượu-chè là cái tật đời nào cũng có. Từ khi người ta biết chế các thứ uống có men, là có kẻ uống cán từ đấy. Rồi văn-minh càng tiến-bộ thời cái tật xấu ấy lại càng tăng-gia lên. Tự đời PYTHAGORE đã cho rượu-chè say-sưa là tai-hại cho sức khoẻ, lưu-độc cho tinh-thần và gây thành cái thói quen ác-liệt. Ngày nay công nghệ phát minh ra nhiều cách chế rượu mạnh, các thứ rượu phát-hành mỗi ngày một nhiều, khiến cho thiên-hạ lắm kẻ đam-mê vô-độ, cứ xem trong dân-gian mắc phải lắm tật-bệnh suy-đồi thì đủ biết tai-hại là đường nào, như bệnh lao, bệnh ung, bệnh điên-cuồng dồ-dại. Thứ nhất là cái bệnh vô-đạo (*irréligion*), thứ nhì là cái bệnh nghiện rượu, đó là hai cái tật lớn của thế-giới đời nay.

Trong các cái ác-tật, bệnh rượu là xấu-xa hơn cả, vì nó làm cho người ta mất tự-chủ về tâm-hồn, thần-trí cùng thân thể. Nó khiến cho người ta ngu-ngốc đi, hạ xuống thấp hơn con vật, vì không những không biết dùng cái lý-tính của mình nữa mà cũng không biết khiến được cái bản-năng của mình nữa. Một người say-sưa chè-rượu, thì đến cái thân-thể của mình cũng không chủ-trương được nữa, và có thể ra tay giết hại vợ con cũng như tự-sát thân mình mà không biết vậy. Nghiện rượu thật là tai-hại vô-cùng cho cá-nhân cùng cho đoàn-thể, hại sức khoẻ, hại tinh-thần, hại trí-não, đến điên-đảo cả cuộc sinh-hoạt trong xã-hội, điều đó nên nói đi nhắc lại bao nhiêu cũng không vừa vậy. Nếu không tìm cho đến bệnh-căn thâm-trầm mà trị, thì cổ-động thế nào để cho tiệt cái thói ác-tệ là thói nghiện rượu, cùng những sự tai-hại bởi đó mà ra, thứ nhất là bệnh lao, cũng chẳng ăn thua gì. Vì những con người vô-tín-ngưỡng, vô-kỷ-lạn, không phẩm-giá, không liêm-sỉ, nếu không có cái cớ gì cao-thượng thúc-giục cho phải làm, thì không khi nào chịu chế-áp những cái tình-dục xấu-xa đi được.

Thế nghĩa là phàm sự cải-cách chung trong xã-hội phải gốc ở sự cải-cách riêng về cá-nhân, cá-nhân có tu-luyện thì mọi sự cải-lương chỉnh-đốn mới thành được. Ngày nào người ta biết khôi-phục cái lòng tín-ngưỡng của mình, hiểu biết được cái mục-đích đời người, là phải gia-công khuynh-hướng về Thượng-đế, thì ngày ấy cái nhân-phẩm sẽ được hoàn-toàn và đường tinh-tiến sẽ được thuận-tiện vậy. Bấy giờ thì không có sống làm người một cách bất-lương bất-chính nữa, không có tự đặt mình ra ngoài luật-phép vũ-trụ nữa. Cái vấn-đề đó có giải-quyết được, thì những sự tật-khổ đau-đớn như phong-tục điên-đảo, thân-thể suy đồi, bệnh rượu bệnh lao, vân-vân, bấy nhiêu cái sẽ trừ được cả. Cái vấn-đề lớn là vấn đề chủ-trương cho đời người được điều-hòa thanh-thản, nếu mà am-hiểu cho rõ, giải-quyết cho xuôi và thực-hành cho đúng, thì các cái vấn-đề nhỏ gồm cả ở đó cũng sẽ giải-quyết được hết. Vì rằng cũng một công-phu mà để tản-mạn ra nhiều việc nhỏ-nhặt thì khó được thành công, còn chung-đúc lại, kết-hợp lại, khuynh-hướng về một đường thì thấy sáng-sủa chót-lọt ngay, nghĩa là kết-quả có tiến-bộ, có hạnh phúc vậy.

Trông thấy cái tai-hại về sự ăn uống vô độ, mới hiểu rằng vì sao mà các

đạo đời xưa đời nay đều khuyên-dạy người ta sự tiết-độ cùng sự trai-giới. Biết sinh-hoạt một cách kiệm-ước, biết trừ bỏ những sự xa-phí, thật không gì lợi cho thân-thể, ích cho tinh-thần vậy.

Người ta có biết ăn uống cho vừa độ thì mới có thể tới được một cái trình-độ đạo-đức trí-thức cao và thân-thể mới có đủ sức nhẫn-nại. Tiết-thực ấy là một cái bí-quyết của sự mạnh-khỏe sống lâu vậy. Không thuốc gì hay bằng thuốc đó. Bệnh-tật mà chữa khỏi, phần nhiều là bởi thầy thuốc bắt giữ-gìn sự ăn uống cho điều-độ tự-nhiên.

Người ta ăn uống quá-độ, đã hư thân mất nết đi rồi, nên ngày nay muốn cho tiết độ, phải giữ-gìn học-tập, theo cho đúng phép-tắc mới được. Muốn sự ăn uống cho tiết-độ, thì phải đặt lệ nhất-định chỉ dùng những đồ ăn giản-dị, tự-nhiên, không có nấu-nướng gì phiền-phức cả. Ăn những đồ dã-vị mà ăn cho có điều-độ, thì không cần phải uống cho lắm ; lại uống nước tinh-khiết tự-nhiên thì không có kích-thích ti-vị cho muốn ăn nhiều.

Cái mục-đích bình-thường của sự ăn uống là để vừa đủ bổ-dưỡng cho thân-thể mà thôi. Thần-trí phải chăm nom cho thân-thể khỏi lạm-dụng quá lẽ tự-nhiên. Muốn như thế thì phải nên đừng bao giờ ăn những khi trong bụng không đói, đừng bao giờ ăn ngoài giờ bữa thường, đừng bao giờ ăn quá hai ba bữa một ngày, đừng bao giờ ăn cho đến no-nê quá. Lại ăn chớ có nên vội-vàng, để cho nhai được kỹ mà hóa được hết các chất bổ-dưỡng của đồ ăn.

Muốn cho việc tiêu-hóa được hoàn-toàn, thì Pythagore khuyên nên phải vận-động thân-thể cho có điều-độ, nghĩa là vừa phải đều-đặn, không thái-quá không bất cập. Cách vận-động thể-thao tự-nhiên hơn cả, là cách đi bộ. Buổi sớm buổi chiều cần phải đi bộ, vì vận-động là cần cho tiêu-hóa, bởi giúp cho cơ-quan cân-cốt được mềm-mại điều-hòa, cho sự tiêu-hóa sự bài-tiết được đều-đặn lưu-thông. Mà cách thể-thao đó không phải là tập như tập một cái thói quen, nhưng phải có cái chủ-đích tập để cho thân-thể được khỏe-mạnh. Ngoài cách đi bộ, còn nhiều phép thể-thao khác nữa cũng cần để giữ cho các bộ-phận trong thân-thể được điều-hòa, để tập cho thần-kinh cân-cốt được mềm-mại, khiến cho tự-chủ được cách cử-động của mình. Phép thể-dục như thế, thì rất là lợi cho sức sinh-hoạt, thứ nhất là tập bằng cách vận-động du-hí tự-nhiên, ở giữa nơi không-khoáng, ở giữa chốn điền-viên, có mặt trời, có ánh sáng, có nước mưa, nước suối, có sông chảy, sương gieo, để tắm-thấm cho thân-thể thì lại càng hay nữa. Trong học-viện của Pythagore chính thường khuyên dạy như thế.

Người ta ngồi không thường sinh ra tật-bệnh, sinh ra nhu-nhược hèn-nhát ; nếu khéo tập-luyện thân-thể thì vừa được mạnh khỏe mà lại vừa gây ra cái tính-cách dũng-cảm cùng cái thái-độ lạc-quan. Sự vận-động vừa làm cho thân-thể được cường-tráng, vừa làm cho thần-trí được tỉnh-tao, lại vừa làm cho tính-cách được kiên-nhẫn. Người nào da-dẻ đã dạn với nắng mưa, ý-chí đã luyện cho cứng-mạnh, thì gặp sự gì cũng có thể chịu được cả.

Vậy thì phải có thể-lực mạnh để cho tinh thần khỏe, chứ không phải cầu lấy mạnh để đem cái võ-lực mà ức-chế người ta vậy. Phải nên mạnh-khỏe, nhưng không bao giờ quên giữ lấy nhân-từ. Sức mạnh về thân-thể

phải dùng để hộ-vệ cho những tư-tưởng chính-đại quang-minh, giúp đỡ cho cách sinh-hoạt điều-hòa chính-đáng, là những điều phàm người thông-hiểu phải nên chủ-trương cả, nếu sức mạnh dùng được những việc đó thì mới nên dùng vậy.

Hễ biết giữ cho điều-độ thích-nghi thì không bao giờ đến nhu-nhược ủy-mỹ. — Trong cách tập-luyện thân-thể cùng trong cách bồ-dưỡng ăn uống, phải cho thích-nghi, phải giữ trung-độ, để cho khỏi thái-quá mà thành ra nhu-nhược, khỏi bất-cập mà thành ra yếu đuối.

Trước nhất phải tùy sự vận-động của mình mà ăn uống cho vừa phải, lại phải tùy sự ăn uống của mình mà vận-động cho thích-nghi, để cho sức tiêu-dùng của cân-cốt được ngang với sức tiêu-hóa của tì-vị. Sự thích-nghi lại là đối với thân-thể nên cấp dưỡng cho vừa đủ, nhưng chỉ là vừa đủ mà thôi, chứ quá thì mình thành ra nô-lệ cho thân thể, như người chăm-chút vệ-sinh quá thì là người lần-thần mà cũng là người nhu-nhược. Vệ-sinh có những phép cốt-yếu cần phải am hiểu mà thực-hành, nhưng phải giữ cho đừng dật-lạc quá và đừng lười biếng quá. Phải tập sinh hoạt một cách giản dị mà khắc-khổ một chút, vì nếu tập quen những thói dễ-dàng sung-sướng quá, thì lúc ra tranh đua với đời tất là bị thua trước. Vậy thì người nào muốn cho khoái-hoạt mạnh-khỏe mà tấn tới ở đời thì bao giờ cũng phải coi mình như một kẻ chiến-sĩ vậy.

(*Còn nữa*)

T.-C. *dịch*

PENSÉES ET EXTRAITS

(*Trích dịch văn Tây*)

... Danger de former une race de jeunes gens déclassés, déracinés, inoccupés, mécontents, et qui se lancent révolutionnairement dans des voies de réformes politiques, sociales et religieuses Le diplômé, déjà si turbulent dans notre Occident, où trop souvent il hait la société de ne pas lui donner les places sur lesquelles il a compté, devient dans l'Islam le jeune Turc, le jeune Egyptien, le jeune Tunisien. Comment éviter ce péril ? Comment mettre l'âme de ces enfants en contact avec l'esprit du temps et les engrener dans le mouvement général de notre époque, pour qu'ils y apportent leurs qualités propres ? Peut-on retrouver leurs sources héréditaires, et qu'ainsi se déploient à nouveau des forces in-

... Gây ra một hạng thanh-niên thất căn-bản, vô nghệ-nghiệp, bất-đắc-chí, muốn ra tay cách-mệnh mà cải-cách cả chính-trị, xã-hội, tôn-giáo; nguy-hiểm lắm. Ở Âu-tây ta, thầy khóa có bằng tốt-nghiệp đã khó chịu thay, thường đem lòng oán xã-hội không đãi mình được những chức-vị xứng-đáng; ở đất Hồi-giáo thời thầy khóa ấy thành nhà thiếu-niên Thổ-nhĩ-kỳ, nhà thiếu-niên Ai-cập, nhà thiếu-niên Đô-ni-tây. Làm thế nào tránh được sự nguy hiểm đó ? Làm thế nào cho tâm-hồn những kẻ thanh-niên kia trực-tiếp được với tinh-thần của thời-đại, khiến cho sáp-nhập vào cái phong-trào chung của đời nay mà đem được tư-cách riêng cống-hiến cho thời-đại ? Có thể nào khôi-phục được cái nguồn sản cố-hữu của nòi giống họ không, khiến cho những cái sức tinh-thần

térieures qui, à d'autres époques, eurent de la beauté et de l'efficacité ? Qu'est-ce que ces nations syriennes feront des possibilités qu'elles reçoivent de nos éducateurs ? Quelles espérances exactement pouvons-nous concevoir de leur réveil ? Ces débris de civilisation qui s'amoncellent sur le sol de la Syrie doivent-ils être considérés comme un obstacle, comme une barre dans le grand fleuve, ou bien contiennent-ils encore de fécondes semences ?

Un jeune homme est venu me trouver et m'a dit :

— Je suis fils et petit-fils de drogmans honoraires. Mon grand père a connu Lamartine et Saulcy ; nous en avons des lettres. Comment trouvez vous ce pays ?

— Un bien beau pays !

— Beau ! s'écria-t-il avec horreur.

Je l'entrainai à la fenêtre et lui montrai le Liban, le Sannin, les neiges, ces cimes qui s'élancent vers l'infini du ciel.

— On n'y peut pas vivre, me dit-il,

— Vous voulez venir à Paris ?

— Tous les jeunes gens de ce pays voudraient y aller.

Contraste d'un cœur malheureux et d'un paysage sublime. On ne peut pas vivre où le cœur se sent oppressé.

— Tenez, continua-t-il, voici, Monsieur Barrés, ce qu'on ne vous dira pas. Ce sont les livres qui font notre esprit. Je suis l'élève des Frères, je n'oublierai pas ce que je leur dois. Ils sont nos bienfaiteurs. Sans eux, nous serions, comme les autres Orientaux, des zéros. Ils nous ont donné l'instrument.

đời trước đã từng có hiệu-quả, đã từng được rực-rỡ, nay lại tái-hồi mà phát-siển ra được nữa ? Như các dân-tộc Tây-lợi-á này, đã nhờ ơn người Pháp ta giáo-dục, sẽ biết dùng sự giáo-dục ấy thế nào ? Các dân-tộc ấy hồi-phục lại, có thể khiến cho ta thực hi-vọng được gì ? Những cái mảnh tàn văn-minh đời trước còn chồng-chất lại ở đất Tây-lợi-á kia, có nên coi là một cái trở-ngại cho sự tiến-hóa, như bãi cát dài chắn ngang lòng sông rộng, hay là tựu-trung còn có những hạt giống tốt còn nẩy-nở ra được ?

Một chàng thiếu-niên đến thăm tôi, nói rằng :

— Ông cha tôi khi trước vốn làm thông-ngôn cho người qui-quốc. Ông tôi có được biết những bậc như LAMARTINE và SAULCY ; hiện chúng tôi còn giữ được thư-từ của các ngài. Vậy tiên-sinh coi xứ này thế nào ?

Tôi trả lời : — Xứ này đẹp lắm !

Thiếu-niên sửng-sốt nói : — Đẹp à !

Tôi đưa thiếu-niên ra chỗ cửa sổ, chỉ cho xem núi *Liban*, núi *Sannin*, tuyết trắng trên núi cùng những ngọn cao-phong chót-vót lên tận trời xanh.

Thiếu-niên nói : — Xứ này không thể ở được.

Tôi hỏi : — Thầy muốn sang *Paris* chăng ?

Trả lời : — Bao nhiêu kẻ thanh-niên ở đây đều muốn đi *Paris* cả.

Trước cảnh trang-nghiêm, lòng người khô-não, trái-ngược thay ! Ở chỗ nào mà lòng người uất-ức thì không sao ở được.

Thiếu-niên nói tiếp : — Thưa tiên-sinh, có điều này không ai nói cho tiên sinh rõ. Chúng tôi là nhờ đọc sách mà gây thành trí-não. Tôi đây là học trò các Thầy Dòng, tôi không bao giờ quên cái ơn dạy-dỗ của các thầy. Các thầy là ân-nhân của chúng tôi. Không có các thầy thì chúng tôi cũng đến ngu-xuẩn như các người Đông-phương

Et puis nous avons lu. L'influence de la France en Orient, c'est la littérature. Nous voulons aller au pays des livres que nous aimons.

Je l'écoutai avec gravité. Ce jeune inquiet réveillait en moi des scrupules que j'avais ressentis très fort depuis que je suis en Orient, à voir avec quel élan cette jeunesse m'accueille. Qu'est-ce que la littérature française d'aujourd'hui peut leur offrir qui leur soit une digne nourriture ? Qu'ont ils à faire de nos histoires parisiennes ? Dans notre exportation littéraire, qu'y a-t-il d'humanité enrichissante ?

—Oh ! reprenait-il, ce matin je relisais *Leurs Figures*. Cela s'est passé une vingtaine d'années, mais je n'en sais rien. Ces figures pâles qui sont fixées par la terreur, puis qui s'agitent, m'émeuvent. Je suis enlevé de mon propre pays. Je ne suis pas en France, ni dans des querelles mesquines, comme vous dites. C'est pour moi Homère, des luttes. Notre pauvre vie d'ici nous étouffe. Nous préférons mille fois, aux torpeurs de l'esclavage, tous les risques de la liberté.

Un tel langage, est-ce l'inquiétude de la jeunesse, une demi-comédie dans l'âge où l'on désire paraître, le désespoir des races assujetties, la terreur endémique de l'Orient ?...

MAURICE BARRÈS

(*Une enquête dans les pays du Levant*)

khác, Các thầy đã cho chúng tôi cái khí-cụ. Rồi sau chúng tôi đọc sách thêm Ảnh-hưởng nước Pháp ở Đông-phương là bởi văn-chương mà ra. Chúng tôi đọc sách mà mến sách, muốn đến nước đã sản ra sách ấy.

Tôi lẳng-lặng mà nghe thiếu-niên nói. Từ khi tôi sang đến đất Đông-phương này, thấy kẻ thanh-niên hoan-nghênh cồ-vỗ, trong bụng tôi lấy làm nghĩ-ngợi phân-vân lắm, nay nghe thiếu-niên băn-khoăn như vậy, lại càng thêm ngần-ngại. Văn-chương Pháp ngày nay có gì là thực bồ-ích cho trí-não họ ? Những truyện tiểu-thuyết ở *Paris* ích chi cho họ ? Trong những sách-vở văn-chương của ta xuất-cảng ra ngoài, có gì là cái chất thực bồ cho nhân-loại ?

Thiếu-niên lại nói : — Sáng hôm nay tôi có đọc lại bộ sách « Mặt mũi họ » của tiên-sinh. Sách thuật truyện tự hai-mươi năm trước, nhưng tôi không biết đến. Tôi chỉ tưởng-tượng những cái « mặt mũi » lợt-lạt kia, kinh-hãi mà chừng lại, rồi hăng-hái mà động lên, tôi lấy làm cảm-động. Tôi thấy tôi bay bổng ra ngoài xứ-sở tôi. Tôi không thấy châu-tuần ở trong cuộc tranh-giành nhỏ-nhen, như tiên-sinh nói ở nước Pháp đâu. Tôi cho những sự cạnh-tranh ấy không khác gì cuộc chiến-đấu trong sách HOMÈRE vậy. Chứ cái cách sinh-hoạt bần-tiện của chúng-tôi ở đây, không thể nào chịu được. Chúng tôi khao-khát được tự-do, dù phải nguy-hiểm đến bao nhiêu, cũng còn trăm nghìn phần hơn là cái cảnh nô-lệ, ngu-si hưởng thái-bình.

Câu nói đó có phải là cái bụng băn-khoăn của kẻ thanh-niên không ? hay là một tấn kịch phô-trương giữa tuổi thích khoe-khoang tự-phụ, hay là cái lòng thất-vọng của những giống người bị nô-lệ, hay là cái lòng khủng-hoảng vẫn ngấm-ngầm ở các dân-tộc Đông-phương ?...

(Trích dịch tập du-ký của danh-sĩ MAURICE BARRÈS).

CẢM-TƯỞNG ĐỐI VỚI THIẾU-NIÊN NGÀY NAY

Đức Khổng nói : hậu-sinh khả úy 後生可畏, *người sinh sau ta khá sợ. Ngày nay ta nói :* hậu-sinh khả ưu 後生可憂, *người sinh sau ta khá lo. Lo sợ hai tiếng ấy vẫn thường thông-dụng mà nghĩa lại khác xa. Sợ là có ý kính-phục cái sự-nghiệp của thiếu-niên, lo là có ý nguy-cụ cho cái thân-thế của thiếu-niên. Vì thiếu-niên sinh đương cái thời-đại văn-minh, trách nhiệm rất là quan-trọng, xã-hội tương-lai hưng hay suy, thành hay bại, cũng trông cậy ở thiếu-niên. Thiếu-niên có chí-khí, có kiến-văn có tư-tưởng, so với những bậc lão-đại có phần siêu-việt hơn, nên họ vẫn cười lão-đại ta là hủ-lậu. Chẳng khác gì nậm sành chén đất để bên cái bình pha-lê ; họ lại chê lão-đại ta là nhân - nhu khác gì gươm gẫy có sác để bên cái đạn trái-phá ! Thiếu-niên họ cười ta chê ta mà ta cũng tự-lượng cái tài-lực của ta không bằng họ, bao nhiêu tiền-đồ hi-vọng ta vẫn chú-ý ở thiếu niên. Nào ngờ đâu thiếu-niên ngày nay lại có cái ngộ-điểm như vậy, không những là hậu-sinh không đủ sợ mà lại thêm lo.*

Lạ thay ! cái thảm-họa rất là gớm-ghê ! Người này làm hại, lây cho người khác, nói bao nhiêu thời lại đau lòng xót ruột bấy nhiêu ! Không biết thiếu-niên đương cái hoàn-cảnh ấy đã biết hối-đầu tỉnh-ngộ hay chưa ?

Thôi, chẳng thà hủ-lậu không có kiến-thức tân-kỳ, nhưng không có sự gì bại-lộ ; thôi chẳng thà nhân-nhu không có chí-khí dũng-cảm, nhưng không xảy ra sự gì gian-nguy.

Than ôi ! thiếu-niên óc còn lỏng, ruột còn non, gan còn mềm, nên làm đến việc gì cũng sốt-sắng nóng-nảy, như điên như cuồng, như đồ như dại, ngộ-nhận hai chữ tự-do, khiến cho sai đường lạc nẻo, mà không biết hối, chả đáng phàn-nàn lắm ru !

Thiếu-niên ngày nay ví như cây non ngất-ngưởng, mọc trên gò đất, cũng tưởng cao tới đến trời, nhưng cứu ra chẳng có nghị-lực chi cả, chẳng qua nương cái chiều gió bạt bên nào thì ngả về bên ấy, như thế thì có thể sinh-tồn được cái lúc mưa tà gió lệch này không ? Ta dám chắc rằng không. Lại như một cái thuyền bồng lênh-đênh chèo trên mặt nước, cũng tưởng vượt qua được bể, nhưng cứu ra không có định-hướng chi cả, chẳng qua theo ngọn sóng xô bên nào thời giạt về bên ấy, như thế thời có thể yên-ổn được cái buổi cát vùi sóng giập này không ? Ta dám chắc rằng không.

Tuy vậy cái cây kia có phải là cái cây hư-sinh đâu ; cái thuyền kia có phải là cái thuyền vô-dụng đâu. Này trồng cây phải có rào, nếu rào mà không biết lựa chiều gió thì cũng như không rào vậy. Chèo thuyền thời phải có lái, nếu lái mà không biết theo luồng sóng, thời cũng như không lái vậy. Cái cây kia đã nhân cơn gió ngã về mạn đông, mà ta không biết uốn nắn dần dần, lại đem rào trồng ngay về mạn tây, thời cái cây ấy không đổ thời cũng gẫy ; cái thuyền kia đã bị cơn sóng xô về bên tả mà ta lại không biết khu-khiển dần dần, lại cầm lái bát ngay về bên hữu, thì cái thuyền ấy không chìm cũng nghiêng, đã không biết cách trồng cây, một cây gẫy đành vậy, nhưng trăm nghìn cây khác cũng nhân đó mà gẫy, thì sau này còn cây đâu mà ăn quả ; đã không biết cầm lái thì một cái thuyền đắm đành vậy, nhưng trăm nghìn cái thuyền khác cũng

nhân đó mà đâm, thì sau này còn có thuyền đâu mà qua sông

Suy hai cái lẽ ấy, thời cái vấn-đề xử trí với bọn thiếu-niên ngày nay, cần phải nên giải-quyết, mà muốn giải-quyết cái vấn-đề ấy cần phải quan-sát đến óc của thiếu-niên ngày nay đối với Đại-Pháp như thế nào. Óc thiếu-niên với óc lão-đại thì hay suy xét những việc di-vãng và tương-lai; óc thiếu-niên thì chỉ biết những việc hiện-tại, chứ chưa rành suy trước tính sau gì cả. Vậy hãy xin đem cái nguyên-nhân mà lược-thuật như sau này.

Đại-Pháp là một nước cường-thịnh có danh-tiếng ở hoàn-cầu, khi mới sang bảo hộ nước Việt-Nam ta, bấy giờ các bậc chí-sĩ mượn tiếng khởi-nghĩa cần-vương, Trung-kỳ, thời có ông Phan Đình-Phùng, ông Nguyễn Hữu-Chỉnh, ông Nguyễn Xuân-Ôn, Bắc-kỳ có ông Hoàng-giáp Bích, ông Thủ-khoa Cao, ông Đề-đốc Hiện, đều là tay can-trường thiết-thạch, gấp trăm gấp nghìn thiếu-niên ngày nay, thế mà không địch được với Đại-Pháp. Kế sau lại có ông Hoàng-Hoa Thám, đóng đồn ở Nhã-nam, binh cũng nhiều, lương cũng sẵn, dưỡng-uy súc-nhuệ, kể hơn mười năm, thế mà Đại-Pháp tiến binh trong hai tháng, đâu đấy đã dẹp được yên cả. Kìa thiếu-niên há lại không biết sự-thế đó ru! mà lại dám làm những việc bạo-động như vậy? Ấy bởi vì thiếu-niên ham đọc tân-thư, thấy những truyện anh-hùng khẳng-khái, mới có chí hâm-mộ những cái sự-nghiệp hão-huyền, nên không có sợ-hãi gì cả. Lại gia dĩ cái phong-trào ở bên ngoài nó khua ở cạnh tai, rồi ở trước mắt, khiến cho xiêu lòng ngã dạ, gây nên những cuộc hành-động chỗ này chỗ khác, mà quên cả cái pháp-luật của Triều-đình và Chính-phủ đã thi-hành từ xưa đến nay.

Vả nước Nam ta là một xứ phong-phú, ở Đông-dương đất rộng của nhiều, khoáng-sản cũng sẵn, có tài-liệu mà không biết dùng, nên phải nhờ Đại-Pháp khai-hóa, mới có cái quang-cảnh ngày nay. Nào việc học, việc buôn, việc canh-nông, việc kỹ-nghệ, so-sánh với năm sáu mươi năm trước, khởi-sắc biết là nhường nào. Ngạn có câu: « Ăn quả nhớ kẻ trồng cây ». Thiếu-niên ta học-thức há lại không biết lẽ ấy hay sao? Bởi vì thiếu-niên sinh sau đẻ muộn, mới khỏi hơi sữa, từ ngày nào đến bây giờ, vừa mười-lăm hai-mươi tuổi, nào có nhớ đến những việc di-vãng đâu. Mắt chỉ trông thấy những cảnh-tượng ngày nay; giang-sơn vẫn còn tự-tại, mà việc chính-trị về tay Đại-Pháp chiếm cả độc-quyền, nên họ mới sinh lòng nghi-nhị mà quên cả công Đại-Pháp khai-hóa bấy lâu nay, thiếu-niên thử nghĩ kỹ xem: đứa trẻ con biết tập bò rồi mới tập đi, biết tập đi rồi mới tập chạy bao giờ. Thấy người lại ngẫm đến ta, kiến-thức ta đã bằng ai, học-thuật ta đã bằng ai, cơ-xảo ta đã bằng ai? Phỏng Đại Pháp có giao cả cái quyền cho mình thời mình đã đủ tư-cách tự-trị được không? Hay là mình phải nhờ tay người khác? Tức như một việc hương-hội, các bậc lão-đại đã từ-chức rồi, giao phó cho bọn thiếu-niên, xem ra phần nhiều là hư-ứng. Danh-vị cải-lương bằng giấy, nhưng kỳ-thực không có thành-hiệu chút nào. Trong một làng việc cải-lương còn chưa xong, phương-chi việc chính-trị cả một nước. Có khi thanh-vắng một mình, nghĩ đến chuyện đó, thường hối-hận cho thiếu-niên không thâm-thời, không đạt-thế, không lượng-lực, chỉ đem một cái chí-khí hăng-hái làm cho rối cuộc trị-an, đến nỗi lụy cả phụ-huynh tôn-tộc cùng bằng-bối, thời cũng đáng giận, đáng ghét, đáng thương!

Dẫu đành vậy, sự đó lỗi ở thiếu-niên, mà khu-xử bọn thiếu-niên cho được ổn-đáng khiến được như thuyền theo

lái, cây nương rào, không có sự gì quan-ngại, thời quyền ở chính-phủ. Xử-trí bọn thiếu-niên có hai đường: 1° là hình pháp, 2° là khoan-nhân. Nhưng hình-pháp để câu-thúc thân-thể người ta, khiến cho ta sợ-hãi mà thôi, không bằng đem cái chính-sách khoan-nhân để cố-kết lòng người ta, khiến người ta cảm-phục lâu-dài mãi mãi

Đại-Pháp là một nước nhân-từ bác-ái bắt tôi ai theo lẽ công-bằng, không ức-chế điều gì. Nhưng tôi thiết-tưởng xử-trí với bọn thiếu-niên ngày nay, nên có uy và lại phải có ơn mới được.

Nay tên nào có phạm đến quốc-sự, hiện có tang-chứng thời cứ theo pháp-luật làm tội không dung, để răn kẻ khác, còn những người tình-nghi, vì người khác tố-giác, hay phải tra hỏi mà xưng bậy ra, hay vì đảng khác nó đe nẹt mà sợ nó phải dự vào đảng, thời nghĩ nên khoan-thứ cho một lần. Hoặc là hai bên họ hiềm-khích nhau, nhân việc này họ tạo ra giấy-má để nhờ tay chính-phủ báo-thù cho họ cũng có. Phàm những việc đó xét ra không đủ chứng-cớ thời cũng nên tha cho mà giao về cho phụ huynh phải quản-nhận, sau này các tên ấy có làm điều gì đến quốc-sự, thời phụ-huynh phải cam chịu cái trách-nhiệm ấy.

Lại còn một lẽ xét hỏi lũ thiếu-niên, ấy hoặc ý-kiến họ muốn xu-hướng về phương diện nào, hoặc sửa-đổi việc giáo-dục, hoặc cải-cách việc chính-trị, hoặc họ muốn kinh-tế về đường nào, quả có ích-lợi thời nên giúp tài giúp lực để tán-trợ cho thành, như thế thời chính-phủ có thể lợi-dụng được đảng thiếu-niên mà đảng thiếu-niên cũng hết lòng trung-thành với chính-phủ, an-trí thiếu-niên kia không phải là cái cây cho ta ăn quả, cái thuyền để ta qua sông hay sao? Sau này Pháp-Việt đề-huề cùng hưởng cái cuộc hòa-bình hạnh-phúc, chính là cái lòng hi-vọng của tôi.

Tôi đây đã cam phận là phái lão-đại, an-thường thủ-phận, cũng như gái góa dám đâu nói đến việc triều, nhưng vì một tấm nhiệt-thành trên đối với Chính-phủ, sau nữa đối với quốc-dân, nên phát-hiện những lời thiển-lậu, không có hủy-kỵ chi cả, xin duyệt-giả thứ cho.

ĐẶNG XUÂN-VIỆN

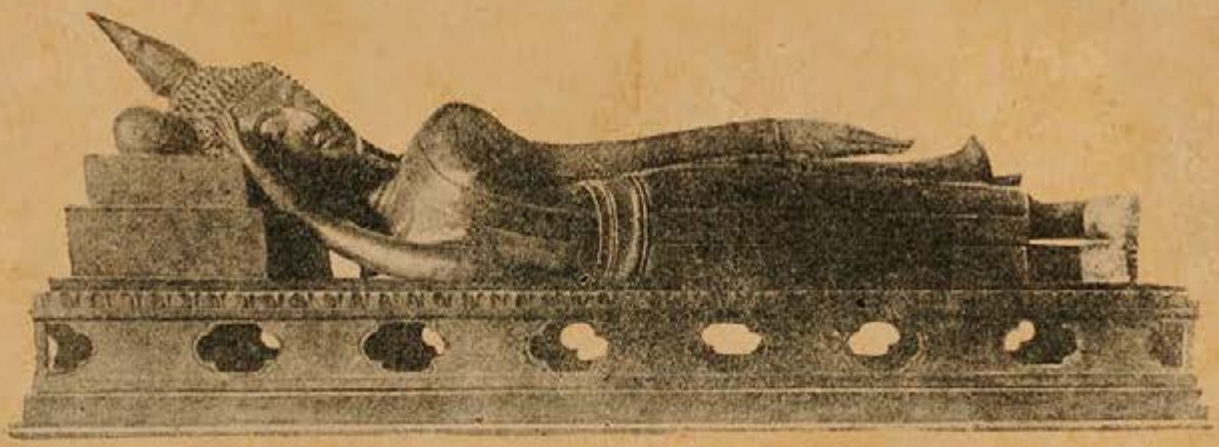

Tượng Phật Lào (viện bảo-tàng Vientiane)
Phật nhập Nát-bàn, tượng đúng cỡ, bằng đồng thau

TRUYỆN QUAN TRẠNG KHIẾU

Tiểu-dẫn

Dã-sử nước Việt-Nam nhà có nhiều truyện hay, mà truyện ông Trạng-nguyên họ Khiếu lại rất là ly-kỳ đột-ngột, bởi từ nhà bạch-ốc mà quật-khởi lên đến bậc đỉnh-giáp công-khanh, từ đời xưa hiếm có, nên những chốn thợ trời nung đúc, cuộc đất xoay vần, khoảng nhân-duyên kỳ-phùng kỳ-ngộ, hình như trời có nắm phần riêng cho, đất để phúc dành cho, có phúc có phần, không phải người ta liệu-tưởng biết trước được. Con nhà hàn-vi, cái củ tre gộc, cái gốc tre già, phút chốc đã đổ nóc nhà quan, đè đầu thiên-hạ, thì đỗ trạng-nguyên làm đến tướng văn tướng võ, thế mới biết « tướng tướng bản vô hệ 相將本無系 », con người ta không cứ nòi giống nào. Câu phương-ngôn rằng : « Con vua thì lại làm vua, con nhà sãi chùa chỉ quét lá đa », đó là nói người ta quan-hệ về huyết-chủng, nhưng chỉ là lẽ thường, chứ không phải phá-cách luận anh-hùng, đủ làm gương cho con nhà hàn-tiện. Vả xem như truyện này đáng khen thay bà trạng là một người khuê-các tiểu-thư, mà sao đã có con mắt xanh, hay vật-sắc anh-hùng, ở trong khoảng trần-ai che mất, thiệt là lạ quá. Hoặc-giả bàn rằng sự đó dù tiểu-thư có là con nhà khuê các cũng chưa dễ mắt thánh mắt thần, mà vật-sắc nổi, chẳng qua cũng là bởi ông trời xui khiến, hòn đất xui nên, đem một cái ái-tình, khiến bà Nguyệt ông Tơ lấy sợi chỉ hồng xe buộc, bắt tiểu-thư phải tác-thành Trạng, mượn tay nhi-nữ để đào-tạo anh-hùng, cũng là thợ trời dun-dủi, cuộc đất phát-hiện ra, mà xui nên nhân-duyên gặp-gỡ như vậy. Xem truyện này nên biết rằng có trời có đất, mà cũng có người, bởi có phúc có phần, vốn từ đời tiên tổ tu-nhân tích-đức, cha mẹ hiền-lành, để phúc cho con. Tục-ngữ rằng : « Phúc thiên đãi phúc địa, tôn-hồ kỳ nhân » ; câu truyện Kiều rằng : « Chứng-minh có đất có trời, căn-nguyên cũng bởi lòng người mà ra », những câu đó mới đủ làm căn-cứ cho truyện này.

I. — Trời nắm phần cho mõ

Ông Trạng Khiếu, tên là Khiếu Hữu-Thanh, người làng Đồng-thanh, huyện Võ-tiên, tỉnh Thái-bình, nhà gia-thế, cụ cố ông trước xuất-thân làm mõ, chỉ nhờ có cái củ tre gộc, cái gốc tre già, cầm dùi gõ ba tiếng : Cốc! cốc! cốc! tôi chiêng quan-viên làng nước, v. v., mấy câu vắn-tắt mà cũng đủ sinh-nhai, và sẵn có rượu thịt, cùng bữa chén ngày thường, và tính-nết thật-thà hiền-lành, công-việc nhanh-nhẹn chắc-chắn, người đã có tuổi, coi đạo-mạo, có phúc-hậu, nên quan viên các cụ trong làng, nhiều người thương kẻ vị, những đàn bà con trẻ vẫn thường kêu là « ông lão Đốp », không ai nỡ gọi bằng thằng. Cỗ làng thường mình cụ một mâm, phần biếu xén kể có từng nãnh thịt, từng vản xôi, nhất những kỳ đình đám, vợ chồng chén không xuể, lại còn cho bà con, và bán lại được tiền. Cố bà lại giỏi tay tần-tảo, ăn-nói thân-thưa nhẹ-nhàng, các bà quan-viên ai cũng ưa là người mềm-mỏng khôn-khéo, thường cấp lưng vốn cho, cày cấy ruộng làng và ngòi lạch, lại buôn-bán trăm vàng nén hương, cùng các thứ trầu cau hoa quả lễ-bái, nhờ trời đất, nhờ thần-thánh, nhà cũng đủ bát ăn. Cũng có lúc vác mõ đi rao thay ông chồng, cốc cốc mõ tre, tiếng vang sang-sảng, vang động

cả làng trên xóm dưới, ai nấy cũng lắng tai mà nghe. Chỉ hiềm vì ông chồng tuổi đã muộn, sự làm ăn dù thanh-nhàn, mà đường con cái còn vất-vả, hiếm chưa được một mụn con nào, thế mới rõ :

Đàm-đấm vác mõ đi rao,
Muộn con đầu-trối ai trao tay dùi.

Vợ chồng khuya sớm vẫn từng than thở khuyên nhủ nhau, chỉ cốt sao làm tôi ngay ăn mày thật, đói cho sạch rách cho thơm, may ra trời giỏ phúc cho, được một mụn con trai, ấy là giọt máu đào của mình, để sau này nối dõi gia-nghiệp thì cũng là hả dạ lắm rồi, còn ngoài sự gia-đình xã - hội ra, những việc vòng danh khóa lợi giàm-buộc người, thì vợ chồng không lấy làm mảng thiết.

Một hôm bà vợ nhân có việc, vào nhà bà cụ đồ trong làng, bỗng nghe ông cụ đồ ngồi giảng sách cho học trò đến câu : «Trong thiên-hạ không có đạo đã lâu, trời rắp lấy nhà thầy làm mõ gỗ.» Về, bà liền nói chuyện với ông chồng rằng : « Quái lạ hôm nay tôi vào trong cụ đồ, được nghe cụ giảng sách sao lại có câu rằng : « Trong thiên-hạ không có đạo đã lâu, trời rắp lấy nhà thầy làm mõ gỗ », câu ấy là nghĩa sao, hử thầy nó ? »

Ông chồng cười mà rằng : « Đấy, bà mày tưởng sự làm mõ là tầm-thường hay sao ? Ngày trước tôi còn bé, học sách *Luận ngữ chính-văn* đến câu : « *Thiên tương dĩ phu-tử vi mộc đạc* 天將以夫子爲木鐸.» Tôi nghĩ lầm chữ *phu* 夫 là chồng, chữ *tử* 子 là con, tôi đọc là trời rắp lấy chồng con làm mõ gỗ. Thầy đồ thét mà bảo rằng trời rắp lấy nhà thầy làm mõ gỗ ; *phu-tử* 夫子 là nhà thầy, là trỏ đức thánh Khổng, chứ không phải là chồng con. Nên tự đó tôi học-hành chẳng ra gì, thiết-nghĩ đến ông thánh còn làm mõ, huống nữa là mình, mới rắp chí ra làm mõ. Cũng là trời xui ra như thế, chứ có phải chí tôi tầm-thường đâu, hử bà mày ».

Bà vợ nghe nói mỉm cười mà rằng : Thầy mày học lầm là trời rắp lấy chồng con làm mõ gỗ, thì ra lại đúng với cảnh tôi, trời xe tôi lấy thầy mày làm mõ, nên phải chịu dấn thân bồ-liễu, vác mõ đi rao thay, may nhờ trời nhờ thần-thánh dân làng, buôn bán làm ăn, cũng đã nổi lưng vốn, nhưng chỉn e đường con cái muộn-mằn, và cái tiếng làm mõ ở nước nhà, xưa nay ai cũng cho là hèn mạt, nay ước gì vợ chồng mình sinh được mụn con trai thì tôi quyết thắt lưng buộc bụng, làm mà nuôi cho con ăn học, may nhờ trời nó đỗ lên, ăn trên ngồi trốc, đè đầu các quan-viên, để rửa sạch cái tiếng mõ sãi cho cha mẹ, thì tôi mới hả, chứ cho con nối nghiệp giữ cái củ tre này làm gì nữa, hử thầy nó ? »

Ông chồng vỗ đùi mà rằng : « Phải phải, nếu được thế, thì vợ chồng mình vất cái củ tre này đi, chứ còn giữ làm gì ; bấy giờ cụ cố đã chống con gậy trúc, lốc-cốc lên đình, các quan-viên dân anh, đã cúi đầu cúi cổ, chắp tay chắp chân, lấm-la lấm-lét, bẩm bảo thưa gửi. Nếu có kẻ nào trái lệnh làng phép nước, thì sai thằng mõ mới lấy dùi mõ nó gõ vào gáy và truất ngôi treo phần lên cũng được, chứ còn ai dám hà hơi nói điều gì. »

Bà vợ bảo : « Không, nếu được thế, bấy giờ mình lại phải nên xử nhũn, chứ không nên xử hách, như lúc mình còn làm mõ, hễ hơi có ông quan-viên nào thiếu thuế, ông lý sai thôi-đốc, thầy mày cứ dùi mõ gõ vào gáy, và hễ hơi ai bị khoán bị lỗi, là thầy mày treo phần, như thế thì hách quá, vì mình làm mõ, người ta không ai chấp chi, chứ khi nên ông cả bà lớn, không xử thế được, phải dung kẻ dưới mới là lượng trên. »

Vợ chồng tính thịt bàn xôi,
Chắc gì con mỗ mấy hồi nên danh.

Khi đó trong làng có hai quan Tiến-sĩ, cùng làm đến Thượng-thư, về hưu-trí, một quan Thượng-thư họ Lê, một quan Thượng-thư họ Hà, hai ông cùng tín-mộ phong-thủy, đón thầy địa-lý chính-tông họ Quách bên Tàu, về chọn ngôi âm-phần tiếp-phúc. Ông thầy khách xem xét đã hàng năm, chỉ tìm được mỗi ngôi đất, ở địa-phận đồng làng, là đất con rồng thủy phù kim, tục gọi xứ « Đường-cồng ». Hai quan Thượng cùng muốn để ngôi âm-phần cụ cố, ông thầy địa nể cả hai quan, không biết điểm-huyệt phân-kim cho nhà nào, thành ra phải thoái-thác từ-tạ về Tàu, rồi không sang nữa. Ngôi đất để mãi hai ba năm, hai nhà cùng chiếm nhận, mà không nhà nào để được, hai quan Thượng vẫn điều-đình với nhau năm bảy bận, mà không ai chịu nhường ai cả.

Một hôm hai quan Thượng cùng ra đình, nhân việc làng tức nhau, nói khách-khí, bèn kể đến ngôi đất trong làng, quan Thượng Lê bảo : « Ông mà để được ngôi đất Đường-cồng, thì tôi chỉ xin bé ngay lại, chẳng có vào chủ-tịch làm gì. »

Quan Thượng Hà bảo : « Ông mà để được ngôi đất ấy, thì tôi cũng xin nhỏ ngay đi, chẳng đứng làm tiên-chỉ nữa.»

Khi hai ông đang nói hách với nhau, ông lão Đốp đang hầu-hạ bưng mâm giải chiếu ở trung-đình, quan Thượng Lê nghĩ tức-khí với quan Thượng Hà, liền thét lên rằng : « Đấy, ngôi đất Đường-cồng tôi không thèm để nữa, tôi cho nhà lão Đốp nó để, ông ra mà tranh với nó nữa thì tranh. »

Quan Thượng Hà cũng thét lên rằng: « Ngôi đất ấy ông cho nhà lão Đốp, thì tôi cũng cho nó, chứ không thèm tranh nhau với nó, nhưng có ông mà để phần-mộ nhà ông vào thì không được với tôi.»

Ông lão Đốp dạ : « Bẩm hai cụ lớn có lòng thương con, thì xin ba hôm nữa, con xin đem mồ cha con đến con để ngay, con chỉ táng liều, con chẳng cậy thầy bà nào cả, phúc thiên đãi phúc địa, may ra trời giỏ phúc cho con về sau được phần nào hay phần ấy, còn phận con thì cứ hầu hạ các quan-viên trong làng là đủ rồi, chứ con chẳng mong tưởng gì cả. »

Sang hèn chưa dễ mà tranh,
Có trời có phúc trời dành đất cho.

Ông lão Đốp về bàn với bà vợ, ba ngày hôm sau cải ngôi mồ cha đem ra xứ Đường-cồng an-táng. Từ đấy thấy ngôi mộ mỗi ngày một nổi cao, rồi bà vợ nằm chiêm bao, thấy một người đội mũ cánh chuồn, mặc áo tía, đai mạng coi như ông long-thần, tay cầm một tấm thịt sỏ chó đến bảo : Ta cho mụ cái này để làm con. Bỗng giật mình tỉnh dậy, trong lòng run động, hình như đã bầm-thai, sớm mai dậy kể chuyện với ông chồng, cậy thầy tán chiêm-bao, thầy đoán rằng : « Tấm thịt chó là chữ *phiến* 片 chữ *khuyển* 犬, hai chữ nhập làm một, là chữ *trạng* 狀 ; tấm thịt sỏ chó tức là chữ *trạng-đầu* 狀頭. Có lẽ bà lão Đốp sinh con đỗ đến trạng-đầu chăng? cơ trời huyền-bí, không biết đâu mà dám đoán chắc, hãy để rồi sau nghiệm xem sao. »

Từ đó bà lão Đốp bầm-thai, sang năm sinh được một con trai, mày xanh mắt biếc, coi rất khôi-ngô tuấn-nhã, gọi tên là Bé-con. Khi lên sáu bảy tuổi, cha mẹ cho đi học ông cụ đồ trong làng, nhưng tính trẻ con lêu-lổng không chịu học, chỉ trốn về đi nghịch ngầm với trẻ ; xếp gạch vỡ làm nghè, bẻ cành bàng treo bảng. Khi mười-bốn mười-lăm tuổi thì thường ngày vác mõ đi rao thay cho cha và đem phần biếu các quan-viên là rành lắm, nhưng cái sổ lợn nào, hắn cũng xẻo ăn trước một miếng.

Con ông lão Đốp chí to,
Thích xơi sỏ lợn làng cho biếu phần.

Một hôm cha mẹ thấy con chỉ trốn về đi rao mõ, không chịu học, tuổi đã mười-bốn mười-lăm mà chẳng biết chữ gì, cha mẹ nghĩ giận quá, bèn đuổi đánh, bắt ép mà mắng rằng: « Rõ rỏ nhà ai thì quai nhà ấy, con ai mà chẳng giống mẹ giống cha, nhưng con phải biết cha mẹ trước cùng nghèo mà phải dấn thân đi làm mõ, nhưng nay nhờ trời, nhà cũng đủ bát ăn, may sinh được một con, cha mẹ cũng đành thắt lưng buộc bụng, nuôi cho con ăn học, may ra có mở mày mở mặt ra được với người ta mà rửa cái tiếng mõ sãi cho cha mẹ, ngờ đâu giống nào ra giống ấy, con chỉ quen vác mõ đi rao, mang phần đem biếu, thì còn đời nào mà thoát được cái nghề-nghiệp làm mõ, hử con? »

Con cúi đầu chắp tay mà thưa rằng: « Dạ, dám thưa cha mẹ, con thiết-nghĩ đi học, có vào học được nhà đại-gia thì đỗ ra làm quan, phò vua giúp nước, hiển-thân dương-danh, thì hãy nên học, nhưng con là con nhà mang tiếng là hèn mạt, vào nhà các quan đại-gia, thì ai người ta thèm dạy đến hạng mình, mà học những các ông đồ cồ, chỉ biết ba chữ quên đủ ký tên, hoặc là thông văn-tự, biết giấy-má, để ra làm tổng-lý kỳ-mục, xã-đoàn khán-thủ, đi lạy quan, về van dân, dầu chầy đít thớt, mặt sứa gan lim, những hạng ấy thì con không đủ học, chẳng thà chịu đốt, theo nghiệp cha làm mõ, mà lại thường xả-xẻo được xỏ lợn xơi, cỗ làng mình một cỗ, thì cũng chẳng khác gì cụ tiên-chỉ trong làng, chỉ ba tiếng cốc cốc cốc, mà cả làng phải nghe, dù có ai trái lệ làng phép nước, thì dùi mõ nện vào cổ họ được, tưởng cũng có lúc oai-quyền lắm, những người biết giữ giá-trị, dễ ai đã dám hách với mõ, chớ cần gì mà học, thưa cha mẹ. »

Học thì tri-chúa trạch-dân,
Dốt thì làm mõ xén phần quan-viên.

Cha mẹ nghe con nói, có lý-thú cao-thượng hơn người, cũng phì cười mà rằng: « Ừ nghe như con nó nói, thì dốt đặc còn hơn hay chữ lỏng, thôi khôn thì tâm-tính tại lòng, lọ là uống nước giữa dòng mới khôn. Mình làm cha mẹ, sinh con ai nỡ sinh lòng, tưởng cũng mặc đời cua cua máy đời cáy cáy đào, gai kia ai vót quả nào ai vo, cha lươn có đào lỗ cho lươn ở bao giờ, thôi từ rầy trở đi, mặc dầu con ngang dọc, miễn sao con thân lập lấy thân, cho cha mẹ được thơm danh nức tiếng, rạng đất vang trời, thì dẫu ba tiếng mõ gõ đầu làng, cũng là cầm mệnh - lệnh cho dân cho nước, chớ có phải sự hèn-mạt đâu, hử con. »

Từ đó con nghe lời cha mẹ mặc sức chiều lòng, lại càng tinh - nghịch lắm. Có khi làm con mộc leo tít trên cành bàng, có khi làm thằng quỉ đứng ôm cái gối đầu, bỗng gặp ông cụ đồ đi qua, bảo: « Tôi đố ông cụ biết, tôi làm đó là chữ gì? »

— Cụ đồ ngạc-nhiên lấy làm lạ, tán chữ rằng: « Con *mộc* leo cành *bàng* là chữ *bảng* 榜, thằng *quỉ* ôm ghế *đầu* là chữ *khôi* 魁, hợp lại là hai chữ *bảng khôi* 榜魁; nhưng mày là con nhà mõ, lại biếng chỉ trốn học đi nghịch láo, thì còn đỗ gì! mày chỉ đỗ cái củ tre cái, dùi tre đực là chắc hơn cả. »

Bé con bảo: « Ông cụ biết đâu đấy, trời nào đóng cửa ai, tôi gặp bạn gặp thầy mà học thì mấy chốc, chứ như ông cụ bắt tôi học như cuốc kêu hè, mà tôi nghe chỉ như vịt nghe sấm. Vả ông cụ nửa gánh cầm-thư, mười năm đăng-hỏa, mà chẳng thấy ông cụ thi đỗ lên gì, chỉ thấy làm cụ đồ, gõ đầu trẻ, thì chán quá, tôi tưởng học như thế, thì học làm quái gì, hử cụ? »

Cụ đồ nghe nín lặng đi, nhưng nghĩ thầm trong bụng rằng: « Quái lạ con nhà này, nghe cũng khí-phách hơn người. Nhưng chỉ tiếc cho là con nhà mõ, thì bao giờ gặp được bạn được thầy nhà văn-tự đại-gia mà học. để rồi mình thử nghiệm xem ông tạo dun-dủi, vận đất vần xoay ra thế nào.»

Anh-tài trời đất xui nên,
Chờ xem thợ tạo đúc rèn ra sao.

Lại một hôm Bé-con đi chơi nghịch với trẻ, buông chiếc diều tre phất giấy, làm mẫu kiểu diều cánh cốc, đeo cái sáo, buộc lèo giòng, thả cho lên khoảng trời, lũ trẻ buông thả, kể chín mười chiếc diều, chỉ có mỗi cái diều cánh cốc của Bé-con lên cao nhất, bồng tít trên từng mây, và tiếng sáo vang động.

Các cậu học-trò đi học về, ai nấy cũng đều đứng xem nghe, cũng lấy làm vui thích, Bé-con bảo : « Tôi đố các cậu khóa biết cái diều của tôi là chữ gì? »

Các cậu bảo : « Nó là cái diều con cốc, chứ chữ gì. »

Bé-con bảo: « Thế thì các cậu chưa hiểu, nó là hình chữ *nữ* là con gái đó các cậu ạ, hình cái diều 鳶, hình chữ nữ 女, các cậu thử ngắm xem. »

Các cậu khóa ai nấy cũng lấy làm chịu.

Bé-con bảo : «Tôi lại có một câu thơ nôm, để ở cái diều, các cậu có muốn xem tôi sẽ rút dây xuống cho mà xem.»

Có một anh khóa, học cũng đã khá, cũng đã biết làm thơ, bảo : « Thơ của mày thì ra cóc gì, ừ thì hãy thử rút xuống xem. »

Bé-con cầm gốc dây rút cái diều xuống thấp, cách đầu người độ vài ba trượng, thì đã trông rõ chữ câu thơ để trên hai cái cánh diều, thơ rằng :

Gái vác mõ trời lên thét gió,
Buộc nhau thì cũng tít mây xanh.

Anh khóa kia kinh-ngạc mà rằng : « Quái sao mày là con ông lão Đốp, chỉ trốn học, mà cũng biết làm thơ hử mày? hay là mày mượn ai làm đấy chứ gì? »

Bé-con bảo : « Nôm-na là cha mách qué, ai chẳng làm được, mà phải mượn người làm gà, a cậu! »

Anh khóa nói : « Nếu câu thơ của em để được như thế, thì cái khí-phách của em to lắm, anh quyết xin kết làm bạn với em, mà khuyên em đi học, kẻo nữa hoài mất tài của em một đời, em ạ. »

Bé-con nói : « Học thế nào, học ở đâu? Khốn vì em là con nhà hèn-mạt, vào học các nhà quan văn-tự đại-gia thì ai người ta thèm dạy, mà học các ông cụ đồ vườn, chỉ biết ba chữ quên, để làm câu thơ câu đối, thì em chẳng học chi cho thêm bận.»

Anh khóa nghe nói, lại càng giật mình sởn gáy, lấy làm khí-phách lạ thường, nhưng lại e hắn là con nhà mõ, mà mình là con nhà quan-viên, không có lẽ chịu thấp mình xuống làm bạn với hắn; vả chắc đâu hắn có làm nên tài-bộ gì không, hay là câu thơ bố-láo, mình mà chơi với hắn thì sợ làng nước người ta chê-cười, và cha mẹ mình giễu-mỉa, chẳng thà mặc quách hắn, mà nói đánh trống lảng là xong chuyện. Rồi cùng rủ nhau về.

Bé-con lại buông diều lên bồng tít.

Phận hèn khí-phách dù cao,
Bụi trần che mặt ai nào biết ai!

II — Đất phát sang vì Cồng

Kể lại từ khi vợ chồng ông lão Đốp được quan Thượng Lê, Thượng Hà nhường cho ngôi đất trong làng, rước mồ cha đến an-táng ở xứ Đường-cồng, bầm-thai sinh được một con trai, đã 15 tuổi, song cũng chưa có điều gì khác lạ, chỉ có trong nhà làm ăn cũng khá-khá, dễ chịu hơn trước nhiều, coi cảnh-sắc cũng có khí hưng-vượng, chỉ hiềm vì con trai tuổi đã lớn, cứ quen

nết rao mõ biếu phần, đi chơi-bời tinh - nghịch với trẻ, trốn bỏ không chịu học, song con dầu con nhà sa-hèn, nhưng mà cũng đủ ăn đủ dùng, vẫn sắm sửa cho con bộ áo nho-phục rất thanh-nhã, và người coi lại tuấn-tú khôi-ngô, đáng là một vị kỳ-nam-tử. Ngày thường trừ những lúc vác mõ đi rao thay cha, đi ra ngoài không ai bảo là con nhà mõ sãi.

Người coi có tướng có tài,
Sẵn con người ngọc dễ mài nên vinh.

Khi đó quan Thượng Lê trong làng, ngài đã ngoại 60 tuổi, về hưu-trí, đứng chiếu dọc trung-đình, làm chủ-tịch cho dân, và làm trưởng hội tư - văn hàng tỉnh, ngài còn cô con gái thứ ba, mệnh-danh là Hồng - Ngọc tiểu - thư, mới 16 tuổi, đã nhiều cậu công-tử con các quan giạm hỏi, nhưng tiểu - thư chưa bằng lòng lấy ai, nên ngài cũng chưa vội ép gả, hãy còn khoá xuân đợi giá trong chốn buồng khuê.

Một hôm làng vào đám, tiết nhập - tịch, Bé-con vào biếu phần cụ Thượng, tiểu-thư đứng lấp-ló trong cửa buồng, hé cánh mành trông ra, má hồng đượm vẻ, nét liễu ngang mày, làn thu - ba lóng-lánh, chợt liếc trông thấy một cậu thiếu-niên mày xanh mắt biếc, coi tuấn-nhã thanh-kỳ. Tiểu-thư động lòng tình-ái, nhủn cả người, mềm cả ruột, lại trông thấy đội mâm sôi thủ lợn đem biếu, quái lạ sao con người thế ấy, lại con nhà thế kia !

Bé-con cũng liếc mắt trông vào, thấy tiểu-thư, mày uốn nét ngài, ngôi ra tóc phượng, hai con mắt như gươm tầu liếc sắc, đưa tia sáng gặp nhau với tia sáng hai con mắt tình của Bé-con, làm cho Bé-con cũng động lòng mến hương thèm nhị, ao-ước vì hoa. Nhưng nghĩ mình từ thuở sơ-sinh, trót sa chân vào cửa đớn hèn, mình như cỏ rác, có lẽ nào dám vin cành hoa hồng cửa tía, ngọn liễu đài-trang, đũa mốc chòi mâm son, sơ e không được, thôi cũng đành cau mày ủ mặt, vái chào bước ra về, song nghĩ đến tiểu-thư liếc mắt đưa tình, thì lại càng thương thân tủi phận, không biết làm thế nào.

Sang hèn khôn lẽ bén tình,
Ấy ai vấn sợi tơ mành như xe!

Tiểu-thư từ khi nom thấy Bé-con, khúc dạ bồn-chồn, nỗi lòng bối-rối, ra ngơ vào ngẩn, ngồi đứng không yên, nửa thương người có tài có mạo, trời nỡ đẩy vào chốn sa hèn, nửa thương mình cửa các buồng khuê, lòng khôn lẽ tìm phương cứu vớt, nghĩ rồi lại nghĩ, đôi đoạn ruột tằm, rối vò tơ nhện, thành đêm ấy trằn-trọc, thâu canh không ngủ, trách sao ông tơ bà nguyệt hay éo-le, để cho mình duyên chồng-chênh mà tơ lòng vấn-vít; lại trách sao ông xanh kia độc-địa nỡ chôn vùi anh-hùng tài-tử vào trong bể trần-ai, ai dắt-díu cho, ai đỡ vực cho, nghĩ tiếc thay xót thay cho chàng tuổi trẻ, luống lại thương mình, chăn loan chếch-mếch, gối điệp lạnh-lùng, chiêm-bao một giấc lìa hồn, luống tưởng cành hồng con bướm đậu. Đêm chim-chĩm hay đâu trời chợt sáng, bỗng con hoàng-oanh bay đậu trên ngành liễu, trước cửa véo-von, trận gió đập bức mành, làm cho mình mộng-hồn kinh-tỉnh, lại năn-nỉ bóng, than-thở lòng, chợt trông ra bóng vừa rựng sáng, mấy cành hoa mai đua nở, trước cửa sổ câu-lơn trắng xóa, tưởng như con người ngọc phẳng-phất đi qua, gánh tương-tư lại càng nặng chĩu.

Con oanh mày đậu éo-le,
Gọi tan giấc thắm buồng khuê của mình.

Sáng sớm cụ Thượng-bà đã dậy, thấy tiểu-thư còn khóa cửa buồng xuân, quái lạ cho con sao sớm nay dậy muộn, sai Thúy-Hoàn lên đập cửa gọi thì ra đã sáng quá rồi.

Tiểu-thư dậy bàng-hoàng nghĩ buồn rầu chán-ngán, từ-chối không ăn cơm bữa sáng, ấy : Nhớ ai nhớ mãi thế này, Nhớ đêm quên ngủ nhớ ngày quên ăn!

Cụ Thượng bà thấy con ra chiều ủ liễu phai đào, băn-khoăn dò hỏi, hay là con bị cảm, hay là con bị đau? Nào biết đâu: Tương-tư không ốm mà sầu, con ruồi đậu mép không đau mà buồn.

Tiểu-thư liền thỏ-thẻ tiếng oanh thưa với mẹ: « Con muốn ra đình xem tế. »

Cụ Thượng bà vốn chiều con, và biết đâu nỗi lòng con mắc tình vì cậu Bé-con nhà lão Đốp, cốt ra đình để trộm liếc con người ngọc hôm qua. Cụ Thượng bà bảo ừ. Giục con vào sắm-sửa nữ-trang: hoa hột vành cánh, khăn nhung áo gấm, quần lĩnh giầy cườm, nón phụng quai thao mỏ vịt, sai con Thúy-Hoàn bưng hộp trầu hầu cô ra đình xem đám và xem cụ ông vào chủ tế.

Tiểu-thư được lời mẹ nhủ, mặt nở tươi hoa, lưng mềm uấn liễu, dạo gót sen từ ngõ hạnh sân hoè, qua ngàn tre dẫy trúc ra quán ngói cổng ngăn, hoa cỏ hai bên mé đường làng cũng mừng hớn-hở. Khi ra tới cổng đình, gặp Bé-con vái chào; tia sáng hai con mắt tình liếc ngang, lại gặp nhau phen nữa, tiểu-thư xem dường có ý e thẹn, một lời êm thắm, hai má đỏ bừng, cất tiếng bảo: « Tôi không dám! », rồi ghé nón trông đình.

Bé-con cũng lui vào trong đình, hầu hạ việc làng, nhưng vẫn thường trông tăm liếc trộm.

Tiểu-thư tuy đứng xem cụ Thượng vào chủ-tịch tế thần, song đôi con mắt vẫn in cái tinh-thần hình-dạng cậu Bé-con vào trong màng con ngươi, thấu vào trong tim óc không chút rời.

Em ra đình ghé nón trông đình,
Tính bao nhiêu ngói em thương tình bấy nhiêu.

Khi tiểu-thư xem tế xong, trở gót ra về, tơ lòng đứt đoạn, một bước đường một đau; về tới nhà vẫn ra chiều liễu ngán hoa sầu, ủ-ê không buồn nói.

Cụ Thượng bà thấy con đi xem đình đám về, mà sao lại nhan-sắc kém tươi, tinh-thần ẻo-lả, ngờ hay là con có cảm-thương nỗi gì, dò hỏi dò la. Tiểu thư chỉ một niềm không nói. Cụ Thượng bà thương con lòng nặng, sai Thúy-Hoàn đi nấu cơm nóng giò hoa và chả lụa cho ăn. Song tiểu-thư một niềm từ chối, đắng miệng không chịu ăn.

Khi đó cụ Thượng ông còn đương tiệc yến ngoài đình chưa về, Bé-con lại đội mâm xôi sỏ lợn vào biếu phần. Bóng con người ngọc vừa thấp-thoáng tới cổng ngăn, cất tiếng gọi Thúy-Hoàn, đàn chó trong động tiên xô ra xủa Lưu-lang anh-ảnh. Tiểu-thư vội bước ra mắng chó, cho vào nhà trên, sai Thúy-Hoàn đi lấy mâm bát chại phần; nhân mở hộp lấy trầu đưa cho Bé-con một miếng, sẽ bấm tay mà rằng: « Tối nay trăng rằm bóng xế, sẽ lẻn tới vườn hoa cửa nghẽn sau, cho tôi hỏi nhỏ một câu chuyện này nhé. » Bé-con xin vâng lời. Rồi Thúy-Hoàn cầm mâm bát ra chại phần. Bé-con chào lui ra. Tiểu-thư còn liếc trông theo bóng con người ngọc ra khỏi ngõ, rồi trở vào buồng khuê, nằm nghĩ-ngợi mơ-tưởng, lại một giấc chiêm-bao lìa hồn; màn hoa lạnh-lẽo, nét liễu ủ-ê, cụ Thượng bà luống băn-khoăn vì con, cũng đành phải khép cửa buồng màn cho ngủ:

Ngọc còn nhớ khách Lam-kiều,
Chăn loan gối điệp ra chiều ủ-ê.

Hôm ấy khi trời đã chiều tối, cụ Thượng ông ở đình về, cụ Thượng bà nói tiểu-thư bị cảm không chịu ăn cơm, chỉ nằm ngủ trên buồng khuê suốt ngày. Ông bà cùng sai Thúy-Hoàn lên gọi dậy, rồi bắt ép tiểu-thư ăn cơm. Lệnh cha mẹ không dám trái lời, tiểu-thư phải gượng ngồi gắng ăn được một lưng cơm gạo tám xoan. Ông bà

cùng lấy làm mừng lòng yên-ủi, sai Thúy-Hoàn chăm nom hầu-hạ.

Khi đêm tối ông bà đi nghỉ, chỉ một ả Thúy-Hoàn nằm ở mé cửa buồng, để phòng khi tiểu-thư có sai gọi gì chăng.

Ngờ đâu đêm ấy, tiểu-thư chỉ trằn-trọc không ngủ. Canh khuya cảnh vắng, sương đà nặng giọt, trăng đã xế đầu, dẫy ngàn hoa bụi trúc vườn sau, róc-rách gió pha, luống mong những hoa chờ trăng hẹn. Trời quá nửa đêm, con Thúy-Hoàn mê-mệt, sù đầu chợp ngủ đi. Trống đã điểm ba, chỉ một tiểu-thư với một bóng một trăng sánh với mấy ngành hoa trước cửa sổ; ruột tằm tơ nhện, rối-rắng vì ai.

Chiếc thân gái ở buồng khuê,
Bóng trăng hồ xế hoa lê lại gần.

Hôm ấy Bé-con từ khi vào biếu phần, được lời hẹn ra về, bụng bảo dạ rằng: « Quái lạ sao! có lẽ nào tiểu-thư là con gái quan Thượng lại có tình đoái thương đến mình chăng? Đài gương soi đến dấu bèo, sập vàng phủ manh chiếu rách, thì lạ quá! Nhưng tiểu-thư nếu không mắc tình với mình, thì sao có hẹn đêm trăng vào vườn hoa hỏi nhỏ? Hỏi nhỏ sự gì, chỉ chuyện tình đó thôi, dễ chăng tơ nguyệt vấn xe, để cho mình mượn tay nhi-nữ đào-tạo, sôi kinh nấu sử, cho nên chí anh-hùng đó chăng? Song chỉ e cha mẹ tiểu-thư không đời nào chịu gả con gái cho mình, chỉ còn nhờ có duyên trời xe buộc, họa may ra mình mới được bén gót đài-trang, vào nơi lầu son cửa tía chăng? Vả nay tiểu-thư đã hẹn, mà mình ngợ không dám vào, thì hoài mất cơ trời gặp-gỡ; mà mình đánh liều vào, lỡ hở lộ ra, thì cha mẹ và mình, đến phải bỏ nơi này mà đi nơi khác, chứ khó ở được đây. Nhưng đi đâu cũng đất nhà trời, mình chẳng thiết gì nơi làm mỗ, âu là mình hãy cứ đánh liều vào, xem tiểu-thư nói ra làm sao, chứ biết đâu mà lo xa được. »

Đêm ấy canh đã điểm ba, sao tàn trăng xế, gió lạnh sương sa. Bé-con vẫn đứng ngồi chọc-mọc không ngủ, chờ cha mẹ ngủ say, trời đêm khuya làng nước đều im phắc, một mình lẻn dậy, ra cổng đình ngập-ngừng đòi ba thứ, mới đánh bạo dấn mình bước đi, qua dẫy trúc ngàn tre, sấn vào tới cửa nghẽn sau vườn hoa nhà cụ Thượng Lê, giọt sương gieo lách-tách, trận gió thổi phập-phì, trăng xế sao mờ, ảng vườn hoa phơ-phất, vắng tanh nào có thấy bóng người, lạnh-lẽo đường tình nghĩ càng thêm ngao-ngán.

Một tường tuyết phủ sương ngần,
Vì hoa nên phải tới gần thăm hoa.

Bé-con sầm-sầm đến nghẽn sau gõ cửa cạch-cạch.

Tiểu thư vẫn ngồi trong cửa sổ câu-lơn lòng nghe, vội chạy ra mở cửa đón vào vườn. Hai người cùng tới gốc cây mai, dưới bóng trăng ngành hoa che rợp, ngồi nói chuyện. Hoa cười trăng liếc, loan mừng phượng, phượng mừng loan, thỏ-thẻ tiếng oanh, nỉ-non duyên én, canh khuya trò-chuyện biết mấy vạn hộc tình, chẳng khác gì Từ Thức vào động gặp tiên. Tiểu-thư hỏng cau mày mà rằng:

« Này tiểu-lang ơi, từ khi tôi thấy tiểu-lang vào biếu phần, tôi coi người có tài có mạo, mà trách sao ông hóa-công độc-địa, nỡ dày đọa vào bể trầm-luân đến thế! Ai là người dắt-dìu nâng-vực cho tiểu-lang, ở nơi bùn lầm mà lên dám mây xanh tít? Tôi vì thế mà động lòng thương xót. Vả tôi đây vốn con nhà khuê-các, kể không thiếu gì các cậu công-tử giàm hỏi, song tôi thiết-nghĩ rằng phận nữ-nhi bồ-liễu, nếu chỉ lấy chồng sang-trọng để nhờ cái thế-lực danh-tiếng của chồng, thì sao có giá-trị là bậc nội-tướng được, nên tôi chỉ muốn lấy con nhà học trò nghèo mà khuyên nhủ cho chồng học, đến khi đỗ làm nên bậc công-khanh, thì mình mới đáng là bậc gia-tướng, hàng

mệnh-phụ, mà không thẹn phấn-son con nhà khuê-các. Vậy nay tôi thấy cậu, người coi có tài-mạo, mà sa thân vào cửa đớn-hèn, nên tôi mới động lòng thương xót, muốn cứu giúp cho cậu, nếu cậu có thể nghe lời tôi mà dốc chí học quyết-khoa được, thì tôi xin quyết giúp cậu, mà tìm chốn thầy bạn cho cậu học kỹ cho thành-đạt, bấy giờ sẽ kết nghĩa trăm năm cùng cậu, thì cậu nghĩ sao? »

Bé-con lặng nghe, thở dài mà rằng: « Tôi từ bé vẫn rắp chí muốn học, nhưng thiết-nghĩ mình là con nhà ti-tiểu phận đê-mạt, vào học nhà đại-gia, hồ-dễ ai người chịu dạy, mà học các ông đồ vườn, đủ biết ba chữ quèn làm tổng-lý, thì chí mình không đủ học, chẳng thà chịu dốt đặc cho xong. Nay nếu tiểu-thư có sẵn lòng thương yêu, tìm thầy bạn cho học, thì tôi quyết chỉ học ba năm là quyết-khoa được. Tuy tiểu-thư thương yêu tôi đã đành, nhưng chỉ e rằng cha mẹ nào chịu cho, vậy có lòng anh giã ơn lòng, sang hèn cách xa nhau lắm lắm chẳng đèo bòng được đâu! »

Tiểu-thư nghĩ ngần-ngừ mà rằng: « Nếu cậu có thể học quyết-khoa được, thì tôi xin quyết thề giúp cậu, còn các sự nói với cha mẹ, thì cậu cứ mặc tôi, nếu tôi không giúp được cậu, thì cũng đành bỏ thân bồ - liễu mà thác xuống suối vàng, chứ thề không sống nữa. »

Hai người bẻ cành hoa mai, trỏ bóng trăng già thề nguyện. Chợt nghe tiếng gà gáy canh, con chim gọi sáng, giọt sương róc-rách, ngọn gió đìu-hiu, bỗng sực động tiếng người văng-vẳng bên ngoài tường, nghe như nhà hàng xóm đã dạo-giục có người dậy, hai bên vội từ giã nhau ra về, lối nghĩa hẹn-hò, đường tình chia rẽ, biết bao giờ Lưu - lang lại tới chốn Thiên - thai, chỉ còn nhờ có cơ tạo và bà nguyệt ông tơ dun - dủi thế nào, họa may mới có kỳ tái-ngộ.

Khi đó tiểu-thư trở gót buồng khuê, con Thúy-Hoàn hãy còn nằm sù đầu ngáy ngủ. Vầng trăng xế sổ, chiếc bóng nương mành, lại một giấc mơ-màng, hồn theo tri-kỷ.

Bé-con về tới nhà, cha mẹ hãy còn yên giấc, sẽ lẻn vào nằm mòng, thần-hồn tưởng như lúc vin ngành hoa thề trăng nơi vườn thúy.

Cùng nhau thề hẹn đêm qua,
Bóng trăng mờ tỏ đóa hoa não-nùng.

Sớm mai tiểu - thư chỉ nằm ly-bi không trở dậy, con Thúy-Hoàn sực tỉnh, thấy vừng hồng phía trời đông đã đỏ rực, bàng-hoàng dậy, hé cửa lách lá mành bước ra chạy xuống.

Cụ Thượng bà thấy con ngủ muộn, băn-khoăn chạy lên đánh thức hỏi han, rồi giục Thúy-Hoàn nấu nước sôi cơm nóng, canh thang cháu đậu, ép dỗ cho ăn. Tiểu-thư không hề ăn uống được một miếng. Cụ Thượng ông tự nhà ngoài chạy vào thét quở, tiểu-thư cũng nhất-vị không chịu ăn.

Cụ Thượng bà xót con, sai Thúy-Hoàn đi mời thầy thuốc, thầy cắt những phương thuốc hữu-tình, bổ khí hòa-huyết, lại càng như khêu lửa dục bừng-bừng, mà cắt những bài thanh-lương-tán cũng không hiệu, thầy lang án mạch bảo: « Bệnh-tình kiêm ngoại-cảm nội thương, chỉ có mỗi vị bạch-đồng-nam, họa may gỡ được, mà không thì đến củ địa-liền, gia mấy nhát ô-mai, thật là bệnh nguy-kịch lắm, thầy chịu bó tay không chữa được! »

Cụ Thượng bà lại sai Thúy-Hoàn mời thầy bói. Thầy gieo quẻ xong, lắc đầu mà rằng: « Gặp quẻ trạch-lôi-tùy, nội-quái trấn vi trưởng-nam, chi-quái biến vi đoài thiếu-nữ, hào nhị động biến vi hào ngũ, âm biến dương, dương biến âm, quẻ này có thần đồng âm ảnh, thầy chịu không đoán nổi! »

Cụ Thượng bà dủ-dỉ nói nhỏ với quan ông rằng : « Ông ơi, bây giờ chỉ có hai lẽ : một đàng thì con chết uổng mạng ; một đàng thì con sống, mà phải lìa nhà. Ông tính đường nào hơn ? »

Cụ Thượng ông hỏi : « Sao lại con chết uổng mạng ? sao lại con sống mà lìa nhà ? bà nói tôi không nghe hiểu ra lẽ gì cả ! »

Cụ Thượng bà bảo : « Vừa rồi con nó bảo rằng nó nằm chiêm-bao thấy một vị long-thần đưa ông tơ bà nguyệt đến bảo xe nó lấy Bé-con nhà lão Đốp, mà không thì tróc - vía thu - hồn bất phải chết, nhưng nó sợ cha mẹ không chịu gả, nên nó không dám nói, giờ ốm đến thập-tử nhất-sinh, nó phải thú thật tình, xin cha mẹ cho phép được lấy Bé-con, rồi vợ chồng nó đưa nhau đi phương khác, không dám để tiếng xấu cho cha mẹ ; nếu mình không gả thì nó đành chịu chết uổng mạng, chứ không chịu lấy ai, vậy ông tính thế nào ? »

Cụ Thượng ông lắc đầu mà rằng : « Có lẽ đất nhà mình đến khi hết phúc, mà phát-sinh ra con gái muốn lấy con nhà mõ ! Bà thử nghĩ công tôi học-hành trong mấy mươi năm, mới thi đỗ tiến-sĩ, làm nên đến Thượng-thư, giờ về làng lại thông-gia với lão Đốp hay sao ? làng nước người ta giễu-mỉa, sống trỏ mặt, chết trỏ mồ, công - nghiệp mình, danh - giá mình thôi là vì đứa con gái mà vứt đi cả, chẳng thà nó chết đi lại còn hơn là để tiếng xấu cho cha mẹ. »

Nghĩ mình phương-diện quốc-gia,
Quan trên trông xuống người ta trông vào !

Cụ Thượng bà bảo : « Ô hay ông bảo đất nhà mình hết phúc, phát-sinh ra con gái muốn lấy con lão Đốp, thế ông không nhớ ngôi đất Đường-cồng ngày trước ông ganh nhau với quan Thượng Hà mà ông cho lão Đốp hay sao ? Tôi tưởng ngôi đất ấy bây giờ mới phát-tích cho nhà lão, nên con lão mới coi ra khôi-ngô tuấn-nhã, nên tưởng cậu học-trò, đến con nhà mình nom thấy cũng say mến. Tôi tưởng đức long-thần báo mộng cho con mình, tức là ông long-mạch ngôi đất ấy ứng-hiện lên, muốn mượn tay con mình, mà dắt-dìu cho con lão Đốp học thành tài kia đó, ông ạ. Nếu không thì con mình xưa nay, vốn là con nhà khuê-các, không phải tuồng trăng hoa, có thiếu gì con nhà sang-trọng giạm hỏi, mà nó không chịu lấy ai, giờ lại mắc bệnh tình với con lão Đốp, chắc là duyên kiếp và cuộc đất xui nên, chứ không sai, vả ngôi đất của ông cho, bây giờ không được phát-phúc ăn về phần con trai, thì phát phúc ăn về phần con gái hẳn rồi, chi bằng mình cứ gả cho nó, rồi đuổi phứt vợ chồng nó đi một chỗ cho học, bao giờ rõ thi đỗ thành-danh sẽ cho về, thì mình cũng được tiếng tác-thành cho nó ; rể hiền chả hơn trai ư ông ? »

Cụ Thượng ông nghĩ ngần-ngừ một lát mà rằng : « Bà nói cũng có lẽ, nhưng chỉ khốn về nỗi nó là con nhà mõ, có lẽ quan Thượng-thư về làng thông-gia với mõ hay sao ? »

Cụ Thượng bà nói : « Ô hay ! sao vua Nghiêu thông-gia với ông Cổ-Tầu ? quan Thượng-thư đã sánh bằng được vua Nghiêu đâu ? và lão Đốp mang tiếng là làm mõ, song hiền-lành phúc-hậu, không ương-ngạnh như ông Cổ-Tầu kia mà. Vả lại ông vẫn thường mừng các quan Đốc-học, giáo, huấn là các quan « tư-đạc » là giữ mõ thì sao ? Người ta bảo không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời, ấy thường con nhà mõ khi trời mở cửa cho, đất nẩm phần cho, thường lại hơn con nhà quan-viên thất-thế kia đấy. »

Đời cha vác mõ đi rao,
Đời con vang tiếng ai nào biết đâu.

Khi đó cụ Thượng ông ngồi nghĩ kỹ, sực tưởng rằng: « Có lẽ ngôi đất Đường-công mình cho nhà lão Đốp, bây giờ mới phát-tích thật, nên Bé-con coi cũng có phúc-tướng thanh-kỳ, chứ chiêm-bao của con gái, thì chẳng qua vì tình mơ-tưởng, chắc đâu ông long-thần ứng-hiện, ông nguyệt-lão vấn xe. Nhưng nếu đàn bà đã tin nghe, mà mình lại nhất-khái không gả, lỡ ra vận mệnh con thế nào, đàn bà lại rầy-rứt là mình giết con, làm cho đến uổng mạng. »

Cụ nghĩ như thế rồi, bèn sai người nhà làm bữa tiệc, mời hết thảy bà con họ hàng làng mạc đến xơi rượu. Khi tiệc say, cụ nói rằng: « Thưa các ngài, đây là bà con ta cả, bữa rượu này là bữa rượu tôi gả chồng cho con gái thứ ba, và từ-biệt từ rầy không dám nhận nó là con nữa, vì đất nhà tôi hết phúc, con nhà quan nào giạm, nó cũng không chịu lấy, giờ lại tình-nguyện lấy con nhà lão Đốp, không thì một chết hai chết. Vậy tôi cũng đành gả cho nó mà đuổi đi, vì cũng như hòn máu rơi, hạt mưa sa đi nơi khác mất rồi đó thôi. »

Cụ Thượng bà rằng: « Thưa các ngài, cái số kiếp cháu như thế, vợ chồng tôi cũng đành như không có nó nữa, hay là mình không đẻ nó ra, cũng chẳng làm gì một mụn con gái hư hỏng ấy. »

Cụ ông cụ bà nói xong, tiểu-thư thu vén tư-trang được chừng năm bảy trăm một nghìn; ra trước sân cúi đầu lạy cha mẹ, chào họ hàng, rồi lững-thững bước ra nhà ông lão Đốp ở đầu đình, xụp xuống lạy cha mẹ chồng, xin lấy cậu Bé-con làm chồng.

Vợ chồng lão Đốp sợ rối lên, vội đứng dậy từ-chối: « Cô làm thế thì có đuổi vợ chồng con cái tôi đi không còn dám ở làng này nhờ vả các cụ quan-viên được nữa! »

Tiểu-thư kể tình đầu: « Cha mẹ đã ưng gả, nhưng đuổi vợ chồng con phải đi xa, mà khuyên cho chồng học, còn cha mẹ thì cứ ở yên nhà làm ăn, không nên nói can-thiệp gì đến sự thông-gia với cụ Thượng, mà cũng không nên nói rằng con trai lấy con gái cụ Thượng, vì cha mẹ tôi đã từ bỏ không nhận tôi làm con nữa rồi. »

Phận dầu dầu vậy cũng dầu,
Xuất-thân đón rể đưa dâu cũng mình.

(Còn nữa)

NGUYỄN THÚC-KHIÊM

BÀI KÝ VỀ GIÁO-DỤC

Lễ nghỉ tết nguyên-đán của Trí-đức học-xá

Sau khi bản-tính, hội-đồng tổ-chức cuộc lễ ủy cho thầy giáo quốc-văn của học-xá viết lời đạt cho học-sinh và giấy mời các bạn đồng-chí như sau :

1.— Lời đạt.— Phương-thành ngày 22 tháng chạp ; kỷ-tị (21-1-1930). Lời đạt khắp cả các nam nữ học-sinh T.Đ. H.X.

Năm tàn tết đến, người Việt-Nam ai chẳng mang nặng tấm lòng cảm-khái, giục người phong-cảnh năm tàn lại năm, cảm-khái đã nhiều mà công việc lại cũng nhiều, có ai đã gọi được là nhân rồi. Nhưng trong lúc bận-rộn mà giữ cho điều nghĩa-lý không sai, việc lễ-nghi đừng thiếu, mới là người tỉnh-tao sáng-sủa, mà đó mới là người tập được tư-cách làm việc lớn sau này.

Học-xá định về phần học-trò, phải tự nghĩ lấy một bài văn chúc tết, đó là theo cái thường-lệ của học-xá, và đó là theo cái chí-thú của đàn anh, đàn chị trước.

Bài văn đại-khái mấy điều cốt-yếu như sau, học-xá trước vì học-trò mà đàn cái đầu bài :

1.— Cảm-tưởng lúc năm tàn ;

2.— Cảm-tưởng về việc học quốc-ngữ của học-xá khai-giảng lần thứ ba này ;

3.— Nhớ lại cảnh học-xá khi trước ;

4.— Hi-vọng cho cảnh học-xá về sau ;

5.— Lời cám ơn mừng tuổi thầy học, mừng tuổi học-xá. Đại-khái là thế chứ tình riêng người, văn vẫn tự-do, ai muốn nói gì mà không được, văn nào hạn-chế lòng ai. Được lời đạt, các học-trò nên suy-nghĩ cho kỹ và cố viết cho hay để khỏi phụ lòng thầy, khỏi phụ tiếng học-xá. Chiều mai, thứ tư, trường nhà-nước nghỉ tết. Tối mai học-xá cũng tạm nghỉ học để các học-trò ở nhà thu-xếp cho an-bài các công-việc. Ngày thứ năm thì viết cho xong bài văn, tối thứ năm, 24, đến trình thầy giáo quốc-văn của học-xá duyệt trước và khi ấy sẽ cho biết ngày giờ và chương-trình cuộc lễ. — Nay đạt — Học-xá chưởng-giáo.

2.— Giấy mời.— Phương-thành ngày 26 tháng chạp năm kỷ tị

Kính mời các bạn đồng-chí,

Học-xá Trí-đức chúng tôi khai-giảng lần này là lần thứ ba vừa gặp tết nguyên-đán năm canh-ngọ. Tối mai 27 tháng chạp, học-xá có định cuộc lễ nghỉ tết. Vậy xin kính mời các bạn đồng-chí đêm ấy vui lòng đến chứng-kiến và đem tấm lòng yêu văn-chương nước nhà nghe qua những bài văn ngây-thơ của các học-trò mừng tuổi học-xá. Văn-chương dẫu có thật-thà, nơi chỗ dẫu có chật hẹp, nhưng do một tấm chân-thành, xin các ngài sẵn bụng khoan-dung cho, chúng tôi lấy làm vạn hạnh. Nay kính. Học-xá chưởng-giáo và các nam nữ học-sinh. (Theo đây xin có chương-trình cuộc lễ)

Việt-Nam — Phương-thành
Trí-đức học-xá

Chương-trình cuộc lễ nghỉ tết nguyên-đán.

1.— Học-xá chưởng-giáo kiêm quốc-văn giáo-học nói mấy lời giới-thiệu cuộc lễ và ý-nghĩa tết nguyên-đán,

2.— Các học-sinh lần lượt mỗi người đọc các bài văn tết ;

3. — Nam học-sinh đọc bài văn cảm ơn chung ;

(Lưu Văn-A đọc)

4. — Nữ học-sinh đọc bài văn cảm ơn chung ;

(Nguyễn Đạm-Cúc đọc)

5. — Mỗi học-trò ngâm một bài thơ sẵn tả về cảnh xuân có nghĩa xuân-tâm xuân-ý ;

6 — Thầy giáo quốc-văn của học-xá hát bài hát « Xuân Trí-đức » ;

7. — Nam học-sinh hát bài hát « Mừng tuổi tiếng nước Nam » và « Xuân Đông-hồ » ;

8. — Nữ học-sinh hát bài hát « Ngày xuân mừng tuổi thầy học ».

Cuộc lễ đúng 7 giờ tối thì cử-hành.

***

Năm kỷ-tị, tháng chạp, đêm 27, T.Đ. H.X., trên bờ Đông-hồ làm lễ nghỉ tết nguyên-đán năm canh-ngọ Quang-cảnh học-xá đêm ấy cũng vẫn giữ lối trần-thiết; thường không có gì là rực-rỡ lộng-lẫy, nhưng dưới những bóng đèn, ánh sáng tỏa dịu, mùi hương thơm, nét hoa đẹp phát-sinh cái hoàn-cảnh đầm-ấm vui-cười, phảng-phất cái khí-vị thâm-trầm phong-nhã; tử-đệ hoa tươi, tân-bằng mây họp biết bao là cốt-cách tinh-thần ! Trước học-xá lục treo câu đối tết :

Ấy kia ai vặn máy tuần-hoàn, đưa thoi ngọc để xoay trời đất lại ;

Ừ mới biết là tay tạo-hóa, tuôn then xuân cho rạng nước non ra.

Trong học xá có câu đối :

Trí-thức làm nước, đạo-đức làm phân, chất văn-học tưới - vun chồi Quốc-ngữ ;

Đông-hồ là nghiên, Tô-châu là bút, màu gió mây trang-điểm bức Phương-thành.

đó là tả qua cái cảnh lơn chung quanh học-xá và cái chủ-não tâm-hồn của học-xá vậy.

Giữa bàn đọc văn, có chưng bày các thức hoa lan hoa huệ là những giống danh hoa, hai bên có đôi câu đối nhỏ :

Trí-đức hai mùi lan huệ đậm ;
Hồ-sơn đôi vẻ nước mây tinh.

Y theo chương trình đã định, thầy giáo quốc-văn nói mấy lời giới-thiệu cuộc lễ và bày cái ý-nghĩa cảm tình tết nguyên-đán.

Kính thưa các bạn đồng-chí,

Cây cỗi lại tơ, hoa tàn lại nở, trải qua bao độ khó khăn, Trí-đức học-xá chúng tôi khai-giảng lần này là lần thứ ba, vừa gặp tết nguyên-đán năm canh ngọ đặt cuộc lễ này là để đón chào cảnh đẹp và nhân đó mà khiến nghĩ tưởng đến việc học-hành. Nhưng cái cốt-yếu thứ nhất là muốn tập cho các học-sinh quen làm bài văn cho văn-vẻ, bài văn khác với bài học thường ngày ; tập cho quen đọc văn, ở chốn nghiêm-trang, khác với khi đọc bài với thầy giáo mọi bữa.

Mới vừa khai-giảng lại, các học-sinh cũ đã nghỉ cả, lần này toàn là những học-sinh còn ít tuổi lắm và mới bắt đầu tập-luyện, nên công-việc dạy-dỗ, học-hành cũng chưa có gì đáng trình; duy đã là lễ mừng đón tân-xuân, thì cái ý-nghĩa cảm-tình ngày tết xin phải tự qua.

Đương cơn gió bấc lạnh-lẽo tiêu-điều, cành vàng lá rụng, trời đất buồn rầu, bỗng nhè-nhẹ một cơn gió đông dìu-dặt đưa đến, khiến cho tiết trời thay đổi, cõi đất vui-vầy, hoa tươi lá mởn, nghe tiếng gió nhẹ, cảm khí-vị hòa, bây giờ quả tim nước Việt-Nam này đã cùng với quả tim ông tạo-hóa như nhịp cùng một điệu, mà nô-nức đón mừng xuân về tết đến. Người cùng trong khí-huyết Lạc-Hồng, tâm

lòng đầm-ấm vui-vầy ấy hà có riêng ai cảm-động.

Đối với nước Việt-Nam, cảnh tết nguyên-đán là một cảnh êm ái thần-tiên; đối với người Việt-Nam, ngày tết nguyên đán là một ngày chứa-chan thi-vị. Nghe tế đến là lòng bỗng sinh một mối cảm thiên-cổ lạ, như mơ-màng phảng-phất thấy được cái quốc-hồn thiêng-liêng còn uyển-nhiên bàng-bạc trong non sông, mà khiến cho lòng người như khắc-khoải bồi-hồi, rồi lại như thảnh-thơi vui-sướng... Cái mối cảm-tình ấy nó đã ăn sâu vào trong tâm-não người Việt-Nam, cố-đế bàng-căn tự mấy nghìn đời, cho nên tết nguyên-đán và người Việt-Nam đã ràng buộc nhau bằng một mối vô-tình, cố-kết biết chừng nào, không ai nghĩ đến có ngày rời bỏ được. Hoặc cũng có nghĩ đến thì đó quyết không phải là người đa-cảm, khách đa-tình!

Lòng người với thời-kỳ như đã hẹn; cái hẹn tự bao giờ không biết và chắc không bao giờ lỗi hẹn; mối ái-ân đầm-ấm như đôi lứa tình-nhân trong buổi thanh-xuân, một lần gặp nhau là một lần thấy đôi quả tim cùng đập một tiếng, nỗi âu-yếm vui mừng từ đáy lòng thổn thức đưa lên, mở miệng đưa tay chào đón. Tết nguyên-đán chính là ngày khiến phát-sinh ra cái cảm-tình đối với nòi giống tổ-tiên, cái quan-niệm đối với non sông trời đất. Đó là cái quan-niệm cái cảm-tình chung về phương-diện đại-đồng, còn về phương-diện cá-nhân thì tự ai cũng đều có lạc-thú riêng, tùy cảnh-ngộ tùy cảm-tình mà tưởng nghĩ: kẻ con trẻ thì vui vì bánh pháo cành hoa, vui vì chưa lo nghĩ mà người ta phải có ở đời; người thanh-niên thì vui vì cảnh-vật sáng-sủa tươi-cười khiến nô-nức lòng tiến-thủ, mà một tấm tình xuân những hớn-hở như hoa nở trăng lên, như cánh buồm giương thẳng sắp ra khơi vượt qua muôn trùng biển bạc, biết bao là tráng-khí hùng-âm; bậc lão-thành thì vui vì nhớ lại tuổi ngây thơ, ngoảnh lại cuộc đời dĩ-vãng, con đường vừa qua mà cảm về nỗi phù-sinh nhân-thế.

Thời-gian mạn-mác, vũ-trụ bao-la, đời người là một cuộc lữ-hành. Trên con đường vô-hạn, tất phải đặt ra từng độ đường để cho có chỗ nghỉ chân, khách đi đường khi đã trải qua nhiều những cảnh gió mưa lạnh-lẽo, nắng nực gớm-ghê, chí đã chồn, chân đã mỏi, hình như không còn sức nữa, bấy giờ thì vừa đến một độ đường; ở đây có cỏ tốt hoa thơm, có quả ngon nước ngọt, oanh chào én hót, khiến nhẹ tai đẹp mắt, thỏa dạ vui lòng, thì bao nhiêu điều khó-nhọc khốn-khổ ở quãng đường vừa qua đã tiêu tan cả, mà khi cất gánh lên con đường mới chỉ thấy hi-vọng chan-chan trước mặt mà lòng vẫn hăng-hái hăm-hở chạy lên. Tết chính là độ đường thần-tiên huyền-bí đó, chính là cái móc để đánh dấu cho cuộc lữ-hành trăm năm của nhân-thế.

Cây có cỗi, nước có nguồn, chim tìm tổ, người tìm tông, nghĩa là tôn-giáo trong gia-đình Việt-Nam đã nhiều cao-thượng thâm-trầm; dòng giống nhờ đó mà dài-dặc, dân-tộc nhờ đó mà đông vui, nước nhà nhờ đó mà vững-bền; tôn-giáo gia-đình chính là cái nền tảng cho xã-hội Việt-Nam, mà ngày tết tức là nén hương chén nước, ngọn nến cành hoa đặt trên nền tảng nọ mà dâng lên ông tổ Lạc-Hồng.

Phong-trào thuyên-biến, vận nước đảo-điên, lễ-giáo phong-tục nước nhà ngày một suy-vi đổi-bại, rồi trăm người một miệng cả tiếng đồng-tình mà mắng-mỏ mà chê trách, thì đó là lỗi ở người không hiểu những điều cao lẽ cả, không xét đến chỗ huyền-diệu tinh-thần; vì như vị thuốc bổ mà không biết dùng thì chẳng những không bổ

mà còn làm thêm hại, là lỗi ở người dùng sai, chứ há có phải tôi ở vị thuốc đó ư ? Nếu có tay lương-y, xem thấy được con bệnh rồi, biết dùng thuốc cho phải đường thì thấy ngay công hiệu mà vạn-bệnh rồi cũng đến ngày hồi-xuân được. Ấy đối với vị thuốc lễ giáo phong-tục nước nhà, chính là vị thuốc hay quốc-dân ta phải là tay danh-y mới được ; có phải là tay danh-y thì vị thuốc kia chính là vị thuốc làm tăng-bổ khí-lực cho xã-hội rất nhiều ; trái lại, nếu dùng thuốc không phải đường thì đó là làm cho bệnh xã-hội ngày thêm trầm-trọng mà thôi !

Học-xá chúng tôi hôm nay, đặt ra cuộc lễ này là muốn thử tập làm một tay lương-y để chữa cho cái « bệnh dùng lầm thuốc phong-tục lễ-giáo » của xã-hội mình vậy.

* *

Sau này xin giới-thiệu các bài văn của nam-nữ học-sinh. Các bài văn ấy tôi đã có duyệt qua và nhuận-sắc sơ cả, phải làm như thế là không dám để bày rơm-rác ở trước mặt chư đại-nhã ; nhưng mà cũng chỉ nhuận-sắc sơ mà thôi, là muốn cho còn giữ lại cái bản-chất tự-nhiên. Bấy giờ góp ý-kiến văn-chương trong cả các bài, tự tay tôi soạn cho phần con gái một bài, phần con trai một bài ; đó là cách nhặt bỏ những hoa thường lá xấu mà tuyển chọn lấy những lá đẹp hoa thơm, kết lại thành một bó hoa chung, tuy chưa được toàn là kỳ-hoa dị thảo, nhưng bó hoa kia cũng là bó hoa xuân mơn-mởn tiệm đủ có hương có sắc, đem kính biếu các ngài, để tạ tấm lòng quí-hóa của các ngài đã quá yêu học xá Tri-đức chúng tôi mà đến chứng-kiến cuộc lễ hôm nay.

* *

Thầy giáo quốc-văn nói xong mấy lời giới-thiệu thì các học-sinh lần lượt mỗi người ra đọc bài văn mình, cả 11 bài lục như sau :

1.— Kính thưa thầy,

Năm đã tàn, xuân đã đến lòng em tự nghĩ mà lấy làm vui-thú, vì ngót mấy tháng trong năm vừa qua đã được học chữa quốc-ngữ.

Mừng được học quốc-ngữ là thứ tiếng quí-báu của nước nhà, lại mừng được thầy đã có công dạy dỗ ân-cần. Có nhà học chữ quốc-ngữ mà em mới hiểu biết những điều phải trái, biết ăn ở cho tròn phận-sự để làm người có tư-cách.

Việc cũ là thế, việc sau này hi-vọng còn nhiều.

Thầy thường bảo hi-vọng của học-xá là ở nơi kẻ học-trò ; vậy em cố làm sao cho Tri-đức học-xá được nhiều kết-quả tốt-tươi là em cố học-hành và giữ nhớ những lời thầy dạy bảo.

Nhân dịp tết đến em chúc cho Tri-đức học-xá được bình-an đầm-ấm và mừng tuổi cho thầy được sống lâu đầu bạc.

Nguyễn-nữ Đạm-Cúc.

2.— Kính thưa thầy

Xuân về mới hay năm hết, ngoảnh lại con đường vừa qua mà lòng em những mừng nô-nức. Mừng ấy không phải như cái mừng thường của đứa bé thấy tết mà mừng được khăn giầy xinh, quần áo đẹp. Mừng đây là mừng vì trong năm nay em được nhờ thầy dắt đưa vào nơi cõi học. Trên con đường Tri-đức, em học được chữ quốc-ngữ, nghe được lời hay lẽ phải, biết những cái thú-vị trong văn-chương Việt-Nam, biết những điều vẻ-vang trong lịch-sử nước nhà. Cái sung-sướng vui-vẻ trong lòng ấy chẳng khác nào như vào được một cõi vườn xuân hưởng được mùi thơm-tho của trăm hoa tươi đẹp.

Vậy em xin cố giữ sao cho cảnh học-xá được đầm-ấm vui-vầy để khỏi phụ lòng thầy lo-lắng đã nhiều mệt-nhọc.

Em lại mong cầu cho năm sau cảnh học-xá được xum-vầy, đẹp-đẽ hơn nhiều. Năm mới em kính cám ơn thầy và cầu chúc cho thầy được sống lâu, hưởng nhiều hạnh-phúc và chúc cho học-xá Trí-đức được vững-bền mãi mãi.

Nguyễn-nữ Kim-Dung

3.— Kính thưa thầy,

Hôm nay xuân mới sắp về mà Trí-đức học-xá đã đến ngày nghỉ tết nguyên-đán năm canh-ngọ. Em xin có bài văn chúc mừng tuổi thầy và mừng tuổi học-xá.

Cành đào tơ dương hồi mơn-mởn mà gặp buổi mùa xuân đầm-ấm thì sắp-sửa sinh hương khoe sắc ví như em nay lúc trí óc còn dương trong sạch mà gặp thầy dạy bảo khuyên răn thì sắp-sửa khai-thông tiến-hóa. Vậy thì, em xin rán sức chăm nom lo-lắng về sự học hành, mà tập-luyện lấy chữ quốc-ngữ, tiếng quốc-âm nhà cho thông-thuộc cho tài giỏi. Nếu chữ của nước nhà mà không biết thì sao cho đáng là kẻ học-trò Nam-Việt. Có nhờ học chữ của nước nhà mà em nay mới hiểu biết những chuyện đời xưa đời nay, những điều hay lẽ phải của thánh-hiền mà sửa tâm rèn tính. Em thường trông gương các chị, khi học-xá giảng về hai lần trước, mà gây lấy cảnh đầm-ấm vui hòa cho học-xá để làm vui lòng thầy.

Em ước mong cho cảnh học-xá Trí-đức năm tới đây, năm tới nữa cũng vẫn được vui-vẻ như năm nay mà cầu chúc cho :

Thầy nêu trăm tuổi,
Học-xá nghìn thu !

Vương-nữ Tú-Điểu

4.— Kính thưa Thầy,

Năm mới tết thầy, em biết lấy chi cho xứng-đáng, vì tiền bạc thầy không vui, lễ-vật thầy không nhận, em chỉ xin có chút bông hoa mang đến kính tặng thầy và mừng cho cảnh học-xá được thêm nhiều xuân sắc. Hoa ấy em hái được trong chốn vườn hoa ở giữa đất Phương-thành này.

Cảnh vườn ấy, có trồng tùng trồng bá, lại có trồng cả phù-dung mẫu-đơn ; như thế là vườn đã thực nhiều rộng-rãi.

Bông hoa cây cảnh trong vườn mà được tươi đẹp thế này, dẫu chưa là đủ, nhưng mà đã nhiều nhờ ơn người trưa sớm sửa-sang vun tưới, mới có ngày nay.

Bông hoa ấy là gì ?
— Tức là bài văn cỏn-con này.
Cảnh vườn xuân kia ở đâu ?
— Tức là cảnh học-xá Trí-đức.
Người vun tưới nọ là ai ?
— Tức là thầy của em vậy.

Bông hoa dẫu mới vừa tươi đẹp, mà người trồng hoa vẫn ít có lòng chê, thì bài văn này dẫu có lạt-lẽo mà cũng xin thầy có bụng khoan-dung, nhận cho chút lòng thành-thật.

Vườn vừa thành-lập, bông hoa hương sắc còn hãy tầm-thường ; rồi đây ngày một thêm xuân mà trong cảnh vườn kia rồi cũng sẽ sinh hoa kết quả thêm nhiều ; khi ấy thì cái vẻ hương thơm sắc đẹp không thể đoán trước được là đến ngần nào nữa. Tương-lai hi-vọng hãy còn dài, mây sớm gió chiều, trăng thu nắng hạ, quang-cảnh sẽ còn được vô-cùng rực-rỡ.

Nhân dịp xuân đầu năm mới, em xin kính mừng tuổi thầy và cầu chúc cho học xá có bấy nhiêu lời thơ dại.

Nguyễn-nữ Thanh-San

5.— Kính thưa thầy,

Mùa xuân đến, cây cối tốt-tươi, trăm hoa đầm-ấm vui cười, một trận gió xuân mát-mẻ. Ngày qua nhẹ như thoi đưa, mau như chớp nhoáng mà người đã thêm được một tuổi rồi.

Cảnh học-xá Trí-đức đã được nhiều đầm-ấm vì trên có thầy dạy bảo khoan dung, dưới học-trò tôn-kính học-hành và anh em bạn-bè hòa-nhã.

Tôi những mong cho sau này tôi học chữ quốc-ngữ được thành-tài để làm vẻ-vang cho học-xá.

Năm mới, tôi xin chúc cho thầy bốn chữ « tăng long phước thọ » và chúc cho nhà học-xá bình-an để giữ được như cái cảnh hôm nay mãi mãi.

Phạm Văn-Ký

6.— Kính thưa thầy,

Năm kỷ-tị đã tàn, năm canh-ngọ lại sang. Giữa lúc ấy nhà Trí-đức học-xá làm lễ nghỉ tết.

Trí-đức học-xá là một cái trường để dạy quốc-ngữ cho học trò trong xứ-sở. Học quốc-ngữ rất có ích. Tiếng ấy xưa nay vắng vẻ, nay mới sắp nở mặt với thế-gian. Bây giờ chúng tôi được ngâm-nga huyền-tụng đến thì lấy làm may-mắn vô-cùng!

Cảnh nhà Trí-đức học-xá nay đã được đầm-ấm, anh em vui-vầy, tôi xin cố nối giữ cái cảnh ấy được lâu-dài cho khỏi làm phiền lòng thầy mà mấy mươi năm nữa cũng như một bữa hôm nay.

Năm mới, tôi xin mừng tuổi thầy, mừng tuổi học-xá, và mừng tuổi chữ quốc-ngữ tiếng quốc-âm nhà!

Giang Dương.

7.— Kính thưa thầy.

Năm đã hết... Ngoảnh lại con đường vừa qua mà tôi lấy làm vui mừng, vì đã được tròn phận-sự của mình ấy là việc học quốc-ngữ. Có học quốc-ngữ mới hiểu được lẽ cao nghĩa cả để làm người hoàn-toàn có tư-cách trong xã-hội Việt-Nam.

Năm mới đến, chúng tôi kính mừng tuổi thầy. Bấy lâu nay nhà thầy có công dạy-dỗ mà chúng tôi mới hiểu thuộc được nghĩa-lý đạo-đức thánh-hiền, chúng tôi chẳng biết lấy gì mà đáp lại cho vừa, chỉ biết chăm học để khỏi phụ lòng thầy, và cầu chúc cho cảnh vườn Trí-đức càng ngày càng được thêm xuân thêm sắc.

Trần Văn-Cối.

8.— Kính thưa thầy,

Năm tàn, xuân mới đến; ngày giờ thấm-thoắt như thoi đưa, hết tối đến sáng, hết thu sang đông, hết kỷ-tị sang canh-ngọ. Ngày xuân dâu dễ có nhiều, một xuân một tuổi, bóng thiều-quang đâu có đợi chờ ai. Vậy kẻ học-trò ôi xin cố tranh đua tấc bóng mà làm việc cho ân-cần. Chứ nếu để khi trông lên con đường tiến-thủ hãy còn xa mà ngoảnh lại tuổi xuân đã luống, thì hối-hận là chừng nào mà khi ấy đã không kịp nữa.

Trí đức học-xá khai-giảng lần này là lần thứ ba, công-phu thầy đã nhiều, cốt là cho con em trong xứ-sở được theo học lấy tiếng nước nhà. Chúng tôi chỉ mới học được mấy tháng nay đã thấy có kết-quả ít nhiều. Có nhà học tiếng thần-thánh ấy mà tôi mới hiểu biết những điều phải trái, những lý-thú văn-chương, những chuyện biến-thiên suy-thịnh trong lịch-sử nước nhà, mới nghe được những giọng vui cười than-thở của người đời trước.

Hai lần rồi, đàn anh chị đã làm được vuông tròn phận-sự, vẻ-vang cho học-xá, đó là khuôn mẫu về sau. Thế nên nay tôi xin cố gắng học-hành sao cho khỏi phụ lòng thầy

Năm mới đến đây, tôi xin chúc cho thầy mạnh giỏi sống lâu cũng như tôi chúc cho cha mẹ tôi và mừng cho học-xá Trí-đức được thêm lên một tuổi vui cười.

Lư Văn-A

9.— Kính thưa thầy,

Ngày giờ thấm-thoắt, bỗng chốc mà năm đã tàn; năm tàn thì trong lòng tôi sinh ra một mối cảm buồn, buồn vì một năm đã qua rồi mà tôi chẳng làm được điều gì hay, trông lên con đường tiến-thủ hãy còn xa mà ngoảnh lại cái tuổi xanh đã luống!

Nhưng cũng còn có chỗ khiến an ủi lòng tôi là tôi đã học được chữ quốc-ngữ. Quốc-ngữ là một thứ chữ trong làng nước ít ai biết, từng đã đem lòng rẻ-rúng mà ngày nay tôi được sớm khuya đeo đuổi là nhờ ai? Có phải là nhờ thầy không? Thầy sớm biết chữ quốc-ngữ ngày sau còn nhiều tương-lai tốt đẹp, nên thầy mới ân-cần mà dạy bảo cho, thì thầy há không phải là người tô-điểm cho non sông cho nòi giống tươi đẹp vẻ-vang đó ư? Đó là về mai-hậu, ngày nay hãy nói cảnh hiện-thời.

Tôi được học quốc-ngữ và nhiều phen lấy làm vui thích vô-cùng; có nhờ học quốc-ngữ mà tôi mới biết điều phải trái ở đời; biết cái lý-thú của văn-chương Việt-Nam, biết được lịch-sử nước nhà trong những lúc vui buồn cười khóc.

Tôi thường được nghe thầy nhắc lại mà khen cái cảnh Trí-đức học-xá của đàn anh khi trước đã nhiều đầm-ấm, vui hòa, vậy nay tôi cũng cố giữ cho được như quang-cảnh ngày xưa!

Năm mới đến, tôi xin kính chúc cho học-xá Trí đức càng ngày càng sáng sủa tỉnh-tươi như xuân như tết và thầy được vĩnh-an vạn-phúc.

Đỗ Văn-Tư

10. — Kính thưa thầy,

Quang-âm thấm-thoắt thoi đưa, đông tàn xuân đến, xuân sang thiên-hạ vui mừng, bông hoa đầy cành tươi đẹp.

Thiên-hạ vui mừng nô nức mà lòng tôi nào đã có vui chi. Thấy năm tàn sực mình nhớ lại, năm vừa qua hết mà học chẳng được bao nhiêu. Trông lên con đường tiến-thủ còn xa lăng lắc mà ngoảng lại bước vừa qua luống những ngậm-ngùi! Vậy năm tới đây, tôi tự-hứa sẽ cố sức gắng công trau-dồi học-tập chữ quốc-ngữ, vì nhờ thứ chữ thần thánh ấy mà tôi mới biết những lẽ cao nghĩa cả ở đời, những sự biến-đổi tiếng khóe câu cười trong lịch-sử xưa nay, mở-mang thêm chút trí-thức, chút đạo-đức; về sau khỏi phải làm người vô-tư-cách ở nước nhà. Buổi trước, anh em chúng tôi chỉ học Pháp-văn, chứ chẳng rõ tiếng nước nhà, chữ quốc ngữ là gì? Người Nam mà chẳng học được tiếng Nam thì người ấy còn thiếu lắm. Nên gần đây, thầy lại rõ biết được cái ngu-dại của con em mà lo lắng dạy-dỗ cho chúng tôi được học tiếng nước nhà, vậy nên chúng tôi phải cố gắng mà học-hành cho khỏi phụ lòng thầy kỳ-vọng.

Sang năm mới, tôi ước mong cho anh em được cùng nhau đến học-tập đông vui mà nay tôi cũng như các anh em xin chúc mừng tuổi thầy và mừng tuổi học-xá được miên-trường.

Trần Văn-Tường.

11.— Kính thưa thầy,

Trận đông-phong dìu-dặt, nghìn bông hoa nở nhởn-nhơ cười. Quang-cảnh ấy là quang-cảnh xuân đầu năm mới. Yêu cảnh mà chạnh lòng, chạnh lòng mà yêu cảnh, thì lại càng hồi-hồi lo sợ buổi xuân tàn. Ngày xuân dần hết, tuổi xuân dần cao, thì tôi sao há dám để mất ngày xuân mà lại càng cố chăm-chỉ sửa-sang tính-tình đức-hạnh.

Nhà học-xá Trí-đức mà được đầm-ấm vui hòa thế này là nhờ trên thầy dạy bảo khoan-dung, dưới học-trò một lòng tôn-kính học-hành.

Xem việc trước mà đoán việc sau biết hãy còn nhiều hi-vọng. Tôi mong cầu cho học-xá năm sau cũng được vô-sự bình-an mà khai-giảng để được thỏa lòng khó-nhọc của thầy.

Lâu nay tôi nhờ có ơn thầy dạy bảo cho học được tiếng nước nhà mà mới được mở-mang trí-đức, những tôi không biết lấy chi đền đáp cho vừa, tôi chỉ biết ngày ngày học-hành sửa-sang tánh nết, để cho thầy thấy được kết-quả tốt-tươi và cầu chúc cho cảnh học-xá được xuân-thu nghìn tuổi và thầy được sống lâu mạnh giỏi.

Đường Ngọc-Thạch.

. . .

Mỗi người đọc bài văn của mình xong thì nam nữ học-sinh đôi bên ra đọc hai bài văn chung của thầy giáo quốc-văn soạn :

1.— Bài của nam học-sinh

Kính thưa các thầy,

Chứng-kiến cuộc lễ nghỉ tết hôm nay, đều là bậc sư-phó của chúng tôi, đều là người đã từng khai-đạo tâm-trí cho chúng tôi cả, chúng tôi xin kính gửi một lời chung :

Vui lòng đến chứng-kiến cho cuộc lễ nhỏ-mọn của chúng tôi hôm nay được bội-phần long-trọng, chốn tinh-thần đã là ơn nhiều, nhưng cũng chưa là mấy ; còn ơn sẽ kể sau này :

Thầy học ở học-xá chúng tôi thường bảo với chúng tôi rằng : Nhà học-xá Trí-đức mà khai-giảng được, chúng tôi được bình-yên mà ngồi học như thế này là toàn nhờ ơn các thầy giúp dập cho cả, hoặc là về phương-diện tinh-thần, hoặc là về phương-diện hình-thức. Cái ân-đức vô-hình và cái ảnh-hưởng gián-tiếp kia, chúng tôi mà biết như thế rồi, từ đó chúng tôi từng ghi chạm trong tâm-trường ; nhân hôm nay mà chúng tôi mới tỏ giãi tấm chân-thành, xin các thầy đoái đến cho lòng kẻ thơ tình thiệt.

Nay chúng tôi lại xin nói cái cảm-tưởng của chúng tôi đối với chữ quốc-ngữ.

Trước khi chưa đến học ở học-xá này, chúng tôi nghe những đàn anh đã được cái hân-hạnh trước chúng tôi nói lại rằng : kẻ học-trò mà được bước chân vào học ở Trí-đức học-xá, được đọc bài văn quốc-ngữ thì trong lòng bỗng thấy vui vẻ nhẹ-nhàng như nghe được tiếng hát dịp kèn, êm-hòa đầm-ấm. Nghe nói dẫu ngây thơ thế nào tôi cũng lấy làm vui thích ; nhưng đã là cái vui-thích ngây thơ thì vẫn có bụng hoài-nghi mà lòng tự hỏi lòng : « Thế nào, cảnh học-xá sao mà vui-vẻ thế, chữ quốc-ngữ đã có gì là thú-vị ? » Những ước được một phen gặp-gỡ. Thời-gian may-mắn xoay đưa vào chỗ ước-ao ; học-xá Trí-đức khai-giảng lần này mà chúng tôi được thầy gọi đến cho học. Kịp bấy giờ, chân bước vào cảnh học-xá, lòng cảm được nghĩa Trí-đức, miệng đọc được chữ quốc-ngữ, tai nghe được giọng Hàn Thuyên, khi bấy giờ mới biết cái cảnh « mỗi buổi sớm chiều giảng học đối với cảnh non cao nước rộng, trong chốn bóng hoa hơi gió, nghe có tiếng bình văn đọc sách, lời văn giản-dị mà có nghĩa-lý thâm trầm, nét bút đơn-sơ mà có chiều thanh-nhã, tả-mạc bức tranh tình-tình người Việt-Nam bằng tiếng quốc-âm nhà ; tiếng ấy đã làm có cái tinh-thần khí vị của non sông nòi giống cùng với cảnh thiên-nhiên nhịp-nhàng điều-độ, êm-ái vui hòa thì hình như cảnh-vật phản chiếu vào trong cõi tâm hồn khiến lấy đó làm cái thú tuyệt trần » là có thực như lời.

Chúng tôi xin dẫn một cái cảm tưởng như thế cũng đủ chứng rằng lòng chúng tôi đối với sự học quốc ngữ bây giờ, thấu hiểu được đến chốn huyền-diệu tinh vi, thì thực là chưa dám, chứ khi đọc bài văn biết vui, nghe lời thơ biết cảm ; việc học quốc-ngữ đã là một việc vui-thích của chúng tôi, thì chúng tôi xin hứa cùng thầy là chúng tôi cố lòng hết sức mà tập-luyện học-hành để khỏi phụ lòng thầy thương mà dạy bảo cho, và khỏi phụ tiếng học-xá là một nhà học nhiều tinh-thần thanh nhã.

Nay gặp, xuân về tết đến, quang-cảnh học-xá được sáng-sủa tỉnh-tươi, trong cảnh pháo nổ hoa cười, dưới bóng trời xuân đầm-ấm, chúng tôi xin đồng thanh kính mừng các thầy trăm tuổi và cầu chúc cho cảnh học-xá Trí-đức cùng với non nước Phương-thành muôn nghìn xuân thu trường-thọ.

2. — Bài của nữ học sinh

Kính thưa các thầy,

Anh em học-sinh vừa rồi đã tỏ lời cám ơn thầy và đã trình bày cái cảm-tưởng vui mừng khi được học quốc-ngữ ở nhà Trí-đức học-xá này, đó là cái kết-quả. Vậy nay về phần chị em chúng tôi, chúng tôi xin nói về cái nguyên-nhân vì cớ làm sao mà phải cảm ơn thầy và lại sinh có cái cảm-tưởng kia.

Hôm học-xá khai-giảng lần này, thầy chúng tôi có giảng cho một bài tập-đọc, nhan là « Đọc thơ nôm có cảm »

Vơ-vẩn tơ vương hồn Đại-Việt ;
Thanh-tao thép tội giọng Hàn Thuyên.

Hồn Đại-Việt, giọng Hàn Thuyên... Hai câu ấy thực là gồm cả cái lòng hi-vọng tối-thiết của bọn ta. Than ôi! Vì sao mà ta khắc-khoải trong lòng, băn-khoan trong dạ, vì sao mà ta mong-mỏi ta tủi-thương ? Chẳng phải là vì từ xưa đến nay ta chưa từng được đem cái giọng Hàn Thuyên mà diễn cái hồn Đại-Việt kia đấy dư ?

Bởi thế, nên ngày nay ta được đọc, được ngâm những mảnh thơ nôm văn nôm của các bậc tiền-bối còn sót lại đến giờ, trong lòng có cái cảm-tình vô-hạn. Tưởng cái cựu-hồn của Đại-Việt ta còn phảng-phất đâu ở trong những mảnh thơ tàn văn vụn ấy mà vẳng đưa đến tai ta những giọng vui sầu của người thuở trước.

Cùng một tiếng khóc, cùng một giọng cười mà sao giọng cười tiếng khóc bằng cái lời họ Hàn kia nó cảm ta như thế ? Là bởi trời sinh ra ta để nói cái lời ấy, trời sinh ra cái lời ấy để ta nói, ta có nói bằng lời ấy mới nói được lòng ta, nói bằng lời khác là nói những sự không thực cả. Trong trời đất chỉ có lời ấy với ta, ta với lời ấy là có cái duyên nợ ba-sinh.

Vì chăng duyên nợ ba sinh,
Làm chi đem thói khuynh thành trêu ngươi.

Ấy, cái hồn văn nôm nó thường trêu ngươi bọn ta là vì thế...

Lời văn kia, thầy tôi bảo là tác-giả viết ra đã ngót mười năm nay rồi, là buổi chữ quốc-ngữ mới bắt đầu phôi-thai. Trong văn hàm có ý tủi-thương mà trông thấy những mảnh thơ tàn văn vụn hãy còn tản-mác chưa từng thu-xếp được hết cả cái « hồn Đại-Việt, giọng Hàn Thuyên » vào một nơi địa-vị hẳn-hoi xứng-đáng. Lúc bấy giờ, tuy là địa-vị tầm thường chứ lòng mừng vui mà quả-quyết biết chừng nào, tuy là thơ tàn văn vụn mà khi nghe thấy còn sinh vô hạn cảm-tình mà nô-nức. Huống nay, chữ quốc-ngữ đã được tôn-quí hơn nhiều, đã dự một cái địa-vị quan-trọng trong quốc-dân giáo-dục mà chúng tôi lại cũng được thong-dong học-tập ; hằng ngày được ngâm-nga huyền-tụng tiếng nước nhà, chẳng phải là chỉ những văn vụn thơ tàn mà là những trường-thiên đại-luận đã đầy đủ rõ-ràng biết bao nhiêu !

Như thế, mà bảo sao chúng tôi chẳng múa hát reo cười mà đồng-thanh tâu lên khúc ca-nhạc hài-nhi để ngợi-khen ông tổ Lạc-Hồng.

Thầy tôi vừa dạy cho bài thơ « cảnh vườn xuân »

Nghe nói xuân già xuân đợi ai,
Vườn tây nhanh gót dạo ra chơi ;
Hoa kia nhị nọ tranh hồng-tử,
Khôn khéo ai đi hỏi thợ trời (1).

問道園春色深。
急穿芒屩去尋隔。
千葩萬蕊爭紅紫。
誰識乾坤造化心。

Người thợ xuân trang-điểm cỏ hoa trong chốn vườn trời, đó là ông Tạo-hóa ; còn người thợ xuân trang-điểm cỏ hoa trong vườn Trí-đức này là ai ? Chẳng phải là thầy chúng tôi đấy du ? Vậy, xuân đến cỏ hoa bón-hở, cám ơn dầm-ấm chua đông-hoàng, thì kẻ học-trò chúng tôi xuân đến, tất phải cám ơn người khai-Lóa.

Cám ơn thầy, chắc không làm cho thầy vui lòng bằng kẻ học-trò tự biết kỳ-vọng cho mình, là làm sao chó cây hoa quốc-văn sau này, nhờ lấy trí-thức làm nước lấy đạo-đức làm phân, vun bồi tưới rội cho mà rồi « nhị nọ hoa kia, đua tranh hồng-tử » thì cái « khôn khéo » sẽ không phải là đi « hỏi thợ trời » mà là đi hỏi ai ?

— Hỏi ai là người giữa buổi hôm nay, chúng tôi hương hoa cầu chúc cùng khắp cả các thầy được trăm năm tuổi thọ.

.*.

Lục ít bài thơ sẵn của các học-sinh ngâm giữa buổi ấy.

1. — Trên sông Tương tiễn bạn

Bảng-lảng trời Tương mây khói quanh,
Bãi lau sông Sở bạt ngàn xanh ;
Cánh hồng đầy tuyết qua Vân-mộng ;
Thuyền khách chưa mui vượt Động-đình ;
Ngày sóng rập rềnh non bảo-đảo,
Đêm sao vằng-vặc nước long-lanh ;
Hoa mai đã dãi qua màu chạp,
Vườn cũ thăm xuân, xuân vừa xinh.

(Tùng-vân dịch thơ Đường)

2. — Say rượu ca tặng bạn

Mặn sớm khoe mầu yến,
Thành xuân thoáng bóng ô ;
Trước nhà nghe những tiếng,
Trong phủ lặng như tờ.
Sáng sớm bên thành hồi trống giục,
Đầy sân những gốc anh-đào mọc ;
Hoa đào đua nở lúc canh khuya,
Thấp-thoáng lâu-đài bóng đẹp ghê ;
Rượu ngon Dư-hàng chuốc mua lấy,
Nghiêng chén chơi xuân, xuân thiếu gì ;
Rượu say, mời bác chờ trăng tỏ,
Mượn bóng trăng lên đưa bác về.

(Tùng-vân dịch thơ Đường)

3. — Ngày xuân chợt thảo

Buổi nhàn muôn việc những thong-dong,
Ngủ dậy hiên đông đợi bóng hồng ;
Loài nọ giống kia đường thỏa cả,
Mùa nào cảnh ấy sẵn vui chung ;
Tình cao ưa những gió mây lạ,
Đạo rộng suy ra trời đất không ;
Giàu khó sang hèn không đổi nết,
Làm trai đến thế mới hào-hùng.

(Tùng-vân dịch thơ đời Tống)

4. — Đêm xuân

Đêm xuân một khắc đáng nghìn vàng,
Có nguyệt cùng hoa bóng lẫn hương ;
Nhịp sáo bên lầu tiếng văng-vẳng,
Cây đu trước viện cuộc mơ-mang.

(Tùng-vân dịch thơ đời Tống)

(1) Thơ ông Chu Hi đời Tống. Ông Tùng-vân dịch.

5. — Ngày xuân gửi viếng bạn Nam-Phong

Biển học dòng chia mạch vẫn liền,
Dầu chưa mặt biết đã lòng quen ;
Mây chiều bàng-bạc màu thanh-khí,
Trăng xế bồi-hồi vẻ bút nghiên ;
Non nước đã cùng chung mối cảm,
Áo bèo chỉ có để tình riêng ;
Vườn xuân sực-nức mùi lan huệ,
Nhờ được thơm lây khóm cỏ hèn.

TRÁC-CHI

6. — Họa thơ thăm bạn Nam-Phong

Nam bắc cành chia cỗi rễ liền,
Một luồng không-khí tiếng hơi quen ;
Cánh buồm văn học xoay phương gió,
Ngòi bút tâm-tình nhang lễ nghiên ;
Lan huệ chút mừng hương-vị ngát,
Nước non chi những nợ-nần riêng ;
Yêu nhau xin tặng đôi cành trúc,
Quân-tử phong-cao khác phẩm hèn.

TÙNG-VÂN

7. — Năm mới tặng bạn tranh non nước

Này bóng thiều-quang thấp-thoáng qua,
Tin xuân oanh đã gọi quanh nhà ;
Thơm-tho được chốn mùi lan tựa,
Cao sạch nhờ trong gió trúc đưa ;
Nửa giấc văn-chương tan mộng cũ,
Trăm năm giao-tất cảm tình xưa ;
Đan thanh một bức mừng năm mới,
Đầm-ấm trời xuân một thú ưa.

BẠCH-NHƯ

8. — Họa thơ xuân bác Bạch-như

Chợt cái xuân về khoan vội quá !
Xuân về trang-điểm nước non nhà ;
Bông-hồ lần sóng đất trời dợn,
Tô-lĩnh chòm mây kim cổ đưa ;
Tửu-hứng bán-hoàn hoa cỏ mới,
Tình hoài man-mác gió trăng xưa ;
Ngày xuân còn lắm duyên tương thắng
Tri-kỷ đồng-tâm lắm vẻ ưa. [(1) ;

TRÁC-CHI

9. — Thú ngày xuân

Ngày sáng xem mai cảm đẹp nhiều,
Vườn trưa thăm cảnh, cảnh xinh sao ;
Rìu-ran đàn sáo quanh vườn hót,
Hoa nọ chim kia thú đủ điều.

TRÚC-HÀ

10 — Ngày giờ thấm thoát

Hết nghĩ gần thôi lại nghĩ xa,
Ngày giờ thấm-thoát tựa thoi qua ;
Thơ xuân bút chép còn tươi mực,
Sen hạ hồ trông đã nở hoa ;
Vừa hái chiếc gương chia lũ trẻ,
Thì nghe khóm cúc đã chồi tơ ;
Chúa đông trang-điểm vườn xuân lại,
Oanh hót mai cười liễu thướt-tha.

TRÚC-HÀ

Thầy giáo quốc-văn của học-xá hát bài hát « xuân Trí-đức »

Mưỡu :

Một năm được mấy tháng xuân,
Một ngày được mấy giờ dần sớm mai.
Trời xuân non nước tỉnh-tươi,
Lòng xuân sao được vui cười với xuân.

Nói :

Vũ trụ chuyển thời-gian bát-ngát,
Cõi nhân-sinh đã biết hạn chừng đâu ;
Cảnh trời ghi có tiết xuân thu,
Màu hoa cỏ, tiếng gió mưa thay đổi.
Lòng người cũng bồi hồi cảm-khái.
Mà vầy-vui hay khắc-khoải cảnh về đi ;
Nhưng vui mà chi, buồn nữa cũng mà chi,
Nên nhớ lại tuổi xuân ngày đã luống.

Hoàn-vũ cải quan tân khí-tượng ;
Sơ-tâm do đối cựu san-hà.

(1) Thắng-cảnh, tương-thần.

寰宇改觀新氣象。
初心猶對舊山河。

Thấy xuân về khiến nhớ cảnh vừa qua,
Mình tự hỏi lòng mình mà nghĩ lấy ;
Phận-sự ấy mà thân-thế ấy,
Nghề bút nghiên theo đuổi bấy lâu sao?
Học thế nào mà hành đã thế nào ?
Chí đã lập mà thân đã tu xong chưa đó?
Chí lập thân tu, công-danh sáng tỏ,
Nức một lòng pháo nổ hoa cười.
Vườn xuân Trí-đức tỉnh tươi !

.·.

Nam học-sinh đọc hai bài : « Mừng tuổi tiếng nước Nam » và « xuân Đông-hồ ».

I

Đất Việt thiều-quang mới,
Non sông xuân điểm-trang ;
Hương hoa mừng tuổi nước,
Mừng tuổi tiếng Văn-lang.

II

Trời xuân về đến Đông-hồ,
Tô-châu mây nổi vẽ màu cổ kim ;
Tỉnh-tươi này nước non Nam,
Tây phương mưa gió khôn đem dãi dầu.

.·.

Nữ học-sinh hát bài : « Ngày xuân mừng tuổi thầy học ».

Này mấy khóm hoa xuân tươi-tốt,
Vị u-thanh sực nức trong ngoài.
Đã đành hương sắc tự trời,
Mà công vun tưới tự người điểm-trang.
Vườn xuân là cảnh học-đường,
Hoa là đạo-đức văn-chương khác nào.
Mưa xuân tưới khắp đồi-dào,
Là ân giáo-hóa thấm vào đã sâu.
Vườn hoa thủa xuân đầu năm mới.
Hội nữ-lưu gặp buổi mở-mang.
Còn nhiều hi-vọng chan-chan,
Còn nhiều rực rỡ vẻ-vang sau này.
Mừng xuân gặp bữa hôm nay,
Hái hoa xuân chúc tuổi thầy dài lâu.

(Ba bài trích ở Đông hồ ngâm-thảo)

.·.

Chương-trình của học-xá vừa hết thì ông Nguyên-Phủ 元父 và ông Quang-Đẩu 光斗 mỗi ông tặng học-xá một bài thất-tuyệt.

1. — Tặng T. Đ. H. X.

(Về nam học-sinh)

Trí-đức ngày thêm mở rộng ra,
Đưa đàn hậu-giác bước đàng xa ;
Năm châu nghiên bút tài trai đó,
Hồng-Lạc còn đây tiếng nước nhà.

NGUYÊN-PHỦ

2. — Tặng T. Đ. H. X.

(Về nữ học-sinh)

Quốc-văn vun tưới mấy cành hoa,
Thu cúc xuân lan đã mặn-mà ;
Réo-rắt đầu cành oanh học nói,
Vườn xuân trang điểm nước non nhà.

QUANG-ĐẨU

Đúng 9 giờ rưỡi thì cuộc lễ nghỉ tết của Trí-đức học-xá cáo-thành.

ĐÔNG-HỒ *biên-tập*

QUẢNG XƯƠNG DANH-THẮNG

Núi Sầm-sơn thuộc xã Lương-niệm, huyện Quảng-xương, núi đất pha đá, phía đông-bắc có bể, phía tây-nam có bãi ruộng cát, bên trong có mười sáu ngọn núi, núi cao nhất ước độ một trăm thước tây, chung quanh dài ước ba nghìn thước, phía đông-nam có một ngọn núi gọi là núi Voi, thuộc xã Tường-lệ, phía đông-bắc lại còn một ngọn núi gọi là núi Cồ-rùa, những chỗ ấy đều có đền thờ ông Độc-Cước, cái núi ấy dẫu không có động sâu hang thẳm, rừng rậm cây xanh, nhưng cũng có một cái thú thiên-nhiên, khách du-lịch đến đó ai cũng phải dừng chân nghỉ bước, để mượn cái quang-cảnh ấy làm cách tiêu-dao, vì chỗ ấy có cái gió bể ở phía đông-bắc đưa lại, rất là khinh-khoái, rất là êm-đềm, lúc ban chiều trèo lên đỉnh núi nhìn chung quanh thời các núi xa gần có bao nhiêu vẻ ly-kỳ đều phô bày ở trước mắt cả, trên mặt bể thuyền xuôi lái ngược, nhấp-nhô sóng gợn, coi như là một bức tranh thủy-mặc treo bên mắt ta.

Tục truyền đời xưa, xã Tường-lệ đêm hôm mồng bảy tháng giêng, mưa to gió lớn, nước ở ngoài bể dâng lên ngập ngang núi, chung quanh núi bao nhiêu cây cối đổ rập cả xuống đất, dân-cư chỗ ấy lấy làm kinh-sợ, hôm sau có người trèo lên đỉnh núi xem, thấy có dấu chân rất lớn in trên hòn đá, dài hơn một thước, dân-cư không ai hiểu vết chân ấy có tự bao giờ, và không biết dấu chân đức thần nào mới hiển-hiện ra đó. Đến ngày mười bảy tháng ba năm ấy, bỗng có một trăm cây gỗ lim tự ngoài bể trôi vào đến chân núi, dân-cư chỗ ấy mới nhân lấy gỗ ấy lập đền thờ ở chỗ vết chân ấy gọi là đền thượng, giữa lại làm một cái đền gọi là đền trung, dưới chân lập một cái đền nữa gọi là đền hạ.

Đền thờ đức thần Độc-Cước rất là uy-linh, trong truyện chép có một vị cao-tăng đứng một chân, đọc kinh giảng kệ, thốt-nhiên một đêm hóa bay lên trời, sau anh-linh hiển-hiện, nhiều nơi phụng thờ, trong tự-điển nước ta nói, thời vị thần ấy có hơn một trăm đền thờ, đền nào cũng có vết chân ngài hiển hiện, mà đền Sầm-sơn thời chính là đền ngài hiển-hiện ra lần thứ nhất vậy. Lâu nay đền ấy không ai thường-thức đến, nên lâu ngày hoang-phế, coi như một chỗ non xanh cỏ biếc đó thôi.

Đến năm Thành-thái thứ mười bốn, ngày tháng bảy gặp kỳ lễ thần, quan Công-sứ tỉnh Thanh, thừa nhàn qua chơi đó, thấy một cái quang-cảnh thiên-nhiên, bèn làm một cái nhà thừa lương ở trên núi Cồ-rùa, gần bên đền thờ để chơi mát, và có khắc một cái bia đại-ý nói rằng: « Non cao nước rộng, xứ Tây-đô là một nơi nhiều danh-thắng ở nước Nam... »

Núi Sầm-sơn tự khi có đức Sơn-tiêu thiên-sư giáng-thế vẫn thường tu-luyện ở đấy, trải mấy nghìn năm, không ai biết đến, dẫu các nhà danh-nhân chí-sĩ, cho đến những bậc du-ngoạn hào-đạt có danh-tiếng xưa nay, thế mà vết xe dấu ngựa chưa từng qua đến, có cảnh mà không có người, chẳng là một sự đáng phàn-nàn lắm ư! Quan Công-sứ bấy giờ là người hào-mại, biết đem cái cảnh ấy mà tô-điểm cho thành được cái vẻ thiên-nhiên của tạo hóa, tưởng cũng có bổ-ích cho nhà du-lịch lắm thay! Dựng cái nhà nghỉ mát, thì có quan Đại-lý đốc coi công việc cho được hoàn-hảo, tự đấy quan tây cùng các quan nam, thừa-nhàn du-lãm, ngựa xe như

nước, áo quần như nêm, thành ra một chỗ đại-đô-hội, thế thời người nhờ có cảnh mà thêm vui, cảnh nhờ có người mà thêm đẹp, ông thần núi có thiêng, tưởng cũng mừng thầm mà nói rằng : « Không ngờ ngày nay cái phong-cảnh ở Tây-đô, nay lại có người ở tây-phương thưởng-thức, chả là một cái đại-hạnh lắm ư ? »

Khi làm xong cái nhà ấy làm lễ khánh-thành quan tỉnh, phủ, huyện và liêu-thuộc đến đấy ngoạn-cảnh đề-vịnh cũng nhiều. Ông Phạm Liêu ở Quảng-nam đương tri-huyện Nga-sơn có đề thơ rằng :

I

Có lạ gì đâu nước mới non,
Lạ vì có cảnh có người còn ;
Bể trông ra thế chừng to lượng,
Non được như đây dễ mấy hòn ;
Trời đất mở-mang ba mặt rộng,
Gió trăng chờ đợi mấy thu tròn ;
Nước non này thấy trong cao mãi,
Đằm-thắm cùng nhau giữ tấc son.

II

Từ thủa non trên bể dưới non,
Còn người còn bể núi non còn ;
Mênh-mang bể rộng đo gì thước,
Rải-rắc non xa biết mấy hòn ;
Gió quét hơi nồng lòng đỏ mát,
Trăng soi đất rộng bóng ai tròn ;
Non xanh nước biếc người trong sạch,
Thu-xếp đem về một nét son.

Thơ họa lại của ông Vương Tử-Đại người Hà-nội làm phán-sự ở tòa sứ tỉnh ấy có thơ rằng :

Bể rộng ai đào để đắp non,
Vết chân Độc-Cước tới nay còn ;
Lô-nhô sườn núi phà thưa mái,
Khấp-khểnh chân mây đá mấy hòn ;
Mặt bể trong veo trời đất biếc,
Đầu thềm sáng vặc bóng trăng tròn ;
Lân-la trong cõi non cùng nước,
Mà tấm lòng riêng vẫn sắt-son.

Huyện Cẩm-thủy xã Quan-bằng có núi Diệu-sơn, coi như hình con sư-tử dòm xuống lần sông. Trước núi có sông Mã, nước chảy quanh-co ; bên là có núi Lê-sơn, cao bằng núi Diệu-sơn. Dưới núi có chợ, trên núi có động, đường vào động rất là khi-khu hiểm-trở. Trong động có một hòn đá dáng như người ngồi xổm, lại có hai cái hốc đá, một cái thông lên đỉnh núi, một cái sâu như cái giếng chảy ra sông. Động ấy có pho tượng đá và một cái chuông treo ở trước động, tượng không biết trang-hoàng tự đời nào, cái chuông cũng không biết ai đúc ra. Cái chùa ấy lập ra đã lâu đời, triều Lê Cảnh-hưng Trịnh-vương là Trịnh Xâm đề hai chữ « cẩm-vân » và hai chữ « diệu-trì », chữ tốt xương-kính và có thi-luật chữ nho diễn ra đây :

Thiên tương hư-thất, xưởng toàn ngoan,
天 象 虛 室 廠 頑 析。
Diệu-tích nhưng truyền tại thử gian ;
妙 跡 仍 傳 在 此 間。
Nhất khiếu tà xuyên thiên-cổ nguyệt,
一 竅 斜 穿 千 古 月。
Bán song phủ hàm cửu hồi nan ;
半 窗 俯 瞰 九 迴 灘。
Hoa kinh mộng tỉnh vân trung ưởng,
花 鯨 夢 醒 雲 中 響。
Thạch-tượng an-bài tuyết hậu ban ;
石 像 安 排 雪 後 斑。
Hải vũ chinh phùng thanh thiếp hội,
海 宇 正 逢 清 帖 會。
Hào đoan thu thập cẩm giang-san.
毫 端 收 拾 錦 江 山。

Diễn-nôm :

Thợ trời khéo mở động nguy-ngoa,
Linh-tích ghi truyền vẫn thế a ?
Một động nghìn thu trăng ánh sáng,
Nửa rèm chín khúc nước quanh xa ;
Chuông kinh tiếng vẳng từng mây thẩm,

Tượng đá màu in vẻ tuyết pha ;
Bốn bể mừng nay êm sóng gió,
Giang-sơn một bức vẽ thêm hoa.

Núi Lê-sơn ở xã Vân-trai hình như lưng con ngựa, bốn năm cái núi liên-lạc với nhau, đá mọc chơm-chởm, rừng rậm um-tùm, trong có cái miếu thờ thần Độc-Cước rất uy-linh cũng là vị thần thờ ở núi Sầm-sơn vậy.

Núi Tăng-sơn thuộc xã Gia-du, núi có động, trong có hai pho tượng đá hình coi cổ-pháp, không biết đời nào tạo ra, quang cảnh rất là thanh-u, đó cũng là chỗ lâm-tuyền giai-thắng vậy.

Động ấy có một cái thạch-nhũ rủ xuống nước chảy trong suốt như giọt mưa, gõ vào đá tiếng vang như chuông; động bên tả bên hữu đều có lỗ hổng, rộng ước hai mươi bảy trượng, có nhiều thứ đá lạ, chỗ thì như cái áo, chỗ thì như cái chuông úp, chỗ thì như cái vầy gấm, đứng ghé mà trông, sắc đá lóng lánh như kim-xa vậy. Bên hữu có bia đá, lâu ngày mòn cả chữ, chỉ thấy đề chữ niên-hiệu đời vua Lê Thần-tôn là: « Thịnh-đức năm thứ hai »; còn một cái bia ở bên tả chữ cũ, rêu mờ, trông không rõ. Động ấy xưa kia cũng nhiều những bậc danh-nhân thưởng-thức, nên có nhiều những bi-ký như vậy.

Năm Tự-đức thứ hai-mươi-sáu ông Nguyễn Tư-Giản làm chức Sơn-phòng thương-điệu, nhân việc quan đi qua đó vào ngoạn-cảnh có bài ca quốc-âm rằng:

Một xứ ba mươi sáu động, động chùa hang giếng Gia-du rất xinh. Đá trong này nền trắng lẫn nền xanh, hoa ngoài lá thức vàng chen thức thắm. Vách chùa vẽ yên-hà năm thức gấm, cửa hang treo nhật nguyệt một mầu tiên. Xưa nay những khách tham-thiền, đem nhân-sự với nhân-duyên làm một mối. *Thơ rằng*: « Thiên nhân thắng thưởng tam xuân hội, nhất trịnh hoa cầu bách tuế duyên ; 十人勝賞三春會。一擲花毬百歲緣。» Nực cười thay thổ-tục kẻ thanh-niên, lời nôm ấy hãy để bên cảnh bụt. Lại nói với Bách-gia cùng Quản-cốt, cùng Phật đề vui riêng một bầu trời. Việc rồi ta lại vô chơi ! »

Bài hát này chép dân thổ đấy có tục cứ đến tháng xuân thời có cái hội đá cầu.

Động Diệu-sơn có một hòn đá lớn, coi như con voi phục, trên hòn đá có một pho tượng Phật, tay bên tả để vào ngay ngực, tay bên hữu rủ xuống cạnh hông, coi rất kỳ-tuyệt; lại có một cái lỗ thông đến trời, một lỗ suốt ra ngoài sông. Vách bên hữu có bia chỉ thấy hai chữ « Chính-hòa » là niên-hiệu vua Lê-Hi-tôn mà thôi.

Cái vực Tôm thuộc xã Biện-thượng, nay gọi là xã Bồng-thượng, vực Tôm là đất chúa Trịnh phát-phúc vậy. Trịnh Kiểm là người Sáo-sơn cùng với mẹ ở đất Diệu, tính rất hiếu, nhà nghèo, thường ăn trộm gà hàng xóm để nuôi mẹ. Hàng xóm ai cũng ghét, nhân đò chúa Trịnh đi chơi vắng, bèn trói mẹ quăng xuống vực Tôm, tự-nhiên đêm hôm ấy mưa to gió lớn, sấm-sét vang-lừng, nước sông đầy dẫy, ngày mai cái vực ấy lấp thành gò đống, sau có một thầy địa-lý qua xem kiểu đất ấy, đoán rằng : « Không phải đế không phải bá, quyền huynh thiên-hạ, truyền hai trăm năm, trong chỗ tiêu-tường dấy vạ ». Sau quả-nhiên Trịnh Tùng Trịnh Cối anh em cướp ngôi nhau, nhà Trịnh mất ngôi cũng vì cớ ấy.

THIỆN-ĐÌNH

CHỐC ĐI CHƠI HUẾ

Nước biếc non xanh, chả phải là công tạo-vật điểm-tô để đãi ta một cái kho vô-tận đấy ư? Thành vàng ao nóng, chả phải là công tiền-nhân sáng-tạo để tặng ta một cái gương tự-lập đấy ư? Trải mấy độ dâu chìm bể nổi, vật đổi sao dời, mà giang-sơn vẫn như vậy, thành-quách vẫn như vậy, khách vô-tình qua đó tưởng là cái cảnh tự-tại đấy thôi. Duy có bậc chí-sĩ danh-nhân ai là chẳng xúc-cảnh sinh-tình, tư-kim hoài-cổ, ta đọc đến thơ của ông Phạm Liêu người huyện Nga-sơn tỉnh Thanh-hóa vịnh sơn-thủy có câu rằng :

Đá vững cây xanh lò gió mát,
Sóng giồ cát bạc lần trăng tròn ;
Có người có cảnh thêm vui-vẻ
Non nước thề cùng mảnh sắt son.

Nhời-nhẽ thanh-tao lại có ý-vị, khiến lòng ta thêm một cái cảm-tưởng muốn du-lịch kinh-đô Huế để ngắm lại giang-sơn thành-quách ngày nay đối với hai-mươi năm về trước thế nào.

Kinh-đô Huế là trung-tâm-điểm của nam bắc lưỡng-kỳ, chỗ ấy trước gọi là Thuận-hóa, Từ khi vua Anh-tôn triều Nguyễn mới dời đóng đô ở đó, gọi là Phú-xuân, tự đấy thành ra một chỗ đế-vương đô-hội, đằng trước có sông Hương, bên hữu có núi Ngự-bình, sông thời có cửa Tư-hiền, cửa Thuận-yên để bảo-hiểm, phía bắc có núi Hoành-sơn, phía nam có núi Hải-vân để làm hãn-ngự, khen cho thợ Tạo khéo tô nên một cái cảnh phồn hoa, lại có vẻ ly-kỳ cực-mục, so với Đông-kinh Hà-nội, Tây-đô Thanh-hóa, thời đây chiếm được thiên-hiểm tự-nhiên.

Kinh-thành năm Gia-long thứ tư còn đắp đất, buổi nhất-sơ khai-sáng chưa được hoàn-toàn. Đến năm thứ mười-bảy mới xây gạch mặt tiền mặt hữu, còn mặt tả mặt hậu đến năm Minh-mệnh thứ ba mới xây xong, mệnh-danh là Tử-cấm-thành. Thành có tám cửa, ngoài cung thành gọi là hoàng-thành, chu-vi sáu trăm mười-bốn trượng, cao một trượng năm tấc, bề dầy hai thước sáu tấc ; thành có năm cửa, ngoài hoàng-thành gọi là kinh-thành, chu-vi hai nghìn bốn trăm tám-mươi-bảy trượng, cao một trượng năm thước ba tấc, bề dầy năm trượng, chung quanh có hào rộng bảy trượng năm thước, sâu một thước, các cửa thành ngoài xây đá qua hào để làm cầu, coi cũng rộng-rãi kiên-cố, trước cửa Ngọ-môn xây cái đài cao, trên kéo cờ, mặt thành xây hai-mươi-bốn cái pháo-đài để phòng-bị, bên trong hoàng-thành, dựng nhà tiên-miếu nhà thế-miếu, đều ở phía tây, đó là kỷ-niệm công-đức của tiền-vương khai-sáng vậy.

Chỗ kinh-thành ta thường mộng-tưởng đến như là treo ở trước mắt in ở trong lòng, năm 1906 tôi đã vào chơi một lần, nhưng lúc ấy chỉ vào học Giám, chứ không chỉ đi du-lịch, năm 1916 là ngày tháng chín năm Khải-định thứ mười, tôi cùng bạn đồng-chí đi xe hỏa vào Nghệ rồi lên ô-tô tới Huế, lịch-lãm các nơi danh-thắng, nào hồ Tĩnh-tâm, lầu Minh-viễn, nào các Phú-văn, nào Lĩnh-quan tiếng khánh, nào hồi chuông thiền-mộ, nào bóng nguyệt Đông-lâm, nào áng mây Tây-lĩnh, thần-kinh thắng-cảnh, dấu chân vết ngựa đã từng qua, hồi-tưởng hai-mươi-sáu năm về trước đến bây giờ, vẫn còn in sâu trong trí-não, chửa bao lâu mà cái

quang-cảnh đã khác xưa, khác tự cái hoàn-cảnh nó thay đổi. Kìa nhà sử-quán có phải là viện Hàn-lâm ngày trước soạn văn sửa sách đấy không? Kìa vườn Thiệu-phương có phải là để những ông tiến-sĩ ngày trước cưỡi ngựa xem hoa đấy không? Trường Quốc-tử-giám đâu đây nghe tiếng kèn quan binh mà ta nhớ đến giám-sinh ngày trước vẫn thường đọc sách ngâm thơ ở đấy có phải không? Quán Thường-mậu đâu đây nghe tiếng sáo mục-đồng mà ta nhớ đến tiền-vương thường ngự xe xem lúa có phải không? Cuộc đời kim-cổ, bước khách giang-hồ, ai giục ta đi, ai ngăn ta lại, thôi cũng phiếm-du một đạo cho thỏa chí tang-bồng. Nhân tiện dịp tứ-tuần đại-khánh lưu lại xem nghi-tiết long-trọng thế nào.

Tiệc vạn-thọ nước ta, bắt đầu tự vua Lê Đại-Hành, ngày sinh-nhật làm núi giả ở trên thuyền để mừng tiệc thọ, tự đấy lịch-triều đế-vương cũng theo cổ-lễ mà ăn mừng sinh-nhật. Vua Khải-định đăng-quang năm thứ mười, các quan đình-thần tâu xin làm lễ vạn-thọ, trước cửa Ngọ-môn làm cái trạm vuông ở giữa, hai bên tả hữu bốn cái trạm nhỏ bày những đồ-vật các tỉnh đưa đến cống-hiến, nơi thì cống ngọc ngà, nơi thì cống vóc nhiễu, những đồ quí-báu, không thiếu thức gì, tiệc vạn-thọ này tuy không được long-trọng như tiệc ngũ-tuần đại-khánh vua Tự-đức ngày trước, nhưng xem ra cái lòng tôn-quân thân-thượng của thần-dân vẫn thường ái-đới chưa quên.

Ngày chúc-hỗ các quan đình-thần đúng tám giờ sáng đều mặc mũ áo đại-triều vào trong điện lục-bộ thượng-thư qui ở trên sân rồng, có chiếu cạp đỏ, còn những các quan tam-phẩm trở xuống đều qui ở sân gạch, đợi hồi lâu thượng-hoàng mới ngự xe loan đến chỗ điện, quan đại-thần đọc tờ chúc-hỗ xong, các quan đều giơ tay hô vạn-tuế ba tiếng, rồi vua ngự vào cung, các quan đều giải-tán về nghỉ.

Lúc ấy tự nghĩ mình ở Bắc vào đây lẽ nào không có một chút cảm-tình đối với quân-thượng, nhân có hai bộ sách chữ nho: « *Việt-Nam kỷ-thủy* 越南紀始 », sách ấy chép những việc bắt đầu ở nước ta; « *Khổng-học tri-tân* 孔學知新 », sách ấy phát-minh những nghĩa của đức Khổng dạy, đúng như Âu-học ngày nay, và hai bộ sách quốc-ngữ: Bộ cải-lương, nguyên-nhân ý nói cái phong-tục nước mình, nguyên-do phải nên đổi; bộ Nói có sách, là chép những lời phương-ngôn, ngạn-ngữ, chia ra từng đoạn, chắp làm bài phú, dùng cách nối vần, đệ vào Học-bộ, nhờ quan Thượng Thân đại-đệ, quan Thượng Thân bấy giờ đương sung chức Học-bộ, ngài giao sang Cổ-học-viện để kiểm-duyệt lại, chức Toản-tu là ông Nguyễn Bá-Trác và Biên-tu là ông Phan Võ, duyệt xong lại đệ sang Học-bộ để tâu vào Các. Khi đệ sách có làm một bài biểu đính theo, lệ nước ta tứ-phẩm trở lên mới được dâng biểu, nhưng Học-bộ cũng đặc-cách cho mình dâng biểu để tiến-thư một thể.

Lễ tứ-tuần xong bạn rủ tôi lên ô-tô về Nam, nhưng nghĩ đã vào đây chơi phiếm tốn bao nhiêu tiền mà chưa có bổ-ích gì cho mình, khác gì vào núi ngọc mà lại trở về tay không, nên lưu lại Cổ-học-viện để xem sách, viện ấy là sở phiên-dịch, từ khi đức Khải-định ở tây về mới lập ra để thu-thập lại các sách cổ của nước ta và các sách ở phương đông và phương tây, xếp đặt rất là trật-tự. Ai muốn đến đấy xem sách thời phải nói với người chưởng-sự ở viện ấy mới được lĩnh xem xem xong lại xếp đặt như cũ; tôi xem sách ở đó hai tuần-lễ, nhân có hai bài thơ tức-cảnh và ngụ-ý cảm-hoài.

I

Gió thu hiu-hắt hót bên thềm,
Cổ-viện qua chơi bỗng chạnh niềm ;
Gương cũ vừa tô tô lại choáng,
Mực xưa toan xóa xóa không nhèm ;
Nghìn hàng gấm dệt hương thơm nức,
Năm sắc mây in vẻ đẹp thêm ;
Tiếc sách đời xưa lâu bỏ lạnh,
Bốt lò than nóng giở ta xem.

II

Cái duyên văn-tự thế mà may,
Gặp-gỡ anh-tài đủ mọi tay ;
Bể học rộng thêm khôn thấu xiết,
Rừng nho họp lại dễ ai lay ;
Nghìn thu sự-tích còn ghi đó,
Một bức tinh-thần mới hiện đây ;
Còn nước còn non còn cổ-viện,
Còn gương luân-lý chiếu đời nay.

Gặp trời sáng trăng cùng bạn thuê chiếc thuyền nhỏ, phiếm chơi sông Hương để hấp không-khí và ngoạn-cảnh cho được thư-thái tinh-thần, nước xanh biêng-biếc, mây trắng phau-phau, thảnh-thơi thơ túi rượu bầu, trải cầu Gia-hội qua cầu Đông-ba, im trời lặng gió, cỡi con thuyền như ngồi chơi trong mặt trăng vậy, đứng mạn thuyền trông bên hữu-ngạn có tòa Khâm-sứ, chung quanh lác-đác có một hai cây thông cành lá rập-rạp, xao-xác có tiếng gió lọt bên tai ; bên tả-ngạn kinh-thành tráng-lệ, thấp-thoáng bóng trăng soi, coi như bức tranh sơn-thủy, dấu tay họa-học vị-tất đã vẽ được nét bút thiên-nhiên như vậy, gần bên sông có chợ gọi là chợ Gia-hội, chợ xây hai tầng, tầng trên cũng có thể họp chợ được. Bên sông dân-cư và các nhà buôn, liền như bát úp ; dưới sông xan-xát những thuyền đậu, bóng đèn ánh ra mặt nước như gợn thủy-ba, ngồi trên thuyền nghe giọng Huế hát rất là ai-oán não-nùng, cái tiếng ấy có phải là tiếng vong-quốc của nước Xiêm-thành còn sót lại đấy không? Tai ta nghe mà ta vô-hạn cảm-tình. Bấy giờ bãi-hứng không muốn chơi thuyền nữa, về Học-viện nghỉ, sớm mai ước bạn ra chùa Báo-quốc ngoạn-cảnh. Chùa ấy tục-truyền ông Giác-Phong hòa-thượng về triều Tây-sơn dựng ra, phá đi làm chỗ chứa đồ binh-khí, năm Duy-tân thứ bảy mới sửa lại gọi là chùa Thiên-thụ, bên bắc chùa có cái giếng sâu năm thước, dưới giếng có đá hình như hàm rồng, nước ở trong đá chảy ra, nước ngọt uống có hương-vị ; sau lại ước với bạn đi xem, xem chưa hết, bị trời mưa to, kinh thành ngập đến một thước nước. Tối hôm ấy chơi nhà ông Phan Võ, quán tỉnh Nghệ-an, đỗ phó-bảng, tây-học cũng thông hiểu cả, nhân trời mưa lưu lại để tiếp chuyện, canh khuya ngồi rồi nhân họa bài thơ tức-cảnh :

Gió Á mưa Âu trải đã nhiều,
Nói bao nhiêu lại ngán bấy nhiêu!
Nước đâu mưa mãi e trời giột,
Gió vẫn rung hoài sợ đất siêu ;
Có chữ mong đem thềm ngọc gửi,
Không tiền muốn khoét mỏ vàng tiêu ;
Canh khuya tâm-sự cùng ai tỏ?
Hỡi bạn tri-âm đãi mấy điều.

Sớm mai nom ra ngoài đường nước ngập không có lối đi, đợi ngày hôm sau nước đã tiêu dần ra bể. Cách hai hôm đường-sá khô-ráo, đi lại như thường, thuê thuyền đi xem các chỗ lăng-tẩm của tiền-triều, thời duy có lăng vua Tự-đức là tráng-lệ hơn, có bàn câu cá, có gác quan-thư ; chỗ ấy có tôn-nhân và các mệ, nên đi lại không được tự-do. Ngày hôm sau tiện dịp đi xem vạn-niên-cơ của đức Khải-định ; ở bên sườn núi bên trong một cái nhà chính-tẩm, bên ngoài lại có nhà trồng diên, xây rất kiên-cố, tường cột đắp những con giống và lan cúc trúc mai, dũa mảnh sứ cổ và pha-lê chắp lại rất là tinh-xảo, rất là công-phu, hiện bây giờ chưa làm xong mà đã phí đến mười ba vạn, so

với các lăng tiền-triều không đâu đẹp bằng, ngờ đâu là chỗ chôn hài-cốt thế mà cùng-xa cực-xỉ, lại thành ra một cái nhà đấu-xảo của triều Nguyễn ta.

Đoạn rồi trở về Cổ-học-viện cùng hai ba bạn đồng-chí tổ-chức cuộc dịch sách cho khỏi hư-phí thời giờ lúc phiếm-du này, và cũng có ý lưu lại để xem việc dâng sách có kết-quả chi không. Cách một tháng Các-thần lục chỉ ra bộ Học ngự lãm, bộ *Việt-Nam kỷ-thủy* ngài đã châu phê rằng: « *Cổ kim sự như ty dĩ hồ, đãn hữu tâm khảo-cứu, diệc khả gia-tưởng* 古今事如斯已乎。但有心考究。亦可嘉獎。» Tiếp được lục-chỉ như vậy, tưởng là cái duyên văn-tự, tất cũng có hy-vọng gì đó. Bỗng đâu có điện-tín ở nhà nói bà nhạc quy-tiên, giục mình phải về, vội-vàng dự chỉnh hành-trang kịp năm giờ sớm lên ô-tô tới Nghệ, rồi đi xe hỏa về Nam. Khi bước chân ra về ngoảnh lại nom cảnh thần-kinh, gợn nước sông Hương vầng mây núi Ngự, biết bao cảm-tình lai-láng, không thể quên đi cho đành. Trách ai mà lại trách mình, cuộc hành-lạc thành ra ngăn-trở đã đành vậy, đến như duyên hội-ngộ chưa gặp được bước nào hanh-thông, đức cù-lao chưa được chút nào báo-bổ, đối với Tương-Như thuở trước, chả cô-phụ cái tay đề-kiều lắm ru!

Đến năm sau ở nhà tiếp được thư bạn ở Huế nhắn mình vào chơi và có muốn thỉnh-cầu gì không, định vào thăm bạn một thể, bỗng nghe tin cụ Thượng Thân tạ-thế, mà Hoàng-thượng ngọc-thể lại không được yên, nên bộ sách của mình thành ra không ai đề-đạt đến. Nếu mình có thỉnh-cầu, vị-tất đã được như nguyện mà lại phải chen-chúc vào trường danh-lợi, chả dơ đời lắm ư! Thôi đành xếp để một nơi, mặc ai biết, mặc ai không biết, ta chỉ tự-tín rằng sách ta soạn đây cũng có quan-thiết đến xã-hội một hai phần.

Cho hay xem hội đến chùa,
Rừng văn kho sách của vua thiếu gì.
Nghĩ mình giếng ếch biết chi,
Gọi là chút mực để ghi truyện đời.

PHỤC-BA

KHẢO VỀ HIẾN-PHÁP VẠN-QUỐC (1)

III

Về tiết thứ tám, điều thứ một lại qui-định hẳn ra 18 khoản về quyền của Quốc-hội được giữ, tóm lược như sau này :

Đánh thuế, trả nợ quốc-trái, giữ-gìn việc quốc-phòng, thuế tiến-khẩu (nhập-cảng), thuế vật-sản của trong toàn-quốc với nhau đều nhất-luật. Đứng vay nợ quốc-trái, định qui-điều thông-thương với ngoại-quốc, với trong các châu. Đặt luật nhập-tịch luật phá-sản cho người ngoài-cuộc. Định ra giá-cách và trú-tạo tiền-tệ, định số chuẩn-tắc về cân-đo-lường. Cho phép kẻ làm được sách mới, chế được máy mới được chuyên-lợi. Mở các thứ tòa án từ cao-đẳng trở xuống. Định tội những kẻ làm giấy quốc-trái giả, làm tiền bạc giấy bạc giả ; những trọng-tội về giặc bể.

Tuyên - chiến, phát đạo trạng-văn đoạt-hạm, mộ lục-quân, chuẩn-bị hải-quân, mộ dân-binh và đặt ra quân-chế cho hải-quân lục-quân, biên-chế dân-binh.

Định qui-tắc về sự trao đổi chỗ đất cấm của châu nào để làm kinh-đô cho nước Hợp-chúng

Theo pháp-luật mà định lấy quyền chấp-hành của các quan, của một bộ nào cùng là của cả chính-phủ nước Hợp-chúng mà hiến-pháp đã ủy-nhiệm cho.

Nước Đức. — Trên kia đã nói nước Liên-bang Đức có hai nghị-viện là Liên-bang nghị-viện với Đế-quốc nghị-viện. Liên-bang nghị-viện tức là Nguyên-lão-viện mà Đế-quốc nghị-viện tức là Đại-nghị-viện đó. Nay đem những quyền-hạn của hai nghị-viện ấy giải ra như sau này :

Điều thứ năm : — Quyền lập-pháp của Đế-quốc thì Liên-bang nghị-viện với Đế-quốc nghị-viện cùng nhau cùng làm. Pháp-luật của Đế-quốc thì hai viện phải dùng số nhiều mới khả-quyết được.

Điều thứ bảy : — Quyền nghị-sự của Liên-bang nghị-viện như sau này :

1o — Những nghị-án của Đế-quốc nghị-viện đề-xuất ra cùng những nghị-án của Đế-quốc nghị-viện đã nghị-quyết rồi.

2o — Những hành-chính qui-tắc với hành-chính quan-sảnh mà pháp-luật của Đế-quốc không định rõ.

3o Những điều khuyết-điểm về khi thi-hành pháp-luật của Đế-quốc mà sinh ra, cùng những điều khuyết-điểm về hành-chính qui-thức mà khi thi-hành sinh-xuất ra như khoản trên vừa nói.

Các nước Liên-bang đều có quyền đề-xuất ý-kiến của mình ra Thượng-viện, viện nghị-trưởng phải đem cái nghị-án đã đề-xuất ra đó để cho công-đồng nghị-quyết.

Điều thứ tám : — Liên-bang nghị-viện được kén trong các nghị-viên mà bầu lấy một ban Ủy-viên sau này :

1o — Ủy-viên xét về việc Lục-quân và việc thành-ải ;

2o — Ủy-viên xét về việc trên mặt bể;

3o — Ủy-viên xét về việc thuế cửa ải, thuế ruộng đất ;

(1) Xem tiếp bài quyền tư-pháp nước Mĩ *Nam-Phong* số 156.

4o — Ủy-viên xét về việc thông-thương mậu-dịch ;

5o — Ủy-viên xét về việc xe lửa, bưu-chính, điện-tín ;

6o — Ủy-viên xét về việc tư-pháp ;

7o — Ủy-viên xét về tài-chính.

Điều thứ chín : — Nghị-viên của Liên-bang nghị-viện có quyền được ngồi vào hàng ghế nghị-viên ở Đế-quốc nghị-viện, và được xin để biểu-bạch ý-kiến của chính-phủ nước mình ra ở đấy mà ở đấy phải cho.

Điều 22 : — Đế-quốc nghị-viện hội-nghị là công-khai cả.

Điều 23 : — Phàm pháp-luật gì có quan-hệ đến đế-quốc thì Đế-quốc nghị-viện có quyền khởi-thảo. Người nào có minh-nguyện gì với Đế-quốc nghị-viện thì phải đưa tờ minh-nguyện-thư ấy lên Liên-bang nghị-viện hoặc là quan Đại-tể-tướng.

Các lệ

Trở lên trên ấy đã nói đủ về phép tổ-chức cùng quyền-hạn của hai nghị-viện rồi, nay đem những lệ thường dùng trong hai nghị-viện liệt ra sau này:

Lệ triệu-tập, và giải-tán, đình-chỉ.

Nước Phổ. — Vua có thể giải-tán cả hai nghị-viện ngay một lúc, hoặc giải-tán một viện nào trong hai viện ấy. Nhưng sau khi giải-tán rồi, nội trong 60 ngày thì phải sức tuyển-cử lại, trong 90 ngày thì phải triệu-tập đến. (điều 51). Vua được bắt hai viện phải đình-hội, nhưng nếu phi hai viện cùng thừa-nặc thì không được bắt đình-hội lâu đến 30 ngày. Và trong một hội-kỳ không được đình-chỉ đến hai lần (điều 52).

Đệ-niên thông-thường từ đầu tháng 11 đến trung-tuần tháng riêng sang năm thì mở hội-đồng. Còn khi nào có việc cần thì mở kỳ hội-đồng lâm-thời (điều 76). Hai viện mở hội-đồng, bế-hội, và đình-hội cùng nhau đều một ngày (điều 77). Một viện nào bị giải-tán thì còn viện kia cũng phải đình-hội lại (điều 77).

Nước Ý — Mỗi năm vua triệu-tập hai viện một lần và có thể truyền cho dài thêm kỳ hội-đồng ra. Chỉ có Hạ-nghị-viện bị giải-tán mà sau khi giải-tán rồi trong bốn tháng thì phải triệu-tập viện mới ngay (điều thứ 9).

Nước Pháp. — Mỗi năm cứ ngày thứ hai tuần-lễ thứ hai tháng giêng là kỳ triệu-tập Nguyên-lão-viện với Đại-nghị-viện. Khi nào Đại-thống-lĩnh nước Cộng-hòa phát mệnh-lệnh triệu-tập trước ngày ấy thì không kể — Hai viện mỗi năm rất ít phải họp năm tháng. Hai viện khai-hội, bế-hội cùng một ngày (điều thứ 1 Hiến-pháp ngày 16 tháng bảy năm 1875). Tuyên-cáo bế hội với lâm-thời triệu-tập đều quyền ở Đại-thống-lĩnh nước Cộng-hòa, nhưng trong khi bế-hội mà nghị-viên của hai viện có đến số quá-bán xin triệu-tập thì Đại-thống-lĩnh nước Cộng-hòa phải triệu-tập lại. Đại-thống-lĩnh nước Cộng-hòa được hạ-lệnh bắt hai viện phải đình-hội, nhưng không được đình đến quá một tháng, và trong một hội-kỳ không được đình-hội đến hai lần, (điều thứ 2 Hiến-pháp trên).

Khi Đại-thống-lĩnh nước Cộng-hòa tại-chức đã mãn-hạn pháp-luật thì trước khi đúng hạn rất ít là một tháng phải triệu-tập hai viện ở Quốc-dân nghị-hội để cử Đại-thống-lĩnh mới. Nếu tới kỳ-hạn ấy rồi mà không triệu-tập thì hai viện cứ tính trước khi mãn-hạn 15 ngày cùng tự đến họp ở Quốc-dân nghị-hội.

Đại-thống-lĩnh nước Cộng-hòa nếu vì những cớ tạ-thế hoặc từ-chức thì hai viện cũng cứ tự họp hội chứ không phải đợi triệu-tập. Nếu chiếu theo Hiến-pháp ngày 25 tháng hai năm 1875 mà giải-tán Đại-nghị-viện, đang khi giải-tán đó mà hốt-nhiên Đại-thống-lĩnh

khuyết-vị thì cứ hội-họp ở tuyển-cử khu mà tuyển-cử lấy Đại-nghị-viện nghị-viên. Còn Nguyên-lão-viện thì cũng cứ tự họp lấy hội-đồng (điều thứ 3 Hiến-pháp trên).

Ngoài kỳ của hai viện họp hội-đồng ra mà một viện nào tự một mình khai hội-nghị thì hội đó là vi-pháp, lời nghị đó là vô-hiệu. Nhưng khi Nguyên-lão viện mở ra làm pháp-viện như trên kia đã nói thì không kể vào hạn này, song le có mở ra làm pháp-viện thì phải có chức-vụ thuộc về tư-pháp đích-xác mới được (điều thứ tư Hiến-pháp trên).

Nước Mĩ. — Quốc-hội nước Hợp-chúng rất ít cũng phải mỗi năm họp một lần. Khai hội định vào ngày mồng một tuần-lễ thứ nhất tháng 12. Nhưng theo pháp-luật mà quốc-hội phải chọn ngày riêng thì không kể. (Tiết thứ tư điều thứ 1).

Các viện cứ lấy số nghị-viên đến họp quá nửa là cái định-qui khai-nghị. Nếu số nghị-viên đến họp ít quá thì các viện cứ theo phương-pháp, qui-tắc đã định mà thúc-bách cho những nghị-viên chửa đến để đến cho đông rồi y-nhiên mỗi ngày mở hội-đồng chứ không được đình hay bế.

Nước Đức. — Liên-bang nghị-viện với Đế-quốc nghị-viện phải mỗi năm một lần họp. Khi Liên-bang nghị-viện họp không cần phải hỏi đến Đế-quốc nghị-viện có triệu-tập hay là không. Còn Đế-quốc nghị-viện thì phải đợi Liên-bang nghị-viện có triệu-tập thì mới triệu-tập được. Khi nào số nghị-viên của Liên-bang nghị-viện một phần ba xin triệu-tập thì Hoàng-đế cũng triệu-tập cho (điều thứ 13, 14 chương thứ tư).

Sau khi Đế-quốc nghị-viện bị giải-tán rồi thì trong hạn 60 ngày lại phải sức tuyển-cử, trong 90 ngày thì triệu-tập. Không có Đế-quốc nghị-viện thừa-nặc không được đình-hội đến 30 ngày trở lên, trong một kỳ hội không được đình-hội đến hai lần (điều 25, 26).

Kỷ luật

Nước Đức. — Hai viện đều tự giám-đốc và tự thẩm-phán lấy quyền hạn của nghị-viên trong viện mình, tự định lấy qui-tắc về công-việc cùng kỷ luật làm việc, tự cử lấy nghị-trưởng, phó-nghị-trưởng và thư-ký. Quan-lại tại-chức mà làm nghị-viên thì bất-tất phải đợi đặc-hứa.

Nghị-viên nếu thăng quan hoặc là chịu chính-phủ sai phái, hoặc là ra làm chức quan có lương thì mất quyền liệt-tịch và quyền nghị-quyết. Không cứ người nào không được kiêm làm nghị-viên cả hai viện.

Hai viện hội-nghị đều phải công-khai, nếu khi nào nghị-trưởng hoặc 10 nghị-viên phát-nghị rằng nên họp bí-mật thì trong viện ấy phải nghị-quyết khả phủ ngay. Nghị-viên hai viện họp hội phi đúng số đã định thì không được nghị-quyết các án. Về Qui-tộc-viện, phi theo sắc-lệnh ngày 12 tháng 12 năm 1854 mà các nghị-viên có quyền liệt-tịch cùng nghị-quyết đến họp được 60 người thì không được nghị-quyết các án.

Các nghị-viên lấy số quá-bán được nghị-quyết các án, nhưng tùy qui-tắc của trong viện đã định riêng ra lệ tuyển-cử thì không kể.

Các viện vì chuẩn-bị sự quyết-nghị nên đều phái một ban Ủy-viên để kiểm-sát sự thực về việc ấy trước.

Nghị-viên của hai viện là đại-biểu cho toàn-quốc nhân-dân, thì đều cứ lấy điều mình đã tự-tin mà phán-đoán cái nghị-án đó, chứ không được bị người nào ngăn-cản dặn-dò.

Nghị-viên của hai viện đều tự nghị-luận chính-sự ở trong viện mà không phải chịu trách-nhiệm, duy theo viện-qui của viện mình xử-trí thế nào thì không kể vào lệ này.

Phàm nghị-viên, trong kỳ khai-hội mà không có nghị-viện cho phép thì dù nghị-viên nào có phạm vào hình-luật cũng không được bắt. Nhưng nếu sự phạm hiện ở ngay ngày hôm ấy cùng nội hai ngày hôm ấy mà bị bắt thì không kể vào lệ này. Nghị-viên nào mắc nợ mà bị bắt cũng phải có nghị-viện hứa cho mới được. Nếu bởi các viện thỉnh-cầu thì dù nghị-viên nào có phạm vào những luật dân-sự hình-sự gì cũng được tha ra cả.

Nghị-viên của Chúng-nghị-viện theo pháp-luật đã định được tiền lộ-phí và tiền nhật-bổng thì không được từ. (điều 78, 79, 80, 82, 83, 84, 85)

Nước Ý. — Đại-nghị-sĩ không phải là đại-biểu của một địa phương đã tuyển ra mà là đại-biểu của cả toàn-quốc, người tuyển-cử không được chỉ-giáo gì cho người Đại-nghị-viên.

Nghị-viên trừ việc hiện-hành tội phạm ra, trong một chu-hội, không ai được nã-tróc. Phi có Hạ-viện nhận cho thì không được lấy cớ phạm hình-luật mà đòi nghị-viên nào đến tòa án.

Trong một chu-hội của Hạ-viện, không được vì cớ đòi nợ mà bắt giam Đại-nghị-sĩ và phát trát bắt. Nội ba ngày trước một chu-hội cũng thế.

Các viện phải đồng-thời họp hội-đồng, nếu viện nọ không họp mà viện kia họp thì phải có pháp-luật định riêng cho mới được. Chức-vụ của các nghị-viên đều không có lẽ được ăn lương. Khi họp hội-đồng là công-khai cả, song có 10 nghị-viên xin thì cho họp hội-đồng bí-mật. Viện nào cũng vậy, không bị ai tố-tụng về những điều nghị-luận khởi-phát ra cùng những điều quyết khả-phủ trong khi hội-nghị.

Các viện đều lấy số quá-bán để quyết khả-phủ. Nghị-viên các viện đến họp không được số quá-bán thì sự họp sự bàn ấy là vô-hiệu cả.

Lời phát-luận nghị-án trước phải do ban Ủy-viên của các viện điều-tra đã. Một viện nào đã thừa-nặc rồi mới đưa sang viện kia, viện kia cũng lại thừa-nặc rồi mới đưa lên Quốc-vương để Quốc-vương phán-đoán. Lời thảo-luận trong luật-án, điều nào riêng điều ấy không được lấy cớ của một điều mà giây-giưa đến cả toàn-văn.

Các viện không được diện-tiếp kẻ đại-lý của kẻ minh-nguyện. Trừ đối với nghị-viên viện khác, với các quan đại-thần, với người ủy-nhiệm của Chính-phủ ra, đều không được diện-tiếp cả.

Các viện phải tự xét xem nghị-viên của mình có thực đích là có quyền được liệt-tịch hay không, phải tự đặt lấy qui-điều, tự định lấy phương-pháp làm việc. Lấy tiếng Ý làm tiếng chức-vụ của hai viện, nhưng nghị-viên của châu nào chỉ nói tiếng Pháp đã cử ra thì cứ nói tiếng Pháp cũng được.

Lúc quyết khả hay là phủ thì phải dùng phép đứng dậy, hoặc dùng phép phân-biệt nghị-viên ra bên tả bên hữu, hoặc dùng phép bỏ vé kín. Phàm lời tổng-nghị của luật-án cùng việc có hệ đến thân người ta thì phải dùng phép bỏ vé kín. Nghị-viên không ai được kiêm chức-vụ cả hai viện. (từ điều 41 đến 64).

Nước Pháp. — Hai viện hội-nghị đều công-khai, nhưng theo viện-qui của các viện mà có mấy nghị-viên xin họp bí-mật thì không kể, bấy giờ các viện đều có thể lấy số quá-bán mà quyết có nên công-khai hay là không.

Ban Sự-vụ cục của các viện mỗi năm một lần bầu lại, trong hội-kỳ đó với hội-kỳ lâm-thời mở trước khi chửa khai-hội đệ-niên năm sau thì tức là một khóa. Khi hai viện hội-họp ở « Quốc-dân nghị-hội » thì nghị-trưởng, phó-nghị-trưởng và thư-ký của

Nguyên-lão-viện biên-chế lấy ban Sự-vụ cục ấy.

Nghị-viên hai viện không vì chức-vụ phải làm mà bị ai tố-cáo hoặc tra hỏi về những ý-kiến đã đề-xuất, những nghị-án đã nghị-quyết. Phàm nghị-viên nào không có nghị-viện thuận cho thì trong hội-kỳ, vô-luận bị nặng nhẹ thế nào,cũng không ai được tố-cáo và bắt giam. Duy tội phạm hiện-hành thì không kể. Nghị-viên nào tuy bị giam tù hoặc bị tố-tụng, nhưng nếu nghị-viện đã thỉnh-cầu thì được đình tội trong kỳ hội-nghị ấy. (Hiến-pháp năm 1875).

Nước Mĩ. — Nguyên-lão-viện, Đại-nghị-viện tự sửa chính lấy phẩm-hạnh của nghị-viên trong viện và tự xử-phạt lấy.Lấy hai phần ba số nghị-viên đồng-ý thì được phóng-trục nghị-viên nào có tội.

Hai viện đều tự làm lấy bản ký-sự-lục, trừ việc bí-mật không cho người ngoài biết ra, còn phải thường công-bố ra cả. Phàm nghị-án nào đã quyết khả hay là phủ mà một phần năm tổng-số nghị-viên cho rằng nên đăng-ký vào bản ký-sự-lục thì đăng-ký ngay vào.

Nghị-viên hai viện đều được bổng-cấp trích ở quốc-khố mà pháp-luật đã định. Trừ khi nghị-viên nào phạm tội nặng như đại-nghịch cùng làm hại sự quốc-an ra thì không được bắt ở trong viện hoặc lúc đi ngoài đường. Khi nghị-viên phát-luận trong viện không được chịu người ngoài nào cật-vấn. Trong nhiệm-kỳ, nghị-viên hai viện không được kiêm làm quan-chức gì có lương của Chính-phủ. Vô-luận người nào đã đang làm quan-chức của nước Hợp-chúng thì không được kiêm làm nghị-viên các viện.

Trong hai viện, không kỳ viện nào không được viện kia tán-thành thì không được nghỉ hội, không được di hội-sở đi chỗ khác (tiết thứ 5, 6).

Nước Đức. — Đế-quốc nghị-viện tự thẩm-tra và phán-quyết lấy nghị-viên trong viện có hợp-cách hay là không. Đế quốc nghị-viện tự đặt lấy chương-trình làm việc và qui-tắc trừng-phạt, tuyển-cử lấy nghị-trưởng, phó-nghị-trưởng cùng thư-ký.

Đế-quốc nghị-viện lấy số quá-bán quyết-nghị các nghị-an. Nghị-viên đến họp không đủ số đã định thì không được quyết-nghị, mà có quyết-nghị cũng vô-hiệu.

Nghị-viên của Đế-quốc nghị-viện là đại-biểu của nhân-dân toàn-quốc, không được bị ai dặn-dò, chỉ-huy và bó-buộc điều gì. Nghị-viên không phải vì cớ nghị-luận ở trong viện, hoặc vì cớ chức-vụ bàn-luận mà bị cáo-tố ở trước quan tòa án, chịu trách-nhiệm ở ngoài nghị-viện. Nghị-viên của Đế-quốc nghị-viện, trừ phạm tội hiện-hành ra cũng bị bắt ngay sau hôm phạm tội ra, nếu không có Đế-quốc nghị-viện thuận cho thì không được bắt đến tòa án mà hạ ngục trong kỳ hội.

Nhân mắc nợ mà bị bắt cũng phải có nghị-viện thuận cho mới được. Khi nghị-viên của Đế-quốc nghị-viện bị câu-cấm bởi luật dân-sự, hoặc bị tội mà chưa xử-quyết xong, nếu Đế-quốc nghị-viện xin đình-chỉ cho trong kỳ-hội thì phải thuận hứa ngay. Nghị-viên của viện này không chịu bổng-cấp.

7. — *Quyền hành-chính*

Cơ-quan của quyền hành-chính là chức Quốc-chủ với viện Quốc-vụ hoặc gọi là Quốc-vụ-khanh, Nhật-bản gọi là Nội-các. Chức Quốc-chủ của nước Quân-chủ lập-hiến thì là Quốc-vương, của nước Dân-chủ lập-hiến thì là Đại-thống-lĩnh. Quốc-vương với Đại-thống-lĩnh tuy tư-cách thế-vị có khác nhau, nhưng đều là chức Nguyên-thủ của cơ-quan hành-chính

nước lập-hiến cả. Lại tuy đều là chức Nguyên-thủ của cơ-quan hành-chính và tham-dự cả quyền lập-pháp nữa, nhưng Quốc-vương với Đại-thống-lĩnh đều không thân-hành chính-quyền mà ủy cả cho Quốc-vụ-viện làm để chịu lấy trách-nhiệm đối với nghị-viện, mà chỉ giữ cái quyền chủ-trương về mệnh-lệnh, về điển-lễ và về đối-ngoại mà thôi.

Quốc-vụ-viện là do các quan Bộ-trưởng hợp lại, đứng đầu viện này tức là chức Thủ-tướng mà cổ gọi là Thừa-tướng, Tể-tướng vậy. Quốc-vụ-viện đã làm thay chính-quyền cho ngôi Quốc-chủ mà chịu lấy trách-nhiệm đối với nghị-viện nên lại sinh ra có hai lệ là: Liên-đới trách-nhiệm với Tín-nhiệm hay không.

Liên-đới trách-nhiệm là trong khi hành chính, một bộ nào trong Quốc-vụ-viện làm trái với hiến-pháp mà có tính-cách can-liên đến toàn-viện, bị nghị-viện dân hặc thì cả viện phải chịu trách-nhiệm chung với nhau. Tín-nhiệm là nghị-viện còn tỏ tình tín ủy Quốc-vụ-viện thì Quốc-vụ-viện còn đắc-dụng, khi mà tỏ tình không tín ủy nữa thì phải đổ. Đó là mấy cái đại-cương về cơ quan hành-chính nước lập-hiến. Còn như muốn biết quyền hành-chính của mỗi nước to nhỏ khác nhau thế nào thì xem những cách qui-định như sau này:

Nước Phổ. — Các quan đại-thần chịu lấy trách-nhiệm thay cho Quốc-vương; phàm công-văn có quan hệ đến chính-vụ, Quốc-vương phải sai một quan đại-thần có trách-nhiệm việc đó cùng ký tên vào thì mới có hiệu (điều 44). Chỉ một Quốc-vương có quyền hành-chính, Quốc-vương dùng và cách các quan đại-thần, Quốc-vương công-bố pháp-luật và vì cớ thi-hành pháp-luật mà phát ra những mệnh-lệnh khẩn-cấp (điều 45). Quốc-vương là chức Binh-mã nguyên-súy (điều 46).

Quốc-vương sai dùng các quan võ cùng các quan-lại khác, nhưng việc nào pháp-luật đã tịnh riêng thì không kể vào lệ này (điều 47).

Quốc-vương tuyên-chiến giảng-hòa. Kết ước với chính-phủ ngoại-quốc, nhưng nếu điều-ước sẽ ký-kết đó thuộc về thông-thương, hoặc vì điều-ước ấy mà sẽ khiến cho nước cho dân phải có sự gánh vác thì phải đợi cho hai viện có đồng-ý mới được (điều 48).

Quốc-vương có quyền ân-xá. — Khi quan đại-thần làm việc quan mà bị tội thì phi lại do ở nghị-viện nào đã đàn-hặc cái tội ấy mà tâu xin vua tha thì vua không được thi-hành quyền này. — Quốc-vương phi theo pháp-luật thì không được phá cái án tòa thẩm đã thi-hành (điều 49). Quốc-vương có quyền ban huân-chương và các vinh-điển khác. Nhưng cái vinh-điển vua ban ấy, không được phụ thêm có đặc-quyền gì. Quốc-vương theo pháp-luật điều văn có quyền trú-tạo tiền-tệ (điều 50).

Quốc-vương triệu-tập hai viện và bế hoặc đình hội-nghị. Quốc-vương phi do hai viện ưng-thuận thì không được kiêm làm quân-vương ngoại-quốc (điều 51, 55).

Các quan đại-thần cùng các quan đại-lý của các quan đại-thần đều có quyền liệt-tịch ở hai viện, không cứ lúc nào đều có quyền phát-luận. Các nghị-viện được mời các đại-thần vào nghị-hội. Các đại-thần trừ làm nghị-viên ra thì không được có quyền nghị-quyết (điều 60).

Quốc-vương và hai viện đều có quyền đề-xuất pháp-luật án. Pháp-luật-án nào mà Quốc-vương hoặc trong hai viện đã bác đi thì lần khai hội kế đến không được đề-xuất ra nữa (điều 64).

Nước Ý. — Quyền lập-pháp, Quốc-vương với Nguyên-lão-viện Hạ-nghị-viện đều cùng hợp hành (điều 3).

Quyền hành-chính thuộc về một mình Quốc-vương. Quốc-vương là Thủ-trưởng toàn-quốc, chỉ-huy hải-lục-quân, tuyên-chiến, giảng-hòa, ký-kết các điều-ước mậu-dịch với nước đồng-minh. Duy kết-ước có quan-hệ đến việc quốc-an quốc-ích thì phải dự thông-tri cho hai viện và nói rõ cái lý-do việc ấy. Phàm tiêu-phí quốc-tài cùng ký điều-ước biến-cải quốc-cương thì phải có hai viện thừa-nhận mới có hiệu (điều 5).

Quốc-vương kén dùng các quan-viên và vì cớ chấp-hành pháp-luật phải truyền-phát những mệnh-lệnh khẩn-yếu. Quốc-vương lại chế-định qui-tắc, nhưng không được đình-chỉ sự chấp-hành của pháp-luật và trái phạm vào pháp-luật (điều 6).

Quốc-vương xác-định pháp-luật và bá-cáo (điều 7). Quốc-vương có quyền đặc xá và giảm tội (điều 7) Quốc-vương triệu-tập hai viện và giải-tán (điều 8). Quốc-vương cùng hai viện cùng có quyền khởi-thảo pháp-luật (điều 9). Quốc-vương dùng và cách các quan đại-thần (điều 65).

Các quan đại-thần phi làm nghị-viên, không được liệt vào hàng ghế hội-nghị ở hai viện mà chỉ được có quyền bàng-thính mà thôi. Lại khi quan đại-thần nào có yêu-cầu với nghị-viện thì nghị-viện phải cho phép (điều 66). Các quan đại-thần đối với chức-vụ mình đều phải chịu trách-nhiệm. Pháp-luật cùng các văn thư, phi có một quan đại-thần đóng ấn ký thì không có hiệu (điều 67).

Nước Pháp.— Đại-thống-lĩnh nước Cộng-hòa do Nguyên-lão-viện với Đại-nghị-viện hội-hợp bỏ phiếu kén lên, người nào được số phiếu quá nửa tức là chức Đại-thống-lĩnh, nhiệm-kỳ là bảy năm, mãn-khóa thì thoái vị, nhưng lại được tuyển thì lại được làm.

Đại-thống lĩnh nước Cộng-hòa cùng hai viện cùng có quyền khởi-thảo pháp-luật và công-bố pháp-luật của hai viện đã nghị-quyết, giám-đốc pháp-luật ấy cho được thi-hành. Thống-suất hải lục-quân, dùng và cách các quan văn-võ; về các lễ-nghi của nước, Đại-thống lĩnh nước Cộng-hòa đều đứng ở ngôi đầu trốc. Cử Công-sứ và Toàn-quyền Công-sứ ra ngoại-quốc đều phải có Đại-thống-lĩnh thừa-nhận mới được. Công-văn của Đại-thống-lĩnh phát ra phải có quan Quốc vụ đại-thần k kèm.

Nghị-quan của «Tham-nghị-viện» phi có Quốc-vụ-khanh hội-nghị thì không được cách miễn.

Phàm công-vụ của Chính-phủ, Quốc-vụ-khanh cùng phải chịu liên-đới trách-nhiệm. Còn việc thuộc về một mình b nào thì bộ ấy phải chịu lấy trách-nhiệm.

Đại-thống lĩnh nước Cộng-hòa phi lúc phạm điều đại-nghịch thì không phải chịu trách-nhiệm. Khi Đại-thống-lĩnh khuyết-vị mà chưa tuyển được Đại-thống-lĩnh mới lên nối ngôi, thì các quan hành-chính hội-nghị để thi-hành đại-quyền.

Do nghị-viên hai viện phát-nghị, hoặc do Đại-thống-lĩnh nước Cộng-hòa phát-nghị, mà nếu mỗi viện được số quá-bán tán-thành thì hai viện nên cải-chính hiến pháp lại.

Đại-thống-lĩnh nước Cộng-hòa phát tờ thông-điệp ra để chiếu hội hai viện, quan Quốc-vụ-khanh đem tờ thông-điệp ấy lên diễn-đài tuyên-độc.

Quốc-vụ-khanh đều có quyền ngồi vào hàng nghị-tịch của nghị-viện. Nếu khi muốn phát-ngôn thì phải có nghị-viện ưng cho. Khi Quốc-vụ-khanh đương thảo-luận những pháp-luật đặc-định thì phải có mệnh-lệnh của Đại-thống-lĩnh nước Cộng-hòa phái Ủy-viên đến giúp đỡ.

Khi mà Đại-thống-lĩnh đã xác-định pháp-luật rồi thì tống giao cho Chính-phủ, phải trong một tháng thì công-bá. Nếu hai viện mà nói rõ rằng pháp-luật ấy là khẩn-cấp thì trong ba ngày phải công-bá. Đại-thống-lĩnh nước Cộng-hòa có thể ở trong kỳ-hạn ấy, dùng tờ thông-điệp thuật ý-kiến mình phụ-đính vào bản pháp-luật án mà đưa trả lại nghị-viện xin bàn lại, nghị-viện không được cự.

Đại-thống-lĩnh nước Cộng-hòa thương-nghị các điều-ước và phê-chuẩn, ngoài cái hạn không hại đến quốc-an quốc-ích, thì nên đưa ngay điều-ước ấy thông-tri cho hai viện.

Phàm những điều-ước thông-thương, điều-ước có quan-hệ đến tài-chính, điều-ước có quan-hệ đến thân-phận và tài-sản của người Pháp ở nước ngoài, phi có hai viện đã nghị-quyết thì không được ký-kết. (Hiến-pháp năm 1875).

Nước Mĩ. — Hành-chính-quyền ủy cho Đại-thống-lĩnh nước Cộng-hòa, nhiệm-kỳ là bốn năm; Phó-thống-lĩnh cũng cùng một nhiệm-kỳ như thế (tiết thứ một điều thứ hai).

Những người đi tuyển-cử đều hội ở bản châu mình, bỏ vé kín cử Đại-thống-lĩnh với Phó-thống-lĩnh. Người bị cử rất ít cũng phải một tên không cùng làng với người đi cử. Trong vé phải viết một tên người bị cử làm Đại-thống-lĩnh, một tên người bị cử làm Phó-thống-lĩnh, không được hỗn-độn. Bỏ vé xong rồi làm giấy ghi họ tên người bị cử làm Đại-thống-lĩnh với người bị cử làm Phó-thống-lĩnh cùng số vé của mỗi người được là bao nhiêu, rồi các người đi tuyển-cử ký họ tên xuống dưới làm chứng-minh-thư. Bèn phong lại đưa lên đô-thành giao cho nghị-trưởng viện Nguyên-lão. Nghị-trưởng viện Nguyên-lão bóc tờ chứng-minh-thư ra ở trước mặt nghị-viên Nguyên-lão-viện và nghị-viên Đại-nghị-viện, đếm số vé... người được số vé quá-bán thì được làm Đại-thống-lĩnh. Khi không có số vé quá-bán thì Đại-nghị-viện chọn lấy ba tên được số vé rất nhiều dùng phép bí-mật đầu-phiếu mà cử lại... Thứ nữa thì đem số vé người bị cử làm Phó-thống-lĩnh được bao nhiêu, người được số quá-bán thì làm Phó-thống-lĩnh. Nếu không có số vé quá-bán thì lấy hai tên được vé nhiều nhất dùng phép bí-mật đầu-phiếu kén lại ở Nguyên-lão-viện... điều 12 Hiến-pháp thêm về sau).

Đại-thống-lĩnh khi bị chết, từ-chức cùng khi mất năng-lực chấp-hành chính-vụ thì Phó-thống-lĩnh thay.

Đại-thống-lĩnh là Nguyên-súy hải-lục-quân của nước Cộng-hòa, là Nguyên-súy «hiện-dịch dân-binh» của các châu đã mộ. Đại-thống-lĩnh là Trưởng-quan của các bộ hành-chính, có thể phát văn-thư hỏi ý-kiến về liên-đới chức-vụ của các bộ. Những kẻ phạm-tội ở nước Hợp-chúng, trừ khi bị đàn-hặc ra, Đại-thống-lĩnh có quyền khoan-giảm xá-miễn được cả.

Đại-thống-lĩnh được hai phần ba số nghị-viên của Nguyên-lão-viện đồng-ý, thì có quyền kết điều-ước. Các Toàn-quyền Công-sứ mà pháp-luật đã định, các quan ngoại-giao khác, các phán-sự ở Cao-đẳng pháp-viện cùng các quan-lại khác mà trong hiến-pháp không định phép nhiệm-mệnh thì Đại-thống-lĩnh được lấy đồng-ý hai phần ba số nghị-viên Nguyên-lão-viện để thi-hành quyền nhiệm-dụng...

Đại-thống-lĩnh thời thường đem sự-thế của nước báo-cáo cho Quốc-hội biết và nên đem phương-sách của mình tỏ cho Quốc-hội biết để cung vào sự tham-khảo... Đại-thống-lĩnh nhận tiếp các Toàn-quyền Công-sứ, các Sứ-bộ của ngoại-quốc. Khảo-sát việc thi-hành của pháp-luật. Giao nhất-thiết

ủy-nhiệm cho các quan nước Hợp-chúng.

Đại-thống-lĩnh, Phó thống-lĩnh cùng các quan văn võ bị những tội bạn-nghịch hối-lộ mà người ta đàn-hặc ra và đã phán-quyết rồi thì mất chức ngay. (tiết 1, 2, 3, 4 điều 2).

Nước Đức. — Quốc-vương Phổ-lỗ-sĩ lấy tên Hoàng-đế Đức-ý-chí làm Minh-chủ nước Liên-bang. Về công-pháp, Hoàng-đế làm đại-biểu cho Đế-quốc. Lấy tên Đế-quốc tuyên-chiến giảng-hòa, kết điều-ước đồng-minh. Phái Công-sứ đi ngoại-quốc và nhận Công sứ của ngoại-quốc.

Khi lấy tên Đế-quốc tuyên-chiến thì phải có Liên-bang nghị-viện hiệp-tán, nhưng khi ở các biên-giới lĩnh-địa bị bách với giặc ngoài thì không kể hạn này.

Những điều-ước ký-kết với ngoại-quốc, nếu thuộc về phạm-vi những khoản ở điều thứ tư trong Hiến-pháp này thì phải có Liên-bang nghị-viện hiệp-tán vào, ký kết rồi thì phải có Đế-quốc nghị-viện thừa-nhận mới có hiệu.

Hoàng-đế triệu-tập Liên-bang nghị-viện cùng Đế-quốc nghị-viện và truyền cho khai-hội đình-hội.

Hoàng-đế ký tên vào pháp-luật của Đế-quốc mà công-bá và giám-đốc thi-hành. Phàm pháp-luật, mệnh-lệnh mà Hoàng-đế công-bá đều lấy tên Đế-quốc và phải có Đại-tể-tướng ký tên kèm mới có hiệu.

Hoàng-đế bổ-dụng quan-lại của Đế-quốc, bắt phải tuyên-thệ với Đế-quốc. Lại lúc khẩn-yếu bắt phải từ chức.

Các nước Liên bang, nếu có điều không làm hết nghĩa-vụ với Hiến-pháp này, có thể lấy binh-lực mà chế-định. Việc ấy thì Liên-bang nghị-viện quyết-định rồi Hoàng-đế đem thực-hành ra (chương thứ tư).

8 — *Quyền tư-pháp*

Cơ-quan của quyền tư-pháp là Pháp viện, Việt-Nam ta gọi là Tòa-án. Lấy nghĩa rộng mà nói thì chỉ có hai quyền là quyền lập-pháp nghĩa là đặt ra các phép-luật trị-quốc, với quyền hành-pháp nghĩa là đem các phép-luật đã định ra thực hành; quyền thứ hai này thường gọi là quyền hành-chính đó mà quyền tư-pháp nghĩa là giữ cho kẻ khác khỏi làm trái pháp-luật cũng ở vào trong này. Song phải biết rằng muốn giữ cho kẻ khác khỏi làm trái pháp-luật mà không có quyền độc-lập thì không đủ thế-lực mà bênh-vực cho pháp-luật được. Thế cho nên phải đem việc tư-pháp cho đứng riêng ra làm một quyền để đối với quyền lập-pháp, quyền hành-chính làm ba. Cái chế-độ tam-quyền phân-lập gốc tự nước Anh, kỳ-thủy cũng là lấy nghĩa như thế. Cũng vì cớ ấy cho nên hiến-pháp các nước đối với quyền tư-pháp cũng phải qui-định cho rõ-ràng quyền-hạn như đối với quyền tư-pháp và quyền hành-chính vậy.

Nước Anh. — Từ nay về sau Dân-sự cao-đẳng pháp-viện phải đặt ở một nơi nhất-định không được tùy Quốc-vương chuyển-di đi nữa (điều 17 Đại-hiến-chương).

Việc phải thuộc về Quốc-hội thẩm-phán mà kẻ nào đem thẩm-phán ở Hình-pháp-viện và tự lấy ý riêng dùng pháp-luật thì đều kết cho là vi-pháp cả (điều 8, Quyền-lợi pháp-điển).

Càn-thời dùng nhiều những kẻ gian-ác bất-chính, hoặc kẻ vô-điền-địa để cho làm quan Bồi-thẩm, để tra-vấn kẻ bạn-nghịch thì nay kết cho là việc vi-pháp cả (điều 9, Hiến-pháp trên).

Nước Phổ. — Quyền tư-pháp thuộc về Pháp-viện độc-lập bất-cơ, lấy tên Quốc-vương mà thi-hành. Các Pháp-viện ngoài pháp-luật ra không phải thuộc về quyền nào. Phàm án đã thẩm-phán rồi

thì lấy tên Quốc-vương mà bá-cáo và lấy tên Quốc-vương mà thi-hành (điều 86).

Pháp-quan (quan án) đều là chức chung-thân, do Quốc-vương hoặc do tên của Quốc-vương bổ-dụng ra. — Các Pháp-quan trừ khi nhân những sự kiện mà pháp-luật đã định cho phải chịu thẩm-phán ra thì không ai được cách quan, không ai được đình-chức. - Vô-cố mà bắt Pháp-quan phải đình-chức; không hỏi người bản-nhân có bằng lòng hay không mà bắt người ta phải thuyên-chuyển, phải về hưu, việc ấy phi theo lý-do, theo qui-trình của pháp-luật đã định mà thẩm-phán rồi mới thi-hành thì không được, nhưng khi phải di Pháp-viện đi nơi khác cùng là phải canh-cải khu-vực về quản-hạt thì không kể về hạn này (điều 87).

Nước Phổ-lỗ-sĩ nếu cùng nước khác đặt ra Pháp-viện chung với nhau thì những khoản chép ở điều thứ 86, điều 87 trên đều là vô-dụng cả.

Sự tổ-chức ra Pháp-viện phải theo ở pháp-luật đã định. Kẻ không đủ những tư-cách mà pháp-luật đã định thì không được làm Pháp-quan.

(*Còn nữa*)

ĐỖ-NAM

GƯƠNG ĐỨC-DỤC (1)

VII

4.— Tồn-dưỡng

Khải-Siêu cẩn án: Trên kia đã nói rõ cái công-phu cốt tử về sự tồn-dưỡng, sau này lại lần-lượt kể rõ cái phép-tắc dụng-công. Các bậc tiên-triết trước kia có tiêu-biểu ra hai nghĩa là chủ-kính và chủ-tĩnh. Xét về Phật giáo dòng Thiên-thai-tôn cũng có tiêu-yết ra hai nghĩa là chỉ-định và quan-sát; chủ-tĩnh còn là ở trong cái phạm-vi chỉ-định, nhưng các tiên-nho nói về lúc tĩnh thực có kiêm cả cái công dụng quan-sát, lúc tĩnh phải có quan-sát thì cái công-dụng chủ-tĩnh mới thần-diệu. Nay xin thuật ra sau này.

— Lấy điều kính mà sửa mình. (Luận-ngữ)

— Thầy Nhan-uyên hỏi thế nào là điều nhân? Đức Khổng-tử bảo rằng: Trị bỏ bụng tư-dục mà đem lại lòng thiên-lý, ấy là nhân. Thầy Nhan lại hỏi cái điều-mục nó làm như thế nào? Khổng-tử rằng: Những điều phi-lễ chớ trông, phi-lễ chớ nghe, phi-lễ chớ nói, phi-lễ chớ động. (Luận-ngữ).

— Trọng-Cung hỏi làm điều nhân như thế nào? Đức Khổng-tử bảo rằng: Lúc nào cũng phải giữ điều kính, khi ra cửa như gặp bậc khách tôn-quí, lúc sai khiến dân như khi vào tế thần.

— Tử-Trương hỏi làm thế nào thì đi đến đâu cũng được? Đức Khổng-tử rằng: nói điều gì cũng trung tín, làm việc gì cũng đốc-kính.

— Người quân-tử đối với mọi người không kỳ là nhiều, ít không kỳ là lớn nhỏ, đều không dám khinh-mạn.

— Lúc cư-xử phải cho khiêm-cung, lúc làm việc phải cho kính-cẩn, dẫu đi đến ngoài rợ mọi cũng không thể

(1) Nguyên văn của Lương Khải-Siêu. Xem *Nam-Phong* từ số 150.

bỏ được. (Trở lên mấy điều đều ở sách *Luận-ngữ*).

— Lúc nào cũng phải giữ kính-cẩn, nghiêm-nhiên như người nghĩ-ngợi. — Lúc ngồi như thần thi, lúc đứng như nghiêm-kính. (Khúc-lễ)

— Phải giữ lấy lễ-phép để sửa mình thì lúc nào cũng trang-kính, trang-kính thì tự-nhiên nguy-nghiêm; bề ngoại-mạo vụt chốc mà không trang không kính, thì sinh lòng khinh-mạn lười biếng ngay. (Nhạc-ký)

Xét: *Trở lên là nói về việc tồn-dưỡng mà cốt nhất là phải chủ-kính.*

— Một lòng kính đủ thắng được trăm lòng tà.

— Không lúc nào là chẳng kính thì có thể đối với đấng thượng-đế mà không thẹn. (Trở lên là lời thầy Trình Minh-đạo)

— Hàm-dưỡng cái tâm thì phải kính, mà tiến-học thì phải trí-tri.

— Khi bắt đầu theo đạo-học thì chẳng gì bằng kính, chửa khi nào đã hay trí-tri mà chẳng cốt ở điều kính.

— Chỉ cốt nghiêm-túc chỉnh-tề thì cái tâm mới hay chuyên-nhất, tâm đã nhất rồi thì tự-khắc là không có điều gì càn-dỡ nó can-phạm vào được. Nhưng phải hàm-dưỡng ít lâu, thì thiên-lý nó mới minh-bạch ra được.

— Trong Lễ-ký có dạy rằng người quân-tử giữ được trang-kính thì ngày thêm tự-cường, nếu yêu rồi túng-tứ thì ngày càng thêm lười-biếng, đó là thường-tình người ta ai cũng thế, hễ hơi phóng-tứ thì ngày thêm khoáng-đãng, nếu hay kiềm-thúc lại thì mới vào qui-củ.

— Người ta nếu hơi sinh lòng trễ-biếng, thì tức là tự-khí tự-bạo. (Trở lên là lời thầy Trình Y-xuyên)

— Lúc mới cầu chính-tâm thì phải lấy cái tâm mình làm thầy nghiêm-sư. Phàm động-tác việc gì thì biết sợ-hãi, như thế độ khoảng một hai năm giữ được chắc-chắn thì tự-nhiên tâm-chính. (Trương Hoành-cừ)

— Ta đã biết lấy kính làm chủ thì trong ngoài nghiêm túc, không lúc nào quên mà cũng chẳng nống nó lên, mà vẫn giữ được bản-tâm. Nếu không biết lấy kính làm chủ, mà muốn giữ lấy bản-tâm, thì không khác gì đem một cái tâm kia cầm giữ một cái tâm này, bề ngoài chửa có một sự gì, mà bề trong đã phân-nhiễu đến năm bảy mối; như thế mà hay cầm giữ được cái tâm cũng là khổ lắm, huống-chi là chửa chắc đã hay cầm giữ được.

— Chữ « *kính* 敬 » giống như chữ « *úy* 畏 » tức là sợ-hãi; chủ kính không phải là chỉ ngồi ý ra đó, tai không nghe tiếng gì, mắt chẳng trông cái gì, chẳng còn biết việc gì cả. Kính là cốt phải thu-liễm tâm-thân cho chỉnh-tề thuần-nhất, đừng để cho phóng-túng, như thế tức là kính.

— Phải giữ cho cái tâm thường được nghiêm-chỉnh luôn, mà ít khi phân-nhiễu thì mới được. (Trở lên lời thầy Chu Hối-am)

— Tiểu-tâm chăm-chắm, vâng theo lời đấng Thượng-đế, lúc nào cũng như đấng thượng-đế soi xét đến mình, chớ có nhị-tâm, phải kính-cẩn sợ-hãi, đừng để chó lúc nào rồi. (Lục Tượng-sơn)

— Ta mà hay kiềm thúc cái tâm ta, thì tứ-thể nó phải sợ, bề ngoài đã không dám vọng-động, thì bề trong cũng không dám vọng-tưởng, đó là cái đạo trong ngoài giao-dưỡng (Ngụy Trang-cừ)

— Lúc vô-sự thì đừng để mắc phải chữ « lười », lúc hữu-sự thì đừng để mắc phải chữ « loạn ».

— Kẻ tiểu-nhân chỉ phải một cái thói không còn kiêng-nể sợ-hãi gì cả, nên mở kết-quả suốt đời như thế; sách *Đại-học* nói lúc nó nhàn-cư hay làm điều bất-thiện. Đã nhàn-cư thì còn có điều gì bất-thiện mà làm, nhưng chỉ một cái lòng lười-biếng,

tinh-thần tán-mạn không có trước-lạc vào đâu, đó tức là cái chốn vực sâu vạn-ác tụ cả ở đấy, mà chính là cái lúc kẻ tiểu-nhân nó không còn kiêng nể sợ-hãi gì, khá sợ lắm thay! (Lưu Chấp-sơn)

— Hai chữ « lười biếng » thực là một thằng giặc làm hại cho thân mình, nó làm cho nghìn đức vạn nghiệp đến phải trễ bỏ cả mà vô-thành; nghìn tội vạn ác càng thêm giông dỡ mà không thể hạn-chế đi được, đều là bởi cái thằng giặc lười biếng cả. (Lã Tâm-ngô)

— Giữ được cái tâm thì càng ngày càng thêm sáng sủa, như mặt trời càng mọc lên cao mãi; sửa dung-nghi cho nghiêm-chỉnh thì đứng-đắn chắc-chắn, vững-vàng như chân vạc, trong ngoài giao-dưỡng, kinh nghĩa giữ gìn, lo gì là không thượng-đạt lên vậy.

— Hay giữ được kính-cẩn thì bề ngoài cẩn-tế nghiêm-túc, bề trong chuyên-tĩnh thuần-nhất, trai - trang không trễ nải, cho nên thân thể càng mạnh khỏe.

— Công-hiệu chữ kính nó hay làm cho người ta da thịt nở nang, gân cốt chặt-chẽ, càng trang - kính thì càng mạnh khỏe, nếu yên rồi giông dỡ thì càng yếu đi, đó đều là cái chứng-ứng tự-nhiên cả. Dẫu cái người tuổi già mình yếu, giá gặp lúc ra hiến-tế ở đền miếu, hay lúc chiến-trận nguy - cấp, cũng bất-giác tinh-thần phải rợn lên, khí-phách phải hăng lên, xem thế đủ biết nếu hay kính thì nó hay làm cho thân-thể mạnh khỏe lên; đối với mọi người không kỳ nhiều ít, mọi việc không kỳ lớn nhỏ, nếu hay nhất-nhất cung-kính không dám trễ nải, thì thân-thể tất càng thêm mạnh khỏe, không còn ngờ gì nữa. (Tăng Dịch-sinh)

Xét: *Trở lên đều là thuật đại-khái về cái thuyết chủ-kính, như ông Trình Y-xuyên và Chu Hối-ông nói về cái phép dưỡng-tâm, đều cốt ở về điều kính, đó là học - phái Chu Trình. Ông Bạch-sa có câu thơ rằng:* « Tôn-chủ đạo-học ta, có ông Chu Tử-dương; chữ kính nói luôn miệng, vào đức đó là đường. » *Ông Lục-tử cũng thường nói cái câu: « Tiểu-tâm chăm chắm, lúc nào cũng như đấng Thượng-đế soi xét đến mình. » Thế thì Lục-tử có phải là không nói đến kính đâu. La Niệm-am về học - phái Vương Dương-minh ở Giang-hữu, cũng thường viết cái câu « chăm-chủ lòng kính » của Lục tử để tự khuyên gắng lấy mình, thế thì học-phái họ Vương họ Lục đều không bỏ chữ kính cả. Chấp-sơn giải nghĩa câu kẻ tiểu-nhân nhàn-cư làm điều bất-thiện, bảo rằng chỉ vì cái lòng lười biếng, tinh - thần tán - mạn không có trước-lạc vào đâu, đó tức cái chốn vực sâu vạn-ác tụ cả ở đó. Giải nghĩa như thế thực là cảnh-giới thiết-đáng. Cái lòng lười biếng ấy tức như nhà binh gọi là mộ-khí (khí ban chiều), nhà vật-lý-học gọi là nọa-lực (sức trễ biếng), đều là cái vật lười cả. Cái vật lười ấy mà nó bám vào thân ta, thì vạn-sự đều là phóng-khí hết; điều kính tức là cái lợi-khí thứ nhất đuổi trừ cái vật lười ấy đi; cái diệu-dụng của điều kính, chỉ cốt là hạn-chế bề ngoài để giúp vào mà nuôi lấy bề trong. Lũ chúng ta đức-nghiệp sở-dĩ không tấn-tới lên được, cái nguyên-nhân nó cũng tại nhiều mối, nhưng đều là tại bị phải ngoại giới nó dắt đi. Ngoại-giới tức là những vật tai mắt mũi mồm nó muốn sự gì thì nó khiên-dẫn mãi đi, tức như nghĩa thầy Mạnh bảo rằng những vật-dục ở ngoài nó tiếp với vật trong là tai mắt mũi mồm thì nó quyến dụ đi; tai mắt mũi mồm đã bị vật ngoài nó khiên dẫn đi, thì cái cỗi để ý mình nó cũng lay chuyển, tức là nó dẫn đi vậy. Lại rằng: « Hễ để cái khí nó chuyên-nhất thì nó động đến cái chí », thế là nó làm xoay chuyển đổi cả ngôi khách chủ, thế trong không đủ địch nổi với thế ngoài; chỉ có chủ-kính thì mới hay kiểm xét chống-chế với giặc*

ngoài mà làm giảm bớt cái sức nó đi; giặc khách ở ngoài nó có giảm lực đi thì sức chủ mới tăng lên được, mới hay nội - ngoại giao-dưỡng được. Các bậc hiền-triết đời xưa sở-dĩ trọng cái công-phu chủ-kính là vì thế, chớ không có lẽ gì khác.

Lại xét: *Tăng Văn-chính mới phát-minh cái lẽ người nào hay trang kính thì thân-thể càng mạnh khỏe, lại thiết-thực hơn cái thuyết chủ-kính của các nhà Nho đời Tống đời Minh, đó là đức-dục mà lại kiêm cả thể-dục. Tư-Mã Ôn-công cũng bảo rằng: Sửa cái tâm cho chính, giữ cái thân cho tĩnh; thế thì chủ-tĩnh cũng làm cho khỏe mạnh thân-thể, khả cùng với thuyết ông Tăng Văn-chính cùng phát-minh. Văn-chính thường có câu đối rằng: « Trong loài cầm lại hoàn người, trong chốn tĩnh mới sinh kính ». Xem thế thì Văn-chính gồm cả chủ-kính và chủ-tĩnh, mà lấy điều-kính để làm cái công-phu hạ thủ làm lúc tĩnh, đó là chốn độc-kiến và là chốn đắc-lực của ông ấy vậy. Sách* Trung-dung *bảo rằng: « Cẩn-thận những lúc không ai trông thấy, sợ hãi những lúc không ai nghe thấy » Đó là nói cái công-phu chủ-kính chủ-tĩnh vậy.*

— Kẻ học-giả phải nên cung-kính, nhưng không nên quá câu-thúc; câu-thúc quá thì sợ không giữ được lâu.

— Quên đi không biết rằng mình kính-cẩn, thì mới hay không điều gì là chẳng kính.

— Uy-nghiêm kính-cẩn quá không phải là cái đạo trí-kính, nhưng cũng phải cốt tự cái bụng kính mới học được.

— Người ta về cái dung-nghi, phải có cái giữ-gìn, mà cũng phải có cái tu-sức. (Trình Y-xuyên

Xét: *Mấy câu trên này là nói chủ-kính không nên căng-trì quá, căng-trì quá thì thành ra chỉ trí-chục về bề ngoài.*

— Cái tâm không nghĩ, không làm gì cả, tịch-nhiên bất-động, thế mà hễ cảm-động đến thì hay thông-suốt được cả sự-cố trong thiên-hạ, chẳng phải là chí-thần thì sao hay được như thế. (Dịch Hệ-từ).

— Đã hay biết ở về chốn chí-thiện thì mới hay có định-hướng; tâm đã định-hướng rồi mới hay tĩnh mà không động; đã tĩnh rồi mới hay yên ở vào đó; đã yên ở vào đó rồi mới hay suy-nghĩ cho tinh-tường; đã hay suy-nghĩ rồi mới hay được cái lẽ chí-thiện. (Đại-học).

— Người ta phải trì cái chí mình chớ bạo cái khí mình, là tại sao? Vì là cái chí mình chuyên-nhất thì hay động được khí, khí chuyên-nhất thì động được chí. Xem như khi vấp ngã, khi chạy nhanh, là khí mà nó lại hay động đến tâm mình.

— Cứ việc chăm-chỉ mà làm chớ có mong hẹn vội, tâm chớ có quên mà chớ nống nó lên.

— Cái lương-tâm ban đêm nó mới sinh-tức ra, đương lúc khi buổi sáng mới bình-minh, cái lòng hiếu-ố lúc bấy giờ nó gần giống như tính người được là bao, thế mà đến khi tiếp với những việc làm ban ngày, thì nó lại co dắt đi mất, co dắt đi luôn-luôn mãi thì cái khí thanh-minh lúc ban đêm không đủ giữ cái tâm được nữa (Trở lên lời thầy Mạnh-tử).

— Cẩn-thận những lúc người ta không trông thấy, sợ-hãi những khi người ta không nghe thấy. Chỗ ẩn-tối đó mà thật là hiện rõ, việc tế-vi đó mà thật là hiển-lộ; vậy nên người quân-tử phải cẩn-thận lúc một mình không ai biết. Những điều mừng giận thương vui nó chưa phát-lộ ra, thì còn là tĩnh, không có điều gì thiên-lệch, nên gọi là trung; đến lúc nó đã phát ra thì là

tình, mà hợp với tiết-độ cả không có ngang trái điều gì nên gọi là hòa. (Trung-dung)

— Người ta lúc mới sinh ra còn tĩnh, thuần là tính trời vậy; đến lúc cảm với mọi vật mới sinh động, là cái tính nó đã có tình-dục vậy. Các vật nó đến đều cảm biết cả, nên mới sinh ra yêu ghét. Nếu bề trong mà yêu ghét không có tiết-độ, thì ở ngoài vì những cái biết nó dỗ đi, mà không biết trở lại xét mình, thì thiên-lý diệt mất. (Nhạc-ký)

— Cái tâm nó hư-nhất cho nên tĩnh, hư-nhất mà tĩnh, chính là lúc đại-thanh-minh. — Đừng để cho những sự mơ-màng rắc-rối nó là n loạn cái lương-tri, thì mới gọi là tĩnh (Tuân-tử).

Xét: *Đoạn trên này là cái thuyết tồn-dưỡng về phái chủ-tĩnh đời xưa. Mạnh-tử Tuân-tử đều nói muốn tồn-dưỡng cái tâm thì phải chủ-tĩnh, thế thì họ Mạnh họ Tuân đều là đích-truyền đạo Khổng. Trang-tử cũng khen thầy Nhan có cái công-phu tâm-trai, thế thì phái chủ-tĩnh cũng trước tự học trò đức Khổng phu-tử.*

Lại xét: *Chư-kỵ Tưởng-thị có làm ra sách « Trung-quốc cổ-đại định-học khảo-lược » (chép ở trong Tân-dân tùng-báo thứ 70, nói về cái phép học chủ-tĩnh trước tự vua Hoàng-đế, rồi đến các phái đạo gia, và có dẫn chứng cả những lời họ Trang họ Liệt ra để bảo rõ pháp-trình, luận rất tinh-tường, cũng nên xem xét*

— Chủ-tĩnh để lập nhân-cực.

— Hoặc kẻ hỏi: Bậc thánh có thể học được không? — Được. — Có điều gì làm cốt-yếu để mà học không? — Có. Dám xin hỏi. - Cốt-yếu là phải chuyên-nhất, chuyên - nhất thì không có bụng dục, không có bụng dục thì tĩnh, tĩnh thì không-hư, động thì chính-trực, tĩnh mà hư-không thì sáng, sáng thì thông suốt; động mà chính-trực thì công, công thì phổ-khắp; đã đến bậc công-minh thông suốt khắp cả, thì đã gần đến bậc thánh vậy. (Châu Liêm khê)

Xét: *Học - thuyết Châu Liêm-khê, trong khoảng đời Tống đời Minh và trăm năm kẻ nho - giả đều phụng làm tổ-sư, mà xét cái uyên-nguyên thực tự ông Sung Phóng, Lý Chi-Tài, Trần Đoàn, chính là một chi-lưu về phái Đạo-gia, nên nhà Nho hay lấy làm hủy-kỵ mà không nói đến. Song việc gì mà hủy kỵ, Đạo gia cũng vẫn là dòng thần-tổ Hoàng-đế ta, chỉ vì sau này họ phụ-họa bác-tạp mà thôi. Nhưng học cách định-tĩnh vốn là nguồn chi-đạo, ông Châu Liêm-khê theo đó làm đích, nên mới hay phấn-chấn một đời. Vậy nay mới liệt vào mục học thuyết trước đời Tần mà biên-tục ra đây,*

— Thầy Trình hễ thấy ai hay tĩnh-tọa, thì khen là khéo học.

— Học-giả không gì bằng cứ nửa ngày ngồi yên, còn để nửa ngày xem sách. (Chu Hối-ông).

— Đi học phải ở trong lúc tĩnh mà tìm ra đầu mối, mới biết đường thương-lượng xem xét. (Trần Bạch-sa).

— Gọi là ngồi yên không phải như ông sư khi nhập-định ngồi lặng ngắt đâu. Vì lũ chúng ta hằng ngày bị mọi sự-vật nó làm phân nhiễu, không biết cách học vị-kỷ, nên mới bảo lấy cái công-phu ngồi yên để thu lấy phóng-tâm đấy thôi. (Vương Dương-minh).

— Học có phân gì động với tĩnh, chỉ vì người sơ-học suốt ngày phân nhiễu, cái chân - cơ của bản - tâm, bị chìm dắm mờ-mịt cả ở trong trần-ai; vậy nên đấng tiên-giác lập-giáo dạy người ta lúc mới bắt đầu phải tĩnh-giảm hết việc ngoài, tạm tĩnh trần-duyên, trong lúc ngồi yên sẽ nhận ra cho biết rõ cái chân-diện-mục của bản-tâm mình, ít lâu rồi tự-khắc tà-chướng suốt hết mà linh-quang lộ ra, lúc tĩnh như thế, lúc động cũng như thế, đến

lúc bấy giờ dẫu suốt ngày ứng sự tiếp vật, chu-toàn ở trong nhân-tình sự-biến không lúc nào dời, mà cũng như là lúc ngồi yên không khác gì vậy, bởi vậy trước phải định-tĩnh rồi sau mới hay suy nghĩ tinh-tường; chứ không phải bảo rằng suốt đời tuyệt cả sự-vật, diệt cả luân-lý, ngồi trơ như cục thịt, chỉ ngơ-nghếch không làm việc gì đâu. (Vương Đường-nam)

— Học đến cõi thánh không phải chỉ toàn nhờ về tĩnh, nhưng chỉ vì phú-bẩm mỗi người một khác, nếu phải người tinh-thần kém yếu, thì phải nhờ về tĩnh để bồi-đắp cho nó được chắc-chắn, thu-thúc lại tức là lương-tri, nếu để tán-mạn ra thì đều là vọng-tưởng cả.

— Mỗi người bệnh-chứng một khác, học đến bậc đại-thánh-hiền thì phải có đại-tinh-thần, công-phu chủ-tĩnh chỉ ở trong chốn tầm-thường nhật-dụng. Duy kẻ học-giả nhiều người thần-đoản khí-phù, phải nhờ cái sức chủ-tĩnh đến và mươi năm mới hay ngưng-tụ bồi-đắp được thâm-hậu; mà tệ nhất là cái bệnh người ta ít người có cái công-phu giáo-dục về lúc tiểu-học, tiêm-nhiễm mãi thế-tục, thành ra tục-côn khó bạt-trừ đi được, tất phải tĩnh-tâm đọc sách, khiến cho nghĩa-lý thấm-thía, biến đổi hết tục-tràng tục-cốt, lặng thần ngồi yên khiến cho những điều trần-tục vọng-niệm tiêu-tán đi, để cho kiên-cố cái chính-tâm chính-khí của mình mới được.

— Cái phép tĩnh-tọa phải gọi tỉnh cái tâm ấy cho nó thường sáng luôn, đừng để cái chí mình nó lảng đi đâu. Cái chí đã không lảng thì tinh-thần tự-nhiên ngưng-tụ, không cần phải sắp-đặt, mà cũng chớ có câu-nệ, chớ mong hiệu-nghiệm vội. Lúc mới nhập-tĩnh nếu mà chưa biết cái phép nhiếp-trì, thì chỉ nhằm nhớ lấy những câu thiết-yếu của thánh-hiền, rồi tự hiểu biết đường vào, tĩnh như thế độ ba ngày là tự khắc đến cõi thần-diệu. (Cao Cảnh-Dật)

— Công-phu chủ-tĩnh, lúc mới bắt đầu rất khó. Nay hãy vì kẻ học-giả bảo cho cái phép phương-tiện, đương lúc tĩnh-tọa thì ngoài những khi ứng-sự tiếp-vật ra, nếu có lúc rỗi rảnh thì ngồi yên, trong lúc ngồi phàm nhất-thiết sự coi như vô-sự cả, đã vô-nhất-thiết-sự thì cũng vô-nhất-thiết-tâm, cái tâm hư-vô chính là cái bản-tâm đó, đừng để cho nó phóng-túng, đừng để cho nó niêm-trệ, phải cho nó thường tỉnh-táo luôn; không phải làm những bộ nhắm mắt bịt tai, những cách ngồi xếp bằng tròn, nhằm đếm hơi thở, chỉ tùy những lúc nhật-dụng ngày thường, lúc nào mỏi thì dậy, lúc nào cảm thì ứng, lúc đi lúc đứng, lúc ngồi lúc nằm đều hay tĩnh-quan, lúc khởi-cư lúc ăn nghỉ, đều hay tĩnh-hội, chính như người trước bảo rằng đừng có những quên, mà cũng đừng nống lên, cứ mặc tự-nhiên không phải dụng-lực một tí gì cả, ấy cái chân-cơ tiêu-tức nó ở đó. Vậy nên thầy Trình hễ thấy người nào hay ngồi yên-lặng thì khen là người biết học, là biết ngồi yên để cầu cái phóng-tâm lại; rồi từ đó nhập-môn, từ đó học cho đến cứu-cánh, chứ không phải chỉ là một việc phương-tiện nhỏ mà thôi. Nếu mà hay tĩnh-hội được thì học đến bậc thánh, nếu không hay tĩnh-hội được thì suốt đời chỉ lông-bông, không biết đường nào mà học được nữa. Người nào không hay tĩnh-tọa, thì hãy học ngồi, nếu không ngồi được thì còn học cái gì, trước phải học ngồi như thần thi, ngồi mà học-tập cho chỉnh-tề nghiêm-trang, rồi tự-nhiên nó quen đi. Kinh *Thi* rằng: « Xét ở nhà mày, đừng để thẹn với trong chỗ tối. » Lại rằng: « Lúc tĩnh hình như có thần giám-lâm, không thể lường được, không nên sinh lòng trễ biếng ». (Lưu Chấp-sơn)

Xét: Trở lên là sao-lục cái thuyết « tĩnh-tọa ». Tuy rằng tĩnh-tọa cũng chửa hết cái công-phu chủ-tĩnh, nhưng cái công chủ-tĩnh trước phải tĩnh-tọa, các đấng tiên-nho đều lấy cách ấy làm phương-tiện pháp-môn. Chúng ta hằng ngày chiền-nhiễu về ngoại-cảnh, làm cho cái tâm rối-beng không có một khắc nào rồi, nếu không ngồi cho yên-tĩnh để chữa lại, thì suốt ngày chỉ làm nô-lệ cho cái khu-xác mà thôi. Ta thường nghiệm rằng trong một ngày không có lúc tĩnh-tọa, thì thần-khí hộn-trọc tệ lắm, khi ta ở bên Mĩ bận lắm việc phồn-tạp, không gặp một người sĩ-phu nào để cùng giảng học, lại không có giờ nào rảnh để xem sách-vở, chỉ có gặp ngày chủ-nhật thì ta đến nhà thờ Cảnh-giáo, chỉ ta không phải là đến nghe giảng kinh, chỉ nhân được một vài giờ đồng-hồ đó đến ngồi cho tĩnh, khoan-khoái như là đến được cái chốn an-tâm lập-mệnh, mới càng biết rằng cái cảnh tĩnh ấy không thể không được. Kẻ tục-tử thường bảo rằng hôm nay nhiều việc lắm, chúng ta còn nhiều việc phải nên làm, lẽ nào lại lấy cái nhật-lực hữu-dụng mà bỏ vào chỗ vô-dụng. Nhưng không biết rằng trong thiên-hạ vẫn có cái vô-dụng chi dụng; chỗ hư-không là chỉ-vô-dụng, nhưng trong một nhà mà không để chỗ hư-không, thì không thể xoay chuyển vào đâu được; nằm ngủ là chỉ-vô-dụng, nhưng trong một ngày mà không có lúc nằm ngủ, thì không hay mạnh khỏe được. Thế thì vô-dụng với hữu-dụng cũng như nước với lửa giúp lẫn nhau. Huống-chi lũ chúng ta nếu không tĩnh-tọa, thì trong một ngày mười hai giờ, há lại không có một lúc nào bỏ phí thì-giờ về những việc vô-dụng khác, nếu mà bỏ phí về những việc vô-dụng khác, thì sao bằng tĩnh-tọa, nói như thế chẳng qua cũng là văn-sức mà thôi. Ta nghĩ rằng những người đến tuổi trung-niên đã vào cuộc đời, suốt ngày phải mắc mứu vào trong lưới trần bận-bịu, thì mỗi ngày cũng phải để ra một giờ hoặc hai giờ để làm thời-khắc tĩnh-tọa để nuôi cái tinh-thần. Còn như những người trẻ tuổi đương đi học, mỗi ngày cái thì giờ phải ngồi trong nhà trường để học-hành đã nhiều, thì cũng không nên ngồi mãi cho ngưng-trệ cả huyết mạch có hại về đường vệ-sinh, thì trong một ngày nên để ra một giờ hay hai giờ đi tản-bộ một mình trong chốn công-viên, hoặc nơi nào không-khoáng, lúc đi tản-bộ ấy để cho nó yên tĩnh cái tư-lự của mình, cũng không khác gì như là tĩnh-tọa để cho tâm thần nó có lúc an-ổn. Phỏng chừng trong một hai giờ nghỉ-ngơi để thu-liễm cái tâm, thì cái khí thanh-minh của mình nó lại thụ-dụng được nhiều. Cứ theo lệ mỗi ngày đêm ngủ độ bảy tám giờ để nghỉ cái thân, mỗi ngày ngồi yên độ một hai giờ để nghỉ cái tâm, là điều cốt-tử về đạo người vậy. Đến như cái phép tĩnh tọa, hoặc đếm hơi thở, hoặc ngay đầu mũi, đều là lúc sơ-học ngồi yên, trong bụng nó còn lồng lên như ngựa, nhảy lên như vượn, nó chưa chịu yên lặng, nên phải tạm mượn cách ấy để giúp-đỡ mà tự-chế lấy mình đó mà thôi, cho nên Chấp-sơn bảo rằng bất-tất phải thế, đó là nói về cái người học đã thuần-thục rồi, chớ như cái người sơ-học thì cũng chưa bỏ cái cách ấy được. Ông Tăng Văn-chính, ông Lý Văn-trung đương khi ở trong việc quân mà mỗi buổi cũng viết lấy một trăm chữ cho thật chân-phương ngay-ngắn. Ông Cách-lan-tư-đốn trong một ngày cũng để một lúc ra chặt cây, hoặc đứng chỗ ngã-ba đếm những xe ngựa đi lại, làm như thế cũng là giúp cho mình để tự-chế lấy mình vậy.

— Hoặc kẻ hỏi mỗi ngày lúc tĩnh-tọa để dưỡng-tâm, nhưng lại thấy cái ý nó cứ tự-nhiên khởi-động lên, muốn tĩnh mà không tĩnh được thì làm thế

nào. Đáp rằng: Thày Trình bảo rằng cái tâm nó vốn hoạt-động, sao lại cấm nó không nghĩ được, chỉ cốt là đừng có loạn-tư vọng-tưởng, nếu đã hay giữ được ý-tứ cho tĩnh mà lại hay thêm ra nghĩ-ngợi, cũng cứ tự-nhiên chớ không nên câu-thúc nó, tự-khắc là nó điềm-tĩnh. Hoặc kẻ hỏi Diên-Bình tiên-sinh về cái thuyết tĩnh-tọa thế nào? Đáp rằng: Tĩnh-tọa để lý-hội lấy đạo-lý, cũng không can sao, nếu chỉ chuyên tĩnh-tọa mà thôi thì không phải, người ta đã hay lý-hội được đạo-lý cho rõ-ràng thì tự-nhiên là tĩnh. Nay người ta chỉ cầu tĩnh tọa cho bớt việc thì không phải. Nếu trong tâm mà náo-nhiệt thì sao hay xét biết được đạo-lý, nên phải cho tĩnh mới xem xét ra được, tĩnh tọa chỉ là thu lấy cái tâm cho yên tĩnh vô-sự mà thôi (Chu Hối-ông).

— Đương lúc tư-lự nó khởi lên thì làm thế nào? — Đó chỉ tại cái bản-thể nó bất-thuần, nên mới phát ra tư-lự hỗn-tạp; nếu đã hay chủ-nhất thì phàm những điều tư-lự bất-tề, phải sửa lại cho tề, cốt giữ lấy một điều chủ tề, trong những lúc tư-lự hỗn tạp, trước bỏ cái điều tà-tư đi, rồi thứ đến trừ cái bụng nhân-lự đi, làm cho trực-tiệt đào-đề, đừng để phóng-túng lúc nào. (Ngụy Trang-cừ).

— Hoặc kẻ hỏi thầy bảo tôi tĩnh-tọa mà lúc tĩnh-tọa lại càng thấy vọng-niệm rối-bời, thì làm thế nào? — Đó phải đợi cho nó tự thú chịu mới được. Nếu không thể thì không thể làm thế nào được, vì nó tự cỗi-rễ không thể trừ hết ngay được, lúc không tĩnh-tọa thì cái vọng-niệm ấy không phải là không có, chỉ tại mình không biết đó thôi. (Lưu Chấp-sơn).

— Hoặc kẻ hỏi tư-lự người ta có chính có tà, nếu thực là điều tư-lự thiên-tà thì áp-chế nó đi cũng dễ, duy có những điều tư-lự không có đầu mối chẳng khẩn-yếu gì, thì không biết lấy gì để bạn-chế nó được. — Đó là tại mình không biết tư lường đó thôi. Nếu những điều chẳng nên nghĩ thì bỏ đi chẳng nghĩ nữa, như thế ít lâu tự-nhiên thuần-thục rồi không còn có điều gì tư-lự càn nữa. Ví như người ta ngồi chửa vững mà hai chân đã muốn đi, nhưng trong lúc đã đi rồi thì lại không thích đi nữa, giữ được thuần-thục ít lâu, rồi tự-khắc là chẳng thích đi mà ngồi tự vững vậy. Đăng tiên-bối có người muốn trừng-trị tư-lự, trong chỗ ngồi để sẵn hai cái lọ, hễ khởi lên một thiện-niệm, thì bỏ một hột đậu trắng vào trong một cái lọ; khởi lên một ác-niệm thì bỏ một hột đậu đen vào trong một cái lọ, lúc mới bắt đầu làm thì đậu đen nhiều mà đậu trắng ít, đến sau đậu trắng nhiều mà đậu đen ít, rồi ít lâu không thấy có đậu đen nữa, cuối cùng đến đậu trắng cũng không có nữa. Song cái lối đó cũng là một tử-pháp, nếu hay thêm công-phu về việc đọc sách cùng-lý thì bỏ những điều tư-lự bất-chính ấy cũng chẳng khó gì. Lại như có người hay làm những việc chẳng khẩn-yếu gì, như là viết chữ làm thơ, lúc mới chăm chỉ làm cho được, không thể nào cấm được. Nếu hay đem những lời nói đấng thánh-hiền mà ngẫm-nghĩ cho kỹ, thì tự hay thấy được đạo lý rõ-ràng, rồi sau dần dần mới biết điều kia trọng mà điều ấy khinh, ít lâu rồi bất-tri bất-giác tự-nhiên là bỏ hẳn đi, hà-tất lại phải sinh ra một bụng nghĩ, tìm lấy một đường tắt, bỏ hết cả ý-kiến mình đi mới hay tĩnh-tâm được. Cái người muốn tư-trị lấy tâm-thân mà không chịu được phiền, đến phải gạt bỏ cả mọi việc thì sao được. (Chu Hối-ông)

— Cái người đã bỏ hết cái tâm tạp-những đi, thì trong hàng ngày đều thỏa-thuê, không cần phải giữ-gìn gì cả; cũng giống như anh cầm lai, lúc mới phải giữ lái không dám chợp ngủ;

đến lúc đã quen đi rồi thì thân mình với cái lái là một. Phàm người ta theo về học-vấn, lúc mới phải có giữ-gìn kiềm-thúc, đến về sau nó quen đi thành tự-nhiên cả.

— Trong lúc tĩnh biết so-sánh thế nào là công-hiệu, chỉ cốt xem xét ít lâu thấy cái tâm ấy có lúc trì-trục với ngoại-vật, có lúc không trì-trục, thì nhận ngay cái tâm không trì trục ấy làm gốc, phàm những sự động-tác hàng ngày đều do cái tâm không trì-trục ấy nó chiếu-ứng ra, hễ nó hơi trì-trục với ngoại-vật thì thu ngay về, ít lâu rồi thành quen, công-phu chẳng biết bao nhiêu ngày, cái tâm mới hay định-tĩnh được. Lẽ nào mới tĩnh-tọa độ một hai ngày, bắt ép cái tâm nó phải định ngay mà động-tác không được sai, có lẽ nào lại hay như thế được. Ông Dương-minh bảo người ta phải theo cái lương-tri mà làm, không phải là theo cái lương-tri mình biết ở nhãn-tiền đâu, chính là trỏ cái lương-tâm mà mình không man-quá được nó, mà chính là cái tâm không trì-trục với ngoại-vật, trong lúc tĩnh mà mình nhận biết được rõ nó, thì rồi sau mới tìm được nó vậy. (Trở lên lời ông La Niệm-am)

— Những điều du-tư vọng-tưởng, bất-tất phải cấm-át cho lắm. Nhân-tâm người ta không thể nào để vô-dụng được; chỉ cứ nhất-tâm chuyên về việc học, một dàng khởi lên thì dàng kia phải suy, chỉ chuyên-tâm nghĩ về việc học thì còn rồi đâu nghĩ đến những điều du-tư vọng-tưởng nữa Tuy rằng trong lúc chuyên-tâm không khỏi gián-đoạn, chợt cái nó chạy đi mất, thì mình phải lập-tức đuổi theo bắt nó về, cũng đừng làm cho phân-nhiều quá. cốt giữ lấy cái tâm làm chủ thì ngoại-khách không thể lấn vào được,

Xét: *Trên này là nói cái phép lúc tĩnh-tọa phải chỉnh-lý những điều nhân-tư tạp-niệm. Lục-tử có nói rằng: « Tâm người ta ai cũng thích bận đến một việc gì, nếu bảo bỏ cả mọi việc, thì có khác gì bảo con hầu lìa bỏ cây, thì còn biết lấy cái gì mà bấu víu. » Lời nói ấy thực là tả rõ cái tính-chất phổ-thông của loài người. Chúng ta lúc mới dụng-công tĩnh-tọa, thấy nó khó chịu, là bởi vì cái lòng hiếu động ấy, thực như lời Chấp-sơn bảo rằng lúc không tĩnh-tọa hà-tằng lại không có cái lòng ấy, chỉ tại mình không biết đó thôi. Vì như cái bệnh vi-trùng là bệnh truyền-nhiễm, trước khi tân-khoa y-học chửa phát-minh nó cũng đã có rồi, chỉ tại mình không biết đó thôi, không biết mà không chữa thì thực nguy-hiểm, đã biết rồi tuy rằng chữa rất khó, nhưng còn có cơ chữa được. Ông Bạch-sa bảo rằng hễ đã biết được rõ bệnh tức là thuốc ở đó. Lúc mới học chỉ có dùng cái phép cưỡng-chế, hễ thấy khởi-niệm một ý xằng thì ức-chế ngay đi đừng để cho nó tự-do, theo như lời Ngụy Trang-cừ bảo phải sửa đi cho tề, và cái phép trừng-trị tư-lự của bậc tiền-bối mà thầy Chu đã dẫn ra đó. Song muốn cưỡng-chế cái tạp-niệm ấy đi thì tất phải có cái đồ để áp chế nó và cái thuật để hạn-chế nó, thì không gì bằng cái nghĩa trí-lương-tri, theo như lời thầy Chu bảo phải tỉnh-giác luôn, Long-khê bảo phải thường đánh thức bản thể cái tâm cho tỉnh-tớm, thì vọng-niệm tự-tiêu. Niệm-am bảo rằng phải suốt ngày coi cái lái thuyền luôn luôn không được chợp ngủ, lương-tri tức là cái lái thuyền đó, mà cần nhất là phải suốt ngày xem xét. Khi xưa vua Ngô Phù Sai thường sai người đứng ở luôn bên cạnh gọi bảo rằng: « Phù-Sai, ngươi đã quên cái thù người Việt nó giết cha ngươi rồi ư! » Thì vua đáp lại rằng: « Không dám quên! » Ấy cái phép đánh thức cái tâm phải như thế. Nếu không đánh thức luôn thì quên, quên thì tạp-niệm nó lấn ngay*

vào. Vậy nên cái phép trí-lương-tri là phải cần tỉnh-thức luôn.

Lại xét: *Người bạn với Khải-Siêu (đã mất rồi) là Lâm Lưu-Dương trước kia có đưa thư cho người nói rằng: « Tĩnh để xem xét, đoạn hết vọng-niệm, đừng để cái tâm nó vọng động lên. Sao lại phải đoạn hết vọng-niệm? Vì cái ý-thức nó hết khởi-niệm cái nọ lại khởi-niệm đến cái kia, đã có trí-tuệ thì không thể nào không sinh ra nghĩ, nhân cái nọ lại nghĩ đến cái kia, hết con trâu đến con ngựa, như là cái cây đâm ra cành, cành lại thành ra cán, rồi nó mọc thẳng tuột lên, như ngọn cờ đứng thẳng không vướng vào đâu, đến lúc ấy đã hoi đứng thẳng, không dám chồi ra nữa mới là đoạn hết ý-thức. Sao lại phải đừng để cho cái tâm nó động? Nguyên là chỉ-đạo tuyệt vô-ngôn, cảm đến ý-thức mới thành ra cảnh; không cứ gì cảnh thuận cảnh nghịch, cảm đến cái tâm mới thành ra lý; xem như lúc nghe tiếng hát mà muốn nhảy múa, nghe tiếng khóc mà sinh thương đau, đó không phải chỉ vì tiếng hát tiếng khóc, là bởi có cái tâm thương tâm vui nó làm chủ, nếu sai cái chủ-tâm ấy thì liền khác ngay, vậy không nên để cho cái tâm nó biến-động.* » *Lưu-Dương trước cùng với ta (Khải-Siêu) cùng học cách trị-tâm, Lưu-Dương thì lấy đoạn-tuyệt niệm-lự làm cách phương-tiện, bảo rằng bao giờ trên cái cây khô nó lại nẩy hoa ra, mới là chân-hoa; trong đống tro nguội nó lại hấp nóng lên, mới là chân-hỏa, vậy nên hết sức về chỗ đó rất khổ; đến hồi vãn-niên còn tự nói rằng những điều tạp-niệm tế-vi vẫn chưa túc-thanh được hết. Nhưng xét ra học-lực ông đã thâm-tháo lắm rồi, phẩm-cách sự-nghiệp của ông người ta đều trông thấy cả, thực là cái chân-hoa ở trên cây khô, chân-hỏa ở trong tro nguội vậy. Khải-Siêu thì bảo rằng bất-tất phải đoạn-niệm, chỉ cốt thường đánh thức cái tâm; nếu cái tâm hay tỉnh-thức, thì tự mình tác-chủ, dẫu nhiều niệm-lự cũng không can sao. Lưu-Dương thì bảo rằng nếu cái nền nó chưa vững thì cũng không thể chắc được. Nay Khải-Siêu đức-nghiệp còn hoang-phế, thẹn với người bạn đã qua đời nhiều lắm. Ấy cái phương-tiện pháp-môn kể như trên đó, kẻ học-giả nếu hay theo một đường thực-tâm mà làm, thì cũng có thể tâm-đắc được.*

— Gọi là định thì lúc động cũng định mà lúc tĩnh cũng định, không có đưa đón, không phân trong ngoài. — Trời đất thường lấy cái tâm phổ-khắp vạn-vật mà vẫn vô-tâm; thánh-nhân thường lấy cái tình thuận-ứng vạn-vật mà vẫn vô-tình; vậy nên người quân-tử chẳng gì bằng giữ lấy cái tâm cho khuếch-nhiên thái-công, hễ sự-vật gì đến thì thuận-ứng. Kinh *Dịch* nói rằng: « Cứ giữ cho trinh-tĩnh thì tốt mà không có hối-hận, nếu thấp-thỏm nghĩ luôn thì nó quyến-dụ cái tâm đi mất.» Người ta nếu cứ chăm-chăm để triệt bỏ những vật ngoại-dụ đi, thì bịt đàng nọ, nó lại sinh đàng kia, suốt ngày không lúc nào rồi, đến hàng trăm mối không thể trừ đi được. Tình người ta vì mắc những điều chướng-tế, nên không hay học cho đến đạo được; phần nhiều là mắc phải cái ý tự-tư và hay dụng-trí, nếu có ý tự-tư thì không hay làm được điều gì để ứng-dụng; dụng trí thì không hay lấy cái thể tâm sáng suốt để làm tự-nhiên; nay nếu lấy cái tâm ghét ngoại-vật mà cầu hay chiếu thấu đến chỗ vô-vật, thì có khác gì bỏ cái gương đi mà lại muốn soi cho thấu. — Nếu cứ lấy trong làm phải mà chê ngoài, thì chẳng gì bằng trong ngoài đều quên cả đi, quên đi cả thì trong tâm trong-trẻo vô-sự, vô-sự thì định, định thì sáng, sáng thì ứng với mọi sự-vật có sợ gì hệ-lụy đâu. (Lời trong thư Định-tĩnh của Trình Minh-đạo)

— Biết được lẽ ấy mà hay lấy điều thành kính giữ lấy cái tâm, thì không cần phải phòng-kiềm, không cần phải cùng xét lắm. Nếu cái tâm trễ biếng thì mới phải đề-phòng, tâm không trễ biếng thì đề-phòng cái gì; chưa biết được chân-lý mới phải cùng xét, nay tồn-dưỡng ít lâu đã tự rõ ra, thì còn cần gì phải cùng xét nữa. (Lời trong thiên Chí-nhân của Trình Minh-đạo).

Xét: *Trên này dẫn lời trong thiên Định-tĩnh và thiên Chí-nhân của thầy Trình-tử, những kẻ học-giả đời Tống, Nguyên, Minh, đến và trăm năm nay đều phụng lời ấy làm kim-khoa ngọc-luật, cái giá-trị cũng vì bằng với* Tứ-thư, Ngũ-kinh, *thực là tinh-túy lắm. Những cái thuyết tâm-thường nói về chủ-kính, chủ-tĩnh thì hợp về cái nghĩa: « Phải nên thường lau chùi, chớ để bợn nhơ bụi »; còn như lời nói của Trình-tử về thiên này thì hợp về cái nghĩa: « Bản-lai không có vật gì, còn bám bụi vào đâu »; đó là dạy về cái người đã biết học-đạo rồi mới nói cao lên một bậc như thế. Còn như kẻ sơ-học chưa biết dụng công phu tồn-dưỡng, nếu học theo lời ấy thì sợ rằng chưa biết đường lối nào mà theo, nay xin lại dẫn lời các hậu-nho để giải-thích ra như sau.*

— Đương lúc bối-rối mà mình cũng phân-vân khó nhọc để trị nó, thì bị phải sự-vật nó thắng được, đó là tại mình cứ hay tư-niệm thấp-thỏm vậy; nếu cứ thung-dung nhàn-nhã vượt lên trên sự-vật, đó tức là cái cách tịch-nhiên chủ-tĩnh vậy. Nếu mà thấp-thỏm để ứng-phó mọi việc thì có khi lại lầm lẫn; nếu cứ tĩnh-tịch tự-nhiên mà ứng phó, thì điều-lý đâu ra đấy, nghiệm thế thì biết tĩnh-tịch hơn là không tĩnh, trước thử một ngày rồi đến mãi trăm năm; trong khoảng một ngày không kỳ là động là tĩnh, cốt cứ thung-dung nhàn-nhã, rồi dần dần đến tịch-nhiên vô-sự, mà mình vẫn chưa từng có cái lòng chán-nản mọi sự, đó là bởi tại cái tâm-thân mình đã yên-ổn chắc-chắn, tâm đã vững chắc rồi thì tự-khắc là sáng tỏ cả mọi sự-vật, dần dần thấu đến tế-vi, ít lâu rồi thành quen, thế là học đã đến lúc tâm-đắc. Đăng tiên hiền bảo rằng cái tâm phải chăm-chủ ở về nghĩa-lý, mà chớ mong cái công-hiệu vội, lúc nào cũng chớ quên cái công tồn-dưỡng, mà chớ tác-vi để nống nó lên, ý là bảo không phải dụng-lực một tí gì, cốt là cái tâm chỉ thường ở về nghĩa-lý mà đừng tăng-tổn một tí gì, cứ thung-dung nhàn-nhã ít lâu thành quen, rồi dần dần tự hay học thấu đến tế-vi vậy.

— Học-lực đã đến chốn tinh-mật, thì dẫu mọi việc phân-nhiễu, cũng xử một cách thái-nhiên, không cần phải cố iếu-ứng. Như ta đã có cái tâm-niệm nhất-định không làm điều xằng, thì dẫu lúc bách-niệm tung-hoành, cũng không cần phải đề-phòng cho lắm mà nó cũng tự mất.

— Cái tật người ta phải đề-phòng từ lúc mới vào học. Châu-tử bảo phải tuyệt-dục, Trình-tử bảo phải định tĩnh, đều là ý ấy cả. Nếu như người học đã cao, đặt mình ở trên nghìn nhận, thì coi những vũng ếch hang ốc kia nó cạnh-tranh, có thấm vào đâu. Nếu học còn thấp kém như còn trệt chân ở dưới bùn, giá vớ được mảnh sành hòn sỏi, đều coi như là tính-mệnh. Cái người kiến-thức đã giỏi thì gặp việc gì cũng dễ như không; ví như ông già đùa bỡn với lũ trẻ con cũng không sợ gì nó rây bẩn đến mình, chỉ cốt cái tâm ta đã giữ-gìn được khiết-tĩnh, đoạn hết cả tục-tình, trông xa ra ngoài vũ-trụ, thì mới có thể đảm-đương được đạo học. (La Niệm-am).

Xét: *Trên này là Niệm-am giải-thích cái thuyết thầy Trình, bảo rằng dẫu đương lúc bách-niệm tung-hoành, mà cái niệm làm xằng cũng bất-tất phải đề-phòng mà nó tự mất. Lại bảo rằng như ông già đùa bỡn với lũ trẻ con, cũng*

không sợ nó rây bẩn, nói vi như thế cũng khéo. Nói rút lại là tại cái tâm mình thư-thái mà sở-kiến rộng xa vậy. Thầy Mạnh bảo rằng cốt phải trước giữ lấy cái tâm là đại-thể, thì những điều nhỏ nó không quyến-dụ đi được. Xem như con mẹ đàn bà chỗ đầu ngõ vì tranh một đồng tiền mà cãi-cọ nhau, chớ như người giàu có cự-vạn thì không thèm, là tại cớ sao? Là vì những điều nhỏ-mọn ấy không đủ bợn đến lòng vậy. Cái người đã học đạo coi nhất-thiết những đồ xa-xỉ động tâm của thế-gian, cũng như người giàu cự-vạn coi một đồng kẽm mà thôi, cũng không cần phải phòng-kiềm gì cả mà cũng không thèm. Niệm am lại bảo rằng mình đã tự-phụ lấy cái thân gánh vác việc trời đất, thì nhất-thiết tục-tình không thể nhiễm bẩn được, cũng là ý-nghĩa như thế vậy. Nhưng học đến tháo-nghệ bậc ấy cũng khó, vẫn đành rằng giàu đến cự-vạn thì không tranh một đồng kẽm, nhưng làm sao cho giàu đến cự-vạn được? Thế thì làm giàu cũng phải có đạo, không phải chỉ ăn no ngồi rồi chơi đùa hết ngày, tự-nhiên trời mưa vàng xuống cho. Người nào đã dưỡng được cái tâm đến thuần-thục, thì ngoại-vật nó không thể động được; song dưỡng làm sao cho đến được thuần-thục, thì tất phải lấy đạo-nghĩa để dưỡng-tâm, chớ không phải chỉ nói mép mà hay tâm-đắc được đâu. Vậy nên cái thuyết của thầy Trình là miêu-tả khí-tượng cái người đã học đến đạo, chứ không phải nói cái phép-tắc để dạy người mới học.

— Cái phép tĩnh-tọa không phải sắp đặt một tí gì, chỉ là bình-thường lẳng lặng tĩnh-mịch ngồi yên, để cho cái tính-thể nó trong sạch, không bợn một vật gì; người ta lúc mới sinh ra mà yên-tĩnh cũng như thế, cái khi mừng giận thương vui nó chửa phát ra cũng tĩnh như thế, đó là cái thiên-lý tự-nhiên, cốt tại người ta phải tự thể-nhận nó ra thì mới hữu-sở-đắc. Trong lúc tĩnh mà có những điều vọng-niệm muốn cưỡng-trừ nó đi cũng không được, chỉ đợi khi nào chân-thể cái tâm nó đã rõ ra, thì vọng-niệm tự mất; cái hôn-khí dẫu muốn cưỡng-trừ nó đi cũng không được, chỉ đợi khi nào vọng-niệm nó đã sạch, thì hôn-khí tự thanh; cốt là phải nhận cho rõ cái bản-sắc nguyên-lai của tính nó vốn là trong-sạch mà thôi; muốn thêm một tí ý-kiến gì vào cũng không được, nếu thêm một ý-tứ khác thì là mất bản-sắc của bản-tính ngay. Nguyên cái bản-tính nó vốn tĩnh rồi mới động, mà động cũng chỉ là bình-thường trong sạch, lúc tĩnh với lúc động đều là nhất-sắc, vì nhất-sắc nên nó cũng chỉ bình-thường mà thôi, vậy nên bảo rằng bản tính nó vô-động vô-tĩnh, kẻ học giả chẳng qua chỉ mượn cái lúc tĩnh để mà nhận xét cái chân-thể vô-động vô-tĩnh đấy thôi. Lúc tĩnh đắc-lực, thì đến lúc động mới thực đắc-lực, lúc động đắc-lực, mới là lúc tĩnh thực đắc-lực, kính cũng là thế, nhân cũng là thế, mà thành cũng là thế, đều là nhận biết cho rõ cái bản-tính vậy.

— Cái thuyết tĩnh-tọa xem ra cũng chưa đủ, nhưng kẻ học-giả phải mượn cái phép tĩnh-tọa để mà tồn-dưỡng lấy cái tâm, rồi nhờ đó mà đưa vào đường học. Xem như những người mới học còn nhiều vọng-niệm nó cố-kết ở trong tâm, còn biết đâu mà nhận ra cái tính-thể bình-thường được. Cứ để bình-thường thì nó tán-mạn đi mất, nên phải thu-liễm lấy tâm-thân mà chuyên-chủ về nhất, nhất tức là cái tính-thể bình-thường, hễ khi tâm trung vô-sự thì mới gọi là nhất, nếu hơi dụng-ý thì không phải là nhất, không dụng-ý mà là ý, như là trong khoảng quan-chiêm mình phải chỉnh-tề nghiêm-túc thì cái tâm tự nhất, lâu dần rồi quen đi tức là bình-thường, vậy nên cái học

chủ-nhất đã hay thành-thủy mà lại hay thành-chung vậy. (Cao Cảnh-Dật)

— Trong tâm người ta lúc vô-dục tức là tĩnh, lúc gặp việc mà bất-giác sợ hãi kính-cẩn, thế là học đã đắc-lực rồi đó. Ông Châu-tử cũng có cái thuyết vô dục cho nên tĩnh, cũng giống như nghĩa đây vậy. Bảo rằng lúc gặp việc bất-giác sợ-hãi kính-cẩn là đã đắc lực, là vì trong tâm nó đã có chủ không bị phải mọi sự-vật nó thắng-đoạt vậy. Thầy Trình có nói rằng : « Kẻ học-giả phải nên biết cái chốn dụng-lực, đã học thâm rồi cũng phải nên biết cái chốn đắc-lực.» Thầy Châu-tử nói rằng : « Dưỡng-tâm không gì bằng quả-dục » Quả-dục là cầu cho nó ít bụng dục, rồi đến tuyệt-vô, thế thì khi tồn-dưỡng không phải ở chốn đắc-lực, mà tại biết đường dụng-lực ; không phải cốt ở vô-dục mà trước phải cầu cho quả dục mới được ; kẻ học-giả phải quả-dục rồi mới hay vô-dục, biết dụng-lực rồi mới hay đắc-lực, công-phu tiệm-tiến, không thể biệt-đẳng được. Cái thuyết chủ-tĩnh là trước phải quả-dục, mà phải biết chốn dụng-lực, chẳng qua cũng là cầu ở cái tâm, thể ở cái tâm, nghiệm ở cái tâm mà thôi. Cái tâm nếu để cho mọi sự nó thắng, nó giao-chiến với mọi vật, đều là tại bụng dục nó làm lụy cả. Ta bảo chủ-tĩnh là cốt để tìm xét xem cái dục-tâm ấy cỗi-rễ nó sinh ra tự đâu mà bạt-trừ nó đi ; ví như là đuổi giặc thì phải tìm xem cái chỗ giặc nó tiềm-ẩn ở đâu mà đuổi nó đi cho hết. Vậy nên người khéo học chẳng gì bằng cầu tĩnh, nếu hay tĩnh-dưỡng thì thần-khí được nghỉ-ngơi, mà lương-tri mới phát-hiện ra, phàm những điều tư-lự phiền-tạp, tư-dục ẩn-tàng, mình tự hay xét biết mà trừ bỏ đi được cả. Phải biết rằng vô-dục là cái tính thể bản-nhiên ; quả-dục là điều cốt-tử về đường học-vấn ; cầu tĩnh là cái phương để mà quả-dục ; kính răn sợ-hãi là cái công phu để cầu-tĩnh ; nếu biết dụng-lực tồn-dưỡng thì mới có chốn đắc-lực, thì mới hay giữ được cái chân-thể vô-dục vẫn thường tồn-tại mãi. (Hoàng Trí trai Tôn-minh)

Xét : *Cái thuyết tĩnh-tọa của ông Cao Cảnh-Dật, đoạn trước là giải thích cái thuyết của ông Trình Minh-đạo ; đoạn sau là bảo cho cái đường theo học trước phải chỉnh-tề nghiêm-túc, cũng như cái ý ông Tăng Văn-chính bảo rằng kính-cẩn thì sinh ra tĩnh. Ông Hoàng Trí-trai thì cốt lấy cái công-phu tỉnh-sát khắc-trị để mà tồn-dưỡng lấy cái tâm.*

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

NGHĨA-BỘC BÁO CHỦ (1)

(*Hát chèo*)

III

CẢNH THỨ IV

Huyện-đường và trại giam

Hai cậu linh cùng ra. Cậu thứ 1 nói lối :

Đã hay ở nhà giàu hầu quan lớn ; chúng ta con nhà linh tinh nhà quan. Được đồng lương hãy cứ việc chơi tràn ; mắc bệnh lậu sẽ nằm khàn chịu chết, a anh.

Cậu linh thứ 1 nói lối :

A này tôi, sờ túi-dết một xu đã hết ; nắn hầu-bao uyn-biệt cũng không. Cạn tiền lưng mà vẫn cay lắc đĩa cù lồng ; lên nước mặt lại càng ngọt nói bông xỏ lá, a anh.

Cậu linh thứ 1 nói tiếp :

Rõ như mình láo quá ; ừ thử hát câu chơi.

Cậu linh thứ 2 nói tiếp :

Ừ hát rõ lừng trời ; dễ ai không chịu đứt.

Cùng vỉa hát dịp bảy :

Hoa đâu mà mà rụng, lá đâu mà mà rụng, phú kìa kìa cái con chim loan-phụng, nó bay nó đụng, đụng vào ngành để lá hoa rơi.

Hát :

Trên vườn đào luồng gió là luồng gió tả-tơi, (*láy*), lá hoa (có bên) từng dẫy, tay ta cầm cái chổi, ta la ta vẫy, kẻo khi quan ngài dậy, nữa đít thì bịt mo ; tay ta cầm cái chổi là cái chổi tự-do. (*láy*), đầy giàn hoa rụng lá khô ta quét tràn ; anh hùng rửa mặt giang-san (*láy*), tay cầm cái chổi là cái chổi quét tràn bụi bay ; sạch dần mấy dẫy thềm mây. (*Khi hát mỗi cậu linh cầm một cái chổi hay cái phất trần để làm bộ*).

Hai cậu linh nói lối bảo nhau :

À giờ ta ra đây, may sao quan chửa dậy. Đã quét xong đâu đấy ; thử đố đá nhau chơi. Ai đoán tin cho nói khoác đến trời ; giảng không được thì chôn vùi xuống đất.

Cậu linh thứ 1 nói :

Ừ ta là bậc nhất, ta hãy đố một câu.

Câu rằng : Đàn-bà ra mẽ đầu râu ; bằng ngày chải chuốt vuốt lau đuôi gà, vào nơi sập gụ chiếu hoa, lại càng vắt-vẻo thướt-tha khoe mình.

Nói : Đố nó là cái gì ? anh giảng đi.

Cậu linh thứ 2 nói :

Anh đố láo, chớ đàn-bà làm gì lại có râu, mà râu lại ở đầu ; hay là mồn tóc đuôi gà chăng ? Ông chịu cho mày giảng đó.

Cậu linh thứ 1 nói :

Nó là cái phất-trần.

Cậu linh thứ 2 nói :

Cái phất-trần sao mày lại bảo là đàn-bà có râu ?

Cậu linh thứ 1 nói :

Cái phất-trần nó chả thuộc về giống cái, nên gọi là đàn-bà, chớ ai có gọi là thằng phất-trần, ai cũng gọi là cái phất-trần cả, và ở trên đầu nó thường làm bằng lông gà, coi chả xòe-xoẹt xơ-xác như râu ông lão là gì, dùng để quét chiếu hoa ghế gụ, thì lại coi ra vắt-vẻo thướt-tha, ra mẽ lịch-sự lắm.

Cậu linh thứ 2 nói lối :

Ừ anh giảng cũng mầu ; nhưng tôi còn phải đố : Cô kia lồ-chồ ; khắp mình

(1) Xem *Nam-Phong* số 155, 156.

những râu. Ai nắm lấy đầu ; cũng lắc ngoay-ngoáy. Lấy chồng không lấy ; ve vẫy bờm-xơm. Lỡ anh-hùng rơm ; quăng vợ cả cuống. Đố nó là cái gì ?

Cậu lính thứ 1 nói :

Cô nào lại râu khắp cả mình, mà ai nắm lấy đầu cũng lắc, không chịu lấy chồng, thì sao lại có anh-hùng rơm quăng vợ, là thế nào ? thôi thì ông cũng chịu !

Cậu lính thứ 2 nói :

Nó chả là cái chổi, chả từ đầu đến đuôi những râu xồm xoàm, mà ai nắm lấy đầu thì cũng cầm quét, và cái chổi có lấy chồng bao giờ ; chỉ những khi ông anh hùng rơm nào giận vợ, vớ lấy chổi quăng cả cuống thì có.

Cậu lính thứ 1 nói lối :

Ừ phải ừ phải ; chịu rồi chịu rồi, (*Đang nói thì quan ra, cùng chạy vào đứng hầu*).

Quan huyện Đông-thành là Doãn Đại-Minh ra nói lối ;

Đông-thành tri-huyện, tôi là Doãn Đại-Minh. Trải mười năm bể hoạn liêm-thanh ; từng mấy dệp án oan bộc-bạch. Đáng làm quan vẫn lấy tiền làm hách ; lòng thương dân dễ thấy bạc mà vơ Chốn cầm-đường gương tỏ chưa mờ ; nơi đào-viện hoa lồng ưa rợp, lắm sao !

Ngâm thơ tứ-tuyệt liên-chi :

Tiếng đàn tiếng hạc sớm tiêu-dao,
Nước mát hoa thơm chốn viện đào ;
Bạn cũ Lạc-dương ai có hỏi,
Gương băng hồ ngọc chửa mòn hao.

Gương băng hồ ngọc chửa mòn hao,
Trải bước làm quan khó lắm sao ;
Nên bạc dễ đâu đâm toạc giấy,
Bề oan soi chẳng sót tơ hào.

Nói :

A lính điểm trống hầu.

Lính dạ điểm trống.

Thầy đề là Hồ An ra nói lối ngoài :

Đông-thành tá-nhị ; tôi gọi Hồ An. Nếu không róc lẽ việc quan ; sao gọi khôn ra làm lại. Song mà cách luật-khoa đã trải ; việc văn-án mới lâu. Bởi lòng dân thật lắm nỗi hiểm sâu ; nên nhà lại phải rất mầu sắc-xảo. Việc làm có thạo ; dân mới khỏi oan. Quan đã thanh thì lại cũng nhàn ; phép phải riết thì nhân mới rõ. A nhỏ về mang ống nhổ ; cho thầy vào tới công-nha. À lạ sao, con mắt máy chi mà ! có nhắm chắc, ngón-tay-ăn thấy động ?

(vào nhà)

Lý dịch và tuần-phu giải vợ chồng Trương Đa-Phúc ra, hát trống-quân :

Thầy trò bắt dám mạng này, rõ vất cổ chẳng không được một xu ; đêm qua chè chén lu-bù, phải đi cố cả chuông chùa canh chung ; thôi thời đem giải cho xong, mã-thỏ giáo vạt tay không về trở về.

Lý-dịch vào bẩm quan nói lối :

Dạ dám trình quan lớn ; dân đem giải phạm-nhân, xin quan trên xét lập án-văn, để dân chúng lui về an-nghiệp, dạ dám bẩm.

Thầy đề ra nói lối ngoài bảo lý-dịch :

Này các anh phải biết, ai cũng bảo quan xa nha gần ; nếu các anh muốn cần, nên phải biện quan hai lại một, chớ.

Lý-dịch nói :

Thôi có hai người tù, dân tôi xin biếu thầy tất cả, xin thầy biên-nhận cho.

(*Các hạ*)

Quan thét lối :

A này Trương Đa-Phúc ; ủa này Trần Thiện-Khanh, việc án phải khai minh ; để quan còn xét xử.

Trương Đa-Phúc ca hành-vân :

Dạ thưa trình, dạ thưa trình, nhờ lượng lượng thần-minh, tính sau trước từ bước thư-sinh, với ai cũng kết bạn. Giùm công nợ, sang qua thăm, đãi

rượu tình thâm, dầm rượu dầm rượu dầm thuốc độc. Nào hay mệnh tử hay sinh, chợt vô-tình, vợ chồng lăn chết, thiệt là kinh là kinh.

Nói :

Dạ lạy quan, con sang chơi, vợ chồng anh ta đánh thuốc chết, chợt con sống lại, thấy vợ chồng anh ta lăn chết, con không biết ra sao cả.

Trần Thiện-Khanh ca tiếp hành-vân :

Trình thưa quan, bạn tham-tàn, nợ vỗ mưu bàn, giết chồng oan chồng oan, vợ tới nhà toan sự hỏi han, bạn đà lăn chết, vợ chồng mắc tội vu oan !

Trương Đa-Phúc nói lối :

Trình lạy quan : con với anh ta là bạn ; trước ngày nợ nọ cho vay. Giờ nghe cơ-nghiệp dựng gây, không quản nước non thăm hỏi. Không ngờ ai bạc-bội, lại xử miếng độc cay. Nay con sống được là may ; còn bạn chết sao không hiểu, dạ thưa quan.

Trần Thiện-Khanh nói lối tiếp :

Trình lạy quan : con ở nhà xa nẻo ; nghe tin chồng thác oan. Vừa sang toan mở áo quan ; bỗng thấy bạn vào cõi chết. Sự đó thật vợ chồng không giết ; mà giờ ra lý dịch đồ oan. Nhờ lượng bể muôn vàn ; xin đèn trời soi xét.

Quan thét lối :

Uả lạ thật lạ thật ; con oan sao oan sao. Kìa tử-thi khám-nghiệm thế nào ; đem tù tội tạm giam sẽ xét.

Các lính nói lối :

Quan cứ lịnh ; lính cứ truyền. Hãy đem Trương Đa Phúc nắn tiền ; và bắt Trần Thiện Khanh giam hậu đó sao. *(giải vào trại)*.

(Quan lính các hạ)

Buông cảnh đêm

Hồn Tam-Hậu hiện lên nói lối :

Tôi vốn nghĩa-yêu ; gọi tên Tam-Hậu. Xưa vì ghét người đời nết xấu ; mà phải đem mình xuống cõi trần. Vừa cùng Đa-Phúc ở ăn ; bỗng bị Bạc-Phu tham-độc. Nó lập mưu giết-gióc ; mình hóa phép luân-hồi. Đã cứu chủ sống rồi ; lại vẫm thấy chết nó. Giờ án lại rầy đến chủ ; liệu đàng nên phải báo quan. Mau mau vào cửa ngục hỏi han ; kíp kíp tới công-đường mộng triệu đó a.

Vào cửa ngục thăm chủ, ca nam-thương:

Thương ai mắc bối tơ sầu, tơ sầu vò võ ; khốn-khó gian-nan, gốc tôi dấy oan, xưa nghĩ là thác oan, khéo mà thợ tạo đa-đoan, cho tôi đặng gỡ oan, để mà trừ tham-tàn ; bấy lâu chưa kịp ôn-hàn, nói bàn tình-tự, ngẫi thở ân than, lúc hợp khi tan, nghĩ thêm nghĩ thêm phàn-nàn, xiết là oan, định kêu quan, gỡ cho toàn, đặng cùng an, đến đây bàn-hoàn, nay bàn-hoàn, cũng vì mến chủ, khôn chốc đặng hợp-hoan ; bởi vì số-đoạn nhân-gian, nay qua cõi trần-gian, cám ơn muôn vàn.

Nói lối :

Dạ thưa chủ ; tôi nghĩa-nô. Vì lấy ngãi thầy trò ; mà chữa tình bè bạn. Nay rắp chữa thầy thoát nạn ; còn toan báo mộng vào quan. Chớ từ rầy xa cõi doanh-hoàn ; bởi trọn kiếp lại về sơn-động, dạ thưa chủ.

Trương Đa-Phúc ngồi trong ngục ca nam bình :

Luống mơ-hồ, hay chăng nghĩa-nô, ai sửa oán gây thù, cái đó ai bạn hồ song hồ, sao đó sao, sao nỡ nhóm thù gây thù, sao đó sao, đó vướng nạn, lo, lắng lắng lo, ngãi-nô toan cứu, cứu đặng cho đây đó, vì thầy chăng trò.

Vợ là Trần Thiện-Khanh cùng ngồi trong ngục ca tiếp :

Nô ngãi-nô hay ngãi-ngãi-yêu, chừ đang mắc nạn sự sâu khêu, đàng oan ngặt-nghèo, đó sao đặng kêu. Ai ai kêu, khó sao oan oan mọi chiều, luống

trông đó ngãi yêu, chừ cứu đặng,ơn đó nhiều, ơn đó nhiều.

Trương Đa-Phúc nói lối :

A ngãi-nô : Cuộc đời nhiều oan ức ; giấc mộng luống mơ-hồ. Nếu ai siết nỗi thầy trò ; xin đặng gỡ cho gia-chủ, với nao.

Trần Thiện-Khanh nói lối tiếp :

A ngãi-yêu : ngươi tự cách xa đường cũ ; chủ đà mắc phải dây oan. Nhờ ngươi báo mộng trên quan ; họa có gỡ oan được chủ a, ngãi-yêu.

Hồn Tam-Hậu nói lối :

Mau rảo tới quan-phòng ; ứng chiêm bao đại-doãn. (*biến hạ*)

Quan huyện Doãn Đại-Minh ra ngồi nói lối :

Dễ đâu ngồi ăn lộc, khó quá sự làm quan. Bút sa gà chết, án văn sai một chữ, người ắt bị oan ; hồn hiện kiếu bò, việc mạng nghĩ năm canh, mình từng không ngủ. Lá màn thắm đỏ ; bóng đọi mờ xanh. Thùng thùng trống điểm thâu canh ; vẳng vẳng hồn chơi cõi mộng. (*ngồi tựa án ngủ gật*).

Hồn Tam-Hậu cầm cành hoa vào báo mộng nói lối :

Phất cành hoa gió động ; đầy bức mành trăng treo. Viện đào ngọn gió hắt-hiu ; rèm liễu bóng trăng khuất-nẻo. A này đại-doãn ơi : Tôi Tam-Hậu nghĩa-yếu biến hiện ; vì Đa-Phúc nô-bộc gửi thân. Kìa kìa : Lê Bạc-Phu với bạn xử bất-nhân ; Lã Ngoan-Tầu xui chồng làm bội-nghĩa. Chén rượu pha mồi độc-địa ; món tiền vỗ nợ gian-ngoan. Giết chủ ta mà bỏ vào quan ; vầm thây nó đành quăng ra đất. Nay tội-tình vương-vất ; nên báo hiện chiêm bao. Xin xét xử thế nào ; kẻo oan rây người thiện, a đại-quan.

Bước ra nói lối tiếp :

Dưới tầng mây biến-hiện ; trên luồng gió xông pha.

Hát bài sai :

Phảng-phất ngành hoa, linh-hồn phảng phất ngành hoa, mở toang ngục quỉ vượt qua non thần ; trời nào phụ kẻ có nhân, một tay trả oán đền ân vẹn toàn ; thảnh-thơi ra cõi nhân-hoàn, xuất thần giây phút cho tàn nén hương.

(*biến hạ*)

Quan huyện ngồi sực tỉnh chiêm-bao thét lối :

Uả lạ sao : mình việc án trải bấy lâu xét nghĩ ; mà chiêm-bao sực tỉnh giấc mơ-màng. À ra Lê Bạc-Phu Lã Ngoan-Tầu thật kẻ vô lương ; mà như Trương Đa-Phúc Trần Thiện-Khanh là người nhân-thiện. Nghĩa-yêu báo hiện ; gia-chủ hàm-oan. Linh xuống trại giải vợ chồng Đa-Phúc Thiện-Khanh lên, quan xá tội cho đó.

Linh dạ xuống trại tha vợ chồng Đa-Phúc Thiện-Khanh, cậu linh hát dịp đuổi:

Hỡi ông bà tù, lù-bù mắc tội, rửa oan sám-hối, lên quan ngài hỏi, gỡ trói cho về, (tình tình tình về, quá lời nọ về nao). Ngài sực chiêm bao, chảo-mào báo hiện, ngãi-yêu thưa truyện, cứu viện chủ nhà (tình tình tình nhà, quá lời nọ nhà ma). Ngài bảo tha ra, ông bà thoát tội, cậu vào cổi trói, không ngồi đòi tiền (tình tình tình tiền, quá lời nọ tiền đâu). (*Cùng giải cả lên quan.*)

Quan ngồi nói lối :

A này Trương Đa-Phúc ; à này Trần Thiện-Khanh, xưa vốn tính hiền-lành ; bỗng mắc tình oan-ức. Giấc mộng ta vừa sực-thức ; nghĩa-yêu đến bảo căn-do. Vậy thì án Trương Trần tức-khắc tha cho ; mạng Lê Lã bầm xin đình-cứu, đó sao.

Trương Đa-phúc nói lối thưa :

Vậy ơn nhờ lượng bể ; xin cảm tạ đến trời.

Trần Thiện-Khanh nói lối tiếp :

Vợ chồng may đặng hòa hai ; cha mẹ ngửa trông như một, dạ thưa quan.

Ca kim tiền tạ ơn :

Ấy ai tại vì ai, sao khéo xui nên buộc cho người dễ mà chơi, khéo mà can ai, nay ơn người, nay ơn phật, nay ơn trời, kẻ vay nợ lường ai, khéo mà oan ai, chừ nay cám ơn minh-lượng.

Trương Đa-Phúc ca tiếp :

Sự lạ trong đời, sự lạ trong đời, ai làm nên oán thù ai, ai ai làm nên oan-thù ai, khéo chi vay nợ, ấy mụ vợ mụ vợ toan xoay, cám ơn quan gỡ tội nợ.

Quan thét lối :

Truyền điểm trống tan-hầu ; đặng cho về an nghiệp.

(Quan linh đi hạ)

Vợ chồng Trương Đa-Phúc Trần Thiện-Khanh ra hát sa-lệch về :

Chốn (ới) chốn bề trần (tình bằng nay thoát khỏi giây oan, (chứ dề tình) con đường rừng khuất-nẻo (y ối y mà dề có) vượt ngàn (mấy) vượt ngàn non quê; (y y) non (ới) non quê (tình bằng nay) tỏ nẻo đàng về. (láy), (chứ dề tình) hoa cài bên của động (y ối y mà dề có) trăng kề bóng trăng kề đỉnh non ; (y y) con (ới con chim khôn (tình bằng) thoát khỏi lồng son. (láy), (chứ dề tình) ngoài trời bay liệng (y ối y mà dề có) đã chốn (mấy) đã chốn cánh loan ; (y y) xa (ớ) xa trông đỉnh núi chân ngàn.

(Hạ màn)

CẢNH THỨ V

Đường rừng núi có miếu

Hồn vợ chồng Lê Bạc-Phu Lã Ngoan-Tầu cùng ra.

Hồn bạc-Phu nói lối :

A này mợ : Xiết nghĩ mình oan uổng, vỗ nợ mà ra chết cả đôi ; uả kia ai may sao, mắc tội lại được tha một cặn. Nay như vợ chồng hắn, đàng về đã sắp ; có lẽ vợ chồng mình, mạng chết chịu sao ? Mưu càng nghĩ lại càng cao ; thua keo này bày keo khác. Chừ mình ra đón ngác ; chẹt hắn nẻo đường về. Làm cho hồn vía tê-mê ; cho biết ma mường tai quái, a mợ.

Hồn Lã Ngoan-Tầu nói lối tiếp :

A này cậu : Kể như mình lẽ trái, chết cũng không oan ; làm cho hắn rõ tàn, sống mà mê đặc. Vậy nay mình bắt chắc ; nẻo nọ hắn ra về. Mau mau ra đón cõi sơn-khê ; kíp kíp sẽ đưa vào rừng rú a cậu.

Hồn Bạc-Phu ca tứ-đại-cảnh :

Ai ra về, chừ ta đón, ta dun-dủi dun-dủi vào rừng, mợ ma ga chừng biết chăng ta chăng; trách nhân-tình sao khéo nằn răng, sao khéo mằn ri! Đi mò đặng, đi tê đặng, có dễ vượt mình chăng, bay chừ lại trò chuyện nhăng nhố nhăng ; đưa ngang đàng, rừng gió ngàn trăng, ta làm rõ rối răng. Chi đãi-đằng, chi đãi-đằng, kia dọa nạt ta cùng ưng, coi hình-dạng, còn tỏ chăng hay chăng;đưa tới rừng,tối mịt như trời bưng, dọ chi nỗi mình chăng.

Hồn Ngoan-Tầu ca tiếp :

Về về kia, ta đón đó, có đi có đi đàng trời, ấy ai làm cho ai bận vì ai, mà thêm bận vì ai Rừng rừng mai, ta cùng đón, trêu người trêu người giữa vời, mê tâm mê tâm lầm nẻo, làm rõ làm rõ tơi-mê tơi ; đi đâu đi đâu đàng dài, phen ni trọn báo thù đền nợ, phen ni trọn báo thù đền nợ.

Hồn Ngoan-Tầu nói lối ;

A này cậu : ta ra tới đàng kia ; ai có về mình đón.

Hồn Bạc-Phu nói lối tiếp :

Phải phải, đi cho mau đến chốn ; làm cho họ lạc đàng, a mợ.

(Các hạ)

Vợ chồng Trương Đa-Phúc cùng ra.
Đa-Phúc nói lối :

A này mợ ; mình trước làm ơn nên oán ; bạn đà bội nghĩa vong-ân. Nay ai dã khuất cõi hồng-trần ; mà ta đặng thoát vòng hắc-địa. Con đàng thiên-lý ; cách nẻo trùng-sơn. Mau rảo bước băng ngàn, kẻo trời hôm bóng xế, a mợ.

Vợ là Thiện Khanh nói lối tiếp :

A này cậu : Bước đàng nhẹ-nhẹ, dẫy núi trùng-trùng. Đoái trông hoa cỏ một vùng, quanh nẻo nước non-ngàn đặm. À à, kìa như Bạc-Phu với mình, kể chi kẻ lòng đen dạ thẫm ; mà như nghĩa-nô bao chủ, thật là tay gan tía mật vàng Giờ về tới nửa đàng ; nghĩ còn thương tấc dạ, a cậu.

Đa-Phúc ngâm :

Xa xa ruồi gót dặm trăng,
Non xanh ấy cỏ bóng vàng xế dâu.

Thiện-Khanh ngâm :

Quanh quanh lần nẻo rừng sâu,
Ngàn thông cuốn gió dẫy lâu mịt trời.

Đa-Phúc ca hành-vân:

Mịt phương trời, mịt phương trời, mấy dặm dặn ngàn mai, đàng non nước, gang thước cách khơi, hoa cái kia động nguyệt, trời xanh mịt, con đàng xa, mấy dặn ngàn hoa, tà bóng tà, quê nhà cách nẻo. Người xa la, đặng qua đây, tiện nơi nay, băng ngàn cách nẻo ruồi đàng mây đàng mây.

Thiện-Khanh ca tiếp :

Chừ tai bay, đặng qua ngày, cỗi đức còn giầy, đặng về đây về đây, dặm đàng tràng khuất nẻo trời mây, dẫu là xa cách, vợ chồng mừng mặt bắt tay.

Hồn vợ chồng Lê Bạc-Phu và Lã Ngoan-Tầu ra trêu.

Hồn Bạc-Phu thét lối :

Uả Đa-Phúc Đa-Phúc ; à Thiện-Khanh Thiện-Khanh. Thu hồn cấp cấp luật-linh ; lạc phách minh minh tràng dạ, a.

Hồn Ngoan-Tầu nói lối tiếp :

Ta Ngoan-Tầu chính tông họ Lã ; sánh Bạc-Phu phò-tá chàng Lê. Bắt hồn ai cho mệt cho mê, thu vía nó làm dỗ làm đại, a.

Trương Đa-Phúc sợ mê ra nói lối :

A sợ-hãi sợ-hãi ; bỗng mê-hoàng mê-hoàng. Bước chân không tỏ dặm đàng ; liếc mắt như vào nghẽn tối.

Thiện-Khanh cũng sợ mê nói lối tiếp :

A bối-rối bối-rối, càng mê-man mê-man. Biết đâu địa-ngục nhân-gian ; nào tỏ thiên-đàng quỉ-động.

Hồn vợ chồng Bạc-phu cùng trêu ghẹo dọa nạt, vợ chồng Đa-Phúc sợ mê cả, cùng đất nhau than vãn :

Đa-Phúc vơ lấy vợ ngâm :

Ới mợ ơi !

Xa xa mấy dặm đàng dài,
Hồn mê động quỉ vía rời đỉnh mây.

Thiện-Khanh vớ lấy chồng ngâm tiếp :

Ới cậu ơi !

Quanh quanh một cõi rừng cây,
Mình vào nghẽn hiểm hồn bay non thần.

Vợ chồng cùng luống cuống, quỉ càng dọa-nạt chết ngất đi.

Hồn nghĩa-yêu là Tam-Hậu hiện ra cầm con dao và cành hoa thét lối :

Ủa này Lê Bạc-Phu ; ủa này Lã Ngoan-Tầu. Ta đích hồn Tam-Hậu; xưa vốn gọi nghĩa-yêu. Tôi chúng mi an đã diệt tiêu ; gặp ngô-chủ dám còn trêu ghẹo. Liếc dao vàng chúng mi phải xéo; vẫy ngành hoa hồn chủ gọi về. đó sao.

Tam-Hậu múa dao đánh đuổi vợ chồng Lê Bạc-Phu và Lã Ngoan-Tầu chạy tán lạc, càng hạ.

Tam-Hậu cầm cành hoa chiêu hồn vợ chồng chủ, hát bắt sai gọi hồn :

Mài liếc dao vàng, ra tay mài liếc dao vàng Khua loài ác-quỉ nẻo đàng chạy xa ; may gặp chủ nhà Non mây may gặp chủ nhà, giọt dương vẫy rửa ngành hoa gọi hồn ; vơ-vẩn dẫu non.

Hồn dù vơ-vẩn đầu non, hồi chuông gọi tỉnh xa bon hồn về, trỏ nẻo non quê. Rồi mai trỏ nẻo non quê, tớ thầy xin hãy tạm về sơn-trang.

Vợ chồng Trương Đa Phúc Trần Thiện-Khanh tỉnh lại.

Đa-Phúc nói lối :

Ủa này Tam-Hậu ; giờ lại gặp đây. Lâu nay chút ngãi tớ thầy ; sao chốc nỡ mà xa cách, a Tam-Hậu ?

Thiện-Khanh nói lối tiếp :

Xiết nỗi cơn nguy-ách ; may sao gặp nghĩa-nô. Bấy lâu vì nghĩa thầy trò ; sao bỗng xa vời trần-thế, a Tam-Hậu ?

Hồn Tam-Hậu nói lối mời :

Dạ thưa chủ ; xưa bởi con vì đại-nghĩa ; nay xong hết nợ trần duyên. Ơn kia mong những báo đền, bước nọ may đây gặp gỡ. Đó cũng là duyên-cớ, xin mời lại qua nhà. Sơn-trang gọi chút chén trà ; quê cũ trỏ về dặm liễu, dạ thưa chủ.

Vợ chồng Đa Phúc cùng Thiện-Khanh cũng nói lối :

A, ngãi-nô có lòng dan-díu ; sơn-trang thử lại thăm qua. Mau thết chủ chén trà ; cũng gọi là lòng thảo, đó sao.

Cùng đưa nhau vào miếu, tức là nhà Tam-Hậu. Tam-Hậu gọi vợ con ra chào mừng chủ, vân vân.

Vợ Tam-Hậu ngồi thết trà, ca hành-vân :

Vị hương-trà, vị hương-trà, ướp đượm đượm mùi hoa, tình tôi tớ gặp-gỡ lâu xa, may thay mà hội hiệp.

Hồn Tam-Hậu ca tiếp :

Vì duyên-kiếp, song từ xưa, dám phụ tình xa, nhà tới nhà chén trà dâng chuốc.

Đa-Phúc ca tiếp :

Trời kia định, phận yêu ma, chủ qua nhà, chén trà hương đượm, đặng vì ta vì ta.

Thiện-Khanh ca tiếp :

Dù yêu ma, duổi giao tà, đón chủ qua nhà, đạo người ta người ta, thết chén trà hương đượm mùi hoa, thật là trong sạch, còn hơn cuộc thế danh ma.

Đa-Phúc nói lối :

A ngãi-nô : chừ chén trà đã cạn ; mà dặm liễu còn xa. Chủ cáo tạ lại nhà ; ngươi phải ra trỏ nẻo, a ngãi-nô.

Thiện-Khanh nói lối tiếp :

Vì ngãi-nô dan-díu ; nên chủ lại qua thăm. Chén trà đã đặng thanh-tâm ; rừng trúc trỏ dàng lục lộ, a ngãi-nô.

Vợ Tam-Hậu nói lối tiếp :

Chủ đa cử-bộ ; chàng tiễn lại nhà. Đưa ra khỏi ngàn hoa, đặng trỏ về quê cũ, dạ xin chào chủ.

(*Hạ*)

Tam-Hậu đưa tiễn nói lối tiếp :

Dạ thưa chủ : nay đàng trần thẳng trỏ ; kia dẫy núi vượt cao. Sẵn tay mở cửa động đào ; tiễn chủ khỏi ngoài mưỡn trúc, đó sao.

Ngâm câu tiễn-biệt :

Núi đường vậng đá chênh chênh.
Bụi hồng khuất-nẻo non xanh tuyệt vời.
Trải qua một quãng rừng mai,
Chim ngân mến chủ xa khơi cõi trần.

Trần Thiện Khanh ngâm từ biệt :

Bóng trời vừa rạng vẻ ngân,
Chia hai bề ái non ân ngại ngùng.

Trương Đa-Phúc ngâm từ-biệt :

Non xanh cách nẻo bụi hồng,
Thầy trò ngãi nặng vợ chồng ơn sâu,
Nghĩa-yêu chào, trở lại. (*Hạ*)

Trương Đa-Phúc đứng trông lại nói lối :

Ủa kia : dẫy đèo non cao ngất ; một ngọn miếu cheo-leo. Đó là nhà của nghĩa-yêu ; sau phải liệu chiều tu-tạo, a mợ.

Trần Thiện-Khanh nói lối tiếp :

A nghĩa yêu có nhân-đạo ; gia-chủ cảm thâm ân ; ngọn đèn còn đứng với giang-sơn ; cửa miếu sẽ sửa thêm hương hỏa, đó sao

Cùng hát sa-lệch về :

(Cõi bụi hồng (tình bằng) xa cách non cao, (chứ đề tình) cuộc đời như giấc (y ối y mà đề có) chiêm bao giấc chiêm bao mơ - màng ; (y y) khéo (ới) khéo kia ai (tình bằng) phụ ngãi tham vàng. (Láy), (chớ đề tình) trăm năm một giấc (y ối y mà đề có) hoàng lương giấc hoàng-lương vội tàn ; (y y) ngãi (ới) ngãi này (chứ sao mà) còn mãi với giang-sơn. (Láy), chứ đề tình) ngọn đèn trên đỉnh núi (y ối y mà đề) biết bao tàn biết bao tàn nên nhang ; (y y) sau về sau (tình bằng) ta miếu mạo trang-hoàng.

(*Hết*)

NGUYỄN THÚC-KHIÊM

QUÍ-PHI DIỄM-SỬ

貴妃艷史

(*Tiểu-thuyết*)

III

CHƯƠNG THỨ MƯỜI-BA

Quí-phi đi tránh nắng

Quí phi vì cớ thân-thể phì nộn, rất sợ khí trời viêm-nhiệt. Vua Minh-hoàng mới vì Quí-phi kiến-trúc ra một tòa Thanh hoa-cung ở dưới núi Ly-sơn ; dùng chất bạch ngọc làm thềm, gỗ trầm-hương làm cân-lơn, xây bằng thứ gạch thủy-tinh, che bằng bức bình vân-mẫu, cây-cối cao tốt um-tùm, giữa trưa nắng cũng chẳng lộ thấy sắc mặt trời, đương mùa thịnh-hạ, nằm ngồi ở trong cung, rõ-ràng là một cái thế giới thanh-lương, khác với thế-giới người ta ở. Trong cung lại có một sở, gọi là sở ôn-toàn, nước suối ở trong núi tuôn ra, thường có khí ấm, có thể làm nước tắm được. Tứ-vi cung Thanh-hoa đều đào ao cực rộng, trồng hoa sen khắp cả, trông ra đến vài dặm, những lúc hoa nở, gần xa hương-khí thơm ngát, chẳng khác nào nơi động-phủ của thần-tiên. Vua Minh-hoàng thường cùng với Quí-phi ra tránh nắng ở nơi đó, chính-sự trong triều nhất-thiết ủy cả cho Lý Lâm-Phủ, tuyệt chẳng hỏi qua gì đến.

Vua Minh-hoàng từng tự mình trồng một giây dưa ở ven ao Thanh-hoa, khấn rằng : « Trẫm cùng với phi-tử nếu được bạch-đầu giai-lão, thì giây dưa này mai kia sẽ kết nên quả, nếu không thì giây dưa này sẽ nên khô chết. » Chửa bao lâu giây dưa dần-dà thịnh tốt, kết thành vài mươi quả, vua Minh-hoàng với Quí-phi đều cả như ý, sớm chiều đi ra xem, vua với Quí-phi tự mình thân-hành múc nước trong tưới dội cho dưa. Kịp giữa tuần tháng sáu, quả dưa đã thành-thục, quả lớn nhất nặng được hơn mười cân, bổ ra mà ăn, thì ruột dưa sắc đỏ, ngon ngọt không gì ví bằng. Vua Minh-hoàng mừng lắm, bảo Quí-phi rằng : « Ấy là

cái điềm tốt của hai người chúng ta bách-niên giai-lão vậy.» Qui-phi cũng vui-vẻ nói rằng : « Nguyện được y như lời thánh-chỉ. » Vua Minh-hoàng đem đưa cho khắp kẻ quần-thần, các quan ai nấy đều phải làm tờ biểu sưng-tán chúc mừng. Nhưng biết đâu nhà Đường tự cuối năm Thiên-bảo (niên-hiệu vua Minh-hoàng) về sau có loạn An Lộc-Sơn, lại kế-tiếp loạn phiên-trấn, khoảng hơn một trăm năm, thiên-hạ thất-phân ngũ-liệt, chẳng khác gì quả dưa bổ ra từng miếng, đó chính là cái điềm xấu thiên-hạ nhà Đường qua-phân vậy, ý trời há có xa đâu đó thay!

Chương thứ mười-bốn

Thói dâm-đãng của Qui-phi

Tiết tân-thu đã qua, khí trời dần lạnh, vua với Qui-phi ở trong cung Thanh-hoa, cây-cối um-tùm, hơi thấy có cảnh-tượng hiu hắt gia-dĩ tờ trương-sớ của quần-thần xin thánh-giá về triều, hằng ngày trùng-điệp trình-tiến. Vua Minh-hoàng vì khí của trời đã chẳng thích nghi, lời nói của người lại khó trái mãi, nhân truyền chỉ-dụ khởi-hành thánh-giá về cung, để ứng với thiên-thời mà yên lấy nhân-tâm. Vua Minh-hoàng sau khi đã về triều, mới tiếp-thụ nghi lễ các quan chầu mừng. Khi ấy có viên Tiết-độ sứ ở đất Phạm-dương là An Lộc-Sơn, chợt về kinh triều-kiến. Lộc-Sơn vốn là giống người rợ Hồ, bất-học vô-thuật, chỉ có vũ-lực mà thôi, người rất to béo, bụng phệ ra, dường như chẻ lấp khỏi đùi gối, tính lại gian-giảo quỉ-quái. Vì Lý Lâm-Phủ lợi-dụng Lộc-Sơn là kẻ nói giống hèn mà dốt-nát, không khi nào lập được công lớn ở ngoài biên-thùy mà vào triều để thay ngôi tể-tướng của mình được. Vậy thời Lý Lâm-Phủ vẫn thường ở trước mặt vua Minh-hoàng tán khen Lộc-Sơn là người trung-trực vũ-dũng, cho nên vua Minh-hoàng rất yêu Lộc-Sơn, lâu chẳng thấy mặt thì lại nhớ. Nay thấy Lộc-Sơn đường-đường tướng-mạo đi vào chầu, trong tâm vua Minh-hoàng khôn xiết mừng vui, nhân tuyên chỉ-dụ triệu Lộc-Sơn lên điện, cho ghế ngồi ở bên cạnh, hỏi sự-tình chốn biên-cương, vấn-đáp hồi lâu mới lui chầu.

Qui-phi thấy vua Minh-hoàng tiến vào cung Giao-hoa, liền hỏi cái cớ ngày nay lui chầu quá chậm. Vua Minh-hoàng bảo cho hay rằng vì có có viên biên-tướng là An Lộc-Sơn vào kinh, nhân cùng viên ấy đàm-luận biên-sự, cho nên vào cung hơi chậm. Qui-phi nghe Minh hoàng nói, nét mừng hơi thấy hình ra sắc mặt, tức-khắc nói rằng : « Lộc-Sơn là kẻ bầy-tôi chống giữ giặc ngoài của bệ-hạ, nên khiến kẻ ấy cảm ơn tri-ngộ, hết sức làm cho yên-tĩnh chốn biên-cương, khiến thiếp tôi thường được ưu-du chầu bệ-hạ ở trong chốn thâm-cung. Phen này ý thiếp tôi cũng muốn triệu Lộc-Sơn vào cung, đương mặt tưởng-khuyến một vài câu để rõ ra cái ý hậu-đãi kẻ công-thần, mà dẫn-khởi lấy cái tâm đội đức báo ơn, ngậm vành kết cỏ của kẻ ấy, chẳng biết bệ-hạ có lấy làm nên không ? » Vua Minh-hoàng cười nói rằng : « Đứa rợ Hồ ấy nó thông-minh lanh lợi, trẫm vốn nuôi nó là nghĩa-tử, nay nó tự đường xa lại Kinh, hàn-huyên thăm trẫm, trẫm cũng toan triệu nó vào cung, mở tiệc xướng-ẩm, để biểu cái ý thân với kẻ xa, và nó đối với phi-tử tất cũng rất là cung-thuận, chẳng phải hiềm-nghi gì. Phi-tử từ nay về sau cũng nên coi nó là con, điều đó cũng chẳng hại gì. »

Vua Minh-hoàng bèn sai Cao Lực-Sĩ mau chóng triệu An Lộc-Sơn vào cung cho triều-kiến ở dưới lầu Bách-hoa, nhất-diện sai kẻ ngự-thiện chỉnh-bị những đồ tửu-hảo phong-thịnh, để vì Lộc-Sơn làm lễ tẩy-trần.

Nguyên Quí-phi trước kia đã có một thứ tiếp-kiến Lộc-Sơn, thấy Lộc-Sơn thân-thể hùng-tráng, tướng-mạo khôi-ngô, lại nghe kẻ tả người hữu khen Lộc-Sơn sức mạnh hơn người, nghề võ tuyệt-chúng. Lạ gì là thói dâm-dãng, Quí-phi từ đấy vẫn hâm-mộ Lộc-Sơn chẳng thôi. May sao vua Minh-hoàng lại sủng-ái Lộc-Sơn, cho Lộc-Sơn xuất-nhập chốn cung-cấm, cho nên Quí-phi được thời-thường tiếp-kiến với Lộc-Sơn, trong tâm Quí-phi liền có ý dan-díu, chợt gặp lúc nào vua Minh-hoàng ngảnh mặt trông đi đàng khác, thì Quí-phi đối với Lộc-Sơn làm ra dáng-bộ liếc mắt mỉm cười, hiện ra cái thủ đoạn phong-tình ngay. Lộc-Sơn vốn là kẻ nòi-giống mọi-rợ, biết gì là phương-diện quốc-gia, quân-thần luân-lý, chỉ là thằng quỉ đói sắc mà thôi. Lộc-Sơn cũng hiểu ý Quí-phi, nhưng vì nỗi trong cung-cấm phép-tắc nghiêm-nhặt, chẳng dám xông-pha xuồng-xã. Mới ngoài mặt thì giả-cách làm ra ngu-ngốc để khỏi cho vua Minh-hoàng nghi-ngờ, mà trong chốn u-ám thì đem số vàng nhiều hối-lộ cho những kẻ cung giám, khiến được cùng với Quí-phi truyền thông tiêu-tức.

Chương thứ mười-lăm
Quí-phi tắm cho con

Vua Minh-hoàng cùng với Quí-phi đến dưới lầu Bách-hoa, ngồi chẳng bao lâu, kẻ cung-giám vào báo rằng: « Có An Lộc-Sơn ở ngoài cửa cung chờ đợi thánh-chỉ » Quí-phi chẳng đợi vua Minh-hoàng mở miệng trả lời, kịp tự mình thay truyền ý-chỉ nói rằng : « An Lộc-Sơn chẳng phải vì với kẻ ngoại-thần khác, đã ở cửa cung, nên tức-khắc cho vào tiếp-kiến ; từ nay về sau Lộc-Sơn có sự gì tiến-cung, có thể cho tiến-thoái tự-do, bất-tất thông-báo nữa. » Kẻ cung-giám vâng lĩnh ý-chỉ, một chốc, dẫn Lộc-Sơn dảo nhanh mà vào, thẳng đến dưới lầu Bách-hoa. Vua Minh-hoàng cùng với Quí-phi đều ngồi ở trong rèm trên ghế bạch-ngọc, thấy Lộc-Sơn đến, Quí-phi tức-khắc truyền mệnh cuốn rèm. Lộc-Sơn tiến lên một bước, thoạt tiên hướng về Quí-phi sụp xuống bái, và miệng nói tôi-con này là kẻ bất-hiếu, bấy lâu xa cách mặt mẹ, khôn xiết lòng tưởng-mến, xin chúc mẹ thiên-tuế vạn-tuế. Lộc-Sơn bái-kiến Quí-phi đã xong, mới hướng về vua Minh-hoàng khấu đầu. Vua Minh-hoàng cười nói rằng: « Lộc-Sơn kia, cớ sao trước bái phi-tử rồi sau mới bái trẫm, ấy là lẽ gì vậy? » Lộc-Sơn tâu rằng : « Kẻ tôi-con này vốn là người rợ Hồ, tục rợ Hồ trước kính-mến mẹ, rồi sau mới kính-mến cha, cho nên tôi con này trước bái đức mẹ phi-tử, rồi sau mới bái đức cha hoàng-đế, là chẳng dám trái cái tục-lễ của bản-quốc vậy. »

Vua Minh-hoàng nghe Lộc-sơn nói, khen là kẻ thành-thực không dối-trá. Quí-phi trong tâm biết ngầm cớ ấy, vui-vẻ truyền mệnh cho Lộc-Sơn ngồi, lấy mắt nhìn kỹ Lộc-Sơn, trong tâm ám-hỉ. Ba người cười nói hồi lâu, kẻ nội-thị chỉnh-biện đồ tửu-hảo dâng lên. Vua Minh-hoàng cùng Quí-phi sánh vai nam-diện cùng ngồi, Lộc-Sơn ngồi hầu ở bên cạnh.

Quí-phi khi ấy men rượu thấm vào ruột tình, mười phần khoái-lạc. Quí-phi uống liền mấy chén, trên mặt đỏ bừng như hoa đào, càng thêm vẻ tươi đẹp. Vua Minh-hoàng thì phách-đãng hồn-mê. Lộc-Sơn thì dâm-tâm lay động, cử-chỉ thất-thường. Vua Minh-hoàng thỉnh-thoảng nhắc đến Lộc-Sơn những việc ngoài biên-cương, thì thường vua hỏi đi một đàng, Lộc-Sơn lại tấu-đối đi một nẻo. Vua Minh-hoàng lấy làm quái. Lộc-Sơn liền tâu rằng : « Kẻ tôi-con này lúc ở ngoài trấn, nhân người rợ Hồ liền thứ vào cướp, nửa đêm phải đem quân ra đuổi đánh, chợt bị tà-khí sở-trúng hầu thành ra cái tật

si-ngốc, may gặp thầy thuốc hay, chữa đến nỗi thành ra phế-tật. Ngày nay chợt tiếp kiến thánh-thượng, vì sợ-hãi mặt rồng, trong tâm chịu mấy phần kích-thích kịch-liệt, dường như tật cũ lại phát, con may hết sức giữ-gìn, cho nên còn miễn-cưỡng ứng-đối được, xin thánh-thượng tha cho kẻ tôi-con này cái tội sơ mạn. » Vua Minh-hoàng nghe lời Lộc-Sơn tấu, khôn xiết thương tiếc, nhân yên-ủi cho rằng : « Kẻ ái-nhi ta vì nước khó nhọc, đến nỗi mắc tật-bệnh, trẫm sao nỡ bắt tội nhà ngươi ; nhà ngươi đã có bệnh ấy, kịp nên mau chóng điều-trị trừ hết bệnh-căn đi, để vì nước lập đại-công ở ngoài cõi biên-cương, trẫm rất mong đấy. » Lộc-Sơn liền vội-vàng tạ ân.

Qui-phi nghe nói, chỉ cười nụ mà thôi, vì biết rõ rằng Lộc-Sơn vì cớ mình, cho nên đến nỗi ứng-đối sai lầm, mà trong khi thảng-thốt, làm ngay ra được lời nói dối ấy, vua Minh-hoàng lại tin cho là thực, há chẳng phải bậc chí-ngu?

Sau khi tan tiệc, lại ngồi bàn nói ít lâu, mới sai kẻ nội-thị lồng ngọn đuốc kim-liên, đưa Lộc-Sơn về nhà riêng. Hay đâu Lộc-Sơn đêm hôm ấy chẳng về nhà riêng, lại ngủ ở trong phủ Quắc-quốc phu nhân, vì bệnh Quắc-quốc cũng như bệnh Qui-phi, chị em cùng chung một bệnh vậy. Đến ngày hôm sau, Lộc-Sơn buổi sớm chẳng vào chầu, đi lẻn vào cửa cung Giao-hoa, do kẻ nội-thị dẫn thẳng vào tận nơi chỗ tẩm-cung của Qui-phi. Lúc ấy Qui-phi còn chửa chải đầu rửa mặt, thấy Lộc-Sơn đến, tức-khắc đuổi cả bọn cung-nhân nội-giám đi, chỉ một mình cùng với Lộc-Sơn thì-thầm nói chuyện riêng bày tỏ nỗi khổ khao-khát tương-tư, nói chẳng dứt chuyện. Mọi kẻ cung-nữ và kẻ nội-giám khi ấy đều đã chịu vàng hối-lộ của Lộc-Sơn rồi, vả lại sợ thế-lực Qui-phi to lớn, chẳng ai dám quản-lĩnh việc ấy, phó mặc cho hai người ở trong cung Giao-hoa, dường như chẳng nghe biết.

Qua thì giờ đã khá lâu, vua Minh-hoàng lui chầu, đi thẳng vào cung Qui-phi, cách ở đàng xa xa được nghe có tiếng bọn cung-nữ reo cười huyên-náo trong tâm rất lấy làm nghi hoặc, bắt dầu sai tên nội-thị đi thám-thính. Phút chốc kẻ nội-thị chạy về tấu bảo rằng : « Qui-phi lấy bức chăn lớn bằng gấm gói bọc Lộc-Sơn-nhi, tự nói rằng đem tắm cho con yêu, chính thời-kỳ đương tắm đấy, bọn cung nhân lấy làm vui-vẻ, cho nên có tiếng huyên náo reo cười. » Vua Minh-hoàng chẳng những lấy làm cả quái, lại lấy làm cả mừng, tức-khắc sai lấy một số kim-tiền khá to, ban thưởng cho Qui-phi, để làm cái phí tắm cho con. Bọn hậu-cung nghe thấy sự ấy chẳng ai là chẳng bưng miệng lăn cười.

Từ đấy Lộc-Sơn ra vào trong cung-cấm, không kiêng sợ gì nữa, tiếng xấu bay khắp ra mọi nơi, gần xa đều biết, chỉ một kẻ ù-lì chẳng biết là vua Minh-hoàng mà thôi vậy. Than ôi ! thương thay !

Chương thứ mười-sáu

Nghề ca-vũ của Qui-phi

Vua Minh-hoàng rất ưa thanh-sắc, vả lại trời cho cái kỳ-tài, đối với khoa âm-nhạc không thứ gì là chẳng tinh. Hễ gặp những buổi lương-thần, lúc giai-tiết, thì vua tự-chế ra ca-khúc, khiến bọn tử-đệ trong giáo-phường gõ phách lựa hát, vua thì tự mình cầm cái phách bằng gỗ đàn để làm tiết-tấu cho các con hát. Qui-phi thì đứng ở bên cạnh chỉ-giáo. Cho nên thời-kỳ năm Thiên-bảo, ca-khúc trong cung, quán-tuyệt một thời.

Qui-phi biết rằng tính vua Minh-hoàng phàm sự đều chán cũ ưa mới, nhân làm cái kế khiến cho bền chặt bề sủng-ái của mình, mới tự-chế ra

một khúc gọi tên là khúc « *Nghê-thường vũ-y* ». Trong khúc từ tiết-tấu cho đến cách - bộ âm - điệu, cốt làm ra vẻ ly kỳ, cho khác với nhạc thường, tốn-phí tâm-tư vài ba tháng, khúc ấy mới xong. Bọn tử-đệ trong Lê-viên cũng phải luyện-tập vài ba tháng, mới thành được khúc điệu. Cứ về những tiết trung-thu, khi trời thanh-sảng, bóng nguyệt đoan viên, Quí-phi đặt tiệc ở trong cung sai bọn Lê-viên tử-đệ và những kẻ tú-tuệ trong hàng cung-nữ thổi gỗ các loài nhạc-khí. Quí-phi thì cùng với bọn niệm-nô mặc áo ngũ - sắc sán - lạn, lên đàn vừa hát vừa múa, lại khiến bọn cung nữ kẻ nào kẻ ấy đều hiến nghề hay. Quả-nhiên tiếng vang kim-thạch, điệu thấu hành-vân, điệu hát với cách múa cùng hưởng-ứng nhau, cao thấp nhanh-chậm, đắc ở tâm mà ứng ra họng lưỡi chân tay, chẳng khác nào như một đàn phấn-điệp dịu-dàng bay múa ở khoảng hoa, lại như một đội hoàng-oanh réo-rắt nỉ-non ở trong lá.

Khi ấy vua Minh-hoàng về phần xem, thì xem được mắt choáng hồn mê; về phần nghe, thì nghe được râu bay tóc múa. Hễ đến chốn hay, thì kíp sai rót một chén rượu thật lớn thật đầy, thân-hành phụng đưa cho Quí-phi, và cười nói rằng: « Trẫm vẫn tự-khoe rằng đối với một nghề ca-vũ, bấy lâu hết lòng nghiên-cứu, chẳng gì là chẳng thông-hiểu cả rồi. Hay đâu ngày nay phi-tử chế ra khúc *Nghê-thường vũ-y* này lại càng xuất-thần nhập-diệu; e rằng khúc này không phải là khúc chốn nhân-gian thường có, tưởng phi-tử kiếp trước chắc là gã tiên-tử trong cung Quảng-hàn, cho nên lấy trộm được lối tiên-nhạc của nhà trời, để làm vui cho tai mắt trẫm vậy. Phi-tử nên uống cạn chén này, để đền bù cho sự khó-nhọc trong mấy tháng nay chế ra khúc hát. »

Quí-phi mỉm cười tiếp-thụ chén rượu, uống một hơi mà hết. Tự đấy mỗi một khúc xong, vua Minh-hoàng liền ban thưởng cho Quí-phi một chén rượu đầy, tự mình vua cũng uống một chén rượu đầy, để tỏ ý vì Quí-phi bồi-ẩm.

Bọn cung-nữ ca-vũ đều xong, vua Minh-hoàng liên-thanh khen thưởng. Quí-phi nhân khi tửu-hứng ngảnh lại bảo kẻ cung-nữ rằng: « Lấy cái mâm thúy-bàn ra đây, ta sẽ thân-hành hiến nghề, để vâng chuộc lấy một tiếng cười của thánh-thượng. »

Phút chốc kẻ cung-nữ mang ra một cái mâm phi-thúy đến, lớn như cái bàn tròn, Quí-phi đứng dậy thay áo xong, sai cung-nữ bốn người ghé vai đội cái mâm phi-thúy lên, Quí-phi đứng ở giữa mâm dịu-dàng hát múa. Bắt đầu điệu ức điệu dương, cách tiến cách thoái, người ngoài còn trông rõ lông mày con mắt và hình-thể, duy bị áo múa che lấp, chẳng thể trông rõ được mười phần. Kịp đến sau cách múa, trận ấy trận khác, liên-tiếp một trận, khẩn lại một trận, lưng liễu càng thấy nhỏ đi, gót sen càng thấy nhẹ dần, thấp-thoáng như con kinh-hồng, biến-hóa như con du-long. Múa đến chốn cực-diệu, thì người ngoài chỉ hơi hơi trông thấy làn áo xiêm lên xuống bay múa, chứ không trông thấy nét mày con mắt và thân-thể nữa. Chẳng khác nào như một đóa thái-vân, chỉ thấy năm sắc tơi - bời, choáng lộn mắt người mà thôi. Một tiếng phách gỗ, ca với vũ đều thôi. Quí-phi tự trên mâm phi-thúy bay xuống, cúi rạp xuống đất chúc vua hô vạn-tuế, tóc vẫn chẳng rối, hơi vẫn chẳng thở, mặt chẳng đổi dáng, quần chẳng đổi nếp, thực là hết được cách khéo trong nghề múa vậy.

Vua Minh-hoàng khi ấy mãn-tâm vui vẻ, vỗ tay cả cười mà rằng: « Trẫm

trước đọc truyện vua Thành-đế nhà Hán, thấy có sự nàng Triệu Phi-yến khéo múa, múa được ở trên bàn tay người, mà dễ lại bộ cánh tiên, trong tâm thường lấy làm khen mến. Chẳng ngờ nghề của phi-tử lại thắng Phi-yến vạn-bội, ai bảo người nay chẳng bằng người xưa. »

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BẢY

Cơn khủng-hoảng của Quí-phi

Quí-phi không những đẹp về bề yêu-diễm, lại đẹp về bề phong-hậu, cho nên vua Minh-hoàng thường ví Quí-phi với cái hoa hải-đường.

Một hôm Quí-phi ở trong cung Giao-hoa, mặt trời đã lên cao, Quí-phi còn ngủ chửa trở dậy, vua Minh-hoàng vào tận nơi đánh thức, Quí-phi tuy trở dậy, nhưng còn hiện ra cách bộ ngái ngủ. Vua Minh-hoàng nói rằng: « Hoa hải-đường ngủ còn chửa đủ dấy ru ! » Câu ấy đời truyền làm câu giai-thoại.

Quí-phi bằng-tạ cái nền phú-quí của đế-vương, cầu gì được nấy, muốn gì thỏa nấy, khoảng hơn mười năm kiêu-dâm xa-xỉ, hưởng hết cái hạnh-phúc của nhân-gian, hay đâu cảnh tang-thương nguyên không nhất-định, đường họa-phúc vốn cũng vô-thường. Đến đây sự vui vừa hết, sự buồn tiếp ngay, đó là cái lệ chung của người đời. Huống-chi Quí-phi có sắc mà không có phẩm, có tài mà không có trí, tránh khỏi được sao. Cho nên cổ-ngữ có câu rằng : « *Lạc bất khả cực, lạc cực sinh ai ; dục bất khả túng, dục túng thành tai.* » Nghĩa là sự vui chẳng nên quá, vui quá dễ hóa ra buồn ; lòng dục chẳng nên phóng-túng, lòng dục phóng-túng thành ra tai-vạ.

Nguyên-lai An Lộc-Sơn tự khi gặp-gỡ cái cơ-hội ban-thưởng tiền vàng tắm cho con về sau, một là cảm cái ơn khoan-đại của Minh-hoàng, hai là mến cái tình tri-kỷ của Qui-phi, gia-dĩ lại có Quắc-quốc với Tần-Quốc hai vị phu-nhân là em Qui-phi nữa, hằng ngày chầu-chực ở bên tả bên hữu để cung-cấp sự vui-thú, thằng quỉ đói sắc kia còn tưởng đi đâu nữa. Cho nên Lộc-Sơn vẫn tự-nguyện nhàn ở chốn kinh-sư để hưởng hết cái diễm-phúc vô-cùng ấy, chứ chẳng nguyện về trấn Phạm-dương để coi giữ binh-quyền mà hi-vọng cái phú-quí khác nữa. Hay đâu lại có kẻ kích-biến, thành ra một cơn dông-tố khác thường, khiến cho cái không-khí dâm-ô ác-liệt ở Tây-kinh nhất-đán tan đi hết sạch-sành-sanh, há chẳng phải là sự trời ?

Kẻ kích-biến đó là ai ? Lại chính là người anh họ Qui-phi về phe đảng với Qui-phi là Dương Quốc-Trung vậy.

Nguyên-lai Dương Quốc-Trung đối với Lộc-Sơn mười phần vẫn ghét nhau cả mười, vì Quốc-Trung cậy mình là kẻ qui-thích chốn tiêu-phòng ; vả lại bệ-vệ ngôi tể-tướng, các quan phiên-trấn bốn phương, chẳng ai là chẳng chịu quyền tiết chế, cho nên Quốc-Trung coi Lộc-Sơn vẫn như là một cái vật không có ở trước mắt.

Về phần Lộc-Sơn thì cho rằng khi Lý Lâm-Phủ còn làm tể-tướng, Lý là người cực-kỳ gian-hiểm, chẳng hết sức xu-phụng để phòng sự bất-trắc cũng chẳng được. Cho nên khi Lộc Sơn ở ngoài trấn hễ có sứ-giả tiến cống-vật vào Kinh thì tất gửi một số trọng-kim để đưa riêng cho Lý Lâm-Phủ. Kịp khi Lý Lâm-Phủ chết, Quốc-Trung thay Lý làm tể-tướng, Lộc-Sơn khinh Quốc-Trung là hạng người đớn-hèn, chẳng qua nhờ thế-lực của Qui-phi, được ngôi chức đến tể-tướng, chẳng hề phải sợ-hãi gì Quốc-Trung, bao nhiêu những lễ biểu-tặng trong tuế-thời, cũng đều trừ bỏ đi cả. Quốc-Trung vì thế càng căm-giận Lộc-Sơn.

Khi ấy Quốc-Trung thấy Lộc-Sơn nấn-nửa ở chốn Kinh-sư mãi, không có lòng về trấn, Quốc-Trung mới ở

trước mặt vua Minh-hoàng thanh-ngôn rằng Lộc-Sơn tất làm phản. Lộc-Sơn tuy có nghe tiếng, nhưng cậy mình đã có Quí-phi yêu và vua Minh-hoàng tin, vẫn thản-nhiên để sự ấy ở ngoài ý.

Quốc-Trung đối với Lộc-Sơn chẳng biết làm thế nào, mới đem lời nguy-hiểm để de-dọa Quí-phi rằng: « Cái sự phi-tử với Lộc-Sơn, thánh-thượng đã nghe biết rồi, sai tôi để tâm dò-xét. Ngày nọ có một tờ sớ của một viên ngự-sử, lời trong tờ sớ nói, có quan-hệ về phi-tử rất lớn; tôi vì tình thân-thích với phi-tử, vậy tôi ném trả tờ sớ của người ấy, chẳng đem tâu vua, nhưng sợ rằng người ấy lui về cũng chửa thôi đâu. Nếu chẳng đuổi Lộc-Sơn đi, thì Lộc-Sơn khó khỏi cái vạ chu-di. thế là phi-tử yêu nó lại chỉ để làm hại nó, mà chẳng những hại nó mà thôi, phi-tử chẳng nên chẳng nghĩ kỹ. »

Quí-phi chợt nghe Quốc-Trung nói, chẳng khác nào lấy cái kim châm vào ruột, cả lấy làm lo-lắng ngại-ngùng, liền ở trước mặt Lộc-Sơn hơi lộ ý ấy ra, khuyên Lộc-Sơn ra khỏi chốn Kinh-sư đi về trấn, đợi Quốc-Trung nguôi giận, sau sẽ tái-lai, cũng chưa muộn gì. Lộc-Sơn bất-đắc-dĩ cũng phải nghe lời, không dám nấn-ná nữa, mới quyết-kế từ-giã trở ra về, cùng với Quí-phi gạt nước mắt ly-biệt.

Lộc-Sơn sau khi về Phạm-dương-trấn, đối với Quốc-Trung căm-giận, sâu vào xương-tủy, tưởng đến Quốc-Trung là kẻ chuyên-quyền, mới manh-động ra cái tâm mưu-đồ làm phản. Nhưng đối với vua Minh-hoàng và Quí-phi còn chửa nỡ quên ơn, nhất-thời còn do-dự chửa vội phát-hiện. Hay đâu Quốc-Trung vì mình liền nói Lộc-Sơn tất làm phản, mà vua Minh-hoàng vẫn chẳng tin, mới tất muốn khích nó, khiến nó làm phản để chứng-thực lời nói mình; rồi thì thiên-phương bách-kế, đả-kích Lộc-Sơn, khiến Lộc-Sơn lúc nào cũng như bó chông gai ở trên lưng, khó thể yên được, rồi sau cái tâm mưu-đồ làm phản của Lộc-Sơn mới quyết.

Năm Thiên-bảo thứ 14 mùa đông tháng 11 An Lộc-Sơn cử binh làm phản ở đất Phạm-dương. Các châu huyện ở phía Hà-bắc, nghe gió mà lướt, như ngói vỡ giải-tan. Tờ cảnh-báo đến chốn Kinh-sư, Quí-phi nghe tin, khôn xiết kinh-khủng, thái-trạng không biết thế nào mà kể. Nhưng Quí-phi chỉ tâm-niệm rằng Lộc-Sơn vốn là kẻ đa-tình, sao nhất-đán hung-bạo trái-ngược như thế, chỉ sợ nhất-đán không địch lại được với quân-quan, thì vua Minh-hoàng tất chẳng tha cho tội chết, lúc ấy tự mình cũng không có thể cầu thay cho Lộc-Sơn sống được. Lộc Sơn! Lộc Sơn! nay làm thế nào!

Khi ấy Quí-phi một vì cớ Lộc-Sơn mà tỏ nỗi buồn rầu, đối với sơn-hà xã-tắc nhà Đường, dường như không quan-hệ gì cả.

Than ôi! phàm những kẻ đàn bà bất-chính, đắm đuối với người riêng, thường thường đem chữ tình dùng ra điên-đảo. Như Quí-phi thuở ấy đã chẳng trách Lộc-Sơn là kẻ vong-ân bội-nghĩa, chẳng lo vua Minh-hoàng thân-bại danh-ô, mà chỉ sợ Lộc-Sơn sau khi binh-bại, vua Minh-hoàng chẳng tha tội cho, sao lại ở hậu với Lộc-Sơn, mà ở bạc với vua Minh-hoàng thế ru!

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN *dịch*

VĂN-UYỂN

Nhớ cụ Phạm Đàn-viên

Trong cõi thần-tiên tỉnh giấc mai,
Hoàn-danh hoàn-phúc truyện qua rồi ;
Tinh-thần chín suối mang không thẹn,
Chữ-nghĩa ba kỳ hỏi có ai ;
Bể hoạn lặng ghi cơn phẳng-lặng,
Bụi trần thôi gác truyện lôi-thôi ;
Từ rày nghi-luận sao cho đúng,
Ấy bậc công-minh bậc đại-tài.

Mong bạn

Kẻ cũ người quen những nhớ mong,
Bấy lâu chành-chạnh một bên lòng ;
Chân ngàn bóng lặn chim bay mỏi,
Mặt nước tăm sôi cá quẫy rùng ;
Trúc tựa rèm tây toan góp truyện,
Mai cười gió bấc gợi xa trông ;
Cái duyên giải-cấu trời xe sẵn,
Mặc đấng nam-nhi sức vẫy-vùng.

Đêm nghe đàn

Tựa án thiu-thiu giấc vắn dài,
Đàn đâu thánh-thót lọt ngang tai ?
Xoay vần văn vũ dây loan bổng,
Kén lựa cung-thương tiếng nhạn hài ;
Bướm tỏ lần Trang đôi cánh nhẹ,
Quyên mờ cõi Thục tấc lòng ngoai ;
Non cao nước biếc tri-âm hỡi,
Một chút tình riêng vướng những ai.

Đêm nằm có cảm

Trong cuộc đêm nhàn giấc ngủ con,
Say say tỉnh tỉnh lẫn như giòn ;
Năm canh giọt lậu rơi chưa dứt,
Mấy tiếng chầy sương gọi đã giòn ;
Lão-mạo hai thân chòm tóc bạc,
Hiếu-trung một kiếp tấm lòng son ;
Giống nhà lông cánh xuân còn trẻ,
Bay nhảy sao vừa với nước non.

Đề cái cổng

Trăm năm ngày tháng vẫn thanh-cao,
Trấn kẻ gian-phi khỏi lối vào ;
Sánh với kiền-khôn quyền đóng mở,
Mặc cho lão-ấu sức ra vào ;
Phong-vân nhẵn mặt tình như đã,
Mộc-thạch khoe gan kém chút nào ;
Tà khúc lối gì ai chả biết,
Tác lòng Tông-chủ rộng dường bao.

Thu tặng Giáo-hữu

Đem hạt văn-minh cấy nước nhà,
Kỳ cho mục-đích rộng thêm ra ;
Bốn phương hồ-thỉ đôi vai cất,
Nửa tuổi hồ-sơn chiếc mất qua ;
Hãn-mặc duyên ưa còn lắm lúc,
Công-danh đà tạc vội chi mà ;
Ngẫm cơ giải-cấu ông xanh định,
Trăng gió ba thu lúc mặn-mà.

Lạng-sơn bát-vịnh

諒山八詠

1° Tam-thanh-động

三青峒

Động sâu sâu gớm cảnh buồn teo,
Lối cỏ đường rêu mỏi gót trèo ;
Giãi vẻ thần-tiên pho tượng mốc,
Khua hồn tang-nải trái chuông beo ;
Đi về khách giục hang đưa gió,
Hôm sớm khe tuôn nước cuốn đèo ;
Tính đốt Chi-quan ngoài mấy ngậm,
Đè chừng mây núi thử lần theo.

2° Song-tiên tự

雙仙寺

Cõi trần ngang dọc tới chùa Tiên,
Lễ phật Như-lai trước kệ-tiền ;
Năm lạy đinh-ninh chồn gối hạc,
Một lời trân-trọng bồng hồn quyên ;

Non xanh xót kẻ còn ham giấc,
Tóc bạc riêng ta chửa chút phiền ;
Gặp-gỡ tình kia phong-cảnh đó,
Cũng là phúc-đức cũng là duyên.

3° Mạc-gia thành
莫家城

Gió nhạt trăng suông tiếng cuốc gào,
Bơ-vơ thành cũ lạnh-lùng sao ;
Bút nghiên hồ mất nhòm con Trạng,
Giáo lá dơ thân ngó giặc Tào ;
Dấu cỏ hưng-vong vàng lẫn ủa,
Nước đường vương-bá thấp dồn cao ;
Non sông năm sáu đời cơ-nghiệp,
Bận khách bàng quan tính biết bao.

4. Tô thị sơn
蘇氏山

Trời đất xa phun cánh bụi trần,
Thổ tà ác lận lúc phân-vân ;
Vì chàng thao-lược phô nghề vũ,
Để thiếp quần thoa mỏm cái xuân ;
Vậy vững lời vàng cho trọn kiếp,
Đành trơ gan đá mới nương thân ;
Ở xưa bức gấm rồi sao thế,
Thổn-thức tìm ai biết mấy lần.

5° Kỳ-cùng giang
淇窮江

Một chút phía Nam một chút Tàu,
Sông Cùng nào đã chịu cùng đâu ;
Rồng chìa đáy nước trơ lưng đá,
Ngựa vén chân đê trọi vó câu ;
Việc thế đã giao dòng đừng chảy,
Bụng người khôn đọ khúc nông sâu ;
Thử xem Ngưu-chử đường năm cũ,
Đã mấy chàng qua đã bấy lâu.

6° Kỳ-lừa thị
騏端市

Hai bên ruộng núi giữa đường đi,
Thổ Mán, Mường, Kinh, chợ kín lỳ ;
Tan họp hoa giồn phiên có lúc,
Nói cười chim nện tiếng như ai ;
Nằm nem bầu rượu người mê đặc,
Dịp hát câu ca khách thiếu gì ;
Phố Lạng ai lên cùng tớ đó,
Cầm tay than hỏi được bao khi.

7° Na-sầm phố
那岑鋪

Trải thú sơn-lâm nếm chút mầu,
Của đời người thế hạn chi đâu ;
Đường trường xe ruổi thông gan núi,
Nước chảy chân đưa giáp vịnh Tàu ;
Khắp chợ Man-trang ngồi dẫy lớp,
Chật trường Hoa-học đứng chen nhau,
Ai ơi Thoát-lãng đây chăng chứ,
Ngọn sóng tân-trào cuốn đã mau.

8° Tuần-muội quan
巡昧關

Rừng xanh ai kẻ núi ai ghi,
Trúc quét thông reo lối rậm-rì ;
Lưỡi kiếm vua Lê còn hoảng lúc,
Lá cờ anh Liễu vẫn mơ khi ;
Thổ quen xóm cũ nhà như xếp,
Xe tới ga khuya khách muốn lỳ ;
Thoảng nhớ phong-dao (1) đầu cửa [miệng,
Mười người thì cố mộ đừng đi.

Tặng bạn thi trượt

Chắc mầm thân-danh ngất thế nào,
Ai ngờ cái số muộn-mằn sao !
Đường thi đến bác mà trơn nhẩy,
Bể học thôi tôi cũng dối nhào ;
Hồ-thỉ bốn phương vai gánh nặng,
Quan-hà đôi chút nước dồn cao ;
Xuân qua sau vững còn xuân tới,
Thỏa chí bình sinh sướng gấp bao.

Mừng cậu tư con quan
Đề-đốc Nguyễn

Bể trần dào-giạt sóng văn-minh,
Muôn vạn đường côn cất bổng mình ;

---

(1) Phong dao : 巡昧關。十人去。一人還。

Ngọn bút Khư-lư nền quốc-túy,
Lá cờ Lâu-đức dấu gia-thanh ;
Ra vào vẫn trước vui cùng xứ,
Gặp-gỡ thêm nay nặng chút tình ;
Trân-trọng gương soi vòng xã-hội,
Tấc lòng không phụ với ba sinh.

Ở đời

Trăm năm tính thử cuộc vuông tròn,
Nặng khối tình riêng với nước non ;
Thua được vảnh râu bàn số kiếp,
Xoay vần thẳng rốn đạo kiền-khôn ;
Ngẫm thân âu cũng thân già mõm,
Giữ thói mà chi thói trẻ con.
Sống có khác kia người có lúc,
Vạ gì năm tháng phải lon-ton.

Vẽ cành mai

(Mừng cụ Tùng-vân)

Non nước xa nhau bụng vẫn gần,
Tờ mai hoan chúc cụ Tùng-vân ;
Đạo sâu thanh-nhã chan màu ngọc,
Chí cả lăng-tằng vững chiếc thân ;
Yên-thủy hồn xưa say tỉnh bén,
Văn-chương duyên mới đổi trao dần ;
Mưa Âu gió Mĩ phong-trào dội,
Kìa đóa nhân-hoa đã gợi xuân.

Đồng tiền chính mới

Vì nước vì dân khoác áo vàng,
Ban ơn thiên-hạ khắp giàu sang ;
Đồng-tân hai chữ liền ghi dạ,
Trinh-tiết muôn đời nặng khắc xương ;
Nổi giá như-huynh (1) thân bất-hủ,
Đặm nền thông bảo dấu tiên-vương ;
Ăn về cái tướng khôi ngô thế,
Mặt nhẵn, mềm vi ông, tiếng nói vang.

Anh-thủy ca 英水歌

Con mắt tình đời, một hai con mắt tình đời ; cái con sông Anh-giang ai ơi kìa-kìa thử đứng lại mà coi. Bên lở thì đục ấy bên bồi thì trong. Giọt nước trào bát-ngát mênh mông. Tang-thương biến-đổi có khi dòng khi lên. Nhân-dân ba xã, nhà cửa hai bên. Bốn trăm năm ông cha gây dựng cho mới nên cơ-đồ. Bước đêm khuya lững-thững mái chèo Tô, ngẫm tình phong-nguyệt cái thú giang-hồ đi lại bấy nay. Mặt phong-trần chuốc dại mua ngày. Thùng chàm xanh biếc dùng đôi tay chi nỏ hoài Trải xưa nay văn-vật đây biết bao nhiêu là trai lỗi-lạc gái danh-tài. Mưa Âu gió Á cái buổi ban-khai sang lại càng. Ngoảnh sang đông thì giáp-giới đất Hà-lạn đất Hà-quang, Sang tây thì Cát-giả với Ninh-cường và Kim-đê. Mảnh dư-đồ như dệt gấm, như vẽ phấn, như thêu huê. Rồng in tháng hạ phượng đề mà đêm thâu. Một đôi khi thừa-nhàn nhân thả chiếc cần câu, kiền-khôn là rỏ, cái bóng ông sao Ngâu là mồi. Một đôi khi tư-kỷ một và đôi, rảo đi trước gió, thụp ngồi trên trăng. Một đôi khi theo sau quấn-quýt một, hai, ba, bốn, năm, sáu bảy, tám, chín, mười thẳng. Câu ca, tiếng địch mấy đề chừng tiêu-dao. Ván cờ đời bày-bày xóa-xóa như giấc chiêm-bao. Bảo thấp thôi xin phải bảo cao thôi lại cũng ừ. Sông sâu nước chảy lừ-đừ ! . . .

Cháu gái viếng bà ngoại (*Câu đối*)

— Quả địa-cầu cháu mới chen chân, hai tuổi biết gì, phận gái lại mang phận ngoại ;

— Gương thiên-diễn bà nay khuất mặt, trăm năm là thế, đường trần thôi trọn đường tu.

Sương-phụ sầu-ngâm

孀婦愁吟

Kiếp má hồng, nhiều nỗi long-đong ; ông trời xanh cao tít, lấy ai mà giải

(1) Ông Lỗ-Bao làm bài *Thần-tiền-luận* có câu : *Thân chi như huynh, tự viết khổng-phương*
親之如兄。字曰孔方。

tấm lòng trong. Đêm năm canh một đèn một chiếu em ngồi tựa bên cái áng cô-phòng; gió hiu-hiu thổi lẫn chiếc bóng ông trăng lồng soi ngang. Cõi trần-gian nào biết đâu là nơi vinh-hiển, chốn giàu sang; suy đi tính lại cái mối can-tràng nó dối như vo. Gọi trời khuya con gà sống hàng xóm đã gáy o-o; giật mình em tỉnh giấc mà em lo sự đời. Cây liễu-bồ nặng trĩu hạt sương rơi; con chim tình bay bẳng-lẳng khi góc bể khi chân trời xa xa. Nào dám như ai nay son mai phấn, nay gương mai lược, nay nguyệt lại mai hoa; trong Dâu trên Bộc quên bẵng cái thói con nhà thi-thư. Buông chiếc màn the mà em khắc đợi canh chờ; nhất ấn phong hầu vơ-vẩn biết nhờ ai đeo. Luồng điện năm châu ngẳng trên không kia nó cuốn vèo-vèo; tờ mây phong kín xin gửi một lèo tìm tới đức tri-âm. Quyết cùng nhau thề-nguyền đôi chữ đồng-tâm; rồi ra tiếng sắt với cung cầm duyên ưa. Ở sao cho một phải, hai ba bốn đều vừa; thiều-quang chín chục em tính đốt hãy còn thừa ngày xuân. Phong-lưu bỗ lúc phong trần!...

Bài hịch mời mọt ở phòng sách

Ngày giáp ngọ tháng nhâm-ngọ năm canh-ngọ, vua Bảo-đại năm đệ-ngũ. Thanh-sĩ chủ-nhân phủ dĩ nê-hương một nén, băng phiến vài hòn; bích-kê lưng bầu, bắc ín nửa tôn, đặt trước phòng sách mà đọc bài hịch-văn rằng:

Trời đất sinh ra ông thánh ông hiền, chế ra chữ, chép ra sách, lũ mối lũ mọt chúng mày là vi-vật chưa được đạt tới đến cái mục đích to-tát đó hay sao?... Hãy ắng tiếng kêu lẹt-kẹt, tạm ngồi một xoét, ta chỉ-dẫn cho mà nghe.

Này sách có nhiều sách, cũng có sách duy-trì lấy hiếu-đễ trung-tín, nhân-nghĩa lễ-trí, gọi là sách Tứ-thư và Ngũ-kinh. Lại cũng có sách chép những sự-nghiệp vĩ-đại của anh-hùng hào-kiệt, tâm-sự quang-minh của đời đế đời vương, gọi là sách Lịch-đại thanh-hoa, sách Sử-ký, sách Đan-thanh, và những sách Chư-tử bách-gia, lối triện lối lệ, lối chân lối thảo, lối viết bằng Hán-văn, bằng Pháp-văn, bằng Quốc-văn. Thiên-kinh vạn-quyển, không thiếu pho nào, không pho nào là không có giá-trị, không pho nào là không dạy đấng người lấy một tư-cách đặc-biệt, toàn là thiên-lý, hầu để trác-lập với đời, cổ-vũ trên chốn vũ-đài thế-giới.

Vậy chúng mày tuy là cái đẳng ngoan-nghịch, thường làm sào-huyệt ở đó, dương nanh uốn lưỡi ở đó. Nay đã được tắm dội nguồn ơn-trạch của ta, vinh-hưởng tứ-vật của ta, nghe lọt hịch-văn của ta, chắc chúng mày đối với ông thần lương-tâm của chúng mày, cũng đủ hổ thẹn, chết được, đau đớn được, mà hồi-đầu khởi-kính khởi-bái với uy-quyền ta, pháp-luật ta. Chúng mày! Chúng mày! Thôi thì: học lối ăn chay gần cửa bụt, tìm đường ở rảnh cách lang văn. Như thế mới kết-quả được hạnh-phúc vạn-toàn, cùng muôn vật cầm, trùng, điểu, thú, lân, giáp, xênh-xang trong cõi thế-giới sa-bà. Bao nhiêu sự lầm lỗi về trước, nhất thứ nhị thứ cho tới tam tứ thứ, ta cũng nhất-thiết thể lòng hiếu-sinh của đức Thượng-đế ta mà miễn-trách cho. Duy còn từ nay về sau chúng mày nếu còn mờ tối, chửa hiểu lẽ phải, chửa chịu qui-thuận, kìa đã có trận nắng viêm-nhiệt của ngôi Thái-dương mùa hè kia, ta sẽ đem trần tội chúng mày. Nay hịch.

NHÂN-VĂN ĐÌNH

HÀI - VĂN

Hầu bài quan

Đồng-hồ vách đánh nai tiếng coong-coong, chú cai-việc tiếp luôn hồi kiểng, ngoài cổng lầu nghe ba hồi trống cái, tiếng vang kêu xa đưa từ phía giục dân vào hầu kiện buổi chiều. Trong tư-thất

quan đằng-hằng luôn ba tiếng, đủng-đỉnh bước lên công-đường. Tay cầm quyển nhật-ký, mắt nhìn qua, miệng nói : « *Bon, à jour* », nghĩa là công-việc ngày nào xong ngày ấy không đòi-tích gì cả. Đưa cặp mắt tứ-cố ra ngoài sân, chẳng thấy dân nào vào thính-tụng, chỉ duy có hai tên hầu lẻ, khoanh tay dựa cột như thói thường. Quan bèu cất tiếng hỏi : « Các thầy đã đến đủ cả đấy chưa ?» Thầy đề chạy ra bẩm : « Anh em chúng tôi đủ mặt, bao giờ cũng đi đúng giờ ạ.» Quan cười mà nói rằng : « Hôm nay rảnh việc, ta đánh tổ-tôm chơi. » Thầy đề liền tếnh chân thỏ chạy vào phòng trà bảo chú cai-việc giải chiếu chia bài.

Sập hồi-văn, chiếu miến cạp điều, quan-ông quan-bà ngất-ngưởng ngồi trên, mạn dưới bày ba cái ghế «To-nê», cánh dưới quan-ông thì thầy-đề là một tay lão-lại, văn-án giỏi, quan vẫn có ý thương riêng ; cánh dưới quan-bà bụng to gần đến tháng sinh thì thầy thông-ba, vốn là con cụ Tuần xưa, tuổi độ ngoài hai-mươi, tính vui-vẻ cười luôn, mới bổ ra làm thừa-phái ; ghế giữa thì thầy thông-nhì, quê ở Nghệ-an, người đã có tuổi, tính gàn-gàn, hay rượu, chuyên giữ việc phòng ấn, quan không có ý thương mấy ; mạn tay tả quan-ông thì chú cai-trà đứng hầu điếu đóm, chia bài, khoeo chân bẩm nhẩm ; mạn tay hữu quan-bà thì con nhài pha nước têm trầu, thỉnh-thoảng liếc mắt đưa tình chim chú cai.

Một nhà xum-họp trúc mai,
Càng sâu nghĩa bể càng dài tình sông.

Trên quan dưới nha, thượng mục hạ hòa, cảnh-tượng rất là êm-đềm vui-vẻ, khiến cho khách bàng-quan ngộ-nhận là lớp tuồng cải-lương gì đó.

Khay bài nâng lên, thầy-đề gãi tai nói :

— Bẩm quan, hôm nay xin đánh nhỏ, con thua mãi.

— Đánh nhỏ buồn chết, cứ góp hai chục, các thầy mới lĩnh lương đấy mà, có thiếu bà lại cho vay.

Thầy đề kiếm bạc đủ số một trăm, nhưng trích riêng ra mười nguyên đề trước mặt quan mà rằng : — Xin cứ bỏ hồ cho vui.

Quan-ông lờ đặc. Quan-bà tiếp luôn : — Ấy thầy bỏ một đồng chia bài luôn thể.

Thế là trong bát chỉ còn có tám-mươi chín chữ.

Trong năm điếm chỉ duy có điếm thầy thông-ba là « ù » hoài, bài thầy cao hay có ngón gì chẳng biết

Quan đánh bát-vạn, chú cai-trà xướng cả-gỗ. Thầy-nhì lừ mắt. Thầy-ba nói : — Đôi, phỗng đét, đánh cửu-văn.

Thầy-nhì ăn tốt, đánh thất-sách, thầy ba hạ bài :

— Bẩm con xin ù thông-tôm-lèo ạ.

Đến ván sau, quan-bà đánh cửu-vạn, thầy-ba ăn thập-thành, đánh ba-vạn, thầy-nhì không ăn chẻ bần, thò tay bốc chi-chi, thầy-ba hạ bài xuống mà rú lên một tiếng cực to : — « Nhảy ! » sướng quá, líu cả lưỡi : — Bẩm, bẩm, bẩm, nhảy ; con ù nhảy ! con nhảy thông,

Rồi co cẳng nhảy luôn lên trên sập.

Bà liếc vào số bạc thì chỉ còn độ hai-mươi đồng, bèn tác-sắc mà quở rằng :

— Thầy ù nhảy, thì nhảy, sao nhảy xốc cả vào mặt tôi thế !

Thầy đề có ý nịnh bà, lừ thầy-ba mà rằng :

— Thầy cứ nói nho-nhỏ : Bẩm bà con xin nhảy có được không ?

— Tôi quá sướng thành ra vô-lễ, nếu bác được nhảy như tôi thì bác nằm bò ra cũng có !

Cuộc vui đang chan-chứa, tiếng cười giọng nói huyên-hoa, bỗng đâu nghe ba tiếng trống báo có xe ô tô qui-quan. Quan-ông vội-vàng ra đón ; quan bà lật-đật bồng cậu ấm tương lai «chuồn» mất....

PHẠM VỌNG CHI

(*Thanh-hóa*)

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự-ký (từ mồng 1 đến 30 tháng 11 năm 1930)

Mồng 1 tháng 11 — Ở *Ankara*, kinh-đô Thổ - nhĩ - kỳ, giám-quốc MUSTAPHA-KÉMAL khai kỳ quốc-hội.

Mồng 2. — Ở *Narbonne* (Pháp), khai hội-nghị « Xã-hội thiếu-niên-đảng » (*Jeunesses socialistes*), ông LÉON BLUM là lãnh-tụ đảng xã-hội, diễn-thuyết ở bữa tiệc khai-hội, tuyên-bố rằng đảng xã-hội quả-quyết giúp các đảng cấp-tiến để đánh đổ Nội-các TARDIEU.

— Ở Anh, 340 thị-tỉnh bầu-cử nghị-viên : phe bảo-thủ được thắng, thêm được 69 ghế; phe lao-động mất 65 ghế.

Mồng 3. — Ở *Paris*, quan nguyên Thượng - thư PAUL PAINLEVÉ chủ lễ khánh-thành trường « Hòa-bình học-hiệu » (*Ecole de la paix*) do báo « Tân-Âu-châu » (*Europe nouvelle*) chủ-trương sáng-lập ra để nghiên-cứu về các vấn-đề ngoại-giao và cổ-động cho Hội Vạn-quốc. — Ở *Lyon*, các bạn đồng chí của quan nguyên Thủ - tướng EDOUARD HERRIOT, làm tiệc mừng ngài đã làm thị-trưởng thành *Lyon* được 25 năm.

— Ở *Brésil*, bác-sĩ VARGAS lĩnh chức Giám-quốc và lập Nội-các mới.

Mồng 4. — Ở Pháp, Nghị-viện nghỉ hè xong đã họp kỳ đầu. Hạ-nghị-viện định chương-trình các việc bàn và quyết-nghị đem thảo-luận ngay những đơn chất-vấn về ngoại-giao. Ông Nghị-viên FRANCOIS ALBERT đứng lên diễn-thuyết chất-vấn trước.

— Ở *Abyssinie* (Phi-châu) làm lễ đăng-quang quốc-vương mới, hiệu là HAILE SALASSU.

Mồng 5. — Thượng - Hạ Nghị - viện Pháp nghênh-tiếp hai nhà phi-hành COSTES và BELLONTE.

— Ở Mĩ cuộc tuyển-cử Nghị-viện đã xong. Ở Chúng-nghị-viện, đảng dân-chủ được lợi 41 ghế. Ở Nguyên-lão-viện, hai đảng dân-chủ và Cộng-hòa gần cân nhau.

— Phần thưởng *Nobel* về văn-học, tặng cho nhà tiểu-thuyết nước Mĩ SIXCLAIN LEVIS, tác-giả bộ tiểu-thuyết đề là *Babbitt*.

— Ở *Bombay*, lại có biểu-tình, đến 100 người bị thương.

Mồng 6. — Ở cửa *Saint - Nazaire* (Pháp), làm lễ phóng-thủy chiếc thương-hạm mới hiệu *Georges-Philippar*. Quan Tổng-trưởng bộ Thương-nghiệp Hàng-hải đến chứng-kiến.

— Cuộc tuyển-cử Nghị - viện ở Mĩ kết-quả như sau này : ở Chúng-nghị-viện, đảng dân-chủ được 217 ghế, đảng cộng-hòa được 213 ghế, còn 4 ghế không vào đảng nào. Ở Nguyên-lão-viện, thì đảng cộng-hòa được 47 ghế, đảng dân-chủ được 46 ghế, còn 1 ghế không vào đảng nào.

Mồng 7. — Nghị-viện Pháp vẫn thảo-luận các đơn chất-vấn về ngoại-giao.

— Hội Vạn-quốc họp ban Ủy-viên dự xét về vấn-đề tài-giảm hải-quân.

Mồng 8. — Trường Đại-học *Paris* làm lễ khai-trường sau kỳ nghỉ hè, tặng chức danh-dự bác-sĩ cho vua ALBERT nước Tỉ-lợi-thì, cùng mấy nhà bác-học Ý-đại-lợi, Ba-lan và Mĩ. — Danh-sĩ nước *Pháp* PIERRE LASSERRE tạ thế.

Mồng 9. — Cuộc tổng-tuyển-cử ở nước Áo (*Autriche*), đảng cực-hữu thất-bại.

— Ở *Varsovie*, kinh-đô Ba-lan, học-sinh biểu-tình trước sứ-quán nước Đức.

Mồng 10. — Các thợ về kim-loại ở Đức vận-động xin giảm giá các thực-liệu.

Ngày 11. — Ở Pháp lễ kỷ-niệm đình-chiến cử-hành theo nghi-tiết thường hằng năm.

— Ở Tỉ-lợi-thì, nhân các thượng-thư về đảng tự-do xin từ chức, nên cả Nội-các cũng phải từ chức.

— Giám-quốc Mĩ HOOVER diễn-thuyết tại lễ kỷ-niệm đình-chiến, có bày tỏ về thái-độ nước Mĩ đối với các vấn-đề Âu-châu.

Ngày 12. — Vua GEORGE V nước Anh chủ lễ khai hội-nghị xét việc Ấn-độ.

— Vua Tỉ-lợi-thì không thuận cho Nội-các JASPAR từ chức. Lại đảng tự-do cũng chuẩn cho các Thượng-thư thuộc về đảng ấy cứ giữ chức, vậy cuộc khủng-hoảng về Nội-các thế là liễu-kết.

Ngày 13. — Nghị-viện Pháp đã thảo-luận xong các đơn chất-vấn về ngoại-giao. Quan Ngoại-vụ tổng-trưởng và quan Nội-các tổng-lý trả lời các nhà chất-vấn, rồi Nghị-viện đầu phiếu quyết-nghị, được 323 phiếu tín-nhiệm Nội-các đối với 279 phiếu phản-đối.

— Phần thưởng *Nobel* về khoa-học, ban cho hai nhà bác-học sau này: Về lý-học là SIR CHANDRAS EKHARA VENKATA RAMAN, người Ấn-độ, giáo-sư trường đại-học *Calcutta*; về hóa học là HANS FISCHER người Đức, giáo-sư trường Đại-học *Munich*.

Ngày 14. — Ở Nhật, một tên cuồng-hán về đảng quốc-gia bắn vào quan thủ-tướng HAMAGUCHI bị thương nặng.

Ngày 15. — Ở *Madrid*, kinh-đô Tây-ban nha, các thợ định thi-hành cuộc tổng-bãi-công.

Ngày 16. — Ở Ba-lan, khai cuộc tổng-tuyển-cử.

Ngày 17. — Ở Pháp, quan Tổng-trưởng bộ tư-pháp RAOUL PÉRET từ chức, vì có tin đồn can vào cái án nhà băng *Oustric*. Ông HENRY CHÉRON thay.

— Ở *Londres*, khai hội-nghị xét về hiến-pháp Ấn-độ.

— Ở Ba-lan, cuộc tuyển-cử nghị-viện kết-quả được 248 ghế về đảng thống-tướng PILSUDSKI mà tổng-số nghị-viên là 444 ghế.

Ngày 18. — Nghị-viện Pháp chuẩn-y cho khai cuộc công thải thuộc-địa.

Ngày 19. — Ở *Londres* vẫn họp hội-nghị xét việc Ấn-độ, gọi là hội-nghị « Bàn tròn », các đại-biểu Ấn-độ ở hội-nghị thảo-luận một cách cương-quyết lắm.

Ngày 20. — Ở *Brest* (Pháp), làm lễ kỷ-niệm bách chu-niên trường Hải-quân học-hiệu, quan Hải-quân Tổng-trưởng đứng chủ lễ.

Ngày 21. — Nghị-viện Pháp quyết-nghị đặt một ban điều-tra để xét về việc các nhà chính-trị có can vào cái án nhà băng vỡ nợ.

— Đảng bảo-hoàng Hung-gia-lợi, nhân họp để làm lễ trưởng-thành cho đại-công OTHON, có tuyên-bố rằng đảng chỉ dùng cách hòa-bình để vận-động khôi-phục đế-vị mà thôi.

Ngày 22. — Phần thưởng văn-chương của Bắc-Phi-châu (*Prix littéraire de l'Afrique du Nord*, ban cho ông E. T. GAUTIER để thưởng cho bộ sách của ông đề là « Một thế-kỷ thực-dân », cùng đại-đề cả sách vở của ông soạn về thuộc-địa Bắc-Phi-châu của Pháp.

Ngày 23. — Hội-nghị « Bàn tròn » vẫn họp bàn xét về việc Ấn-độ, định kỳ họp sau xét một bản dự-thảo hiến-pháp cho Ấn-độ do thủ-tướng hạt *Mysore* đệ trình.

— Ở *Athènes*, kinh-đô Hi-lạp, có cuộc biểu-tình cộng-sản, 350 người bị bắt.

— Ở Nga, ban ủy-viên trung-ương của chính-phủ Sô-viết tố cáo một đảng mới lập mưu phản-đối chính-phủ thủ-xướng là hai người RYKOFF và TARSKY. Còn chánh ủy-viên chánh-phủ, tức là Giám-quốc nước Nga bây giờ tên là STALINE, có tin đồn là bị ám-sát, nhưng không phải, hiện tiếp-kiến các nhà báo Nga để thuật về việc thời-chính.

Ngày 24. — Nước Ba-lan tuyển-cử Thượng-nghị-viện, đảng chính-phủ được thắng 10 phiếu.

Ngày 25. — Có tin đồn có cuộc phiến-loạn trong hải-quân nước Nga.

Ngày 26. — Chính-phủ Đức đệ-trình Hội Vạn-quốc một cái đơn kháng-nghị về phần dân thiểu-số Đức ở Ba-lan bị bách-hại trong cuộc tuyển-cử ở Ba lan mới rồi

Ngày 27. — Nghị-viện Pháp cử các ủy-viên vào ban điều-tra việc nhà băng phá-sản. Ban này có 22 người thuộc về đảng đa-số và 11 người thuộc về phe phản-đối.

— Phần thưởng *Nobel* về hòa-bình để thưởng cho những người có công cổ-động cho cuộc hòa-bình trong thế-giới, ban cho thượng-nghị-viên Mĩ KELLOG về phần năm 1929 và về phần năm 1930 thì ban cho chức Đại-tư-giáo Thụy-điển SŒDERBLOM.

Ngày 28. — Ở Pháp hai quan thứ-trưởng FALCOZ và LAUTIER nhân có can vào cái án nhà băng, xin từ chức. Nghị-viện chất-vấn chính-phủ. Khi đầu-phiếu tín-nhiệm, thì được 303 phiếu biểu-đồng-tình với Chính-phủ, còn các đảng phản-đối nhất-thiết không bỏ vé cả. Còn ban ủy-viên điều-tra việc nhà băng thì đã tổ-chức xong ban trị-sự, bầu ông nghị-viên LOUIS MARIN làm ban-trưởng.

— Ở Ba-lan có tin Nội-các PILSUDSKI sắp từ-chức, ông SLAWEK ra tổ-chức Nội-các mới.

Ngày 29. — Ở Áo, nhân cuộc tuyển-cử mới rồi không lợi cho chính-phủ, Nội-các VAUGOIN xin từ chức. Giám-quốc MIKLAS triệu ông ENDER là tổng-đốc hạt *Voralberg* để lập Nội-các mới.

Ngày 30. — Ở Ba-tư mới tra ra một cái án âm-mưu cộng-sản, 500 người bị bắt.

Thời-cục nước Tàu. — Cuộc thống-nhất của nước Tàu xem ra ngày nay đã đến kỳ thành-công. Nhưng còn về mặt Hồ-nam, Hồ-bắc, Giang-tây, đảng cộng-sản hãy còn hoạt-động lắm; mà các tướng của chính-phủ đem quân đi tiễu Cộng thì lại hay mâu-thuẫn với nhau, nên bọn « Xích-quân » vẫn có phần thắng-lợi. Binh-bộ tổng trưởng Hà Ứng-Khâm đã phải đến Nam-xương, tự dứng quản-lĩnh đại-đội và tổ-chức lại các quân-đoàn để quyết khởi thế công tiễu-trừ đảng cộng-sản.

Về mặt tây-bắc thì quân Tứ-xuyên tràn vào Thiểm-tây và Cam-túc, đồn rằng là Ngô Bội-Phu lại xuất đầu lộ diện trên sân khấu chính-trị nước Tàu. Gần đây Ngô chiêu-tập rất nhiều binh-lính, đại-thắng ở miền Cam-túc và Thiểm-tây là hai tỉnh trước đây thuộc quyền Phùng Ngọc-Tường. Lần này Ngô ra chính là lại tranh cái địa-vị trọng-yếu trên trường chính-trị Trung-hoa. Nhưng nhiều người đoán Ngô tất cũng như Phùng sẽ bị thất-bại.

Ở Bắc-bình lại có tin rằng Ngô Bội-Phu và các tướng-lĩnh Tứ-xuyên về phái phản-đối chính-phủ Nam-kinh là bọn Điền Tụng-Nghiêu, Đặng Tích-Hầu tổ-chức ra đạo quân Hộ-quốc biên-phòng ở biên-giới hai tỉnh Thiểm-tây Cam-túc, thu-dụng những toán thổ-phỉ có tiếng rất là hoạt động. Nghe đâu đã

chiếm-lĩnh một giải gần miền Hán-trung.

Trái với tin ấy, một tờ báo Tàu lại có tin rằng Ngô Bội-Phu sắp đến Bắc-bình hội-kiến Trương Học-Lương, nhờ Trương điện về Nam-kinh nói rõ mình không có ý gì khác, và quyết không hỏi đến việc nước nữa.

Trương Học-Lương gần đây lưu mãi ở Thiên-tân, là vì chính-phủ trung-ương, đối với Trương xin phát-hành một số công-trái 2.000 vạn đồng, để chi về việc thiện-hậu miền bắc Trung-hoa, còn chưa phê-chuẩn, và số tiền chi về việc thiện-hậu quân-sự là 300 vạn đồng, cũng chưa gửi đến, cho nên lưu ở Thiên-tân để đợi giải-quyết.

Dân Mãn-châu trách-cứ kịch liệt việc Trương quá thân-thiện với Nam-kinh. Tuy vậy, Trương cũng phải về Phụng-thiên tuyên-cáo cho dân-chúng biết rằng từ đây một phần ba một năm tại Bắc-bình để làm công việc chức phó-thống-soái binh-vụ, còn hai phần ba thì ở Phụng-thiên lo việc cai-trị Mãn-châu. Thế là Trương bãi cái ý-kiến trước định giao Mãn-châu cho chú là Trương Tác-Tường vậy.

Sau khi bàn-bạc cùng các cố-vấn ở Mãn-châu, Trương quyết xa cái chính-sách thân Tưởng.

Tưởng Giới-Thạch rất chú-trọng về những sự rắc-rối ở Quảng-đông, Quảng-tây, Tứ-xuyên, Vân-nam. Đại-biểu Lưu Văn-Huy (Tứ-xuyên) là Trương Tĩnh-Hiên, đại biểu Hà Kiện (Hồ-nam) là Tống Hạc-Canh và bọn Ngũ Đình-Dương đều đến Nam-kinh yết-kiến Tưởng để thương-định kế-hoạch. Chính-phủ trung-ương mong các tướng-lĩnh ở miền tây-nam nên tự mưu cuộc hòa-bình, nếu vẫn còn chấp-mê chiếm giữ địa-bàn để chống lại, đến lúc cần ra sẽ dùng võ-lực, trước hết dẹp yên việc loạn ở Tứ-xuyên.

Tưởng Giới-Thạch có điện cho các sư-trưởng, khuyên bảo nên lập định chí-nguyện, cố sức cải-lương cái thực-chất của quân-đội, lấy mình làm phép, chú-trọng cả trí-dục, đức-dục, thể-dục, ra sức rèn-tập quân-lính, rất mong các bạn đồng-chí nghĩ đến cái trách-nhiệm trọng-đại, nhân cái lúc chúc mừng năm mới, kỷ-niệm việc dựng quốc, quyết định những việc năm nay nên làm, thề phải cần, thề phải dũng, thề phải tín, thề phải trung, do cải-lương cái thực-chất của quân-đội, để dần dần làm cho bền vững việc quốc-phòng.

Tưởng Giới-Thạch họp các yếu-nhân trong hải-quân-giới là bọn Đỗ Tích-Khuê, Dương Thụ-Trang, Trần Thiện-Khoan để bàn việc cải-lương hải-quân.

Tưởng Giới-Thạch đối với cuộc thế-giới đại chiến đã có bàn đến cách dự-bị, nhân ngày chính-phủ Quốc-dân làm lễ kỷ-niệm chu-niên, đến dự có bọn Tưởng Giới-Thạch, Hồ Hán-Dân, Tôn-Khoa, Vương Chính-Đình. Tưởng làm chủ-tịch, bảo-cáo từ nay về sau có hai việc trọng-yếu, một là vấn-đề quốc-phòng, hai là bỏ điều-ước bất-bình-đẳng. Tưởng lại nói các nước Á-châu đối với cuộc đại-chiến, chuẩn-bị đã lâu, tùy-thời có thể nổ bùng ra được, đến lúc ấy nước Tàu vì hoàn-cảnh bức-bách, hoặc sẽ cùng bị cuốn vào cái luồng nước xoáy ấy cũng chưa biết chừng. Nếu không chuẩn-bị, thì sẽ bị duyệt-vong. Mong rằng ai nấy đều nên ra sức làm cho xong cuộc cách-mệnh.

Các Hoa-kiều đối với việc mở-mang đất nước. — Các người Hoa-kiều vừa mới lập ra một đoàn thực-nghiệp ở Thượng-hải, do các đoàn-thể Hoa-kiều ở các nước họp lại mà thành ra. Đoàn ấy trước hết chú-trọng về các việc khai-khẩn và chăn nuôi. Đoàn ấy đã xin Trương Học-Lương chia từng khu đất, để tiện cho các Hoa-kiều bỏ vốn vào. Cứ như công việc của đoàn ấy,

có thể thu-dụng được hết những người Hoa-kiều thất-nghiệp ở các nước ngoài, nạn-dân ở các tỉnh, các quân lính bị thải-hồi, đối với việc trị-an và việc kiến-thiết ở trong nước có bổ-ích rất to.

Việc thiên các tòa lãnh-sự xuống Nam-kinh.— Chính-phủ Nam-kinh vẫn vận-động để các tòa lãnh-sự ngoại-quốc dời Bắc-bình xuống Nam-kinh. Đến nay mới có mấy nước ít quan-hệ đến việc chính-trị ở Viễn-đông, tỏ ý dời lãnh-sự xuống Nam-kinh thôi. Muốn các nước khác quyết-định, chính-phủ bá-cáo rằng đã tìm được nhiều khu đất rộng, mỗi khu chừng 600 mẫu gần các công-sở sẽ nhượng để các nước lập tòa lãnh-sự. Lần này các tòa lãnh-sự không ở cùng một khu, các viên đại-sứ sẽ ở xa nhau, như thế thực bởi chính-phủ Nam-kinh không muốn các nước đồng lòng nhau.

Trung-quốc đủ sức bảo-hộ các nhà buôn ngoại-quốc. — Đoàn khảo-sát nước Anh từ Bắc-bình qua Thiên-tân đến Liêu-ninh, viên đoàn-trưởng vào yết-kiến Trương Học-Lương, nói sau này bỏ tư-bản vào Đông-tam-tỉnh, xin nghĩ cách bảo-hộ cho được chắc-chắn. Trương nói Trung-quốc đã có chính-phủ thống-nhất rất tốt, sự an-toàn của các nhà buôn ngoại-quốc ở Trung-hoa không còn phải lo gì, không cần phải có sự bảo-hộ gì khác nữa.

Thời-cục Quảng-tây. — Việc rắc-rối ở Quảng-tây vẫn chưa giải-quyết xong, vì bọn Lý Tôn-Nhân, Bạch Sùng-Hy, vẫn còn có cái dã-tâm quyến-luyến địa-bàn, không chịu bỏ đi, nhất là Trương Phát-Khuê lại càng cương-ngạnh lắm, tỏ ra cái thái-độ nếu hãy còn một viên đạn, cũng quyết đánh nhau đến cùng, chứ không chịu nhụt. Vì thấy tình-hình như vậy, các tướng-lĩnh Quảng-đông cho là thời-cục Quảng-tây không thể lấy hòa-bình mà giải-quyết được.

Song gần đây Ngũ Đình-Dương là yếu-nhân Quảng-tây, Tưởng Giới-Thạch có triệu lên Nam-kinh hỏi về thời-cục Quảng-tây, cử làm quân-sự thiện-hậu đốc-biện, cùng Hoàng Thiệu-Hùng thu-thập thời-cục tỉnh ấy Ngũ phụng-mệnh từ Nam-kinh xuống Hương-cảng, rồi đến Quảng-châu hội-kiến chủ-tịch chính-phủ Quảng-đông là Trần Minh-Khu và Tổng-chỉ-huy đạo quân thứ tám là Trần Tế-Đường báo-cáo về việc phụng-mệnh dùng chính-sách hòa-bình giải-quyết thời-cục Quảng-tây, rồi Ngũ đi tàu đến Hải-phòng qua Bắc-kỳ sang Long-châu, hội-kiến Hoàng Thiệu-Hùng, rồi cùng đến Nam-ninh hội-kiến với bọn Lý Tôn-Nhân, Bạch Sùng-Hy, Trương Phát-Khuê, báo-cáo cái chân-tướng thời-cục và giải-thích cái thái-độ của chính-phủ Nam-kinh, bảo bọn ấy nên bãi-chiến. Nghe đâu bọn Lý, Bạch đã hiểu rõ thời thế, sẽ vui lòng tiếp-nhận cái chính-sách hòa-bình. Ngũ đợi sau khi cuộc tiếp-hợp đã có kết-quả rồi, sẽ cùng Hoàng Thiệu-Hùng lên Nam-kinh. Nếu vậy cuộc hòa-bình Quảng-tây sẽ có cơ thực-hiện được.

Sau khi Hoàng Thiệu-Hùng, Ngũ Đình-Dương đến Nam-kinh, Tưởng Giới-Thạch liền mở cuộc hội-nghị giải-quyết thời-cục Quảng-tây. Cuộc hội-nghị ấy đã định phương-pháp giải-quyết thời-cục Quảng-tây như sau này :

1°) Cục-diện Quảng-tây sau này do Hoàng Thiệu-Hùng chủ-trì, Hoàng dùng cái danh-nghĩa gì, sau này sẽ định.

2°) Các quân Quảng-tây sẽ rút bớt và biên-khiển lại ;

3°) Đạo quân thứ tám lưu một bộ đóng ở Ngô-châu ;

4°) Số quân-phí không đủ, sau này sẽ do chính-phủ trung-ương bổ-trợ.

Lý Tôn-Nhân, Bạch Sùng-Hy và Trương Phát-Khuê đều quyết xuất-dương.

Việc ngoại-giao.— Vương Chính-Đình lên Bắc-bình vừa rồi đối với công-sứ các nước có bày tỏ về vấn-đề pháp-quyền và các huyền-án, đều mong các nước đem tinh-thần thân-thiện, giải-quyết xong các việc ấy ở trước khi mở cuộc quốc-dân hội-nghị. Công-sứ-đoàn đều tỏ ý tán-thành. Các công-sứ bốn nước Mĩ, Pháp, Hà-lan, Đan-mạch đều ước trước ngày 15 Février đều có thể đến Nam-kinh được.

Bộ ngoại-giao Nam-kinh có phái viên đến đài vô-tuyến-điện luồng rộng, báo cáo về công việc ngoại-giao đã làm trong năm Dân-quốc 19 và dự-định trong năm 20 này. Đại-ý như sau này :

Việc thành-công rất lớn trong năm ngoái (1930) tức là việc được hoàn-toàn tự-chủ về quan-thuế. Thứ nữa đến việc thu-hồi tô-giới và đất tô-tá cũng gần được thành-công, những nơi đã thu về được như Trấn-giang, đất tô-tá của Anh ở Hạ-môn và Uy-hải-vệ. Cuối tháng chạp, bộ ngoại-giao lại yêu-cầu hai nước Pháp Nhật giao trả tô-giới của hai nước ấy ở Hán-khẩu. Việc thu-hồi tô-giới Bỉ ở Thiên-tân, vì cuối năm gấp quá, nên đổi đến ngày 15 Janvier này tiếp thu. Việc thu-hồi đất tô-tá ở Quảng-châu-loan, hiện đang dự-bị và đã gửi tờ chiếu-hội cho công-sứ Pháp, xin mở cuộc đàm-phán ngay, chẳng bao lâu sẽ bàn định cách thu-hồi. Việc thu hồi tô-giới công-cộng ở Cổ-lãng-dữ, bộ ngoại-giao cũng đang dự-bị. Đến như việc thu-hồi tô-giới Pháp, Nhật ở Hán-khẩu, bộ ngoại-giao đang cùng hai nước kết-cục đàm-phán, mưu sớm đạt cái mục đích thu-hồi.

Vấn-đề quyền lãnh-sự tài-phán.— Tư-pháp-viện tổng-trưởng Vương Sủng-Huệ có nói chuyện với ký-giả các báo rằng chính-phủ Trung-quốc có thể mong nay mai nhận được thư trả lời về quyền lãnh-sự tài-phán của các nước. Nhưng nếu các nước trả lời không được vừa lòng, chính-phủ Trung-quốc đối với vấn-đề ấy sẽ dùng cái chính-sách quả quyết. Dám chắc là vấn-đề ấy có thể giải-quyết xong.

Trung Nga giao-thiệp.— Các bộ ở Nam-kinh hiện đang cùng Mạc Đức-Huệ nguyên đứng đầu phái-bộ Tàu tại hội-nghị Trung Nga, nghiên-cứu tìm xem nên nối việc Trung Nga giao-thiệp về phương-diện thương-mại và chính-trị cách-thức thế nào cho phải. Mạc Đức-Huệ trình các bộ nên biết rằng chính-phủ *Moscou* sẽ giải-quyết vấn-đề đường xe hỏa Trung-đông, nếu hai nước cùng được có đại-sứ.

Nước Nga muốn ép Tàu phải mau chóng giải-quyết xong việc xung-đột Trung-Nga, nên chính-phủ Sô-viết đã tuyên-cáo sẽ phái quân-đội đến giữ đường Trung-đông, nếu Tàu không chịu nhận các khoản trong điều-ước *Habarovsk*. Hiện tại miền cương-giới Trung-Nga đã giục-dịch thấy Nga động binh và tải lương-thảo khí-giới đến.

Lại có tin quan Tổng-lãnh-sự Nga ở Thẩm-dương vì muốn cho làm việc tiện-lợi, gần đây cùng các nhà đương-cục tiến-hành khôi-phục việc bang-giao. Chính-phủ miền Đông-bắc điện hỏi ý chính-phủ quốc-dân, kết-quả có thể thực-hiện được.

Việc trong nước

Các việc xảy ra trong nước từ 15 Décembre 1930 đến 15 Janvier 1931

Ủy-ban Hội Vạn-quốc tới Hà-nội.— *Hội Vạn-quốc có cử một ủy-ban đi các nước miền Lông để điều-tra về tục buôn người (đàn bà và con trẻ). Ủy-ban ở Nam-kỳ ít lâu, nay đã tới Hà-nội, sẽ ở tại Bắc-kỳ đến 25 Décembre vừa rồi. Ủy-ban có ba vị : ông* Bascon Johnson, *người Mĩ, trưởng ban, đã từng đứng đầu việc điều-tra này ở Âu và Mĩ ; nữ-bác-sĩ* Alma Sundquist, *người Thụy-điển, là một vị nữ-y-sĩ rất có tiếng, xưa nay*

chuyên về việc nghiên-cứu các vấn-đề xã-hội xứ ấy, và KAROL PINDOR *người Ba-lan vốn là một tay ngoại-giao đã từng ở các nước ngoài ngoại 20 năm. Thư-ký của ủy-ban là ông* VON SOHMIEDEN *người Đức.*

Điền-chủ Nam-kỳ phản-kháng thuế xuất-cảng gạo.— *Các ông hội-trưởng hội liên-hiệp các điền-chủ trong 20 tỉnh xứ Nam-kỳ, đồng-ý với ông chánh phòng Canh-nông* BEC, *gửi về Pháp một bức điện-văn phản-kháng về thứ thuế 45 phần trăm đánh gạo xuất-cảng, yêu-cầu với quan Tổng-trưởng Bộ Thuộc-địa đừng đệ-trình quan Giám-quốc ký sắc-lệnh đặt ra thuế ấy nữa. Ngày 16 Décembre, quan Thống-đốc Nam-kỳ tiếp các hội-trưởng đến báo tin này để ngài rõ.*

Trường Trung-học Mỹ-tho bị đóng cửa.— *Có tin Sài-gòn ngày 18 Décembre nói quan Thống-đốc Nam-kỳ vừa ra lệnh tạm đóng cửa trường Trung-học Mỹ-tho cho tới khi hết kỳ nghỉ tết này, vì ở trường ấy gần đây xảy ra nhiều việc lôi thôi, ngăn-trở cả sự học-hành.*

Tù trốn.— *Ngày 20 Décembre hồi 2 giờ rưỡi chiều, tại Hòa-bình, một người cai khố-xanh đứng đầu bọn lính đưa tù đi làm rủ 15 người tù cướp lấy 5 tay súng của mấy người lính bạn mà trốn đi. Được tin phủ Thống-sứ Bắc-kỳ liền hạ lệnh cho lính Hòa-bình, Phú-thọ, Sơn-tây bồ vây mấy mặt đi tầm-nã.*

Mấy việc hoán-cải tại miền Bắc Trung-kỳ.— *Trong khi kinh-lý tại miền bắc Trung-kỳ mới rồi, quan quyền Toàn-quyền* ROBIN *đã đồng-ý với quan Khâm-sứ* LE FOL *hoán-cải mấy việc, như là bổ quan Tổng-đốc và quan án-sát tỉnh Nghệ-an, và bổ hai ông khác thay vào, trích ra một số tiền khá to để dựng thêm các đồn canh-phòng ở các làng. Quan Tổng-đốc Nghệ mới là Nguyễn Khoa-Kỳ.*

Cuộc đi bộ về Huế.— *Chiều ngày 19 Décembre, hai người học-sinh trường Thể-dục Hà-nội là Khang và Nhảo đi bộ từ Hà-nội đã đến Huế. Hội Thể-dục ở Huế tiếp đón trọng-thể. Đi cả thảy 23 ngày, đường dài là 688 cây số, có ngày đi đến 50 cây*

Bắt được súng và dao găm ở dưới tầu thủy.— *Chuyến tầu Anh ở Hương-cảng sang tới bến Sài-gòn, trên tầu có 800 người khách Quảng-đông, khi nhà chức-dịch kiểm-sát hành-lý của hành-khách thì khám thấy một cái hòm của hành-khách trên đựng toàn những lọ ớt mà dưới thì đựng đầy những súng đạn và dao găm. Theo báo Nam-kỳ thì xét ra bọn kẻ cướp khách có lập một hội với nhau chuyên nghề đi ăn cướp dưới tầu. Khi chúng ở Quảng-đông sang đây, giả dạng là người đi buôn bán mà kỳ thực là mang giấu những súng ống và khí-giới sang, để đi ăn cướp dưới tầu. Tới bến Sài-gòn, chúng chờ đó ít lâu, Hội phái người đi dò la, thấy chuyến tầu nào sang Hương-cảng có những hành khách lắm tiền, thì truyền lệnh cho bọn đó (tức là bọn Mã-tả-giao) cũng giả dạng làm hành-khách xuống tầu về Hương-cảng. Khi tầu tớ qua Phật-sơn-trấn là nơi sào-huyệt của chúng, thì bọn ấy giở thủ-đoạn lâu-la ra, dùng khí-giới đã mang giấu sẵn chẹt những người làm dưới tầu, nhảy lên làm chủ-tể chiếc tầu, rồi tha-hồ bóc lột các hành-khách.*

Đường hàng-không đi Sài-gòn — Ấn-độ. — *Chiếc thủy-phi-cơ của công-ti* Air-Orient *đi* Calcutta *đã nửa tháng nay, hồi 11 giờ rưỡi ngày 19 Décembre đã trở về Sài-gòn. Đi đường từ* Calcutta *về, không gặp sự gì khó-khăn cả.*

Bửu-Đình trốn ở Côn-lôn đi. - *Nguyễn Hữu-Đình tức Bửu-Đình, trước làm thư-ký sở Lục-lộ ở Huế, sau vào Sài-gòn làm chủ-bút tờ « Tân-thế-kỷ », vì các bài báo viết rất kịch-liệt, nên bị Triều-đình Huế kết phạt 9 năm đầy lên Lao-bảo. Được ít lâu lại giải vào Sài-gòn đáp tầu đi Côn-lôn. Gần đây tại Côn-lôn có bão, Bửu-Đình thừa*

cơ cùng mấy người quốc-sự-phạm thả bè đi trốn, 15 ngày trôi giạt ngoài bể. Sau gặp một chiếc tầu Hòa-lan ở Nam-dương chạy qua ngoài khơi bến Swei-then *vớt mấy người lên. Viên chủa tầu xét biết là bọn trốn ở Côn-lôn đi nên giải cả bọn về Sài-gòn giao cho Chính-phủ Đông-dương. Mấy người ấy đều bị giam tại khám lớn Sài-gòn.*

Máy bay đi công-cán sang Vân-nam. — *Năm chiếc máy bay kiểu* Potez *động-cơ 450 mã-lực, do quan năm* De Premorel *chỉ-huy, khởi-hành ở Hà-nội ngày 19 Décembre hồi 11 giờ 15 để bay lên Vân-nam, đến 3 giờ 25 thì đã đến tỉnh-lỵ Vân-nam. Ngày thứ sáu 26 Décembre đoàn máy bay lại ở Vân nam-phủ khởi-hành về Hà-nội. Tới Mông-tự gặp mây phải đỗ lại, sáng thứ bảy mây tan mới lại đi, đến trưa thì tới Hà-nội. Lần này là lần đầu máy bay ở Đông-dương bay sang đất Vân-nam.*

Diễn-thuyết về cổ-tích Mã-lai — *Tối ngày thứ sáu 26 Décembre trường Bác-cổ và hội Địa dư Hà-nội tổ-chức một cuộc diễn-thuyết về cổ-tích cùng mĩ-thuật Mã-lai. Diễn-giả là bác-sĩ* Bosch *người Hà-lan, quản-đốc viện Khảo-cổ ở Java*

Phi-tướng Xiêm-la tới Hà-nội. — *Ba chiếc máy bay Xiêm-la do tướng* Phya Chalembrahas *chánh sở máy bay Xiêm-la chỉ-huy, tới trường bay Bạch-mai hồi 5 giờ chiều ngày 31 Décembre. Các phi-tướng Xiêm được quan binh nghênh-tiếp trọng-thể, định ở chơi bên này đến ngày 6 Janvier mới lại bay về Xiêm.*

Kỷ-niệm cuộc bay thứ nhất tại Đông-dương. — *Ngày chủ-nhật 28 Décembre, Hội* Aéro-Club *Nam-kỳ, mở hội kỷ-niệm lần bay thứ nhất trên trường bay Tân-sơn-nhất, là cuộc bay do nhà phi-hành* Van den Born *khai-trương vào ngày 28 Décembre 1910, tới nay vừa đúng 20 năm.*

Hội-nghị y-học ở Phi-luật-tân. — *Sáng ngày 31 Décembre bác-sĩ* Le Roy des Barres *chánh viện Ung-thư Đông-dương và bác-sĩ* Joyeux *chánh phòng Vệ-sinh thành-phố đã đáp tầu sang Phi-luật-tân để dự hội-nghị về y-học ở bên ấy.*

Xử-tử hai người ở Hà-tĩnh. — *Ngày 2 Janvier tại huyện Kỳ-anh và huyện Cẩm-xuyên xử-tử hai người tên là Nguyễn Liêu và Nguyễn Bình bị tòa án Hà-tĩnh kết án xử-tử về tội đốt phá các huyện ấy trong cuộc biến-động cộng-sản ngày 9 Septembre trước. Đơn xin ân-xá của hai người này đã bị quan Phụ-chính thân-thần bác.*

Quan huyện Nghi-lộc bị đảng cộng-sản hại. — *Ngày 2 Janvier quan huyện Nghi-lộc Tôn-thất Hoàn nghe tin báo có bọn biểu-tình họp ở một làng trong hạt, liền đem 5 người lính cơ đi bắt. Quan huyện và lính cơ đi khỏi huyện hơn hai cây số thì gặp bọn biểu-tình. Bọn biểu-tình đông quá xúm lại bắt quan huyện đem đi. Sau chúng giết quan huyện, cùng với lính và kỳ-mục đi theo, cả thảy đến 10 người, rồi vứt xác xuống sông, mãi sau mới tìm thấy. Ngày 12 Janvier, chính-phủ đã làm lễ táng cho ông Tôn-thất Hoàn tại Huế.*

Trường Trung-học Vinh đã khai-giảng. — *Trường Trung-học Vinh bị đóng cửa từ 22 Septembre 1930, vì việc biến-động miền Nghệ-Tĩnh, ngày 2 Janvier 1931 lại bắt đầu khai-giảng, nhưng số học-sinh trước 250 người, nay chỉ nhận 150 người thôi.*

Đông-dương đối với tang-lễ Thống-chế Joffre — *Ngày 7 Janvier nhân ở* Paris *làm lễ an-táng Thống-chế* Joffre *mới tạ-thế, các công-sở ở Đông-dương đều được nghỉ cả ngày, và các quan văn-võ có làm lễ tại đài Kỷ-niệm chiến-sĩ.*

Quan Thống-sứ Bắc-kỳ đi kinh-lý. — *Ngày 9 Janvier quan Thống-sứ* Tholance *đi kinh lý tỉnh Phú-thọ, nhân gần mền-đay và ban giấy khen cho các viên-chức Tây Nam đã có công truy-nã những người tù vượt ngục ở Hòa-bình ngày 20 Décembre vừa rồi.*

Xổ số hội Trí-hòa.— *Ngày chủ-nhật 11 Janvier, cuộc đánh số của hội Trí-hòa là một hội âm-nhạc của người An-Nam ở Hà-nội đã mở số. Số 36.260 là số trúng thứ nhất được 5.000 đồng bạc và cái ô-tô giá 4.000 đồng.*

Tổng-thuật các việc quan-trọng ở Đông-dương và ở Pháp trong năm 1930 — *Ở Đông-dương và ở nước Pháp trong năm 1930 có nhiều việc, nhưng lại là một năm để lại nhiều hi-vọng.*

Tháng giêng — *Hồi đầu tháng giêng ông* Hartman Norden *sang du-lịch Đông-dương có soạn một cuốn sách nói về phong-tục nhân-dân xứ ta, ông cho rằng việc rối-loạn đã ngầm-ngầm lâu ngày trong cõi đất này, chắc chẳng bao lâu sẽ xảy ra các việc đau-đớn. Lời dự-đoán ấy quả có ứng-nghiệm : ngày mồng năm tháng giêng bắt được tám người làm « bom » ở huyện Tiên-du (Bắc-ninh). Ngày mồng sáu, bọn cộng-sản lập cách cướp 3000 đồng của ông Trần Đức-Tâm chủ hiệu « Tham-thiên-đường » ở Hải-phòng ; ngày 21 xảy ra việc cướp ô-tô Mỹ-lâm ở đường Cầu-giấy ; ngày 25 ông giáo Phạm Huy-Du bị ám-sát, ngày 26 khám được 86 quả « bom » chôn ở ngoài ruộng làng Nội-viên (Bắc-ninh) ; Ngày 21 một phi-công ngã tàu bay chết ở Quảng-yên. Ở Pháp ông* Bouisson *được bầu làm thứ-dân nghị-trưởng, ông* Paul Doumer *làm Nguyên-lão nghị-trưởng. Ở Trung-hoa có cuộc âm-mưu phá đường sắt tại Á-mi-châu.*

Tháng hai.— *Sự rối-loạn trong nước bắt đầu phát-sinh từ tháng này : ngày mồng hai bắt được năm người can vào việc cướp ô-tô Mĩ-lâm ; ngày mồng 4 cu-li Phú-riềng đình-công ; ngày mồng 8 Nguyễn Tuân bí-danh Kim-Tôn bị « bom » ở Gia-lâm ; ngày mồng 9 lại bắt được ở Nội-viên hai quả « bom » và hơn một ngàn tờ truyền-đơn ; trong đêm ngày mồng 9 sáng ngày mồng 10, hai cơ lính khố đỏ khởi-loạn ở Yên-bái, có nhiều tên cách-mệnh giúp sức. Đại-úy* Jourdan, *Thiếu-úy* Robert, *viên chánh-quản* Cuneo, *viên đội* Damour *và* Chevalier *bị giết chết; Đại-úy* Gainza. *Thiếu-úy* Reul, *viên chánh-đội* Bouhie, Renaudet, *viên chánh-quản* Trottoux *bị thương nặng. Đồng-thời, tỉnh Hưng-hóa và phủ Lâm-thao bị quân cách-mệnh đánh phá. Ngày 11 viên đội cảnh-sát* Saint-Genis *bị một phát súng lục, hưng-thủ là Lương Ngọc-Tôn bị bắt sau khi bắn chết 2 người lái đò ở gần Thanh-trì. Tối hôm 11 quân cách-mệnh ném « bom » ở Hà-nội, sáng đại-bác bắn, kèn động thổi, các công-sở đều có lính gác. Ông giáo Nguyễn Văn-Kinh dạy trường Hưng-hóa bị ám-sát. Ngày 12 làm lễ cất đám các người bị nạn ở Yên-bay, quan Toàn-quyền có lên đi đưa. Quan cai-trị* Poullet Osier *được cử điều-tra các công-việc biến-loạn, 25 người dân và 26 người lính khố đỏ bị bắt. Trong đêm hôm ấy, bắt được ở Nam-sách (Hải-dương) sáu người mang « bom ». Ngày 15, quân cách-mệnh đánh huyện-lỵ Vĩnh-bảo (Hải-dương) và giết viên tri-huyện Hoàng Gia-Mô. Ngày 16, năm chiếc phi-cơ ném « bom » xuống làng Cổ-am là nơi sào-huyệt của bọn phiến-động. Buổi tối bọn phiến-loạn đánh phá huyện-lỵ Phụ-dực (Thái-bình); bắt nhiều người ở các nơi, tìm được 60 quả « bom » ở Kiến-an. Ngày 18 toán quân* Moguez *đi tuần ở các miền biến-động. Ngày 19, một quả « bom » nổ ở nhà thờ Đông-thành (Thái-bình) một người bị chết và hai người bị thương. Ngày 20 bắt Phó Đức-Chính ở Sơn-tây. Ngày 21 báo* France-Indochine *mở cuộc lạc-quyên cho các gia-quyến người bị nạn ở Yên-bay. Nhiều người bị bắt trong số ấy có Nguyễn Văn-Nho em Nguyễn Thái-Học. Cách mấy hôm sau Nguyễn Thái-Học lĩnh-tụ Việt-Nam Quốc-dân-đảng cũng bị bắt ; tìm thấy 800 quả « bom » ở Xuân-dương (Phú-thọ) và 27 quả « bom » ở Nội-viên (Bắc-ninh).*

Ở Pháp ngày 17 Nội-các TARDIEU *từ-chức, ngày 21 Nội-các* CHAUTEMPS *thành-lập, đến ngày 25 bị đổ. Ngày 21 ở Long-châu có loạn, quan lính-sự Pháp phải về biên-giới, hai giáo-sĩ* BARRIÈRE, MAILLOT *và viên kiểm-soát thương chính* O'KELLY *bị bắt cóc. Ngày 28 hội-đồng Đề-hình họp ở Yên-báy tuyên-án 13 người bị tử-hình và nhiều người bị khổ-sai chung-thân.*

Tháng ba. — *Ngày mồng một tìm thấy 86 quả « bom » ở Kiến-an. Ngày mồng ba Hội-đồng bảo-hộ bác đơn chống án của những người bị tử-hình. Ngày mồng bảy Đại-úy* BARONNA *ngã tàu bay bị chết ở biên-giới, đại-úy* AUCLER *bị thương và bị bọn thổ-phỉ Trung-hoa bắt cóc. Ngày mồng ba vua Ai-lao đến Hà-nội. Ngày 16 Đại-úy* AUCLER *được tha phải chuộc 2 vạn đồng. Trong hôm ấy lại tìm được 200 quả « bom » ở Thiệu-hưng (Bắc-giang). Ngày 17 bắt được ba khẩu súng lục ở Lạch-tray (Hải-phòng). Ngày 19 Bác-sĩ* VORONOFF *diễn-thuyết ở Hà-nội. Ngày 25 nhà chớp bóng Chợ-lớn bị cháy, có một người chết và nhiều người bị thương. Ngày 26 Hội-đồng Đề-hình họp ở Yên-báy tuyên-án 39 người bị tử-hình, trong số ấy có Nguyễn Thái-Học và Phó Đức-Chính.*

Ở Pháp ngày mồng bảy Nội-các TARDIEU *thành-lập. Nghị-viện bàn về tình-hình biến-động ở Đông-dương.*

Trong tháng ấy quan ROBIN *được thưởng tam-hạng Bắc-đẩu bội-tinh.*

Tháng tư. — *Ngày mồng một mỏ than Hongay mất 32 viên « cốt-min ». Ngày 23 viên thanh-tra Phạm Thanh-Dương bị mưu-sát. Ngày 17 đường xe-lửa Huế - Tourane bị phá-hủy, có nhiều người bị thương.*

Ngày 11 báo France-Indochine *đặt tiệc mừng tác-giả quyển « kilomètre 83 ». Ngày mồng mười làm lễ khánh-thành đường vô-tuyến-điện-thoại Sài-gòn — Paris. Ngày 15 lạc-quyên của nhà báo* France Indochine *liễu-kết, thu được 10.185 đồng. Ngày 16 trích trong công-quĩ 6 vạn đồng để mua gạo chẩn-cấp cho người bị nạn bão về hồi tháng* Juillet *năm ngoái.*

Tháng năm. — *Ngày mồng một ở Hà-nội không xảy ra việc gì rắc-rối. Ở Thái-bình có cuộc biểu-tình dữ-dội, quan Công-sứ bắn một người bị thương. Ở Bến-thủy, cuộc biểu-tình lại dữ-dội hơn, lính khố xanh bắn chết 5 người và có 14 người bị thương. Ở Quảng-yên đảng cộng-sản phá-hủy các đường sắt mỏ. Ở Chợ-lớn 250 thợ điện đình-công. Quan Thống-lĩnh ân-giảm cho 9 phạm-nhân khỏi tội tử-hình. Ngày mồng 5 Văn Léon Sanh bị tình-nghi trong vụ ám-sát ông* BAZIN *được trắng án. Ở Thanh-chương (Vinh) xảy ra việc phá đồn-điền Viễn-ký. Ngày mồng 8 chém các phạm-nhân không được ân-xá ở Yên-báy. Ngày mồng 9 Ký-Con trưởng ban ám-sát Việt-Nam Quốc-dân-đảng bị bắt. Ngày 26 Hội-đồng đề-hình họp ở Phú-thọ, tuyên-án 10 người bị xử-tử. Ngày 31 ông Nguyễn Bình đốc-công coi việc phát lương cho các viên-chức tòng-sự ở sở Lục-lộ bị ám-sát và bị cướp mất một vạn bạc tiền lương.*

Ở Pháp, quan Giám quốc DOUMERGUE *sang* Algérie *dự lễ kỷ-niệm bách-chu niên. Ngày 18 nước Pháp triệt binh ở quận* Rhénanie *về. Ngày 24, học-sinh Việt-Nam biểu-tình trước điện* Elysée, *12 người bị bắt.*

Ở Ấn-độ hôm mồng sáu, ông GANDHI *bị bắt.*

Ở Diến-điện hôm mồng bảy có cuộc động đất, 400 người bị chết. Ngày 13 ở Ba-tư cũng có động đất 5.000 người bị chết.

Tháng sáu. — *Trong tháng này phong-trào cộng-sản sôi nổi hơn trước. Ngày mồng một có nhiều cuộc biểu-tình ở Sadec và Cần-thơ trong Nam-kỳ. 13 người Việt-Nam biểu-tình ở* Mur des Fédérés *tại* Paris *bị bắt và đuổi về Đông-dương. Trong hôm ấy ở Bắc-kỳ*

có cuộc bầu các ông nhân-dân đại-biểu Ngày mồng năm trong Nam-kỳ lại xảy ra nhiều cuộc biểu-tình, có nhiều người chết và bị thương. Ngày mồng 9 Ngô Gia-Tự lĩnh-tụ cộng-sản, bị tòa án Bắc-ninh xử-tử vắng mặt bị bắt ở Nam-kỳ. Ngày 17 chém 13 người cách-mệnh ở Yên-báy. Ngày 18 có giấy bổ Thống-soái BILLOTTE *sang Đông-dương. Ngày 20 một người lính «sen-đầm» bắt được một tại buôn súng lậu ở Cao-bằng. Trong hôm ấy cô Giang tự-tử ở làng Nguyễn Thái-Học. Ngày 29 Nguyễn Văn-Tấn bắn chết ông Phủ-Trọng ở đồn-điền Phú-thụy.*

Ở Pháp hôm 11 hội Hàng-không tặng phi-công COSTES *một cái kim bội-tinh đại-hạng. Ngày 25 phi-công* KINGSIRERT SMITH *bay qua Đại-tây-dương từ tây sang đông có ghé đậu ở đảo* Terre Neuve.

Tháng bảy. — *Bọn cách - mệnh thường ẩn-núp ở các nước lân-cận, hôm mồng ba hai người cộng-sản lợi-hại Việt-Nam là Lư Khai-Hồng và Đặng Cảnh-Thanh bị bắt ở Xiêm-la. Trong ngày ấy viên đội cảnh-sát* SAINT-GÉNIS *được gắn bội-tinh. Ngày mồng 10 Lê Hữu-Cảnh thủ-phạm trong việc ám-sát Nguyễn-Bình và ba người đồng-phạm bị bắt. Ngày 15 tòa báo* Tribune Indigène *ở Sài-gòn bị bọn Cộng-sản phá. Ngày 17 có bảy trăm người biểu-tình ở huyện Nhân-hòa (Nha-trang). Ngày 17 một người mật-thám bắt được một cái cặp trong đựng 7 khẩu súng lục và 775 viên đạn. Ngày 28 Tô Thúc-Dịch âm-mưu ám-sát quan Tổng-đốc Thái-bình Vi Văn-Định bị bắt. Ngày mồng 5 có chỉ-dụ lập Đông-dương Mễ-cục. Ngày mồng 7 tăng thuế rượu lên 30%. Ngày 12 quan Phạm Văn-Thụ thượng-thư trí-sĩ tạ-thế. Ngày 23 quan Thống-sứ* ROBIN *ra nghị-định khai-khẩn bãi bể. Ở Âu-châu ngày mồng 7 nhà trước-thuật* CONAN DOYLE *nước Anh tạ-thế. Ở* Berlin *ngày* 18 Juillet *Nội-các đổ. Ở nước Ý ngày 23 có cuộc động đất, hơn 1000 người chết. Ở nước Đức cầu* COBLENTZ *đổ trong dịp làm lễ kỷ-niệm cuộc giải-phóng quân* Rhénanie.

Tháng tám. — *Từ ngày mồng 6 đến ngày mồng 10, hội-đồng đề-hình họp ở Hà-nội, xử 154 người cách-mệnh, tuyên án 12 người bị tử-hình và nhiều người bị phát-lưu chung-thân. Ngày 17 ở Hà-khẩu, 2 người Trung-hoa đâm chết 2 người làm việc ở sở Hỏa-xa Vân-nam. Ngày 25 Thống-soái* BILLOTTE *tới Hà-nội.*

Bên Pháp hôm mồng một ông FLORIMOND BONTE *chủ-bút tờ báo* Humanité *bị bắt.*

Tháng chín. — *Ngày mồng một 2000 người biểu-tình đến phá huyện-lỵ Nam-đàn (Vinh). Ngày mồng 2 ở Thanh-chương và Thanh-quả (Vinh) lại có biểu-tình. Ngày mồng 7 khám ra một cơ-quan cộng-sản ở gần Giám, (Hà-nội), 2 người cách-mệnh bị bắn chết, hai người mật-thám ta bị thương. Ngày mồng 9 ở Vinh và Hà-tĩnh có nhiều cuộc biểu-tình quan-trọng, tầu bay ném «bom», lính «Lê-dương» và lính khố-xanh đi tuần-tiễu, có nhiều người chết. Ngày 25 ông Phạm Huy-Lục được bầu làm nghị-trưởng viên Nhân-dân đại-biểu Bắc-kỳ.*

Trong tháng này ở Pháp hai phi-công COSTES *và* BELLONTE *bay qua Đại-tây-dương.*

Tháng mười. — *Ngày mồng 2 bắt được 1 thùng thuốc nổ dưới thuyền. Ngày mồng 7, mồng 8 ở Vinh có biểu-tình, nhiều người bị bắn chết. Ngày 21 ở Tiền-hải (Thái-bình) cũng xảy ra cuộc biểu-tình lưu-huyết. Ngày 15 Đại-Hội-nghị kinh-tế và tài-chính Đông-dương họp hội-đồng. Ngày 18 hội-đồng Chính-phủ họp hội-đồng. Quan* PASQUIER *và* ROBIN *đọc hai bài diễn-văn quan hệ. Ngày 17 ông Đặng Văn-Ngần, nghị-viên thành-phố Hải-phòng và dân biểu Kiến-an thụt mấy vạn đồng bạc «két». Ngày 26 đại-uý* LE BIGOT *bị nạn ô-tô ở Tam-điệp, chết ở nhà thương Đồn-thủy.*

Bên Âu-châu xảy ra cái nạn khinh-khí-cầu R.101 *rất ghê-gớm, có 50 người chết, trong số ấy có quan Tổng-trưởng bộ Hàng không nước Anh tên là* THOMPSON.

Tháng mười một. — *Ngày mồng 1, bọn cộng sản đốt hai cái cổng lập ra để đón quan Toàn-quyền Nam-dương quần-đảo. Ngày 15 hội-đồng Đề-hình họp ở Hải-dương, tuyên-án 6 người bị tử-hình. Ngày 22 chém 5 người chính-trị-phạm ở Phú-thọ.*

Từ ngày 4 đến ngày 6 có cuộc nghênh-tiếp quan Toàn-quyền Nam-dương quần-đảo. Ngày mồng 6 ở Côn-đảo có bão lớn, hơn 100 phạm-nhân bị chết. Ngày 13 hai phi-công GOULETTE *và* LALOUETTE *đến Sài-gòn. Ngày 25 quan Toàn-quyền xuống Hải-phòng định đáp tàu* Claude Chappe, *không may máy hỏng, ngài phải đo đường bộ vào Sài-gòn.*

Ở Âu-châu tình-hình kinh-tế khủng-hoảng, hai nhà Ngân-hàng Oustric *và* Havre *phải vỡ nợ. Ngày 13 ở thành-phố* Lyon *nhà đổ, có nhiều người chết. Từ ngày 23 cho đến 25 ở Pháp và ở Bỉ có giông-tố. Ngày 26 ở Nhật-bản có động đất, chết 223 người. Ngày 18 Nghị-viện nước Pháp đầu-phiếu cuộc công-thải thuộc-địa.*

Tháng mười hai. — *Ngày mồng một quan Toàn-quyền* PASQUIER *cưỡi tàu bay về Pháp, do hai phi-công* GOULETTE *và* LALOUETTE *cầm máy. Ngày mồng 7 ngài tới* Marseille. *Ngày mồng 8 ở Vinh có biểu-tình, lính «Lê-dương» bắn, có 12 người chết. Ngày 12 Nguyễn Văn-Nghĩa can việc giết chết hai người Nam ở phố* Takou *bị kết án xử tử. Ngày 14 quan quyền Toàn-quyền* ROBIN *đến Vinh bàn kế hoạch tiễu-trừ phong-trào Cộng-sản. Ngày 20 một người cai lính khố-xanh ở Hòa-bình rủ 15 người tù ăn cướp 5 khẩu súng rồi bỏ trốn, được mấy hôm bọn ấy đều bị bắt cả.*

Ở Pháp ngày mồng 4 Nội-các TARDIEU *bị đổ. Ngày mồng 8 ông* BARTHOU *từ chối việc tổ-chức Nội-các. Ngày 11 ông* PIERRE LAVAL *cũng phải từ chối. Ngày 14 ông* STEEG *từ-chức xong Nội-các. Ngày 16 ông* POINCARÉ *đau. Ngày 28 bệnh tình Thống-chế* JOFFRE *kịch-phát.*

Đây là kể qua những việc quan-trọng xảy ra trong năm 1930, xem ra nhiều thiên-tai và nhân-sự rắc-rối, mong rằng sang năm 1931 này trong nước và trong thế-giới được thái-bình hơn.

(*Trích* Báo Đông Pháp)

Giới-thiệu sách mới

Quả dưa đỏ tái-bản. — *Quả dưa đỏ* là một bộ phiêu-lưu tiểu-thuyết, của ông Nguyễn Trọng-Thuật soạn ra, đã đăng trong bản chí và đã được giải thưởng văn-chương hội Khai-trí-tiến-đức năm 1925. Bộ tiểu-thuyết này tả một người đời Hùng-vương có can-đảm mạo-hiểm, bắt đầu tìm ra được giống dưa đỏ ở ngoài hoang-đảo, thực là : *Hải-nam quê thiếp nghìn trùng, trời sinh phận gái má hồng răng đen ; Việt-nga hai chữ là tên.* Khi mới ra đời đã được nhiều người hoan-nghênh, nay tái-bản có sửa-sang lại kỹ-càng đẹp-đẽ, đã có văn-chương lại có mĩ-thuật, thì cái sự-tích cô Việt-nga trong truyện này lại càng thêm giá-trị. Bán tại hiệu Nam-hưng thư-quán số 28 phố hàng Mành Hà-nội và các cửa hàng sách. Giá 0p. 75.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào ; ở xa tiền cước ngoài).

Đã xuất-bản :

1. — Văn-minh luận — 4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris — 4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp — 4 hào.
4. — L'idéal du Sage — 4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp.
   Quyển thứ I — 4 hào.
   Quyển thứ II — 5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết — 4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới — 4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois — 4 hào.

Mới xuất-bản :

9. — **Lịch-sử và học-thuyết** VOLTAIRE — 4 hào.

Sắp xuất-bản :

10. — Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ hai).